



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU TRUNG QUỐC
TS. HOÀNG THẾ ANH (*Chủ biên*)

XÃ HỘI TRUNG QUỐC TRONG QUÁ TRÌNH TRỞI DẬY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO VIỆT NAM

(Sách tham khảo)



NHÀ XUẤT BẢN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU TRUNG QUỐC

TS. HOÀNG THẾ ANH
(*Chủ biên*)

**XÃ HỘI TRUNG QUỐC
TRONG QUÁ TRÌNH TRỖI DẬY
VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO VIỆT NAM**
(*Sách tham khảo*)

NHÀ XUẤT BẢN TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA

Các thành viên tham gia

HOÀNG THẾ ANH

PHÙNG THỊ HUỆ

NGUYỄN MAI PHƯƠNG

NGUYỄN THANH GIANG

PHẠM NGỌC THẠCH

ĐÀO DUY ĐẠT

MỤC LỤC

	Trang
LỜI GIỚI THIỆU BỘ SÁCH	11
LỜI NÓI ĐẦU	15

Chương I

CƠ SỞ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TRUNG QUỐC 10 NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI	19
---	----

I. Phát triển kinh tế và cải cách theo hướng thị trường lôi kéo sự phát triển xã hội ở Trung Quốc 10 năm đầu thế kỷ XXI	20
1. Cơ cấu dân số và gia đình	24
2. Thay đổi về cơ cấu tổ chức xã hội	29
3. Thay đổi về cơ cấu việc làm, cơ cấu phân phối thu nhập và cơ cấu tiêu dùng	31
4. Thay đổi về cơ cấu phân tầng xã hội	40
5. Thay đổi về cơ cấu vùng miền	44
6. Thay đổi về cơ cấu thành thị và nông thôn	47

II. Nhân tố chính trị, chính sách phát triển và quản lý xã hội nhằm giữ ổn định và phát triển xã hội của Trung Quốc	51
1. Nhân tố chính trị	51
2. Chính sách phát triển, quản lý xã hội	54

TS. HOÀNG THẾ ANH (*Chủ biên*)

III. Chính sách dân tộc duy trì sự ổn định xã hội	64
1. Khái quát chung về chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ Trung Quốc	64
2. Một số giải pháp giữ vững ổn định ở khu vực dân tộc thiểu số	75
IV. Những vấn đề bất ổn trong xã hội Trung Quốc 10 năm đầu thế kỷ XXI	80
1. Bất ổn xã hội dâng sau sự phát triển kinh tế và kinh tế thị trường	80
2. Những vấn đề đặt ra trong hệ thống quản lý xã hội, ảnh hưởng xấu đến phát triển xã hội	91
3. Vấn đề dân tộc ảnh hưởng xấu đến ổn định và phát triển xã hội ở Trung Quốc	98
4. Những bất ổn từ bên ngoài ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển xã hội Trung Quốc	113
5. Văn hóa truyền thống và làn sóng văn hóa ngoại lai ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển xã hội Trung Quốc	116

Chương II

XU THẾ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

118

I. Những nhân tố tác động đến xã hội Trung Quốc giai đoạn 2011 - 2020	120
1. Bối cảnh quốc tế tác động đến xã hội Trung Quốc	120
2. Những nhân tố trong nước tác động đến xã hội Trung Quốc	128

II. Dự báo về xu hướng phát triển xã hội Trung Quốc trong giai đoạn 2011 - 2020	146
1. Xu hướng thay đổi cơ cấu xã hội Trung Quốc giai đoạn 2011-2020	147
2. Triển vọng vấn đề dân sinh	162
3. Triển vọng về vấn đề hài hoà trong phát triển	180
4. Xu thế vấn đề dân tộc và ảnh hưởng của nó tới sự phát triển của Trung Quốc	189
III. Dự báo về lĩnh vực quản lý xã hội của Trung Quốc giai đoạn 2011 - 2020	197
1. Tăng cường chức năng dịch vụ xã hội của nhà nước	198
2. Phát huy vai trò quản lý xã hội của khu dân cư	204
3. Nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm tra giám sát	208
4. Tiến hành một số cải cách mới trong quản lý xã hội	217

Chương III

DỰ BÁO MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM TỚI ĐÂY	222
---	------------

I. Xu thế thay đổi kết cấu xã hội của Việt Nam trong những năm tới đây	222
1. Về cơ cấu dân số, cơ cấu gia đình	224
2. Về cơ cấu việc làm, cơ cấu phân phối thu nhập và cơ cấu tiêu dùng	234
3. Về cơ cấu phân tầng xã hội	245
4. Về cơ cấu thành thị - nông thôn	250

TS. HOÀNG THẾ ANH (*Chủ biên*)

II. Dự báo phát triển dân sinh ở Việt Nam trong những năm tới đây	255
1. Cơ chế chính sách an sinh xã hội	255
2. Đối tượng tham gia và thụ hưởng chính sách	263
3. Nguồn quỹ đầu tư và sử dụng cho phát triển xã hội	287
III. Những vấn đề đặt ra trong quản lý xã hội đối với Việt Nam trong những năm tới	297
IV. Vấn đề dân tộc đặt ra đối với Việt Nam trong những năm tới	304
KẾT LUẬN	310
1. Xã hội Trung Quốc trong quá trình trở dậy 20 năm đầu thế kỷ XXI	310
2. Dự báo về xu hướng và những vấn đề đặt ra đối với phát triển xã hội Việt Nam trong những năm tới đây	316
TÀI LIỆU THAM KHẢO	330

MỤC LỤC BẢNG BIỂU

	Trang
Bảng 1.1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc, EU, Mỹ, Nhật, Ấn Độ, Nga	21
Bảng 1.2: Xếp hạng tổng lượng GDP của Trung Quốc trên thế giới	22
Bảng 1.3: Chỉ số phát triển con người của Trung Quốc so sánh với thế giới và khu vực	23
Bảng 1.4: Tình hình thay đổi dân số sinh, tỷ lệ tăng trưởng dân số tự nhiên	25
Bảng 1.5: Cơ cấu tuổi tác dân số Trung Quốc	26
Bảng 1.6: Sự phát triển của các tổ chức xã hội công dân Trung Quốc	30
Bảng 1.7: Tỷ trọng số lao động làm việc trong các nhóm ngành nghề	33
Bảng 1.8: Hệ số Engel của gia đình cư dân thành thị và nông thôn	37
Bảng 1.9: Tỷ lệ tiêu dùng dân cư chiếm trong GDP các năm	
Bảng 1.10: Tỷ lệ GDP của các vùng miền trong tổng GDP của cả nước	46
Bảng 1.11: Tỷ lệ dân số thành thị và nông thôn của Trung Quốc từ 2000 - 2010	39
Bảng 1.12: Chính sách phát triển xã hội của Trung Quốc được đưa ra trong những năm gần đây	46
Bảng 1.13: Những chủ trương, quan điểm của Đảng Cộng sản Trung Quốc về quản lý xã hội từ sau Đại hội XVI (2002) đến nay	59

TS. HOÀNG THẾ ANH (*Chủ biên*)

Bảng 2.1: Độ tuổi của lãnh đạo Đảng tại các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương trước thêm Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc	130
Biểu đồ 2.1: Thay đổi cơ cấu tuổi dân số ở Trung Quốc (2000 - 2030)	149
Bảng 2.2: Dự báo tình hình đô thị hóa của Trung Quốc đến năm 2020	153
Bảng 2.3: Thay đổi cơ cấu việc làm Trung Quốc đến năm 2020	158
Bảng 3.1: Tỷ trọng dân số theo nhóm tuổi, tỷ số phụ thuộc và chỉ số già hóa các năm 1979, 1989, 1999 và 2009 ở Việt Nam	226
Bảng 3.2: Dự báo cục diện thay đổi dân số một số nước ở châu Á	228
Bảng 3.3: Đặc điểm của gia đình Việt Nam	232
Bảng 3.4: Tỷ trọng số lao động làm việc trong các nhóm ngành nghề ở Việt Nam	235
Bảng 3.5: Tốc độ tăng dân số và tỷ lệ dân số thành thị và nông thôn ở Việt Nam	252
Bảng 3.6: So sánh mức hưởng và thời gian hưởng bảo hiểm thất nghiệp của Việt Nam và Trung Quốc	270
Bảng 3.7: So sánh cơ cấu lao động có việc làm phân theo thành phần kinh tế và theo vùng miền ở Việt Nam và Trung Quốc năm 2010	284
Bảng 3.8: So sánh cơ cấu chi ngân sách nhà nước cho một số hạng mục dân sinh giữa Việt Nam và Trung Quốc năm 2009	291
Bảng 3.9: Tỷ trọng an sinh xã hội trong thu ngân sách nhà nước ở Trung Quốc	293

LỜI GIỚI THIỆU BỘ SÁCH **"SỰ TRỖI DẬY CỦA TRUNG QUỐC** **VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO VIỆT NAM"**

Bạn đọc thân mến!

Trong hai năm 2011 - 2012, Viện Nghiên cứu Trung Quốc được Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam - nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam giao chủ trì một Chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ nhan đề: *"Sự trỗi dậy của Trung Quốc giai đoạn 2011 - 2020 và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam"*, gồm 8 đề tài nhánh. Mục tiêu của Chương trình là nghiên cứu, phân tích sự trỗi dậy của Trung Quốc trong thời gian qua và dự báo xu thế của nó đến năm 2020; đồng thời đề xuất những kiến nghị nhằm giải quyết những vấn đề đặt ra mà Việt Nam gặp phải và xử lý trước sự trỗi dậy hay phát triển của nước này.

Sau 2 năm triển khai, ngoài sự nỗ lực của bản thân đội ngũ cán bộ khoa học của Viện, chúng tôi còn nhận được sự cộng tác nhiệt tình của đông đảo các nhà nghiên cứu thuộc những lĩnh vực khác nhau trong và ngoài Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Nhờ vậy, các đề tài nhánh thuộc Chương trình đã hoàn thành đúng tiến độ, qua nghiệm thu đều đạt chất lượng khá trở lên.

TS. HOÀNG THẾ ANH (*Chủ biên*)

Nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Viện Nghiên cứu Trung Quốc (15/09/1993 - 15/09/2013) và hướng tới kỷ niệm 60 năm Ngày truyền thống của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (02/12/1953 - 02/12/2013), Viện Nghiên cứu Trung Quốc và Nhà xuất bản Từ điển bách khoa phối hợp tổ chức biên tập và xuất bản Bộ sách này, nhằm mục đích cung cấp tài liệu tham khảo cho bạn đọc.

Để thuận tiện cho việc theo dõi, Bộ sách được chia thành 8 quyển - vừa thể hiện tính độc lập tương đối, vừa có mối liên hệ mật thiết với nhau, qua đó góp phần nhận diện một cách tương đối toàn diện về sự trỗi dậy của Trung Quốc trên các lĩnh vực khác nhau và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam:

Quyển I nhan đề *"Sự trỗi dậy về Kinh tế của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam"* do PGS.TS Nguyễn Kim Bảo làm Chủ biên;

Quyển II nhan đề *"Sự trỗi dậy về Quân sự của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam"* do TS. Đỗ Minh Cao làm Chủ biên;

Quyển III nhan đề *"Sự trỗi dậy về Sức mạnh mềm của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam"* do TS. Nguyễn Thu Phương làm Chủ biên;

Quyển IV nhan đề *"Xã hội Trung Quốc trong quá trình trỗi dậy và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam"* do TS. Hoàng Thế Anh làm Chủ biên;

Quyển V nhan đề *"Chính trị Trung Quốc trong quá trình trỗi dậy và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam"* do GS.TS Đỗ Tiến Sâm làm Chủ biên;

Xã hội Trung Quốc trong quá trình trỗi dậy...

Quyển VI nhan đề *"Quan hệ 'Hai bờ bốn bên' trong quá trình trỗi dậy của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam"* do TS. Vũ Thùy Dương làm Chủ biên;

Quyển VII nhan đề *"Ngoại giao Trung Quốc trong quá trình trỗi dậy và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam"* do TS. Lê Văn Mỹ làm Chủ biên;

Quyển VIII nhan đề *"Quan hệ Việt - Trung trước sự trỗi dậy của Trung Quốc"* do TS. Nguyễn Đình Liêm làm Chủ biên.

Nhân dịp này, với tư cách Chủ nhiệm Chương trình và Tổng Chủ biên Bộ sách *"Sự trỗi dậy của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam"*, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới GS.TS Đỗ Hoài Nam - nguyên Chủ tịch Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã tin tưởng và giao cho Viện Nghiên cứu Trung Quốc chủ trì Chương trình nghiên cứu nêu trên; xin chân thành cảm ơn GS.TS Nguyễn Xuân Thắng - Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam - đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu cấp Bộ các đề tài nhánh thuộc Chương trình, đã có những ý kiến đánh giá, nhận xét và gợi mở quý báu để tập thể tác giả bổ sung hoàn thiện. Tôi cũng xin cảm ơn cán bộ viên chức Nhà xuất bản Từ điển bách khoa trong một thời gian ngắn đã có những gợi ý và chia sẻ nhiều ý tưởng hay giúp cho Bộ sách không chỉ đảm bảo về tiến độ, mà còn nâng cao chất lượng hơn về nội dung và đẹp hơn về hình thức trình bày. Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn đặc biệt đến tập thể tác giả gồm các nhà khoa học, chuyên gia nghiên cứu trong và ngoài Viện, các Chủ nhiệm, đồng Chủ nhiệm đề tài, Chủ biên các đầu sách, sau 2 năm lao động miệt mài với nhiều

TS. HOÀNG THẾ ANH (*Chủ biên*)

tâm huyết, vượt qua nhiều khó khăn trở ngại để hoàn thành đề tài, sau đó lại tiếp tục bổ sung và hoàn thiện công trình nghiên cứu để xuất bản.

Chúng tôi biết rằng, sự trỗi dậy của Trung Quốc đã và đang thu hút sự quan tâm của dư luận quốc tế và Việt Nam. Vì vậy, từ nhiều nguồn thông tin khác nhau - mỗi Bạn đều đã có những nhận xét đánh giá của riêng mình về sự trỗi dậy của nước này. Tôi mong các Bạn dành chút thời gian quý báu đọc Bộ sách, biết đâu có thêm được thông tin, làm nảy sinh những ý tưởng mới khi tiếp cận, nhận diện về sự trỗi dậy của Trung Quốc, qua đó gợi mở những suy nghĩ về giải bài toán phát triển của Việt Nam trong bối cảnh mới, nhằm đưa đất nước ta sánh vai với các cường quốc năm châu như Bác Hồ hằng mong muốn.

Xin trân trọng cảm ơn và giới thiệu Bộ sách với Bạn đọc, rất mong nhận được ý kiến đóng góp phê bình của các Bạn.

Hà Nội, Ngày 15 tháng 8 năm 2013

Người giới thiệu

GS.TS ĐỖ TIẾN SÂM

**Viện trưởng Viện Nghiên cứu Trung Quốc
Chủ nhiệm Chương trình, Tổng Chủ biên Bộ sách**

LỜI NÓI ĐẦU

Sau hơn 30 năm cải cách mở cửa, kinh tế phát triển nhanh chóng đã làm cho sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc không ngừng tăng lên. Ở một chừng mực nào đó, Trung Quốc đã thực sự trỗi dậy và có tầm ảnh hưởng nhất định đến thế giới. Nhìn vào biểu hiện của sự trỗi dậy của Trung Quốc, người ta có thể dễ dàng thấy được là tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới, tổng lượng kinh tế đứng thứ hai trên thế giới, đời sống của người dân không ngừng được cải thiện, tiềm lực quân sự ngày càng lớn mạnh, sức mạnh mềm không ngừng được tăng lên, v.v... Nhưng đằng sau sự trỗi dậy này mức độ phát triển xã hội như thế nào là một nhân tố quan trọng có ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến sự trỗi dậy của Trung Quốc.

Việt Nam là nước láng giềng có nhiều điểm tương đồng với Trung Quốc, trong bối cảnh toàn cầu hoá, khu vực hoá hiện nay, Việt Nam cũng gặp phải các vấn đề Trung Quốc

đã và đang trải qua. Do vậy việc nghiên cứu, đánh giá về mức độ phát triển, cũng như những hạn chế trong lĩnh vực xã hội của Trung Quốc tại thời điểm hiện nay, từ đó so sánh đối chiếu với thực trạng phát triển xã hội của Việt Nam để dự báo, cảnh báo những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong những năm tới là việc làm cần thiết.

Xuất phát từ tư duy này, đặt sự phát triển xã hội của Trung Quốc trong bối cảnh Trung Quốc trỗi dậy, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, tập thể tác giả tiếp cận nghiên cứu xã hội với nghĩa hẹp, là một nhánh trong tổng thể xã hội lớn của một quốc gia. Coi lĩnh vực xã hội là một trong những thành tố của xã hội lớn, tách rời với kinh tế, văn hóa, chính trị. Trong đó, những lĩnh vực chính trong phát triển xã hội là sự thay đổi kết cấu xã hội, hệ thống an sinh xã hội, việc làm, xóa đói giảm nghèo, giáo dục, y tế, v.v... Đồng thời, việc nghiên cứu, đánh giá về sự phát triển xã hội Trung Quốc còn được tiếp cận từ góc độ cải cách phát triển tạo nên sự thay đổi xã hội ở Trung Quốc, xã hội chịu ảnh hưởng của hội nhập quốc tế, thay đổi tư duy chính sách, cải cách chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, nội bộ dân tộc.

Tập thể các tác giả chủ yếu dựa vào nguồn tư liệu đã có, niên giám thống kê các năm của Trung Quốc, kết hợp với việc tham khảo ý kiến các chuyên gia trong và ngoài nước tiến hành so sánh, phân tích định lượng kết hợp

với định tính về các chỉ tiêu đánh giá mức độ phát triển, nhân tố tác động đến sự phát triển xã hội của Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay.

Để giải quyết được các vấn đề nêu trên, cuốn sách này sẽ tập trung nghiên cứu những nội dung sau: một là, nghiên cứu cơ sở phát triển xã hội Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ XXI; hai là, dự báo xu thế phát triển xã hội của Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ XXI; ba là, từ nghiên cứu Trung Quốc, đối chiếu với thực tiễn phát triển xã hội Việt Nam, dự báo một số vấn đề đặt ra đối với phát triển xã hội Việt Nam trong giai đoạn tới đây.

Đây là cuốn sách được xuất bản trên cơ sở đề tài "Xã hội Trung Quốc trong quá trình trỗi dậy giai đoạn 2011 - 2020 và những vấn đề đặt ra cho sự phát triển xã hội Việt Nam" thuộc Chương trình Nghiên cứu cấp Bộ 2011 - 2012 "Sự trỗi dậy của Trung Quốc giai đoạn 2011 - 2020 và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam" do GS.TS Đỗ Tiến Sâm làm Chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Trung Quốc là cơ quan chủ trì.

Trong quá trình hoàn thành bản thảo cuốn sách này, thay mặt tập thể tác giả, tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng đến GS.TS Nguyễn Xuân Thắng, PGS.TS Đặng Nguyên Anh, TS. Vũ Tuấn Anh, PGS.TSKH Võ Đại Lược, PGS.TS Phạm Thái Quốc, PGS.TS Phạm Quang Minh, GS.TS Đỗ Tiến Sâm đã đóng góp ý kiến quý báu để cuốn sách có chất lượng cao hơn.

TS. HOÀNG THẾ ANH (Chủ biên)

Cuối cùng, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Nhà xuất bản Từ điển bách khoa đã biên tập, tạo điều kiện để cuốn sách được xuất bản. Mặc dù vậy, cuốn sách này chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Vì vậy, chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc, để chúng tôi tiếp tục đi sâu nghiên cứu.

Thay mặt tập thể tác giả

TS. HOÀNG THẾ ANH

CHƯƠNG I

CƠ SỞ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TRUNG QUỐC

10 NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

Trong thời gian hơn hai mươi năm đầu cải cách mở cửa (1978 - 2000), Trung Quốc luôn đặt nhiệm vụ phát triển kinh tế lên hàng đầu, tập trung mọi nguồn lực vào mục tiêu tăng trưởng và nâng cao thu nhập quốc dân. Nhờ đó, nền kinh tế Trung Quốc đã có bước phát triển nhảy vọt với nhiều thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, đằng sau những kỳ tích về kinh tế, nhiều vấn đề xã hội nảy sinh do sự phát triển thiếu đồng bộ, mất cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và xã hội ngày càng bộc lộ rõ nét, tác động tiêu cực đến sự phát triển bền vững của Trung Quốc. Kể từ Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 11 năm 2002) đến nay, quan điểm xuất phát từ xây dựng xã hội để giải quyết các vấn đề và mâu thuẫn xã hội trong quá trình phát triển của Trung Quốc đã trải qua một quá trình hoàn thiện và không ngừng điều chỉnh. Điều này đã tạo điều kiện về mặt xã hội cho sự trỗi dậy của Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ CẢI CÁCH THEO HƯỚNG THỊ TRƯỜNG LÔI KÉO SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI Ở TRUNG QUỐC 10 NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

Trong 10 năm đầu thế kỷ XXI, kinh tế của Trung Quốc tăng trưởng một cách nhanh chóng, đồng thời, Trung Quốc cũng trở thành một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng hàng đầu trên thế giới. Trong giai đoạn 2001 - 2010 bình quân tăng trưởng đạt 10,39%, cao hơn nhiều so với các nước, khu vực phát triển như Mỹ, EU, Nhật, đồng thời cũng cao hơn so với Ấn Độ, Nga thuộc nhóm nước BRICS (xem bảng 1.1)... Năm 2010 tổng lượng kinh tế của Trung Quốc đạt 5.879 tỷ USD, vượt Nhật trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới sau Mỹ¹, năm 2011 tiếp tục giữ vị trí thứ hai thế giới sau Mỹ (xem bảng 1.2).

GDP bình quân đầu người của Trung Quốc cũng không ngừng tăng lên trong 10 năm đầu thế kỷ XXI: năm 2000 GDP bình quân đầu người của Trung Quốc đạt 949 USD, đến năm 2011 tăng lên 5.414 USD, xếp thứ 89 trên thế giới².

1. Trần Giai Quý, Lý Dương (Chủ biên), "*Phân tích tiền cảnh kinh tế Trung Quốc - Báo cáo mùa xuân năm 2011*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, 2011, tr. 47.

2. Năm 2011 GDP bình quân đầu người của Trung Quốc xếp thứ 89 trên thế giới, <http://money.163.com/12/0604/17/8360KMRT00252G50.html>.

**Bảng 1.1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế
của Trung Quốc, EU, Mỹ, Nhật, Ấn Độ, Nga**

Đơn vị: %

Quốc gia và khu vực	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	Bình quân
Trung Quốc	8,3	9,1	10,0	10,1	10,4	12,7	14,2	9,6	9,2	10,3	10,39
EU	2,0	1,3	1,3	2,5	1,6	3,0	2,9	0,5	-4,1	1,8	1,48
Mỹ	0,8	1,6	2,7	4,2	3,2	2,7	2,0	0,0	-2,6	2,8	1,74
Nhật	0,2	- 0,3	1,4	2,7	1,9	2,0	2,4	-1,2	-5,2	4,3	0,82
Ấn Độ	3,9	4,7	7,4	7,3	9,2	9,7	9,9	6,4	5,7	9,7	7,39
Nga	5,1	4,7	7,3	7,2	6,4	8,2	8,5	5,2	-7,9	3,7	4,84

Nguồn: Số liệu 2001 - 2004 trích từ "Báo cáo nhìn lại phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ X: So sánh quốc tế về trình độ phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ X", http://www.stats.gov.cn/tjfx/ztfx/swcj/t20060320_402311598.htm; số liệu 2005 trích từ Phụ lục 2-3 Niên giám thống kê Trung Quốc 2007, <http://www.stats.gov.cn/tjsj/ndsj/2007/indexch.htm>; số liệu 2006 - 2010 trích từ "Báo cáo 17 thành tựu phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ XI: Vị trí quốc tế vững bước nâng cao, ảnh hưởng quốc tế tiếp tục mở rộng", http://www.stats.gov.cn/tjfx/ztfx/sywcj/t20110324_402713791.htm.

Thực chất là trong những năm đầu cải cách Trung Quốc chủ yếu chú trọng đến phát triển kinh tế theo chủ nghĩa GDP, cho đến những năm đầu thế kỷ XXI mới chú trọng đến phát triển xã hội, đặc biệt cùng với sự phát triển kinh tế, trong những năm gần đây Trung Quốc đã tăng cường đầu tư

cho lĩnh vực xã hội. Ví dụ chi tài chính cho phát triển xã hội 10 năm đầu thế kỷ XXI tăng lên, như đầu tư cho an ninh xã hội tăng từ 3,93%/GDP lên 5,96%/GDP. Đầu tư cho giáo dục từ 1,91%/GDP năm 1999 tăng lên 3,13%/GDP năm 2010, đầu tư cho y tế tăng từ 4,51%/GDP năm 1999 lên 5,07%/GDP năm 2010¹. Theo phát ngôn của Bộ trưởng Bộ Tài chính Trung Quốc ngày 7 tháng 3 năm 2011, trong năm 2011 ngân sách tài chính của Chính phủ Trung ương tăng cường đầu tư vào vấn đề dân sinh, chi tài chính cho dân sinh chiếm khoảng 2/3 tổng chi ngân sách tài chính của Chính phủ Trung ương Trung Quốc².

**Bảng 1.2: Xếp hạng tổng lượng GDP
của Trung Quốc trên thế giới**

Năm	2000	2002	2005	2009	2010	2011
Vị trí	6	6	5	3	2	2

Nguồn: Năm 2011 GDP bình quân đầu người của Trung Quốc xếp thứ 89 trên thế giới, <http://money.163.com/12/0604/17/8360KMRT00252G50.html>.

1. Nguyên lý hình thành những khó khăn trong tăng trưởng kinh tế Trung Quốc và chính sách đối phó, Báo cáo chuyên đề quý I năm 2013, <http://ier.ruc.edu.cn>.
2. Năm 2011 chi tài chính cho vấn đề dân sinh chiếm khoảng 2/3 tổng chi ngân sách tài chính của Chính phủ Trung ương Trung Quốc, <http://zz.jxcn.cn/show.asp?id=4896>.

Bảng 1.3: Chỉ số phát triển con người của Trung Quốc so sánh với thế giới và khu vực

Năm	Trung Quốc	Khu vực Đông Á và Thái Bình Dương	Thế giới
2011	0,687	0,671	0,682
2010	0,682	0,666	0,679
2009	0,674	0,658	0,676
2008	0,665	0,651	0,674
2007	0,656	0,642	0,670
2006	0,644	0,631	0,664
2005	0,633	0,622	0,660
2000	0,588	0,581	0,634
1995	0,541	0,544	0,613
1990	0,490	0,498	0,594
1985	0,448	0,463	0,576
1980	0,404	0,428	0,558

Nguồn: UNDP, <http://hdrstats.undp.org/en/countries/profiles/CHN.html>.

Điều này đã dẫn đến các chỉ số về phát triển xã hội ở Trung Quốc cũng không ngừng được nâng cao. Như vậy có thể nói rằng, sự phát triển kinh tế ở Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ XXI đã lôi kéo sự phát triển về mặt xã hội. Đây là nhân tố tích cực ảnh hưởng đến sự phát triển xã hội

Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ XXI, như chỉ số phát triển con người (HDI) của Trung Quốc không ngừng tăng lên, năm 2011 cao hơn cả mức trung bình thế giới và khu vực (xem bảng 1.3).

Đồng thời, phát triển kinh tế và cải cách theo hướng thị trường đã làm cho xã hội Trung Quốc có nhiều thay đổi, như:

1. Cơ cấu dân số và gia đình

Một là, cơ cấu dân số Trung Quốc bắt đầu có những đặc trưng dân số của các nước hiện đại. Trong mười năm đầu thế kỷ XXI, tỷ lệ tăng trưởng dân số bình quân hàng năm của Trung Quốc tăng chậm hơn so với thập niên 90 của thế kỷ trước. Dân số sinh năm 2009 là 16,15 triệu người, tỷ lệ sinh là 12,13‰; số người tử vong là 9,43 triệu người, tỷ lệ tử vong là 7,08‰; tăng thêm 6,72 triệu người, tỷ lệ tăng trưởng tự nhiên là 5,05‰¹. So với tỷ lệ sinh, tỷ lệ tử vong, tỷ lệ tăng trưởng tự nhiên năm 2001 lần lượt là 13,38‰, 6,43‰, 6,95‰ cho thấy tỷ lệ sinh và tỷ lệ tăng trưởng dân số tự nhiên của Trung Quốc đều có xu thế ngày càng giảm đi, tỷ lệ tử vong giữ ở mức thấp là khoảng 7‰ (xem bảng 1.4). Như vậy là cơ cấu dân số của Trung Quốc bắt đầu có những đặc trưng dân số của các nước hiện đại. Không thể phủ nhận đây là kết quả của chính sách kế hoạch hóa gia

1. *Thống kê tình hình kinh tế - xã hội Trung Quốc năm 2009*, http://www.stats.gov.cn/tjgb/ndtjgb/qgndtjgb/t20100225_402622945.htm.

đình mà Trung Quốc thực hiện từ năm 1972 đến nay, song điều này cũng cho thấy, cùng với sự tăng trưởng của kinh tế và việc thúc đẩy công nghiệp hóa, quan niệm sinh đẻ của người dân Trung Quốc đã có sự thay đổi. Đó là, nhiều người dân Trung Quốc ở các thành phố lớn hiện nay có xu thế không muốn đẻ con, thực trạng này cũng giống với các nước phát triển phương Tây.

Bảng 1.4: Tình hình thay đổi dân số sinh, tỷ lệ tăng trưởng dân số tự nhiên

Năm	Tổng dân số sinh (triệu người)	Tổng lượng tăng dân số tự nhiên (triệu người)	Tỷ lệ sinh (‰)	Tỷ lệ tử vong (‰)	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên (‰)
1990	24,08	16,29	21,06	6,67	14,39
1995	20,73	12,71	17,12	6,57	10,55
2001	17,02	8,84	13,38	6,43	6,95
2005	16,17	7,68	12,40	6,51	5,89
2009	16,15	6,72	12,13	7,08	5,05
2011	16,04	6,44	11,93	7,14	4,79

Nguồn: Thống kê tình hình phát triển kinh tế - xã hội nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa các năm, <http://www.stats.gov.cn/tjgb/>.

Hai là, cơ cấu tuổi tác của dân số Trung Quốc ngày càng già đi. Cùng với mức sống của người dân được nâng cao,

TS. HOÀNG THẾ ANH (*Chủ biên*)

cơ cấu tuổi tác của dân số cũng có sự thay đổi nhanh chóng, tình trạng lão hóa dân số thể hiện ngày càng rõ nét. Năm 1990, số dân trên 65 tuổi của Trung Quốc chỉ chiếm 5,6%, năm 2001 đạt 7,1% và đến cuối năm 2011 đã đạt 9,1% (xem thêm bảng 1.5), tỷ trọng dân số trong độ tuổi lao động tăng lên, tỷ trọng dân số trẻ em giảm xuống. Theo tính toán của các nhà khoa học, xã hội Trung Quốc đã bắt đầu bước vào giai đoạn có cơ cấu dân số già.

Bảng 1.5: Cơ cấu tuổi tác dân số Trung Quốc

Đơn vị: %

Năm	Tỷ lệ dân số từ 0 - 14 tuổi	Tỷ lệ dân số từ 15 - 64 tuổi	Tỷ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên
1990	-	-	5,6
2001	22,5	70,4	7,1
2005	20,3	72,0	7,7
2009	18,5	73,0	8,5
2011	16,5	74,4	9,1

Nguồn: Thống kê tình hình phát triển kinh tế - xã hội nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa các năm, <http://www.stats.gov.cn/tjgb/>.

Ba là, tổ chất dân số tăng lên rõ rệt, Trung Quốc thực hiện bước chuyển biến từ một cường quốc về dân số trở thành một cường quốc về nguồn nhân lực. Tổ chất văn hóa của nhân dân Trung Quốc được nâng cao nhanh chóng.

Theo kết quả điều tra dân số lần thứ VI vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 cho thấy, tỷ lệ mù chữ của người dân Trung Quốc giảm từ 6,72% năm 2000 xuống còn 4,08% năm 2010¹. Điều có ý nghĩa đối với công cuộc xóa mù chữ ở Trung Quốc, đáng chú ý là đầu năm 2009 Bộ giáo dục Trung Quốc đã xóa bỏ Vụ giáo dục xóa mù chữ, như vậy cho thấy công tác xóa mù chữ ở Trung Quốc sắp hoàn thành². Dân số có trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông của Trung Quốc năm 1990 là 8%, năm 2007 tăng lên 12,6%; dân số có trình độ cao đẳng, đại học năm 1990 chỉ chiếm 1,4% đến năm 2007 tăng lên 6,2%. Trung Quốc trở thành nước có nền giáo dục cao đẳng, đại học và giáo dục cơ sở có quy mô lớn nhất trên thế giới, đánh dấu Trung Quốc đang thực hiện bước chuyển biến từ một cường quốc về dân số sang cường quốc về nguồn nhân lực.

Bốn là, thay đổi về kết cấu gia đình. Gia đình là tế bào của xã hội, cùng với việc thực hiện chính sách kế hoạch hóa gia đình "mỗi cặp vợ chồng chỉ sinh một con" và những thay đổi về cơ cấu dân số của Trung Quốc, cơ cấu gia đình của Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ XXI cũng có sự thay đổi sâu sắc, các gia đình con một thể hệ thứ hai ngày càng trở nên phổ biến trong các gia đình thành thị Trung Quốc.

1. "Công báo số liệu điều tra chủ yếu dân số cả nước lần thứ VI năm 2010", <http://www.stats.gov.cn/tjsj/pcsj/rkpc/6rp/html/fu03.htm>.

2. "Tình trạng phát triển giáo dục ở Trung Quốc", http://www.gov.cn/test/2011-10/31/content_29930.htm.

Xu hướng biến đổi cơ cấu gia đình của Trung Quốc trong thập niên đầu thế kỷ XXI có các đặc trưng cơ bản sau:

Quy mô gia đình ngày càng nhỏ, cơ cấu gia đình có khuynh hướng đơn nhất hóa, mối quan hệ trong các gia đình đơn giản hóa, số lượng nhân khẩu trong mỗi hộ gia đình ngày càng giảm xuống rõ rệt, năm 2006 trung bình mỗi hộ gia đình Trung Quốc có 3,17 người¹.

Đa dạng hóa các loại hình gia đình, do quan niệm giá trị hôn nhân, tình yêu của người dân Trung Quốc ngày càng đa nguyên hóa và dân số lưu động thành thị nông thôn ngày càng gia tăng, các loại hình gia đình của Trung Quốc cũng xuất hiện xu thế ngày càng đa dạng hóa. Ở thành thị xuất hiện các loại mô hình gia đình như gia đình mà các cặp vợ chồng không chịu sinh con, gia đình "tổ trống" (tức là gia đình chỉ có người già, con cái trưởng thành ra ở riêng hết), gia đình độc thân. Ở nông thôn các loại mô hình gia đình cách thế hệ (ông bà chăm sóc cháu), gia đình phân tán ngày càng gia tăng. Quan hệ gia đình ngày càng bình đẳng, biểu hiện rõ nhất là trong mối quan hệ giữa vợ chồng và giữa các thành viên trong gia đình ngày càng bình đẳng.

Bên cạnh đó, cơ cấu gia đình của Trung Quốc hiện nay cũng có sự thay đổi ở chỗ chức năng kinh tế của gia đình ngày càng được tăng cường. Gia đình là một tổ chức sản xuất

1. Lục Học Nghệ (*Chủ biên*), "*Kết cấu xã hội Trung Quốc đương đại*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, năm 2010.

kinh tế có hiệu quả, ngay từ thời kỳ đầu cải cách mở cửa, ở nông thôn Trung Quốc đã đi đầu thực hiện chế độ khoán sản phẩm đến hộ gia đình, khôi phục hình thức lấy gia đình làm tổ chức sản xuất kinh tế nông nghiệp. Tiếp theo sau đó, ở thành thị cũng cho phép lấy gia đình làm đơn vị kinh doanh cá thể và doanh nghiệp tư nhân, chức năng sản xuất của gia đình được khôi phục nhanh chóng. Do đó đã kích thích được sự nhiệt tình sản xuất của mọi người, ở một chừng mực nào đó đã giải quyết vấn đề việc làm cho người lao động, thúc đẩy phát triển kinh tế.

2. Thay đổi về cơ cấu tổ chức xã hội

Cơ cấu tổ chức xã hội là một hệ thống được xây dựng để phân bổ quyền lực, quyền lợi và nguồn lực xã hội. Kể từ thập niên 90 thế kỷ XX đến nay, cùng với việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường, cơ cấu tổ chức xã hội của Trung Quốc có những thay đổi căn bản, trong đó thay đổi lớn nhất của cơ cấu tổ chức xã hội đó là cùng với sự phân tách và trưởng thành của cơ cấu tổ chức, bố trí nguồn lực và cơ hội cũng diễn ra những thay đổi quan trọng, chức năng tổ chức cũng được điều chỉnh lại. *Một là, chức năng chính phủ đang trong thời kỳ chuyển đổi mô hình, tiến hành điều chỉnh quản lý điều tiết kinh tế - xã hội, bắt đầu chuyển đổi từ mô hình chính phủ "toàn năng" sang mô hình chính phủ phục vụ công. Hai là, các tổ chức xã hội công dân bắt đầu phát triển nhanh chóng, đang phát huy chức năng chính hợp xã hội bên cạnh nhà nước và thị trường. Tổ chức xã hội công*

dân Trung Quốc năm 2007 có khoảng 387.000 đơn vị, trong đó các đoàn thể xã hội là 21.200 đơn vị, đơn vị phi doanh nghiệp dân lập là 174.000 đơn vị, các loại Quỹ là 1.340 đơn vị. Các loại tổ chức đoàn thể xã hội này đã tạo công ăn việc làm cho 4,569 triệu người. Đến năm 2010 số tổ chức xã hội công dân đã tăng lên khoảng 435.000 đơn vị (xem bảng 1.6). Phạm vi nghề nghiệp của các tổ chức xã hội này bao gồm các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, giáo dục, văn hóa, y tế, lao động, dân chính, thể dục thể thao, bảo vệ môi trường, dịch vụ pháp luật, dịch vụ môi giới xã hội, dịch vụ công thương, kinh tế chuyên doanh nông dân. Các tổ chức xã hội công dân này đã phát huy vai trò tích cực trong sự phát triển kinh tế - xã hội của Trung Quốc.

**Bảng 1.6: Sự phát triển
của các tổ chức xã hội công dân Trung Quốc**

Năm	Tổng số tổ chức xã hội công dân (đơn vị)
2000	153.322
2001	210.939
2002	244.509
2003	266.612
2004	289.432
2005	319.762

2006	354.393
2007	386.916
2010	≈ 435.000

Nguồn: Cao Bình Trung, Viên Thụy Quân (Chủ biên), "Sách xanh báo cáo sự phát triển xã hội công dân Trung Quốc, Nxb. Đại học Bắc Kinh, năm 2008. Số liệu năm 2010 trích dẫn từ Nhữ Tín, Lục Học Nghệ, Lý Bồi Lâm (Chủ biên), "Sách xanh xã hội: Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc năm 2012, Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, 2012, tr. 310.

3. Thay đổi về cơ cấu việc làm, cơ cấu phân phối thu nhập và cơ cấu tiêu dùng

Các nhà xã hội học của Trung Quốc như Lý Bồi Lâm phân chia cơ cấu việc làm, cơ cấu phân phối thu nhập và cơ cấu tiêu dùng thuộc loại cơ cấu hoạt động sinh tồn. Trong những năm vừa qua, ba loại cơ cấu này chịu sự thúc đẩy mạnh mẽ của thị trường và đã có những thay đổi đáng kể.

Về cơ cấu việc làm, cơ cấu việc làm là kết cấu xã hội được hình thành trong quá trình bố trí nguồn lực sản xuất, chủ yếu được biểu hiện ở việc bố trí sức lao động trong các khu vực, ngành nghề và vị trí công việc. Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, cơ cấu việc làm của Trung Quốc thể hiện rõ đặc điểm của một *cơ cấu việc làm đang trong quá trình chuyển biến từ một xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp*. Cùng với việc cải cách theo hướng thị trường hóa, người dân Trung Quốc có nhiều quyền lợi và cơ hội tự chủ lựa chọn

việc làm hơn. Mặt khác, do các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp quốc hữu tiến hành cải cách, chủ thể cung cấp việc làm cũng bắt đầu có bước chuyển biến dần từ nhà nước sang các tổ chức doanh nghiệp.

Căn cứ theo số liệu trong *Niên giám thống kê Trung Quốc năm 2000*, tỷ trọng các nhóm ngành nghề khu vực I (nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản), khu vực II (công nghiệp và xây dựng) và khu vực III (dịch vụ) chiếm trong GDP của Trung Quốc lần lượt là 16,4%, 50,2% và 33,4%, tương ứng tỷ trọng việc làm trong các nhóm ngành nghề khu vực I, khu vực II và khu vực III lần lượt là 50%, 22,5% và 27,5%. Số lao động làm việc ở nông thôn là 489,34 triệu người, chiếm 67,9% tổng số lao động; số lao động làm việc ở thành thị là 231,51 triệu người, chiếm 32,1% tổng số lao động (xem bảng 1.7). Những con số trên cho thấy, trong những năm đầu bước sang thế kỷ XXI tỷ lệ lao động làm việc trong nhóm các ngành nghề khu vực I vẫn còn chiếm tỷ trọng rất lớn, số lao động làm việc ở nông thôn rất đông. Đến năm 2010, các chỉ số này đã có sự thay đổi theo hướng phi nông nghiệp hóa, tỷ lệ lao động làm việc trong nhóm ngành nghề khu vực I giảm xuống còn 36,9%, lao động làm việc trong nhóm ngành nghề khu vực II và khu vực III đã tăng lên lần lượt là 28,4% và 34,7%, tỷ lệ lao động, tổng số lao động làm việc trong hai khu vực này đạt 63,1%, với mức trên 60% thì đây là chỉ số cơ cấu việc làm của một quốc gia công nghiệp hóa (xem bảng 1.7).

**Bảng 1.7: Tỷ trọng số lao động
làm việc trong các nhóm ngành nghề**

Đơn vị: %

Năm	Tỷ trọng nhóm ngành nghề khu vực I trong GDP	Tỷ trọng số lao động làm việc trong các ngành nghề khu vực I	Tỷ trọng nhóm ngành nghề khu vực II trong GDP	Tỷ trọng số lao động làm việc trong các ngành nghề khu vực II	Tỷ trọng nhóm ngành nghề khu vực III trong GDP	Tỷ trọng số lao động làm việc trong các ngành nghề khu vực III
2000	16,4	5,0	50,2	22,5	33,4	27,5
2007	11,7	40,8	49,2	26,8	39,1	32,4
2009	10,6	38,1	46,8	27,8	42,6	34,1
2010	10,2	36,9	46,9	28,4	43,0	34,7

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Thống kê tình hình phát triển kinh tế - xã hội nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa các năm và Lục Học Nghệ: "Thay đổi kết cấu xã hội Trung Quốc trong 30 năm cải cách mở cửa, <http://theory.people.com.cn/GB/49154/49156/8531900.html>. Số liệu tỷ trọng việc làm năm 2009 trích từ Hồ An Cương, Yên Nhất Long, Ngụy Tinh - "Trung Quốc năm 2030: Hướng tới cùng giàu có", Nxb. Nhân dân, 2011, tr. 68. Số liệu năm 2010 trích dẫn từ Nhữ Tín, Lục Học Nghệ, Lý Bôi Lâm (Chủ biên), "Sách xanh xã hội: Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc năm 2012", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, 2012, tr. 302.

Bên cạnh đó, cùng với quá trình công nghiệp hóa và thị trường hóa, ở Trung Quốc đã xuất hiện rất nhiều ngành nghề mới, các công việc mới, điều đó đã tạo nên sự đa dạng về nghề nghiệp và việc làm. Ngoài ra, do đời sống người dân được nâng cao hơn, trình độ sức lao động của Trung Quốc cũng tăng lên rõ rệt. Theo số liệu trong Công báo số liệu Tổng điều tra dân số toàn quốc lần thứ 6 năm 2010 cho thấy, so với số liệu Tổng điều tra dân số toàn quốc lần thứ 5 năm 2000, trung bình số lượng lao động có trình độ văn hóa từ đại học trở lên tăng từ 3.611 người/100.000 dân năm 2000 lên mức 8.930 người /100.000 dân năm 2010; số lượng lao động có trình độ văn hóa tốt nghiệp phổ thông trung học tăng từ 11.146 người/100.000 dân lên 14.032 người/100.000 dân, số lao động chỉ tốt nghiệp tiểu học giảm từ 35.701 người/100.000 dân xuống còn 26.779 người/100.000 dân¹; tỷ lệ người mù chữ giảm từ 6,72% năm 2000 xuống còn 4,08% năm 2010 như trên đã nói.

Xét về tổng thể hiện nay cơ cấu việc làm của Trung Quốc đã không còn là cơ cấu việc làm của một nước nông nghiệp nữa, mà vào những năm cuối thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI, cơ cấu việc làm của Trung Quốc đã đạt tiêu chuẩn cơ cấu việc làm của một nước công nghiệp. Tuy nhiên, cơ cấu việc làm và cơ cấu ngành nghề hiện nay của Trung Quốc vẫn còn mất cân đối khá nghiêm trọng. Ví dụ: năm 2007, số lao

1. Công báo số liệu Tổng điều tra dân số toàn quốc lần thứ 6 năm 2010, http://www.stats.gov.cn/tjgb/rkpcgb/qgrkpcgb/t20110428_402722232.htm.

động làm việc trong nhóm ngành nghề khu vực I chiếm 40,8% tổng số lao động, song chỉ tạo ra có 11,7% GDP (xem bảng 1.7), hai tỉ lệ này còn chưa tương xứng với nhau.

Về cơ cấu phân phối thu nhập. Cơ cấu phân phối thu nhập phản ánh sự bình đẳng xã hội. Kể từ khi cải cách mở cửa đến nay, chế độ phân phối thu nhập của Trung Quốc đã có những thay đổi mang tính căn bản, từ chế độ phân phối thu nhập bình quân chủ nghĩa, chế độ "nồi cơm to" chuyển sang chế độ phân phối theo lao động trong điều kiện cơ chế thị trường, nhiều hình thức phân phối cùng tồn tại. Bước sang thế kỷ XXI, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đưa ra yêu cầu chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế với mục đích là bảo đảm và cải thiện dân sinh, trong đó khâu then chốt chính là điều chỉnh cơ cấu phân phối thu nhập. Theo các học giả Trung Quốc, phương hướng điều chỉnh cơ cấu phân phối thu nhập của nước này là *chuyển đổi từ cơ cấu phân phối thu nhập theo mô hình "kim tự tháp" sang mô hình cơ cấu lý tưởng "hình quả trám", tức là "hai đầu nhỏ, ở giữa to"*.

Tuy nhiên, cho đến nay cơ cấu phân phối thu nhập của Trung Quốc vẫn còn nhiều đặc điểm của cơ cấu phân phối thu nhập hình "kim tự tháp" với một nhóm nhỏ người giàu ở đỉnh chóp, nhóm người có thu nhập trung bình còn quá nhỏ, những người có thu nhập thấp và thu nhập trung bình thấp chiếm tỷ trọng còn quá lớn. Nếu căn cứ theo mức thu nhập bình quân đầu người hàng năm từ 11.800 đến 17.700 USD (khoảng 79.945 đến 119.918 NDT) được xếp vào nhóm thu nhập trung lưu, thì tỷ lệ nhóm người thu nhập trung lưu của

Trung Quốc năm 2001 chiếm khoảng 15%, cho dù tỷ lệ này có tăng lên dần theo hàng năm, nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều mức trung bình của các quốc gia có nền kinh tế phát triển và các quốc gia mới nổi, đến năm 2006 tỷ lệ này mới đạt khoảng 23%. Như vậy, Trung Quốc còn phải mất gần 2 thập kỷ nữa thì tỷ lệ này đạt đến 45%, mốc trở thành xã hội hiện đại¹.

Về cơ cấu tiêu dùng. Cùng với việc hoàn thiện của thể chế kinh tế thị trường, sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa và đời sống nhân dân không ngừng tăng lên, năng lực và cơ hội tiêu dùng của cư dân Trung Quốc ngày càng được nâng cao rõ rệt. Trong khoảng hơn 10 năm trở lại đây, *cơ cấu tiêu dùng của cư dân Trung Quốc thay đổi theo mô hình của cơ cấu tiêu dùng khá giả, giàu có*. Tiêu dùng của cư dân thành thị và nông thôn đang được phân hóa, phân tầng, hình thức tiêu dùng đa nguyên hóa. Hệ số Engel (phản ánh tỷ trọng chi cho thực phẩm tiêu dùng trong tổng chi tiêu gia đình) là một trong những chỉ tiêu quan trọng cho biết sự thay đổi cơ cấu tiêu dùng. Hệ số Engel của gia đình cư dân thành thị ở Trung Quốc giảm từ 37,9% năm 2001 xuống còn 35,7% năm 2010, đạt mức độ giàu có, hệ số Engel gia đình cư dân nông thôn giảm từ 47,8% năm 2001 xuống còn 41,1% năm 2010², dần

1. Lục Học Nghệ, "60 năm Trung Quốc: 4 giai đoạn thay đổi xã hội trong xã hội, dần hướng tới cao cấp hóa", <http://theory.people.com.cn/GB/9874542.html>.

2. Số liệu trích từ trang web của Cục Thống kê nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, <http://www.stats.gov.cn/tjgb/ndtjgb/qgndtjgb>.

tiệm cận mức độ khá giả (xem bảng 1.8). Mặc dù mức độ này còn có khoảng cách so với mức dưới 30% của các nước phát triển, song nó cũng cho thấy trong cơ cấu tiêu dùng, tỷ lệ chi phí cho tiêu dùng sinh hoạt cơ bản như lương thực đang giảm đều ổn định, chi phí tiêu dùng cho khoa học kỹ thuật, giải trí, văn hóa và y tế đang không ngừng tăng cao, cơ cấu tiêu dùng đang không ngừng được nâng cấp, ngày càng thể hiện đặc trưng quan trọng cơ cấu tiêu dùng của xã hội hiện đại.

**Bảng 1.8: Hệ số Engel của gia đình
cư dân thành thị và nông thôn**

Năm	Hệ số Engel gia đình cư dân thành thị (%)	Hệ số Engel gia đình cư dân nông thôn (%)
2001	37,9	47,8
2003	37,1	45,6
2005	36,7	45,5
2007	36,3	43,1
2010	35,7	41,1
2011	36,3	40,4

Nguồn: Số liệu tổng hợp từ Thống kê tình hình phát triển kinh tế - xã hội nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa các năm trên trang web của Cục Thống kê nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Ngoài ra, giới nghiên cứu lý luận của Trung Quốc nhận định, từ những năm cuối thế kỷ XX, thị trường tiêu dùng của Trung Quốc đã có bước chuyển hướng từ thị trường bên bán sang thị trường bên mua, Trung Quốc bắt đầu bước sang thời kỳ xã hội tiêu dùng đại chúng, nhu cầu tiêu dùng của dân chúng phổ thông cũng dần dần đa nguyên hóa. Nhận định xã hội Trung Quốc đã bắt đầu bước sang thời kỳ xã hội tiêu dùng dựa trên các tiêu chí như: 1) phương thức tiêu dùng hiện đại hóa, các khoản vay tiêu dùng, tiêu dùng bằng thẻ tín dụng bắt đầu trở nên quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày của người dân Trung Quốc; 2) tâm lý tiêu dùng hiện đại hóa, tức là tiêu dùng vượt mức được đại chúng hiểu và tiếp nhận, chủ nghĩa tiêu dùng thịnh hành; 3) tiêu dùng các mặt hàng gia dụng lâu bền có giá trị cao như ô tô tăng trưởng nhanh chóng, trở thành nhu cầu phổ biến của các gia đình dân cư; 4) trong xã hội có một nhóm người đông đảo tiêu dùng các mặt hàng xa xỉ phẩm; 5) tiêu dùng của dân cư có sự chuyển biến từ coi trọng đáp ứng nhu cầu sinh lý sang coi trọng hơn đến nhu cầu tâm lý và nhu cầu mang tính xã hội.

Tuy nhiên, cơ cấu tiêu dùng của dân cư ở Trung Quốc hiện nay cũng còn tồn tại nhiều vấn đề chưa hợp lý, như tỷ lệ tiêu dùng vẫn còn thấp và ngày càng giảm xuống. Như vậy, điều này hoàn toàn không như sự kì vọng của Đảng và Chính phủ Trung Quốc đang muốn kích cầu nội địa, thay đổi phương thức tăng trưởng kinh tế. Chênh lệch tiêu dùng giữa các giai tầng còn quá lớn, cơ cấu tiêu dùng giữa thành

thị và nông thôn chưa cân đối, hài hòa (xem bảng 1.9). Theo thống kê, chênh lệch tiêu dùng giữa người dân thành thị và nông thôn trong thập niên đầu thế kỷ XXI tiếp tục mở rộng, năm 2010, tỉ lệ tiêu dùng của cư dân thành thị trong tiêu dùng dân cư chiếm 25,97%, còn tỉ lệ tiêu dùng của dân cư nông thôn trong tiêu dùng dân cư chỉ chiếm 7,84% (xem bảng 1.9).

**Bảng 1.9: Tỉ lệ tiêu dùng dân cư
chiếm trong GDP các năm**

Đơn vị: %

Năm	Tỉ lệ tiêu dùng dân cư	Tỉ lệ tiêu dùng dân cư nông thôn	Tỉ lệ tiêu dùng dân cư thành thị
1995	44,88	17,83	27,05
2000	46,44	15,34	31,10
2005	38,82	10,35	28,47
2006	36,95	9,57	27,38
2007	35,96	9,07	26,89
2008	35,12	8,73	26,39
2009	34,98	8,33	26,65
2010	33,80	7,84	25,97

Nguồn: Nhữ Tín, Lục Học Nghệ, Lý Bồi Lãm (Chủ biên), Sách xanh xã hội: Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc năm 2012, Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, 2012, tr. 25.

4. Thay đổi về cơ cấu phân tầng xã hội

Quá trình cải cách mở cửa, công nghiệp hoá, thị trường hoá đã làm thay đổi mô hình xã hội Trung Quốc từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp hiện đại, cơ cấu giai tầng phân hoá mạnh mẽ, nhiều giai tầng mới được hình thành và phát triển như giai tầng các chủ doanh nghiệp tư nhân, hộ công thương cá thể, chủ thầu công trình... Theo Lục Học Nghệ, cơ cấu phân tầng xã hội hiện nay của Trung Quốc bao gồm 10 giai tầng (giai tầng những nhà quản lý Nhà nước và xã hội; giai tầng giám đốc; giai tầng chủ doanh nghiệp tư nhân; giai tầng nhân viên kỹ thuật chuyên nghiệp; giai tầng công chức; giai tầng hộ công thương cá thể; giai tầng nhân viên ngành thương mại dịch vụ; giai tầng công nhân ngành nghề; giai tầng người lao động nông nghiệp; giai tầng những người không nghề nghiệp, thất nghiệp, bán thất nghiệp ở nông thôn và thành thị), chia thành 5 đẳng cấp đó là thượng tầng, trung thượng tầng, trung trung tầng, trung hạ tầng, tầng đáy. Qua các báo cáo "*Nghiên cứu giai tầng xã hội Trung Quốc đương đại*" (2002) và "*Kết cấu xã hội Trung Quốc đương đại*" (2010) của Lục Học Nghệ, có thể rút ra các đặc điểm biến đổi giai tầng xã hội ở Trung Quốc trong thập niên đầu thế kỷ XXI như sau:

Một là, giai tầng trung gian phát triển nhanh. Giai tầng trung gian (còn gọi là tầng lớp trung lưu) là giai tầng gồm những người có thu nhập kinh tế, trình độ giáo dục và vai trò xã hội tương đối cao, tố chất và năng lực cá nhân phù

hợp với nền kinh tế - xã hội hiện đại. Quy mô giai tầng trung gian càng lớn càng chứng tỏ tính ưu việt và hiện đại của một chế độ xã hội. Theo số liệu điều tra, năm 2001 quy mô giai tầng trung gian đạt khoảng 15%, đến năm 2006 tỷ lệ này tăng lên khoảng 23%. Theo tính toán, quy mô giai tầng trung gian ở Trung Quốc đang tăng trưởng với tốc độ 1%/năm, đây là tốc độ tăng trưởng tương đối cao.

Hai là, tỷ lệ đẳng cấp trung hạ lưu dần thu hẹp. Bộ phận trung hạ tầng là những người lao động nông nghiệp, công nhân viên trong ngành dịch vụ thương nghiệp và công nhân ngành nghề. Quy mô đẳng cấp trung hạ tầng xã hội thu hẹp chủ yếu thể hiện ở tỷ lệ giai tầng những người làm nông nghiệp ngày càng thu hẹp do tiến trình công nghiệp hoá, đô thị hoá được đẩy nhanh nên có một bộ phận lao động nông nghiệp chuyển dịch sang các ngành nghề phi nông nghiệp hoặc lưu động ra thành phố. Từ năm 2000 - 2006, tỷ trọng nhóm ngành nghề khu vực I trong cơ cấu ngành nghề giảm 4,8%, tỷ lệ những người làm nông nghiệp cũng giảm 7,4%, ngày càng có nhiều lao động nông nghiệp chuyển sang làm việc trong các nhóm ngành nghề khu vực II và nhóm ngành nghề khu vực III.

Tỷ lệ giai tầng những người lao động nông nghiệp giảm xuống có ý nghĩa rất quan trọng trong thời kỳ quá độ từ kết cấu xã hội truyền thống sang kết cấu xã hội hiện đại, từ cơ cấu mô hình kim tự tháp sang cơ cấu mô hình quả trám trong xã hội Trung Quốc. Tuy nhiên, tỷ trọng người lao động

trong nông nghiệp của Trung Quốc hiện nay vẫn còn tương đối lớn, năm 2007 tỷ trọng người lao động làm việc trong các ngành nghề khu vực I, II, III lần lượt là 40,8%, 26,8% và 32,4%¹. Điều này cho thấy mặc dù trong thời gian qua, số người lao động trong nông nghiệp có sự chuyển dịch rất lớn với tốc độ nhanh nhất trong lịch sử, nhưng đây mới chỉ là một sự khởi đầu tương đối tốt trong quá trình chuyển dịch và phát triển cơ cấu giai tầng xã hội Trung Quốc theo hướng hiện đại hoá, còn về cơ bản quá trình hiện đại hoá toàn thể cơ cấu giai tầng xã hội ở Trung Quốc vẫn chưa hoàn thành.

Cùng với sự thu hẹp về số người lao động trong nông nghiệp, giai tầng công nhân viên trong các ngành dịch vụ thương nghiệp và công nhân ngành nghề cũng đang diễn ra sự phân hoá. Một số người trong giai tầng này chuyển hướng lên trên, họ bước vào giai tầng giữa của xã hội. Những thay đổi đó có tác dụng quan trọng trong việc thu hẹp đẳng cấp trung hạ tầng trong kết cấu xã hội Trung Quốc.

Ba là, những thành phần cơ bản của giai tầng xã hội hiện đại đã có đủ. Do sự phát triển của thể chế kinh tế thị trường, tính đa dạng trong các ngành nghề ở Trung Quốc ngày càng được mở rộng, điều đó quyết định cơ cấu giai tầng lấy nghề

1. *Phân tích tình hình việc làm năm 2008 và triển vọng năm 2009*, http://www.china.com.cn/economic/txt/2009-01/12/content_17094003.htm.

ng nghiệp làm cơ sở đã có đủ những thành phần cấu tạo cho một kết cấu xã hội hiện đại hoá, tuy nhiên mức độ hiện đại hoá vẫn còn ở trình độ thấp.

Bốn là, sự phân hoá giữa các giai tầng diễn ra gay gắt. Đồng thời với sự lớn mạnh của giai tầng những người giàu có, giai tầng đáy trong xã hội cũng mở rộng, giai tầng những người không có việc làm, thất nghiệp và bán thất nghiệp mở rộng, tỷ lệ giai tầng đáy tăng từ 4,8% năm 2001 lên 5,9% năm 2006¹. Sự phân hoá hai cực đang trở thành vấn đề bức thiết đòi hỏi các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung Quốc phải đưa ra các biện pháp điều chỉnh quan hệ lợi ích giữa các giai tầng trong xã hội, nhằm xây dựng nên một cơ cấu giai tầng xã hội hiện đại hoá.

Qua những phân tích trên có thể thấy, trải qua hơn 10 năm đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc đang bước đầu hình thành nên một cơ cấu giai tầng hiện đại. Tuy nhiên, cơ cấu này vẫn còn tồn tại những điểm bất hợp lý bởi quy mô giai tầng trung gian (trung lưu) vẫn còn nhỏ, quy mô giai tầng những người làm nông nghiệp còn chiếm số lượng lớn. Trong cơ cấu giai tầng xã hội hiện đại hoá thực thụ, người lao động nông nghiệp trên thực tế là một giai tầng có quy mô rất nhỏ, như nước Anh tỷ lệ này là 2%, Đức và Mỹ là 3%, Nhật Bản là 7% (năm 1992); còn giai tầng trung gian phải có quy mô lớn nhất, như ở Mỹ tỷ lệ giai tầng trung gian đạt 60% tổng

1. Lục Học Nghệ (Chủ biên), *"Kết cấu xã hội Trung Quốc đương đại"*, Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh, 2010, tr. 409.

dân số, trong khi đó tỷ lệ này ở Trung Quốc vẫn chưa đạt tới 30%. Những điều không hợp lý này nếu như không được điều chỉnh kịp thời thì sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội, vì theo kinh nghiệm từ một số nước trên thế giới, sự mất hài hoà tỷ lệ cơ cấu giai tầng thường là nhân tố chiều sâu của những bất ổn và khủng hoảng kinh tế - xã hội.

5. Thay đổi về cơ cấu vùng miền

Trong thời kỳ hai mươi năm đầu cải cách mở cửa, Trung Quốc thực hiện chiến lược phát triển không cân bằng, ưu tiên phát triển khu vực duyên hải miền Đông trước, điều đó đã thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh chóng. Song chiến lược phát triển không cân bằng giữa các vùng miền này cũng gây ra vấn đề chênh lệch vùng miền và xung đột vùng miền ngày càng trở nên nghiêm trọng. Trong bối cảnh đó, bước sang thế kỷ XXI, cùng với những điều chỉnh về phương thức tăng trưởng kinh tế, Trung Quốc đã có những điều chỉnh lớn trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng miền, giữa thành thị và nông thôn, chuyển từ tư duy phát triển nghiêng lệch sang phát triển cân bằng, nhịp nhàng hài hòa giữa các khu vực. Một phương diện quan trọng trong chiến lược phát triển nhịp nhàng giữa các vùng miền đó là kết hợp giữa sự phát triển của khu vực miền Đông với khai phát khu vực miền Trung, miền Tây; dựa vào xây dựng trọng điểm và ưu tiên tăng trưởng ở khu vực miền Đông để lôi kéo kinh tế khu vực miền Tây, miền Trung tăng trưởng; dựa vào khai phát tài nguyên của khu vực miền Trung, miền

Tây để hỗ trợ ưu tiên tăng trưởng cho khu vực miền Đông, thực hiện sự phát triển nhịp nhàng có trật tự giữa ba khu vực kinh tế lớn miền Đông, miền Trung và miền Tây. Trên cơ sở điều chỉnh hệ thống giá cả và rút ngắn chênh lệch chính sách vùng miền, điều chỉnh và ưu hóa cơ cấu ngành nghề, hài hòa quan hệ giữa các vùng miền, giảm bớt mâu thuẫn vùng miền, phát huy ưu thế tương đối của ba khu vực lớn, thực hiện cùng phát triển giữa các vùng miền. Có thể nói, các biện pháp chiến lược này đã phát huy vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển nhịp nhàng kinh tế - xã hội vùng miền.

Cơ cấu vùng miền của Trung Quốc đã có sự chuyển biến đáng kể, cơ chế phát triển giữa các vùng miền chuyển biến từ đơn nhất sang đa nguyên, cục diện phát triển kinh tế - xã hội vùng miền giữa miền Đông, miền Trung và miền Tây dần dần hình thành, nhiều loại mô hình phát triển kinh tế - xã hội vùng miền khác nhau xuất hiện. Tuy nhiên, do sự hình thành cơ cấu vùng miền và sự mở rộng chênh lệch vùng miền của Trung Quốc là một quá trình tích tụ lịch sử lâu dài, có cả nguyên nhân chủ quan, lẫn nguyên nhân khách quan, do đó, việc thu hẹp chênh lệch vùng miền cũng không thể thực hiện trong một khoảng thời gian ngắn ngủi. *Trong 10 năm qua, tốc độ chênh lệch phát triển giữa các vùng miền vẫn gia tăng rõ rệt, chênh lệch mức sống và cơ hội phát triển giữa các thành viên trong xã hội cũng ngày càng gia tăng.* Nhìn tổng thể, về trình độ phát triển, miền Đông phát triển cao nhất, tiếp đến là miền Trung, còn miền

Tây phát triển thấp nhất, chênh lệch phát triển giữa vùng duyên hải miền Đông với khu vực nội địa miền Tây, đã thay đổi rõ rệt chiến lược và cơ cấu phát triển bình quân vùng miền thời kỳ trước cải cách mở cửa. Năm 2006, miền Đông chiếm 9,5% diện tích đất đai và 36,3% dân số cả nước, tạo ra 55,7% GDP của toàn quốc, vùng nội địa miền Trung, miền Tây chiếm 90,5% diện tích đất đai và 63,7% dân số cả nước, tạo ra 44,3% GDP của toàn quốc¹.

**Bảng 1.10: Tỷ lệ GDP của các vùng miền
trong tổng GDP của cả nước**

Đơn vị: %

Khu vực	Năm 1990	Năm 2000	Năm 2004	Năm 2007	Năm 2010
Miền Đông	45	54	54,7	55	53,1
Miền Trung	22	19	19,7	19	19,7
Miền Tây	21	17	16,8	17	18,6
Vùng Đông Bắc	12	10	9,8	9	8,6

Nguồn: Lục Học Nghệ (Chủ biên), "Kết cấu xã hội Trung Quốc đương đại", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, năm 2010, tr. 301. Số liệu năm 2010 trích từ "Phát triển khu vực 30 năm: chênh lệch tuyệt đối đang mở rộng", <http://www.chinainvestment.com.cn/www/NewsInfo.asp?NewsId=8688>.

1. Lục Học Nghệ (Chủ biên), "Kết cấu xã hội Trung Quốc đương đại", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, năm 2010, tr. 303.

Có thể nói, *sự mất cân đối trong cơ cấu vùng miền là tình hình cơ bản của Trung Quốc hiện nay*. Do đó, việc điều chỉnh phát triển vùng miền là phương diện quan trọng trong điều chỉnh kết cấu xã hội của Trung Quốc hiện nay. Ngoài ra, *chênh lệch vùng miền vẫn đang tiếp tục mở rộng*, biểu hiện ở cục diện phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng miền, chênh lệch tổng lượng GDP trong tổng GDP của cả nước giữa các vùng miền vẫn đang diễn ra (xem số liệu bảng 1.10).

6. Thay đổi về cơ cấu thành thị và nông thôn

Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, cơ cấu thành thị và nông thôn của Trung Quốc đã có sự chuyển biến rõ nét, từ cơ cấu nhị nguyên phân tách nghiêm trọng giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa công nghiệp hóa và đô thị hóa sang nhất thể hóa, quy hoạch phát triển đồng bộ giữa thành thị và nông thôn, chú trọng đẩy mạnh đồng thời giữa công nghiệp hóa và đô thị hóa, thúc đẩy phát triển công nghiệp hóa nông thôn, chú trọng nhiều hơn đến xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn... Trong quá trình chuyển đổi này, nông thôn và nông dân cũng như thành phố và thị dân, đều có được cơ hội phát triển. Thập niên đầu thế kỷ XXI cũng đánh dấu bước chuyển biến trong phát triển của Trung Quốc đó là chuyển biến từ nông nghiệp, nông thôn nuôi công nghiệp và thành thị sang thời kỳ *"lấy công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp, lấy thành thị chi viện nông thôn"*.

Bước sang thế kỷ XXI, bắt đầu từ Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc (năm 2002), lần đầu tiên cụm từ cơ cấu nhị nguyên thành thị nông thôn được đưa vào Báo cáo Chính trị của một kỳ Đại hội, đồng thời cũng bắt đầu từ Đại hội này, Trung Quốc đã đưa ra chủ trương quy hoạch phối hợp thống nhất phát triển kinh tế - xã hội giữa thành thị và nông thôn. Tiếp sau này, Đảng và Nhà nước Trung Quốc còn lần lượt đưa ra mục tiêu xây dựng xã hội hài hòa, quan điểm phát triển một cách khoa học, trong đó đều nhấn mạnh yêu cầu quy hoạch thống nhất phát triển nhịp nhàng giữa thành thị và nông thôn... Để thực hiện, Trung Quốc đã tiến hành hàng loạt biện pháp nhằm thay đổi cục diện mất cân bằng nghiêm trọng giữa thành thị và nông thôn như xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, miễn giảm thuế nông nghiệp, thúc đẩy và thực hiện xây dựng hệ thống y tế hợp tác nông thôn kiểu mới, bảo hiểm dưỡng lão ở nông thôn, thúc đẩy bình đẳng hóa dịch vụ công ở nông thôn. Còn ở thành thị, Trung Quốc cũng ban hành một loạt biện pháp để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người nông dân làm công, xóa bỏ các chính sách kỳ thị đối với nông dân, ở một số thành phố, chính quyền thành phố còn tạo điều kiện giúp cho những người nông dân làm việc ở thành thị có được một số quyền lợi của thị dân... Mặc dù việc giải quyết vấn đề cơ cấu nhị nguyên thành thị nông thôn vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề, nhưng so với thời kỳ trước đó, cơ cấu thành thị và nông thôn của Trung Quốc hiện nay đã được cải thiện đáng kể.

Theo các nhà khoa học Trung Quốc, một tiêu chí quan trọng để đánh giá sự thay đổi về cơ cấu giữa thành thị và nông thôn của Trung Quốc là tỷ lệ đô thị hóa. Từ năm 1995, Chính phủ Trung Quốc đưa ra chiến lược đô thị hóa, điều chỉnh chế độ hộ khẩu, khiến cho quá trình đô thị hóa của Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ XXI diễn ra nhanh chóng, một lượng lớn dân số nông thôn chuyển dịch về thành thị, xã hội nông thôn truyền thống chuyển biến rõ rệt thành xã hội thành thị.

Theo Báo cáo Kết cấu xã hội Trung Quốc đương đại của Lục Học Nghệ năm 2010, từ năm 2000 đến 2010, tỷ lệ dân số thành thị của Trung Quốc từ 36,09% tăng lên 49,68% - gần tiếp cận mức 50% (xem bảng 1.11) và tỷ lệ dân số thành thị năm 2011 lần đầu tiên đạt trên 50%¹, trung bình mỗi năm tăng khoảng 1,02 điểm phần trăm, cao hơn hẳn so với mức 0,83 điểm phần trăm trong giai đoạn 20 năm đầu cải cách mở cửa. Dân số thành thị của Trung Quốc từ 460 triệu tăng lên 630 triệu, như vậy trong khoảng thời gian từ năm 2000 - 2010, dân số đô thị đã tăng 170 triệu người. Đây là một khối lượng chuyển dịch khá lớn, trong đó phần lớn là chuyển dịch từ nông thôn. Theo đánh giá của các nhà khoa học Trung Quốc, hàng trăm triệu nông dân vào thành phố, chịu thử thách của đô thị hóa, xã hội hóa để dần trở

1. Nhữ Tín, Lục Học Nghệ, Lý Bồi Lâm (Chủ biên), "*Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc năm 2012*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, 2012, tr. 2.

TS. HOÀNG THẾ ANH (*Chủ biên*)

thành thị dân đã làm thay đổi cơ cấu thành thị và nông thôn của Trung Quốc.

Bảng 1.11: Tỷ lệ dân số thành thị và nông thôn của Trung Quốc từ 2000 - 2010

Đơn vị: %

Năm	2000	2004	2005	2007	2009	2010
Tỷ lệ dân số thành thị	36,09	41,8	43,0	44,9	46,6	49,68
Tỷ lệ dân số nông thôn	63,91	58,2	57,0	55,1	53,4	50,32

Nguồn: Lục Học Nghệ (Chủ biên), "Kết cấu xã hội Trung Quốc đương đại", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh, 2010, tr. 17
Thống kê tình hình kinh tế - xã hội nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, <http://www.stats.gov.cn/tjgb/>; Công báo Tổng điều tra dân số toàn quốc Trung Quốc lần thứ 5, http://www.stats.gov.cn/tjgb/rkpcgb.qgrkpcgb/t20020331_15434.htm.

Nhìn chung, để đạt được mục tiêu nhất thể hóa giữa thành thị và nông thôn, Trung Quốc sẽ còn phải trải qua một quá trình gian nan nữa. Hiện nay mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn ở Trung Quốc vẫn còn tồn tại sự bất bình đẳng, chưa công bằng, cục diện nông thôn hỗ trợ thành thị, thành thị chi phối nông thôn còn chưa được cải thiện hoàn toàn, chênh lệch giữa thành thị và nông thôn vẫn còn khá lớn, hơn nữa xu thế này vẫn đang tiếp tục mở rộng dần,

gây ra nhiều ảnh hưởng tiêu cực cho sự phát triển kinh tế, sự ổn định chính trị và xã hội của Trung Quốc.

II. NHÂN TỐ CHÍNH TRỊ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ XÃ HỘI NHẪM GIỮ ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI CỦA TRUNG QUỐC

1. Nhân tố chính trị

Sự phát triển của Trung Quốc dường như nằm ngoài các quy luật phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia phương Tây, bởi mối quan hệ nhân quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với pháp luật cùng nền chính trị tự do dường như bị phá vỡ¹. Trung Quốc đã duy trì tỷ lệ tăng trưởng kinh tế cao trong thời gian dài bất kể những yêu cầu chính trị tiên quyết cho sự phát triển kinh tế, theo tiêu chí của phương Tây, là nguyên tắc pháp trị (rule of law) và chính phủ minh bạch (transparent government)².

Thậm chí, cách thức quản trị đất nước mà Trung Quốc theo đuổi và dần được hiện thực hóa đang hình thành như một kiểu mẫu lựa chọn mới, bên cạnh các mô hình của phương Tây. Đó là việc phát triển kinh tế thị trường trong

1. Kanishka Jayasuriya, "A Framework for Analysis," in *Law, Capitalism and Power in Asia: The Rule of Law and Legal Institutions*, ed. Kanishka Jayasuriya, London: Routledge, 1999, tr. 1.

2. Joseph E. Stiglitz, *Globalization and Its Discontents*, New York: W.W. Norton & Company, 2003, tr. 214.

một môi trường chính trị tập trung với một xã hội được quản lý chặt chẽ. Mô hình đó có đặc điểm quyền của tập thể cao hơn quyền cá nhân và cải thiện điều kiện sống cho người dân được cho là tốt đẹp hơn là cho phép tự do ngôn luận. Tăng trưởng kinh tế được cho là biện pháp chính để bảo đảm ổn định xã hội. Về mặt chính trị, để đảm bảo cho sự ổn định đó, vai trò của Đảng Cộng sản Trung Quốc, với tư cách là đảng cầm quyền đã được duy trì vị thế thống lĩnh mọi quyền lực trong xã hội.

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc vẫn luôn duy trì sức mạnh lãnh đạo đất nước, cho đến cuối năm 2011, Đảng Cộng sản Trung Quốc có 82,603 triệu đảng viên, tăng thêm 2,333 triệu người, tăng khoảng 2,9% so với cuối năm 2010¹. Đây là một tổ chức chính trị lớn nhất thế giới.

Thế chế chính trị tập quyền của Trung Quốc đã làm cho nước này có thể đưa ra quyết sách và thực hiện chính sách một cách cứng rắn, mạnh mẽ. Ví dụ từ khi cải cách mở cửa đến nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã hai lần dùng vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc giải quyết những lộn xộn, tranh cãi trong nước, đồng thời đã giải quyết được nhiều vụ khiếu kiện của người dân.

1. Đến cuối năm 2011 số Đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc là 82,603 triệu người, <http://news.sina.com.cn/c/2012-06-30/152224688503.shtml>.

Lần thứ nhất là việc giải tán cuộc biểu tình ngày 4.6.1989 tại Thiên An Môn. Sau sự kiện này, công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc đã bước sang trang mới. Báo cáo Chính trị Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc (2002) có phần rất quan trọng, đó là nêu rõ những thành tựu nổi bật trong 13 năm qua của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc do Giang Trạch Dân đứng đầu, tức là từ sau sự kiện Thiên An Môn và có người đã cho rằng, không giải quyết vấn đề ngày 4.6.1989 thì không có cục diện phát triển phồn vinh của Trung Quốc ngày nay¹.

Lần thứ hai là sau chuyến đi miền Nam của Đặng Tiểu Bình đầu năm 1992 đã chấm dứt việc tranh cãi về "hộ xã" hay "hộ tư", từ đó thống nhất tư tưởng, khẳng định việc Trung Quốc cải cách mở cửa theo hướng thị trường, mở ra con đường phát triển của Trung Quốc.

Trong những năm gần đây, Đảng Cộng sản và Chính phủ Trung Quốc đã không chế được những cuộc biểu tình gây bạo loạn đòi ly khai ở các khu vực có dân tộc thiểu số như Tây Tạng, Tân Cương, Nội Mông (xem thêm ở phần sau). Đồng thời, ở một số địa phương đã giải quyết một cách có hiệu quả việc khiếu kiện của người dân. Ví dụ như tỉnh Giang Tô trước đây là tỉnh có số lượng khiếu kiện lớn nhất trong cả nước, nhưng đến nay số lượng các vụ khiếu kiện của tỉnh

1. Nguyễn Văn Lập (Chủ biên), *"Về vấn đề cải cách hệ thống chính trị của Trung Quốc (Đằng sau những phát biểu gây tranh cãi của Thủ tướng Ôn Gia Bảo)"*, Thông tấn xã Việt Nam, 2010, tr. 99.

này đã không ngừng giảm xuống, xếp thứ 12 trong cả nước. Đạt được kết quả này là do các cấp chính quyền cơ sở ở tỉnh Giang Tô đã kịp thời đưa ra các biện pháp hữu hiệu nhằm hóa giải mâu thuẫn, như ở thành phố Thái Hưng đề ra biện pháp "người dân ở thôn trực tiếp bình luận, đánh giá lãnh đạo thôn", điều này đã làm cho mâu thuẫn giữa lãnh đạo và người dân ở khu vực nông thôn được giải quyết; ở Từ Châu, Sở Công an thành phố thúc đẩy hoạt động "ngày đối thoại trực tiếp", thông qua diễn đàn này tạo cơ hội cho người dân nói ra những bức xúc của mình, từ đó làm xích gần lại quan hệ giữa cảnh sát và quần chúng nhân dân; ở thành phố Hoài An thực hiện hoạt động "khiếu kiện mặt trời", tạo điều kiện giúp người dân nói ra những bức xúc, từ đó chính quyền giải quyết được nhiều vấn đề bức xúc của người dân"¹.

2. Chính sách phát triển, quản lý xã hội

Bước vào thế kỷ XXI, tập thể lãnh đạo thế hệ thứ tư của Đảng Cộng sản Trung Quốc đứng đầu là Hồ Cẩm Đào đã có sự đổi mới về tư duy xây dựng và phát triển xã hội, điều chỉnh tư duy của các thế hệ lãnh đạo trước về phát triển nghiêng lệch, chú trọng tới phát triển kinh tế sang tư duy phát triển cân bằng, chú trọng phát triển xã hội. Đặc biệt trong xây dựng và phát triển xã hội, họ đã đề ra nhiệm vụ

1. *Những vấn đề nổi bật tồn tại trong việc quản lý xã hội ở Trung Quốc hiện nay, khảo nghiệm năng lực cầm quyền của chính đảng*, http://www.china.com.cn/policy/txt/2010-01/19/content_19266884.htm.

xây dựng xã hội hài hòa xã hội chủ nghĩa, coi "*xây dựng xã hội*" là một bộ phận hợp thành của cục diện tổng thể xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc gồm 4 trụ cột là kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Để thực hiện nhanh chóng xã hội hài hòa xã hội chủ nghĩa, biện pháp cốt yếu là "*xây dựng xã hội lấy cải thiện dân sinh là trọng điểm*". Đây được coi là những đổi mới quan trọng về tư duy xây dựng và phát triển xã hội của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Bảng 1.12: Chính sách phát triển xã hội của Trung Quốc được đưa ra trong những năm gần đây

Năm công bố chính sách	Chính sách phát triển xã hội
1999	Đại khai phát miền Tây
2002	Bảo đảm mức sống tối thiểu ở thành phố
2003	Hỗ trợ tam nông, tiến hành cải cách thuế phí ở nông thôn, xây dựng hệ thống y tế hợp tác ở nông thôn kiểu mới
2004	Giảm thuế nông nghiệp, thúc đẩy 3 loại trợ cấp ở nông thôn
2005	Xoá bỏ một bộ phận thuế nông nghiệp; xây dựng xã hội theo loại hình tiết kiệm năng lượng, loại hình môi trường thân thiện (xây dựng xã hội theo hai loại hình)

2006	Xoá bỏ toàn diện thuế nông nghiệp, thúc đẩy trợ cấp tổng hợp thuế nông nghiệp, miễn học phí giáo dục nghĩa vụ 9 năm ở nông thôn khu vực miền Tây, thí điểm thực hiện thuê nhà giá rẻ ở thành phố
2007	Miễn phí giáo dục nghĩa vụ ở nông thôn cả nước, thúc đẩy toàn diện y tế hợp tác ở nông thôn kiểu mới, thúc đẩy toàn diện bảo đảm mức sống tối thiểu ở nông thôn, bắt đầu thúc đẩy toàn dân tham gia bảo hiểm y tế ở thành phố
2008	Miễn phí giáo dục nghĩa vụ ở thành thị và nông thôn trong cả nước, thăm dò việc xây dựng chế độ bảo hiểm dưỡng lão xã hội nông thôn kiểu mới, toàn diện tăng cường xây dựng chế độ bảo đảm mức sống tối thiểu cho người dân ở thành thị và nông thôn
2009	Bắt đầu tiến hành miễn phí cho các học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn ở nông thôn và các học sinh học các chuyên ngành liên quan đến nông nghiệp trong các trường dạy nghề trung cấp

Nguồn: Dẫn lại từ Nguyễn Kim Bảo (Chủ biên), "Những đột phá cơ bản trong tư duy phát triển của Đảng Cộng sản Trung Quốc", Nxb. Khoa học xã hội, 2011, tr. 196.

Với bước đột phá trong tư duy chuyển từ việc chủ yếu chú trọng xây dựng, phát triển kinh tế sang chú trọng đến xây dựng và phát triển xã hội, từ tư duy phát triển nghiêng lệch sang phát triển cân bằng, hàng loạt các chính sách giải quyết các vấn đề xã hội được đưa ra (xem bảng 1.12). Ngoài chính sách đại khai phát miền Tây được đưa ra từ năm 1999, tuyệt đại đa số chính sách về phát triển xã hội đều được đưa ra từ năm 2002 đến nay. Điều này càng có cơ sở chứng minh bước đột phá trong tư duy xây dựng và phát triển xã hội của Đảng và Chính phủ Trung Quốc từ năm 2002 đến nay.

Trong 10 năm đầu thế kỷ XXI, ổn định xã hội được giới hoạch định chính sách Trung Quốc coi là tiền đề quan trọng cho sự phát triển của đất nước này trên nhiều phương diện. Trung Quốc từng trải qua những bất ổn xã hội nghiêm trọng trong thời kỳ cách mạng văn hóa, với những hậu quả để lại còn dai dẳng cho tới hiện nay. Những ám ảnh về thời kỳ này đã khiến cho người dân và lãnh đạo Trung Quốc mong muốn duy trì một xã hội ổn định, có trật tự. Bất kể một động thái chính sách cải cách chính trị và kinh tế nào từ khi Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa tới nay đều phải cân nhắc để đảm bảo ổn định xã hội được duy trì. Nhất là trong giai đoạn hiện nay, Trung Quốc rất sợ cái giá phải trả cho cải cách chính trị, điều này khác hẳn so với thời kỳ cải cách mở cửa, bởi hiện nay sau hơn 30 năm cải cách mở cửa Trung Quốc đã đạt được những thành tựu trong phát triển kinh tế, nếu cải cách không đi đúng hướng

thì sẽ gây ra bất ổn, phá hủy những thành quả này. Do vậy, ổn định xã hội được coi là nguyên tắc tiên quyết trong hoạch định chính sách.

Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu với những tác động từ các biến động khó dự đoán từ bên ngoài, nhất là từ các cuộc "cách mạng màu" diễn ra tại Đông Âu và từ những biến cố chính trị tại Bắc Phi và Trung Đông, Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng có những điều chỉnh trong việc cầm quyền. Trong thời gian gần đây, có thể thấy những động thái quan trọng trong cải cách thể chế chính trị tại Trung Quốc. Đó là việc cải thiện sự minh bạch trong hoạch định và thực thi chính sách, xây dựng và củng cố cơ chế quyết sách tập thể nhằm thay thế sự lãnh đạo mang tính độc đoán và tùy tiện hiện đã trở nên bất khả thi, và gia tăng quyền lực của đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và địa phương. Những cải cách chính trị này, cũng là những biện pháp để bảo đảm ổn định xã hội, nhằm thiết lập một nền dân chủ kiểu riêng của Trung Quốc phù hợp với nhu cầu lịch sử, văn hóa, kinh tế và xã hội của 1,3 tỷ người Trung Quốc¹.

Từ cuối năm 2005, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chú trọng tới việc duy trì ổn định xã hội. Thậm chí, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã coi việc giảm các sự kiện mang tính quần chúng trở thành một mục tiêu chính sách lớn vào năm

1. Robert Lawrence Kuhn, (2010), *How China's Leaders Think: The Inside Story of China's Reform and What This Means for the Future* John Wiley & Sons (Asia) Pte. Ltd.

2006¹. Thông qua nhiều biện pháp, Trung Quốc đang cố gắng xả dần van áp lực của các "sự kiện mang tính quần chúng" vốn đang âm ỉ, tránh để bùng phát, có thể gây ra những rủi ro quá lớn cho cả hệ thống chính trị.

Bảng 1.13: Những chủ trương, quan điểm của Đảng Cộng sản Trung Quốc về quản lý xã hội từ sau Đại hội XVI (2002) đến nay

STT	Thời gian công bố	Chủ trương, hoạt động của Đảng Cộng sản Trung Quốc về quản lý xã hội
1	Tháng 9 năm 2004	Hội nghị Trung ương 4 khóa XVI đề ra phải "thúc đẩy sáng tạo thể chế quản lý xã hội, tăng cường và cải tiến công tác quần chúng, duy trì ổn định xã hội trong tình hình mới"
2	Tháng 10 năm 2007	Báo cáo Đại hội lần thứ XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra phải "kiện toàn cục

1. Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Văn phòng Quốc vụ viện chuyển phát Thông báo "*Ý kiến của Ủy ban Chính pháp Trung ương, Ủy ban quản trị tổng hợp trị an xã hội Trung ương về việc đi sâu triển khai xây dựng bình an*", công bố ngày 21.10.2005; Người phụ trách Ủy ban quản trị tổng hợp trị an xã hội Trung ương trả lời phóng viên về ý kiến đi sâu triển khai xây dựng bình an, ngày 5.12.2005, December 5, 2005, <http://www.npc.gov.cn/zgrdw/common/zw.jsp?label=WXZLK&id=343072&pdmc=010520>, dẫn lại theo Carl Minzner.

		diện quản lý xã hội đảng ủy lãnh đạo, chính phủ phụ trách, xã hội hiệp đồng, công chúng tham gia, kiện toàn thể chế quản lý cơ sở"
3	Tháng 12 năm 2009	Hội nghị truyền thông công tác chính pháp toàn quốc yêu cầu: đi sâu thúc đẩy hóa giải mâu thuẫn xã hội, sáng tạo quản lý xã hội, chấp pháp công bằng liêm chính
4	Tháng 10 năm 2010	Ủy ban Chính pháp Trung ương, Ủy ban giải quyết tổng hợp quản lý xã hội Trung ương xác định 35 thành phố, huyện (thành phố cấp huyện, khu) làm thí điểm tổng hợp sáng tạo quản lý xã hội toàn quốc
5	Tháng 2 năm 2011	Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào trong bài phát biểu khai giảng lớp quản lý xã hội và thảo luận chuyên đề về quản lý xã hội giành cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp bộ, ngành và các tỉnh nhân mạnh, nâng cao trình độ khoa học quản lý xã hội một cách vững chắc, xây dựng hệ thống quản lý xã hội chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc
6	Tháng 3 năm 2011	"Nghiêm trị từ gốc đến ngọn, tăng cường và sáng tạo quản lý xã hội" độc lập thành 1 chương trong "Cương yếu quy hoạch 5 năm lần thứ XII"

Xã hội Trung Quốc trong quá trình trở dậy...

7	Tháng 5 năm 2011	Bộ chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập hội nghị, nghiên cứu vấn đề tăng cường và sáng tạo quản lý xã hội
8	Tháng 7 năm 2011	Trung ương Đảng, Quốc vụ viện công bố "Ý kiến về tăng cường và sáng tạo quản lý xã hội" xác định rõ hơn về tư tưởng chỉ đạo, nguyên tắc cơ bản, mục tiêu nhiệm vụ và biện pháp chủ yếu tăng cường sáng tạo quản lý xã hội
9	Tháng 8 năm 2011	Ủy ban giải quyết tổng hợp trị an xã hội Trung ương chính thức đổi tên thành Ủy ban giải quyết tổng hợp quản lý xã hội Trung ương
10	Tháng 9 năm 2011	Hội nghị truyền thông về công tác tăng cường và sáng tạo quản lý xã hội, nhấn mạnh toàn diện nâng cao trình độ khoa học trong quản lý xã hội

Nguồn: Đại ký sự công tác quản lý xã hội từ Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đến nay, <http://cpc.people.com.cn/GB/64093/64387/17919990.html>.

Tăng cường quản lý xã hội đang dần trở thành một chủ đề được Đảng Cộng sản Trung Quốc coi là một cách thức nhằm đảm bảo ổn định xã hội. Nhìn lại trong 10 năm đầu thế kỷ XXI, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lần lượt đưa ra

nhiều chủ trương và hoạt động nhằm tăng cường công tác quản lý xã hội (xem bảng 1.13). Điều này chưa từng có trong thập niên cuối thế kỷ XX.

Đáng chú ý là tháng 9 năm 2010, trong phiên học tập tập thể lần thứ 23 của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào đã kêu gọi thiết lập một cơ chế, do Đảng và Chính phủ lãnh đạo, có thể bảo vệ được lợi ích của quần chúng nhân dân và kêu gọi tăng cường đổi mới việc "quản lý xã hội". Ngày 19 tháng 2 năm 2011, Hồ Cẩm Đào đã có bài diễn văn quan trọng trong phần khai mạc của phiên học tập và thảo luận về chủ đề đặc biệt của quản lý xã hội và đổi mới đối với các cán bộ lãnh đạo tại cấp tỉnh và cấp bộ. Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào cho rằng, tăng cường và đột phá trong quản lý xã hội là cần thiết để duy trì trật tự xã hội và thúc đẩy xã hội hài hòa. Ông đưa ra 8 nhiệm vụ quan trọng trong quản lý xã hội, bao gồm "ủng hộ các tổ chức của quần chúng nhân dân"; hình thành "cơ chế khoa học và hiệu quả" cho việc điều phối các lợi ích, thể hiện nhu cầu, và hóa giải các mâu thuẫn; và cải thiện việc "quản lý các dịch vụ" đối với quần chúng nói chung và các nhóm đặc biệt.

Vấn đề quản lý xã hội cũng đã được nhấn mạnh trong "Cương yếu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ XII", được kỳ họp thứ 4 Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Trung Quốc lần thứ XI thông qua vào tháng 3 năm 2011. Không như các văn kiện được thông qua trước đây, văn kiện này có một phần riêng đề cập tới việc nâng cao và đổi mới

quản lý xã hội. Văn kiện này đã đưa ra nhận thức ba cấp về quản lý xã hội, bao gồm xây dựng một chính phủ phục vụ nhằm "ngăn chặn và làm giảm đi" số lượng các vấn đề xã hội, củng cố việc "quản lý năng động" để "giải quyết các đòi hỏi chính đáng và hợp lý của quần chúng nhân dân", và tăng cường "năng lực của Đảng, Nhà nước để giải quyết việc xảy ra đột ngột các sự kiện mang tính quần chúng. Văn kiện này cũng kêu gọi thiết lập các cơ chế đánh giá và quản lý ổn định xã hội, ví như có thể thiết lập cơ chế đánh giá tác động của các dự án xây dựng, bao gồm cả thu hồi đất, trước khi các dự án được tiến hành.

Hồ Cẩm Đào một lần nữa đã nhấn mạnh vào việc quản lý xã hội trong cuộc họp của Bộ Chính trị tổ chức vào ngày 30 tháng 5 năm 2011. Ông nhấn mạnh tới cách tiếp cận "lấy con người làm gốc", lấy phục vụ làm đầu, thực hành "chính phủ công cộng", và "cải thiện cơ chế bảo đảm quyền và lợi ích của nhân dân dưới sự chỉ đạo của Đảng". Hồ Cẩm Đào đã nhấn mạnh rằng nhiệm vụ quản lý xã hội là cấp thiết bởi Trung Quốc "hiện đang vừa ở trong giai đoạn cơ hội chiến lược quan trọng cho sự phát triển của nó, vừa trong giai đoạn có những mâu thuẫn xã hội sâu sắc". Hồ Cẩm Đào đã trở lại chủ đề này trong diễn văn kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc vào ngày 1 tháng 7, khi tuyên bố rằng "chúng ta cần xây dựng một thể chế quản lý xã hội chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, với trách nhiệm trao cho chính phủ, với sự giúp đỡ của xã hội, và có sự tham gia của toàn xã hội".

III. CHÍNH SÁCH DÂN TỘC DUY TRÌ SỰ ỔN ĐỊNH XÃ HỘI

1. Khái quát chung về chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ Trung Quốc

Kể từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời, đặc biệt là từ đầu thế kỷ XXI đến nay, việc Đảng và Nhà nước Trung Quốc nhận thức chính xác và ban hành các chính sách dân tộc, tôn giáo phù hợp với tình hình đất nước, có lợi cho sự phát triển của các dân tộc thiểu số đã có ý nghĩa vô cùng quan trọng mang tính tích cực trong việc tăng cường đoàn kết dân tộc, bảo đảm ổn định xã hội, phát triển kinh tế và bảo vệ sự thống nhất đất nước. Chính trị gia nổi tiếng, người từng hai lần giữ cương vị Thủ tướng Canada - Pierre Elliot Trudeau từng ca ngợi chính sách dân tộc của Trung Quốc như sau: "Ở Trung Quốc, dân tộc thiểu số thực sự được đãi ngộ tốt hơn ở các quốc gia phương Tây", "Cuối cùng, người Quebec đã phát hiện, Chính phủ Ottawa cần phải đến Bắc Kinh học tập"¹. Chính nhờ vậy, trong những năm qua, mặc dù giữa các dân tộc ở Trung Quốc vẫn còn những mâu thuẫn, nhưng về cơ bản các khu vực dân tộc ở Trung Quốc vẫn bảo đảm được sự ổn định xã hội, mối quan hệ dân tộc ở các khu vực dân tộc phát triển lành mạnh, tạo điều kiện cho sự hoà hợp và đoàn kết dân tộc, thúc đẩy phát triển xã hội ở Trung Quốc.

1. Trịnh Tây, "*Dân tộc và tôn giáo Trung Quốc*", Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2011, tr. 54.

Bình đẳng dân tộc là cơ sở của chính sách dân tộc Trung Quốc. Sự bình đẳng dân tộc ở Trung Quốc có nghĩa là các nhóm dân tộc không phân biệt quy mô dân số, mức độ phát triển kinh tế - xã hội, không kể sự khác biệt về tôn giáo, tín ngưỡng đều có vị trí như nhau, được hưởng các quyền lợi như nhau trong mọi lĩnh vực đời sống chính trị - xã hội, đồng thời cũng phải thực hiện các nghĩa vụ như nhau. Bình đẳng dân tộc là nghiêm cấm mọi hình thức kỳ thị và phân biệt đối xử giữa các nhóm dân tộc. Thống nhất dân tộc là hữu nghị, giao lưu và tương trợ lẫn nhau trong đời sống xã hội. Điều này kêu gọi sự đoàn kết của các dân tộc và chống chủ nghĩa chia rẽ dân tộc. Chính phủ Trung Quốc luôn cho rằng, bình đẳng dân tộc là điều kiện tiên quyết và là cơ sở của khối đoàn kết các dân tộc. Không có bình đẳng dân tộc thì cũng không có đoàn kết dân tộc. Bình đẳng dân tộc được xác định rõ trong Hiến pháp Trung Quốc, là nguyên tắc cơ bản để giải quyết mọi vấn đề dân tộc. Hiến pháp ghi rõ: *"Tất cả các dân tộc ở Trung Quốc đều bình đẳng. Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các dân tộc thiểu số và duy trì, phát huy mối quan hệ bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc. Cấm mọi sự kỳ thị và phân biệt đối xử đối với các dân tộc, cấm tất cả các hành động chống phá khối đại đoàn kết dân tộc hoặc xúi giục ly khai"*¹. Để đảm bảo thực hiện đoàn kết dân tộc, vì sự thống nhất quốc gia,

1. Lê Ngọc Thắng, *"Chính sách dân tộc ở Trung Quốc"*, <http://www.matram.org.vn/Home/TapChi/so%2076/nrtg.htm>.

TS. HOÀNG THẾ ANH (*Chủ biên*)

Nhà nước Trung Quốc cũng đã ban hành "Luật Chống chia rẽ dân tộc".

Ngoài ra, Đảng và Chính phủ Trung Quốc đã ban hành một loạt chính sách dân tộc có lợi cho sự phát triển của các dân tộc thiểu số, nhằm đảm bảo cho các dân tộc thiểu số có cơ hội phát triển theo kịp trình độ phát triển chung của cả nước, đồng thời góp phần thúc đẩy hoà hợp dân tộc như: chính sách cải cách dân chủ ở vùng dân tộc thiểu số, trong đó tăng cơ cấu đại biểu là người dân tộc thiểu số trong các kỳ đại hội Đảng, khuyến khích họ tham gia công tác quản lý các cấp, chú trọng đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số tham gia trong bộ máy chính quyền Trung ương và địa phương; chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo và ngôn ngữ trong đó nhà nước bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng và các hoạt động tôn giáo hợp pháp, đồng thời khuyến khích việc sử dụng rộng rãi tiếng nói và chữ viết của các dân tộc trong ngành tư pháp, giáo dục và trong đời sống kinh tế - xã hội; chính sách xây dựng đội ngũ nhân tài vùng dân tộc thiểu số, chính sách giáo dục tại các vùng dân tộc thiểu số; chính sách y tế và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, chính sách xoá đói giảm nghèo và cải thiện dân sinh vùng dân tộc thiểu số...

Chế độ tự trị khu vực dân tộc là chính sách cơ bản để Trung Quốc giải quyết vấn đề dân tộc, được chính thức thực hiện từ năm 1984 sau khi "Luật Tự trị khu vực dân tộc nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" được ban bố. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XV Đảng Cộng sản Trung Quốc,

chế độ Tự trị khu vực dân tộc cùng với chế độ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, chế độ Hợp tác đa đảng và hiệp thương chính trị do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo, được gọi là "Ba chế độ chính trị cơ bản" của Trung Quốc. Chính sách tự trị khu vực dân tộc thiểu số là một hệ thống chính trị quan trọng của Trung Quốc. Trung Quốc xây dựng hệ thống chính sách tự trị khu vực dân tộc ở các vùng có người dân tộc thiểu số sống tập trung căn cứ theo quan hệ dân tộc, điều kiện phát triển kinh tế kết hợp với tình hình lịch sử tại nơi đó. Có 3 cấp độ ban hành luật tự trị trong hệ thống tự trị vùng dân tộc, đó là: khu tự trị, châu tự trị và huyện tự trị. Tự trị vùng dân tộc thể hiện tính tự trị độc lập của các dân tộc thiểu số, việc nhà nước thành lập Ủy ban dân tộc ở các cấp là thể hiện sự quan tâm đối với các dân tộc. Đến thời điểm cuối năm 1998, Trung Quốc đã thành lập được 5 khu tự trị (Khu tự trị Nội Mông Cổ; Khu tự trị Duy Ngô Nhĩ, Tân Cương; Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây Khu tự trị dân tộc Hồi, Ninh Hạ; Khu tự trị Tây Tạng), 30 châu tự trị, 120 huyện tự trị và hơn 1.100 xã tự trị. Trong số 55 dân tộc thiểu số thì có đến 44 dân tộc có khu vực tự trị. Số người dân tộc thiểu số sống trong các khu tự trị chiếm 71% số người dân tộc thiểu số của cả nước, diện tích khu vực tự trị chiếm 64% diện tích cả nước¹.

1. Văn phòng thông tin Quốc Vụ viện Trung Quốc, "*Chính sách dân tộc của Trung Quốc và sự phát triển phồn vinh của các dân tộc*", Tuần báo Bắc Kinh, số 41 ngày 15 tháng 10 năm 2009, tr.14.

Thế giới gọi thực tiễn Trung Quốc dùng "tự trị khu vực dân tộc" để giải quyết vấn đề dân tộc trong nước là "mô hình Trung Quốc". Từ giữa thế kỷ XX trở lại đây, trước bối cảnh vấn đề dân tộc thế giới vô cùng phức tạp, chính sách tự trị khu vực dân tộc và những lý luận liên quan của Trung Quốc đã thể hiện rõ những giá trị độc đáo, ngày càng được cộng đồng quốc tế chú ý tới. Một số học giả thế giới cho rằng: Thực tiễn tự trị khu vực dân tộc của Trung Quốc không chỉ thể hiện được nhận thức chung về quyền và lợi ích của việc bảo vệ cho "người thiểu số", mà còn biến nhận thức chung đó trở thành hành động thực tế, đã cung cấp kinh nghiệm riêng của Trung Quốc trong việc xử lý vấn đề dân tộc cho các nước trên thế giới, công hiến một phần trí tuệ Trung Quốc cho hoạt động chính trị trong việc giải quyết vấn đề dân tộc của nhân loại¹.

Nhằm thích ứng với thể chế kinh tế thị trường, tăng cường năng lực tự phát triển kinh tế của các dân tộc thiểu số trong bối cảnh mới, bắt đầu từ sau thập niên 90 thế kỷ XX, công tác sửa đổi "Luật Tự trị khu vực dân tộc" được thực hiện. Trải qua hơn 10 năm nghiên cứu điều tra trên quy mô lớn, đến năm 2001, nhiệm vụ sửa đổi được hoàn thành. Lần sửa đổi này tập trung nhiều vào các điều luật kinh tế, tài chính trước kia đã đặt ra căn cứ vào thể chế kinh tế kế hoạch, nay điều chỉnh sao cho phù hợp với thể chế kinh tế thị trường, quy định rõ chức trách của chính quyền cấp trên trong việc

1. Trịnh Tây, "*Dân tộc và tôn giáo Trung Quốc*", Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2011, tr. 70.

hỗ trợ và giúp đỡ các địa phương tự trị dân tộc phát triển kinh tế và xã hội.

Nội dung cốt lõi của "Luật Tự trị khu vực dân tộc" sửa đổi bao gồm: Cơ quan nhà nước cấp trên có chức trách giúp đỡ địa phương tự trị dân tộc đẩy nhanh phát triển kinh tế, quy định rõ các khu vực có kinh tế phát triển phải chi viện cho những địa phương tự trị dân tộc. Trong 31 quy định được sửa đổi, có 23 điều liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội. Ví dụ như, điều thứ 56 mới được bổ sung quy định: Nhà nước căn cứ theo quy hoạch thống nhất và nhu cầu thị trường, ưu tiên sắp xếp một cách hợp lý các dự án khai thác tài nguyên và dự án xây dựng cơ sở hạ tầng ở địa phương tự trị dân tộc. Điều 57 mới bổ sung quy định: Nhà nước căn cứ vào đặc điểm và nhu cầu của phát triển kinh tế ở địa phương tự trị dân tộc, vận dụng tổng hợp thị trường tài chính, tăng cường giúp đỡ về tài chính đối với địa phương tự trị dân tộc. Điều 69 mới bổ sung quy định: Chính phủ và chính quyền cấp trên phải tăng cường giúp đỡ các khu vực nghèo thuộc địa phương tự trị dân tộc về các mặt tài chính, vật tư, kỹ thuật, nhân tài, v.v... giúp đỡ dân nghèo mau thoát khỏi cảnh nghèo túng, thực hiện xã hội giàu mạnh. Ngoài ra, Luật sửa đổi còn bổ sung quy định: Nhà nước áp dụng biện pháp đền bù lợi ích nhất định cho các địa phương tự trị dân tộc xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên¹.

1. Trịnh Tây, "*Dân tộc và tôn giáo Trung Quốc*", Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2011, tr. 68-70.

Có thể nói, những chính sách tích cực nêu trên là một trong những điều kiện nền tảng hết sức quan trọng để Trung Quốc tạo sự tin tưởng đối với nhân dân các dân tộc thiểu số, góp phần giải quyết tốt vấn đề phát triển của các vùng dân tộc thiểu số, đồng thời đảm bảo sự ổn định đoàn kết xã hội, thống nhất đất nước.

Một trong những chính sách phát triển kinh tế - xã hội nổi bật dành cho các dân tộc thiểu số hiện nay ở Trung Quốc là chính sách phát triển miền Tây chính thức được thực hiện từ đầu năm 2000, với mục đích dùng năng lực phát triển kinh tế dư thừa của vùng duyên hải miền Đông để nâng cao trình độ phát triển kinh tế - xã hội miền Tây, tăng cường đoàn kết hoà hợp dân tộc, củng cố an ninh quốc phòng. Chiến lược này còn được gọi là "Dự án thế kỷ" bởi vì đây là vùng đất hứa hẹn viễn cảnh ngời sáng cho sự phát triển và những cơ hội hiếm có cho kinh doanh. Đây cũng là khu vực tập trung đông nhất các dân tộc thiểu số ở Trung Quốc, chiếm 70% diện tích của cả nước¹.

Kể từ khi thực thi chiến lược đại khai phát miền Tây đến nay, Đảng và Nhà nước Trung Quốc luôn coi việc hỗ trợ đẩy nhanh phát triển các dân tộc thiểu số và khu vực dân tộc là nhiệm vụ trọng yếu hàng đầu. Để giúp cho các dân tộc thiểu số và khu vực dân tộc có được lợi ích thiết thực trong khi thực hiện chiến lược đại khai phát miền Tây, Nhà

1. Lê Ngọc Thắng, "*Chính sách dân tộc ở Trung Quốc*", <http://www.mattran.org.vn/Home/TapChi/so%2076/nrtg.htm>.

nước Trung Quốc đã áp dụng rất nhiều biện pháp hỗ trợ như ưu tiên sắp xếp các dự án khai thác và gia công sâu tài nguyên ở khu vực dân tộc, đền bù lợi ích cho các địa phương tự trị dân tộc xuất khẩu tài nguyên thiên nhiên, hướng dẫn và khuyến khích các doanh nghiệp tương đối phát triển đến các khu vực dân tộc đầu tư, tăng cường mức độ đầu tư tài chính và hỗ trợ tài chính đối với khu vực dân tộc... Hiện nay, tất cả 5 khu tự trị, 30 châu tự trị và 120 huyện tự trị đã được đưa vào phạm vi chiến lược đại khai phát miền Tây, đồng thời được hưởng những chính sách ưu đãi của đại khai phát miền Tây.

Nhờ những chính sách đó, đời sống của nhân dân các dân tộc thiểu số nhìn chung được cải thiện rõ rệt, diện mạo kinh tế - xã hội ở các vùng dân tộc có nhiều khởi sắc. Từ năm 2000 đến 2008, đầu tư tài sản cố định cho khu vực dân tộc kể từ khi thực hiện chiến lược đại khai phát miền Tây đạt gần 7.790 tỷ NDT, trong đó năm 2008 đạt 1.845,3 tỷ NDT, tăng gấp 5 lần so với năm 2000, bình quân mỗi năm tăng 23,7%¹. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của khu vực trong 10 năm đầu thế kỷ XXI đạt 11,9%², cao hơn mức trung bình của cả nước, các chỉ số kinh tế vĩ mô khác như đầu tư tài

-
1. Văn phòng Thông tin Quốc Vụ viện Trung Quốc, "*Chính sách dân tộc của Trung Quốc và sự phát triển phồn vinh của các dân tộc*", Tuần báo Bắc Kinh, số 42, ngày 22 tháng 10 năm 2009, tr. 2.
 2. Ủy ban cải cách phát triển Trung Quốc công bố tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân năm của miền Tây trong 10 năm qua tăng 11,9%, <http://news.sina.com.cn/c/2010-07-08/101520636304.shtml>.

sản cố định toàn xã hội, tốc độ công nghiệp hoá, mức thu nhập bình quân đầu người, trình độ mở cửa đối ngoại, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển giáo dục, an sinh xã hội... của khu vực đều tăng cao, thậm chí tăng gấp đôi. Xây dựng cơ sở hạ tầng có bước tiến vượt bậc, hoàn thành xong hàng loạt các công trình trọng điểm, chuyển khí đốt, điện từ miền Tây sang miền Đông, cải tạo và xây dựng mới một loạt sân bay, đường cao tốc, công trình thủy lợi¹. Năm 2007, hoàn thành tuyến đường sắt Thanh Tạng nối Lhasa với khu vực phía Đông kết thúc thời kỳ Tây Tạng không có đường sắt, về cơ bản đã cải thiện tình trạng giao thông lạc hậu của Tây Tạng, tạo điều kiện để phát triển kinh tế khu vực này.

Sau một thập kỷ đầu thực hiện chiến lược đại khai phát miền Tây, đời sống của người dân các dân tộc thiểu số đã được cải thiện đáng kể, trình độ phát triển xã hội khu vực miền Tây được tăng cao, năng lực phát triển tổng hợp được tăng cường. Từ năm 1999 đến 2008, GDP bình quân đầu người ở miền Tây tăng từ 4.283 NDT lên 15.951 NDT. Thu nhập bình quân đầu người cư dân thành thị và nông thôn ở miền Tây tăng nhanh, năm 2008, thu nhập bình quân đầu người cư dân thành thị đạt 12.971 NDT, thu nhập bình quân đầu người cư dân nông thôn đạt 3.518 NDT, lần lượt bằng 82,2% và 73,9% mức trung bình của cả nước. Số lượng người nghèo của miền Tây giảm từ 57 triệu người xuống còn 23,7

1. "10 năm đại khai phát miền Tây: Nhìn lại và triển vọng", http://news.xinhuanet.com/fortune/2009-11/10/content_12424129.htm.

triệu người, giảm gần 60% so với 10 năm trước¹. Từ năm 1998 đến 2008, kinh phí giáo dục của miền Tây tăng từ 60,917 tỷ NDT lên 248,86 tỷ NDT, tăng 3,09 lần, bình quân mỗi năm tăng 15,11%. Mục tiêu công kiên "hai cơ bản" của miền Tây được thực hiện đúng thời hạn. Năm 2000, Trung Quốc đã thực hiện nhiệm vụ "hai cơ bản", nhưng miền Tây vẫn còn 410 huyện chưa thực hiện "hai cơ bản", bình quân mỗi người chỉ được hưởng 6,7 năm giáo dục. Đến năm 2004, Trung Quốc chính thức khởi động Quy hoạch công kiên "hai cơ bản" của miền Tây trong thời gian 4 năm. Sau 4 năm thực hiện, mục tiêu công kiên "cơ bản phổ cập giáo dục nghĩa vụ 9 năm ở nông thôn" và "cơ bản xóa mù chữ cho thanh niên, trung niên" ở miền Tây đã thực hiện đúng thời hạn. Hiện nay, tỷ lệ dân số "hai cơ bản" ở miền Tây đạt tới 98%².

Như vậy, có thể nói, các cấp lãnh đạo Trung Quốc thực hiện chiến lược phát triển miền Tây, không những đã nâng cao trình độ phát triển tổng hợp của các khu vực dân tộc, giúp cho đời sống của nhân dân các dân tộc thiểu số được cải thiện, bảo đảm quyền lợi của người dân tộc, vùng dân tộc, mà còn góp phần quan trọng giữ vững ổn định xã hội, tăng cường đoàn kết dân tộc, thúc đẩy phát triển xã hội của Trung Quốc nói chung.

-
1. Giới thiệu tình hình đại khai phát miền Tây, <http://big5.fmprc.gov.cn/gate/big5/my.china-embassy.org/chn/zt/xbdkf/t769592.htm>.
 2. Lưu Thế Khánh, "Nhìn lại 10 năm đại khai phát miền Tây: Thành tựu và thách thức", Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 5 năm 2010, tr. 10.

Tuy nhiên, vấn đề dân tộc liên quan đến sắc tộc không hề đơn giản, luôn luôn âm ỉ, đe dọa tới sự ổn định của Trung Quốc. Trong 10 năm đầu thế kỷ XXI, tình trạng các cuộc biểu tình và bạo loạn ngày càng diễn ra gay gắt, đặc biệt là từ khi xảy ra các cuộc bạo động ở các khu tự trị lớn. Để xử lý những mâu thuẫn chính trị giữa lật đổ và chống lật đổ, ly khai và chống ly khai, cũng như những mâu thuẫn dân tộc trên các phương diện kinh tế, văn hoá khác, Đảng và Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện nhiều biện pháp kinh tế, chính trị và ngoại giao, các biện pháp lâu dài cũng như trước mắt. Trong các biện pháp mà Trung Quốc thực hiện, ngoài các biện pháp cứng rắn đảm bảo an ninh trước mắt, tăng cường đấu tranh chống các phần tử ly khai dân tộc ở trong và ngoài nước, Trung Quốc còn chú ý tới các biện pháp kinh tế như tăng cường hơn nữa phát triển kinh tế-xã hội ở các khu vực bất ổn, tiếp tục đẩy mạnh chiến lược đại khai phát miền Tây với những biện pháp mới chú ý nhiều hơn tới chất lượng và hiệu quả phát triển cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững, cải thiện dân sinh nhằm làm giảm bớt mâu thuẫn và bất bình trong nhân dân. Đồng thời, Trung Quốc cũng chủ trương thực hiện các biện pháp ngoại giao nhằm gia tăng niềm tin, xoá bỏ nghi ngại, xây dựng hình tượng quốc tế tốt cho mình. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, trong giai đoạn này, cũng giống như các thời kỳ trước đó, khi trong nước xảy ra những bất ổn, để hướng mâu thuẫn nội bộ ra bên ngoài, Chính phủ Trung Quốc đã gây căng thẳng và phức tạp hoá các vấn đề quốc tế liên quan,

như vấn đề Biển Đông chẳng hạn, nhằm hướng sự chú ý của dư luận trong nước ra các sự kiện bên ngoài. Con bài chủ nghĩa dân tộc cũng được Trung Quốc sử dụng trong việc phản đối Mỹ và phương Tây dùng các vấn đề dân chủ, nhân quyền, can thiệp vào các vấn đề Tây Tạng, Tân Cương và Đài Loan¹. Đáng chú ý là trong những năm đầu thế kỷ XXI, Đảng và Chính phủ Trung Quốc đã thực thi một số biện pháp, chính sách đối với vấn đề dân tộc để giữ vững ổn định xã hội.

2. Một số giải pháp giữ vững ổn định ở khu vực dân tộc thiểu số

Một là, thắt chặt an ninh tại các khu vực xảy ra bạo loạn nhằm nhanh chóng ổn định trật tự trị an xã hội tại nơi đó. Một điểm chung trong việc xử lý các cuộc bạo động, gây rối liên quan đến mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo và sắc tộc lớn diễn ra trong thời gian vừa qua đó là Chính phủ Trung Quốc đã chỉ đạo cho chính quyền địa phương sử dụng các biện pháp trấn áp cứng rắn, tăng cường lực lượng công an, quân đội để lập lại ổn định và trật tự xã hội trong một thời gian ngắn. Một số nơi chính quyền còn áp dụng lệnh giới nghiêm, thiết quân luật, thậm chí còn phong tỏa cả mạng internet. Sau khi lập lại được trật tự, chính quyền ở các địa phương xảy ra bạo loạn vẫn tiếp tục đầu tư thêm tiền để tăng cường

1. Đỗ Minh Cao, "Ý nghĩa địa chính trị của Biển Đông", Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 6 năm 2012, tr. 74.

bộ máy các cơ quan an ninh, quân đội nhằm đảm bảo trật tự, ổn định. Ví dụ ở Tân Cương, chính quyền khu tự trị đã cho lắp đặt khoảng 40.000 camera giám sát trên khắp thành phố Urumqi. Hơn nữa, kể từ sau cuộc bạo động gây rối xảy ra ở Tân Cương, Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện sự trừng phạt rất mạnh tay bằng cách tử hình những người đã kích động bạo loạn, truy tố và giam giữ hàng trăm người¹. Nhờ đó mà các cuộc bạo động trên đã được Chính phủ Trung Quốc khống chế và không để lan rộng ra các vùng xung quanh, nhanh chóng lập lại trật tự tại các nơi xảy ra bạo động, gây rối.

Hai là, tăng cường các biện pháp ngăn chặn các thế lực kích động bạo lực, mưu đồ quốc tế hoá các vấn đề Tây Tạng, Tân Cương. Trong thời gian gần đây, Chính phủ Trung Quốc đã đặc biệt chú ý quan tâm việc tăng cường các biện pháp nhằm ngăn chặn hoạt động chia rẽ và phá hoại của tập đoàn ly khai Đạt Lai Lạt Ma, cùng các động thái và các phương thức hỗ trợ của các thế lực thù địch chống Trung Quốc trên quốc tế. Trung Quốc cũng khẳng định rõ hơn lập trường nguyên tắc của mình đối với vấn đề này, kiên quyết phản đối bất cứ quốc gia và tổ chức nào với bất cứ lý do nào để can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc. Chính phủ Trung Quốc luôn nhấn mạnh, các nước cần phải tôn trọng

1. "Trung Quốc tăng cường "đàn áp" ở Tân Cương", http://www.bbc.co.uk/vietnamese/world/2012/07/120705_amnesty_xinjiang_repression.shtml.

chủ quyền của Trung Quốc, không được tạo điều kiện cho các phần tử ly khai đòi "Tây Tạng độc lập", "Tân Cương độc lập"...

Trên thực tế, cùng với quốc lực tổng hợp của Trung Quốc không ngừng được tăng cường, các mối quan hệ hữu nghị đối ngoại mật thiết, đã có một số nước đặc biệt là các nước xung quanh cũng đã có những động thái tích cực nhằm hạn chế hoạt động ly khai "Tây Tạng độc lập", "Tân Cương độc lập". Ví dụ như Bộ Ngoại giao Thái Lan ngày 3 tháng 3 năm 2010 đã tuyên bố, Đại sứ quán Thái Lan tại Ấn Độ đã từ chối cấp visa du lịch sang Thái cho em gái của Đạt Lai Lạt Ma do lo ngại họ tiến hành diễn thuyết những chính sách có liên quan đến Tây Tạng của Trung Quốc ở Băng Cốc¹. Hay như tờ "Tiếng nói Hoa Kỳ" đưa tin, ngày 26 tháng 2 năm 2010, Toà án Tây Ban Nha cũng đã đình chỉ điều tra vụ án "Chính phủ Trung Quốc bức hại nhân quyền Tây Tạng trong sự kiện ngày 14 tháng 3 năm 2008". Nhiều nước phương Tây khác cũng đã tuyên bố "không muốn mượn cớ nhân quyền để chỉ trích Trung Quốc"². Như vậy, với vị thế của mình trên trường chính trị thế giới, Trung Quốc đã gây sức ép, ngăn chặn các thế lực phản động, ly khai Hoa kiều cũng như các thế lực nước ngoài chống Trung Quốc ở nước ngoài nhằm bảo đảm ổn định chính trị xã hội, bảo vệ sự thống nhất của Trung Quốc.

1, 2. Trung tâm Nghiên cứu An ninh và Chiến lược Quốc tế Học viện Quan hệ Quốc tế, *"Báo cáo khái quát An ninh Quốc gia Trung Quốc năm 2010"*, Nxb. Sự thật, năm 2011, tr. 262.

Ba là, tăng cường phát triển kinh tế và xã hội, tạo nhiều cơ hội việc làm cho người dân tộc thiểu số tại vùng bạo loạn nhằm tìm cách giải quyết tận gốc bạo loạn. Như đã nói ở trên, bên cạnh các biện pháp cứng rắn giải quyết trước mắt, để giải quyết những bất ổn về dân tộc, tôn giáo nêu trên, đặt trong tổng thể phát triển kinh tế - xã hội chung của cả nước, trong thời gian qua Đảng và Nhà nước Trung Quốc đã tập trung đầu tư, ưu đãi nhiều hơn vào việc phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực miền Tây, đặc biệt là các vùng dân tộc thiểu số. Quy hoạch 5 năm lần thứ XII đã đưa chiến lược phát triển miền Tây lên vị trí đầu tiên trong chiến lược phát triển vùng miền, đồng thời đã đưa ra nhiều biện pháp mới nhằm giải quyết những hạn chế và những điểm chưa hợp lý trong giai đoạn trước, như tiến hành điều chỉnh cơ cấu ngành nghề từ khai thác xuất khẩu nguyên liệu thô sang xuất khẩu các sản phẩm đã được gia công chế biến, chú trọng nhiều hơn đến chất lượng hiệu quả đầu tư và tăng trưởng, chuyển trọng điểm công tác từ xây dựng cơ sở hạ tầng sang cải thiện dân sinh, chú trọng hơn đến xã hội hài hoà...¹.

Năm 2010, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tổ chức Hội nghị công tác Tây Tạng lần thứ 5, đã đưa ra yêu cầu Tân Cương, Tây Tạng phải thực hiện bước phát triển nhảy vọt với 4 bảo đảm chắc chắn là "bảo đảm chắc chắn kinh tế - xã hội Tân Cương thực hiện sự phát triển nhảy vọt;

1. Nguyễn Thanh Giang, "Chiến lược đại khai phát miền Tây của Trung Quốc giai đoạn 2011 - 2020", Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 8 năm 2012, tr. 15-26.

bảo đảm an ninh quốc gia và sự ổn định lâu dài của Tân Cương; bảo đảm mức sống của nhân dân Tây Tạng không ngừng được nâng cao; bảo đảm sinh thái của Tây Tạng tốt đẹp". Một năm gần đây, dưới sự hỗ trợ của Trung ương và các địa phương, khu vực Tây Tạng đã có những thay đổi lớn, GDP tăng trưởng bình quân đạt 12,3%, thu nhập bình quân của nông dân và người chăn nuôi tăng trưởng trên 10%, triển khai trên quy mô lớn xây dựng cơ sở hạ tầng, tổng đầu tư đạt hơn 180 tỷ NDT, sự nghiệp giáo dục phát triển mạnh, tỷ lệ mù chữ giảm xuống chỉ còn 2,4%¹, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị giảm xuống còn khoảng 3%. Đó là những thành tựu rất đáng ghi nhận mà Đảng và Chính phủ Trung Quốc đã làm được trong thời gian qua, thông qua việc giúp cho khu vực Tây Tạng cũng như các dân tộc thiểu số nơi đây cảm nhận được những thành quả phát triển, nhận thức rõ đoàn kết ổn định là phúc, bạo loạn chia rẽ là họa để duy trì sự ổn định lâu dài của Tây Tạng và cộng đồng dân tộc Tạng.

Cũng trong năm 2010, Trung ương Đảng và Quốc Vụ viện Trung Quốc tổ chức Hội nghị Công tác Tân Cương, đã xác định mục tiêu mới cho Tân Cương, đồng thời ban hành một loạt chính sách mới nhằm đưa Tân Cương phát triển lên một tầm cao hơn, trong đó nhấn mạnh Tân Cương sẽ là nơi đi đầu thực hiện cải cách thuế tài nguyên, sẽ có chính

1. Trung tâm Nghiên cứu An ninh và Chiến lược Quốc tế Học viện Quan hệ Quốc tế, "*Báo cáo khái quát An ninh Quốc gia Trung Quốc năm 2010*", Nxb. Sự thật, năm 2011, tr. 263.

sách ưu đãi "hai miễn ba giảm một nửa" (miễn thu thuế hai năm đầu, ba năm tiếp theo giảm một nửa) thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp ở các khu vực khó khăn ở Tân Cương, trong thời kỳ "Quy hoạch 5 năm lần thứ XII" sẽ đầu tư vượt 2.000 tỷ NDT¹.

IV. NHỮNG VẤN ĐỀ BẤT ỔN TRONG XÃ HỘI TRUNG QUỐC 10 NĂM ĐẦU THẾ KỶ XXI

Cùng với sự phát triển kinh tế, vai trò của thể chế chính trị và những chính sách giữ vững ổn định xã hội nêu trên đã làm cho xã hội Trung Quốc về cơ bản vẫn giữ vững và duy trì được sự ổn định, phát triển trong giai đoạn 2000 - 2011. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có không ít những nhân tố gây bất ổn, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển xã hội Trung Quốc. Từ đó gây ảnh hưởng đến sự trỗi dậy của Trung Quốc.

1. Bất ổn xã hội đằng sau sự phát triển kinh tế và kinh tế thị trường

Cùng với phát triển kinh tế là sự chênh lệch phân phối thu nhập giữa các nhóm người, đặc biệt là chênh lệch thu nhập giữa người dân thành thị với người dân nông thôn, giữa các vùng miền là nguyên nhân chủ yếu khiến cho tình trạng phân hóa giàu nghèo của Trung Quốc diễn ra ngày

1. Trung tâm Nghiên cứu An ninh và Chiến lược Quốc tế Học viện Quan hệ Quốc tế, "*Báo cáo khái quát An ninh Quốc gia Trung Quốc năm 2010*", Nxb. Sự thật, năm 2011, tr. 239.

càng nghiêm trọng. Theo nghiên cứu của các học giả Trung Quốc, điều này sẽ đe dọa đến sự ổn định chính trị xã hội - một nhân tố vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. Vì trước hết, chênh lệch giàu nghèo sẽ phá vỡ tâm lý ổn định vốn có của nhân dân, khiến cho nhiều người rơi vào tình trạng mất cân bằng, nghi ngờ, u uất, ghen ghét, bất mãn. Mặc dù sau khi Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa, mức sống của người dân được nâng cao khá rõ rệt, nhưng do tình trạng chênh lệch thu nhập khá lớn khiến cho một số đông người vẫn cảm thấy mình là người nghèo. Thậm chí có những người đã bước vào mức sống trung lưu, nhưng trước sự phát triển quá nhanh của một số người giàu họ cũng không tránh khỏi hằn học. Chính vì sự mất cân bằng trong tâm lý, mà ngày càng có nhiều cuộc biểu tình chống chính quyền, chống sự áp bức của một số quan chức địa phương, chống nạn tham nhũng của một số lãnh đạo xảy ra. Đặc biệt là sự mâu thuẫn về lợi ích giữa chính quyền và người dân trong quá trình phát triển kinh tế ngày càng trở nên gay gắt. Sự kiện Ung An ở tỉnh Quý Châu là một ví dụ điển hình:

Sự kiện Ung An ở tỉnh Quý Châu

Ung An là khu vực có tài nguyên thủy điện và tài nguyên khoáng sản tương đối phong phú. Về phương diện xây dựng, khai phát (khai thác, phát triển) thủy điện, trong quá trình xây dựng nhà máy thủy điện Cầu Bì, liên quan đến vấn đề lợi ích của người dân bao gồm như di dời nhà ở, sắp xếp lại sản xuất. Nhưng chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, sắp xếp lại nhà ở cho người dân quá thấp (theo quan điểm của người

dân), không đảm bảo được đời sống lâu dài, do vậy họ đã mong muốn chính quyền đứng ra giải quyết, thế nhưng chính quyền chưa thể giải quyết được một cách triệt để. Đồng thời, trong quá trình khai thác nguồn tài nguyên khoáng sản, những mâu thuẫn liên tục xuất hiện. Những người nông dân ở xung quanh khu vực mỏ khoáng sản cho rằng, khai thác khoáng sản không những không đem lại lợi ích cho người dân, mà còn hủy hoại môi trường, thậm chí còn ảnh hưởng đến điều kiện sinh tồn của họ. Do vậy, ngay từ năm 2004 đã xảy ra sự kiện mang tính tập thể (quần chúng) người dân bao vây, đập phá trụ sở làm việc của chính quyền¹.

Thực chất điều này cho thấy, sự phát triển kinh tế trong những năm qua ở nhiều địa phương Trung Quốc là dựa vào việc bán đất. Ước tính khoảng 60% đến 70% thu nhập của chính quyền địa phương đến từ việc bán đất của nông dân. Thực tiễn này không những làm cho quan chức địa phương được hưởng lợi mà còn tạo ra tỷ lệ tăng trưởng GDP cao, đây được coi là thành tích của quan chức chính quyền địa phương ở Trung Quốc.² Một số học giả Trung Quốc còn cho rằng, chính điều này đã tạo nên "hình ảnh" Đảng và

-
1. Trịnh Phong Điền, Lưu Kiệt, *"Từ ý kiến mang tính quần chúng đến sự kiện mang tính quần chúng: làm rõ một quan niệm - Điều tra ở Ông An Quý Châu, Thạch Thủ Hồ Bắc, Uy Huyện Hà Bắc, Quan sát nông thôn Trung Quốc"*, số 5 năm 2010, tr. 66.
 2. Michael Young, *People of Wukan Challenge China Model*, <http://www.theepochtimes.com/n2/opinion/people-of-wukan-challenge-china-model-177702.html>.

Chính phủ Trung Quốc đứng về phía nhà tư bản, chứ không đứng về phía người dân thường. Tầng lớp tinh anh ở Trung Quốc là những người có ảnh hưởng đến chính sách công, làm cho các chính sách công nghiêng về phục vụ cho tầng lớp tinh anh này.

Một chỉ báo quan trọng nữa cho thấy sự gia tăng bất ổn xã hội ở Trung Quốc là số vụ biểu tình, phản kháng xã hội - mà theo cách gọi của Trung Quốc là những "sự kiện mang tính quần chúng" ngày càng tăng lên nhanh chóng. Năm 2005, Trung Quốc lần đầu tiên công bố số "sự kiện mang tính quần chúng", bao gồm bạo động, biểu tình, phản kháng... đã gia tăng từ 8.700 vụ năm 1993 lên tới 74.000 vụ năm 2004. Bộ Công an Trung Quốc công bố năm 2006 số vụ phản kháng lên tới 87.000 vụ năm 2005¹. Từ 2007, Trung Quốc không còn công bố số lượng các sự kiện mang tính quần chúng do giới lãnh đạo Trung Quốc lo ngại về những tác động ngược từ việc công bố những con số này. Theo GS. Tôn Lập Bình, Đại học Thanh Hoa, Trung Quốc, trong năm 2010 ở Trung Quốc đã xảy ra khoảng 180.000 vụ biểu tình mang tính quần chúng, con số này gấp đôi so với năm 2006². Điều

-
1. Bộ Công an triệu tập họp báo công báo thông báo về tình hình trị an xã hội và tình hình hòa loạn của cả nước năm 2005, ngày 20 tháng 1 năm 2006, <http://www.mps.gov.cn/cenweb/brjlCenweb/jsp/common/article.jsp?infoid=ABC00000000000000001018>.
 2. Dẫn lại từ China's Spending on Internal Police Force in 2010 Outstrips Defense Budget, <http://www.bloomberg.com/news/2011-03-06/china-s-spending-on-internal-police-force-in-2010-outstrips-defense-budget.html>.

này khiến cho một học giả Mỹ đã nhận xét "tới đầu thế kỷ XXI, phản kháng xã hội đã trở thành đặc điểm phổ biến của xã hội Trung Quốc"¹.

Một thực tế không mong đợi trong chiến lược đại khai phát miền Tây của Trung Quốc, đó là khoảng cách chênh lệch phát triển giữa miền Đông và miền Tây không được thu hẹp, ngược lại có chiều hướng doãng ra. Như: bất luận là đầu tư, GDP của địa phương, thu nhập tài chính của địa phương, tiết kiệm của cư dân thành thị và nông thôn, hay là phương diện kinh phí cho giáo dục, chênh lệch giữa miền Đông và miền Tây trong khoảng 10 năm từ 1999 đến 2008 tăng từ gấp 3 lần đến 5 lần. Ví dụ trong lĩnh vực thu hút đầu tư, năm 1999 miền Đông của Trung Quốc tổng cộng nhận được 1.733 tỷ NDT vốn đầu tư, đến năm 2008 con số này lên đến 9.645 tỷ NDT, tăng khoảng gần 5,57 lần. Còn tổng đầu tư miền Tây nhận được năm 1999 là 542,1 tỷ NDT, đến năm 2008 tăng lên 3.594,9 tỷ NDT, trong 10 năm tăng khoảng 6,63 lần. Nhưng nếu tính toán về mức chênh lệch đầu tư trong 10 năm này tăng từ 1.190,9 tỷ NDT lên đến 6.050,1 tỷ NDT, mức chênh lệch này là 5,08 lần. Ngoài ra, các chỉ số khác vẫn có chênh lệch lớn như GDP bình quân đầu người của khu vực miền Tây không bằng 45,6% của miền Đông, mức đầu tư bình quân đầu người không bằng 60% của miền Đông, thu nhập tài chính bình quân đầu người

1. Thomas Bernstein, *Unrest in Rural China: A 2003 Assessment*, August 1, 2004, p. 1, <http://repositories.cdlib.org/csd/04-13>.

cũng chỉ bằng khoảng 43,6% của miền Đông, tiết kiệm của cư dân thành thị và nông thôn cũng chỉ bằng 45,1%, kinh phí giáo dục bình quân đầu người bằng 66,1% của miền Đông¹. Thực chất, trong 10 năm qua Trung Quốc thực hiện đại khai phát miền Tây, Chính phủ Trung ương đã có những đầu tư lớn vào khu vực này. Thế nhưng, theo đánh giá của các học giả Trung Quốc thì mức độ đầu tư của Trung ương vẫn không đủ, nhất là trong phương diện đầu tư xây dựng hệ thống giao thông vẫn còn thấp so với khu vực miền Đông, mật độ đường sắt của miền Tây không bằng 1/4 của miền Đông (khoảng 23,1% của miền Đông), còn đường quốc lộ chỉ bằng 27,4% của miền Đông. Ngoài ra, công trình tàu điện ngầm ở Thành Đô khởi công xây dựng chậm hơn miền Đông là 10 năm, do vậy chưa đáp ứng được sự phát triển nhanh của thành phố². Tất cả những điều này ít nhiều gây trở ngại đến sự phát triển của khu vực miền Tây.

Bên cạnh đó, còn có sự chênh lệch lớn về phát triển giữa các vùng miền ở Trung Quốc. Như năm 2009, GDP bình quân đầu người ở khu vực miền Tây chỉ là 2.000 USD, miền Đông hơn 5.000 USD, trong đó một số thành phố phát triển như

-
1. "10 năm đại khai phát miền Tây, khoảng cách chênh lệch giữa miền Đông và miền Tây lại doãng ra", http://news.usqiaobao.com/2010-02/22/content_360076.htm.
 2. "Chênh lệch giữa miền Tây sau 10 năm đại khai phát với miền Đông lại càng doãng ra", http://news.usqiaobao.com/2010-02/22/comtent_360076.htm.

Thâm Quyển trên 13.000 USD, Bắc Kinh, Thượng Hải đều trên 10.000 USD. Về mức độ đô thị hóa, tại thời điểm năm 2009, tỷ lệ đô thị hóa ở khu vực miền Trung, miền Tây là rất thấp, chỉ khoảng 30%, còn khu vực miền Đông đã đạt gần 60%¹. Đây cũng là một nhân tố ảnh hưởng không tốt đến sự trỗi dậy của Trung Quốc.

Đồng thời, trong những năm gần đây, vấn đề đáng chú ý là đằng sau nền kinh tế thị trường, các vụ án phạm tội kinh tế tiếp tục tăng lên. Từ tháng 1 đến tháng 10 năm 2007, cơ quan công an trong cả nước đã khởi tố 62.000 vụ án liên quan đến tội phạm gây rối trật tự kinh tế thị trường, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2006. Trong số các vụ án này, có tới 27.000 vụ án gây rối trật tự thị trường, tăng 29,2% so với cùng kỳ năm 2006; 1.904 vụ xâm phạm bản quyền trí tuệ, tăng 31,5% so với cùng kỳ năm 2006, v.v...². Đặc biệt là ở một số nơi có nền kinh tế thị trường phát triển như tỉnh Chiết Giang, trong năm 2008, số vụ án thu hút tiền gửi tiết kiệm phi pháp của người dân và số vụ án lừa đảo kêu gọi vốn đầu tư do cơ quan công an tỉnh Chiết Giang thụ lý hồ sơ lần lượt tăng lên 189,8% và 312%

-
1. *"Triển vọng làm thế nào để phát triển nhịp nhàng, đẩy nhanh đô thị hóa khu vực trong thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ XII"*, http://news.xinhuanet.com/observation/2011-03/02/c_121138730.htm.
 2. Bộ công an Trung Quốc công bố rằng tình hình trật tự trị an 10 tháng đầu năm ổn định, tội phạm kinh tế tăng mạnh, http://www.singtaonet.cn/china/t20061115_392344.html.

so với cùng kỳ năm trước¹. Trong thời gian từ năm 2005 đến tháng 6 năm 2010, số vụ án huy động vốn phi pháp ở Trung Quốc đã vượt quá 100.000 vụ, liên quan đến số tiền trên 100 tỷ NDT, với tốc độ tăng bình quân mỗi năm là 2.000 vụ, với số tiền huy động phi pháp mỗi năm tăng lên là 20 tỷ NDT. Năm 2011, số vụ án huy động vốn phi pháp tiếp tục tăng lên, trong 6 tháng đầu năm 2011, các khu vực Ôn Châu, Nội Mông Cổ, Thâm Quyển, Vũ Hán là các địa phương có hoạt động vay tín dụng dân gian tương đối nhiều². Ngoài ra, còn xuất hiện tình trạng số ít nhà doanh nghiệp có những hoạt động thu lợi phi pháp như làm hợp đồng giả, lừa bịp xây dựng xưởng sản xuất tăng lên.

Hiện tượng phạm tội làm giả giấy tờ lĩnh tiền hoàn thuế xuất khẩu, làm giả chứng từ trốn lậu thuế giá trị gia tăng tăng mạnh. Như trong năm 2009, một số doanh nghiệp đối mặt với việc phải đóng cửa đã dùng một số thủ đoạn làm giấy tờ giả xuất khẩu để lĩnh tiền hoàn thuế, giảm đi những tổn thất về kinh tế, thậm chí còn cấu kết với những nhân viên thuế vụ, thành lập những "công ty làm hóa đơn" chuyên

1. Nhữ Tín, Lục Học Nghệ, Lý Bồi Lâm (Ru Xin, Lu Xueyi, Li Peilin) (Chủ biên), *"Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc năm 2009"*, Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh 2008, tr. 204.

2. Nhữ Tín, Lục Học Nghệ, Lý Bồi Lâm (Ru Xin, Lu Xueyi, Li Peilin) (Chủ biên), *"Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc năm 2012"*, Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh, 2012, tr. 251.

môn làm hóa đơn giả để trốn thuế giá trị gia tăng, làm giả giấy tờ để lĩnh tiền hoàn thuế xuất khẩu. Theo thống kê, từ tháng 1 đến tháng 10 năm 2009, cơ quan công an cả nước đã thụ lý 7.417 vụ án liên quan đến vấn đề trung thu thuế, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2008¹.

Chính những hoạt động bất tín này đã phá vỡ niềm tin trong nền kinh tế thị trường, tăng thêm chi phí giao dịch giữa các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, phá vỡ trật tự của nền kinh tế thị trường ở Trung Quốc.

Điều này cho thấy, hiện nay việc vận hành nền kinh tế thị trường của Trung Quốc còn tồn tại rất nhiều vấn đề bất cập về thể chế quản lý và giám sát. Như vậy, không những gây rối loạn trật tự kinh tế thị trường, khó bảo vệ được lợi ích chính đáng của người dân, mà còn ẩn chứa nhiều nhân tố bất ổn trong xã hội của Trung Quốc, ảnh hưởng xấu đến hình ảnh của một Trung Quốc đang trỗi dậy.

Cùng với tiến trình thị trường hóa ở Trung Quốc, mặc dù y tế công lập vẫn được coi là đơn vị sự nghiệp, chịu sự quản lý của các bộ ngành liên quan, thế nhưng thực tiễn thu phí quá nhiều ở bệnh viện công lập hiện nay ở Trung Quốc là một vấn đề đáng bàn và có thể sẽ gây ra những tranh cãi: Liệu ngành y tế Trung Quốc đã thị trường hóa

1. Nhữ Tín, Lục Học Nghệ, Lý Bồi Lâm (Ru Xin, Lu Xueyi, Li Peilin) (Chủ biên), "*Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc năm 2010*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh, 2009, tr. 91.

hay chưa? Có người cho rằng "thị trường hóa", người khác lại cho rằng "thị trường hóa mang tính hành chính". Nhưng một thực tế đặt ra là, vấn đề thu phí quá nhiều ở các bệnh viện công lập đã khiến cho việc chăm sóc sức khỏe của người dân trở nên khó khăn "khám bệnh đắt, khám bệnh khó", ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển của xã hội. Như tỷ lệ thu phí dịch vụ của các bệnh viện công lập trong mức thu phí của các dịch vụ y tế năm 2004 là 98,5%. Tuy tỷ lệ này trong những năm gần đây có giảm, nhưng vẫn đứng ở mức cao, năm 2009 là 86,4%, năm 2010 lại tăng lên đến 87,6%. Việc vận hành của các bệnh viện công lập chủ yếu dựa vào việc thu phí, điều này có đặc trưng thị trường hóa các bệnh viện công lập. Theo chuyên gia của ngân hàng thế giới nhận định về tình hình này ở Trung Quốc: "Do đại bộ phận thu nhập của các bệnh viện, của các bác sĩ là dựa vào lợi nhuận thu được từ chi phí dịch vụ và bán thuốc, đại đa số các bệnh viện công lập của Trung Quốc vận hành như các bệnh viện tư nhân, bác sĩ trong các bệnh viện công lập như là những người hành nghề tư nhân độc lập"¹.

Bên cạnh việc thu phí y tế cao, thì vấn đề thu phí giáo dục cũng diễn ra tương tự. Mặc dù thu phí giáo dục là

1. Nhữ Tín, Lục Học Nghệ, Lý Bồi Lâm (Ru Xin, Lu Xueyi, Li Peilin) (Chủ biên), *"Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc năm 2012"*, Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh, 2012, tr. 93.

hiện tượng phổ biến ở các nước trên thế giới, thế nhưng mức thu như thế nào là phù hợp với thu nhập bình quân đầu người của người dân là vấn đề đáng bàn. Ở Trung Quốc từ năm 1992 bắt đầu thực hiện chế độ chiêu sinh thu phí ở một phạm vi nhất định, năm 1997 cả nước thực hiện chế độ thu phí giáo dục ở các trường đại học. Từ đó mức thu học phí đối với học sinh ngày càng tăng lên, năm 1996 bình quân mỗi học sinh ở các trường đại học thông thường phải đóng học phí là 1.620 NDT, đến năm 2004 tăng lên khoảng 4.000 NDT. Mặc dù trong những năm đầu thế kỷ XXI Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra những quy định nhằm khống chế mức thu học phí và ký túc xá ở các trường đại học là không được cao hơn 2.000 NDT. Thế nhưng, hiện nay mức thu học phí ở các trường đại học Trung Quốc từ khoảng 5.000 NDT đến 10.000 NDT, tùy theo từng trường có mức thu khác nhau, tiền thuê ký túc xá dao động trong khoảng từ 800 đến 1.200 NDT. Mức phí này giai đoạn hiện nay tăng khoảng từ 25 đến 50 lần so với năm 1989¹.

Nếu so sánh mức thu học phí của Trung Quốc với Mỹ là quốc gia có mức học phí cao trên thế giới thì thấy, tỷ lệ học phí trong GDP bình quân đầu người của Trung Quốc còn cao hơn cả Mỹ. Ví dụ như năm 2001, bình quân học phí đại học ở Mỹ khoảng hơn 5.000 USD, chiếm khoảng 15% GDP

1. Lai Trác, "*Nghiên cứu so sánh thu phí giáo dục đại học và mức chịu đựng kinh tế của người dân giữa Trung Quốc và Mỹ*", <http://www.xzbu.com/2/view-394276.htm>.

bình quân đầu người. Còn ở Trung Quốc năm 2001, mức học phí bình quân của các trường đại học là 3.895 NDT, chiếm hơn 10% thu nhập bình quân đầu người của Trung Quốc¹.

Với mức thu phí này đã vượt quá sức chịu đựng của nhiều người dân Trung Quốc. Như năm 2005, học phí chiếm 21,87% thu nhập của người dân thành thị, mức này một số gia đình thành phố có thể chịu đựng được, còn những gia đình ở nông thôn mức học phí chiếm 36,31% tổng thu nhập, nếu cộng thêm chi phí ăn ở tại trường của học sinh thì mức chi phí lên đến gần 90% thu nhập của gia đình nông thôn, với mức này thì nhiều gia đình ở nông thôn Trung Quốc không chịu nổi². Điều này đã gây ra khó khăn trong việc đi học của con em những gia đình có thu nhập thấp, đây cũng chính là mặt trái của việc thị trường hóa giáo dục ở Trung Quốc.

2. Những vấn đề đặt ra trong hệ thống quản lý xã hội, ảnh hưởng xấu đến phát triển xã hội

Như trên đã nói, thực chất trong những năm đầu của tiến trình cải cách mở cửa ở Trung Quốc, Đảng và Chính phủ Trung Quốc chủ yếu tập trung vào phát triển kinh tế. Cải cách theo hướng thị trường đã để lại không ít những vấn đề

1. "Khó khăn và lối thoát của thể chế giáo dục ở Trung Quốc trong quá trình hiện đại hóa, thị trường hóa", <http://www.xchen.com.cn/yxlw/scxlw/466851.html>.

2. Lai Trác, "Nghiên cứu so sánh thu phí giáo dục đại học và mức chịu đựng kinh tế của người dân giữa Trung Quốc và Mỹ", <http://www.xzbu.com/2/view-394276.htm>.

bất cập trong thể chế quản lý xã hội. Mặc dù Đảng và Chính phủ Trung Quốc đã bắt đầu nỗ lực trong việc tăng cường quản lý xã hội vào những năm đầu thế kỷ XXI, thế nhưng thực tiễn thể chế quản lý xã hội ở Trung Quốc gặp phải rất nhiều vấn đề tồn tại ở tầng sâu, ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội. Theo quan điểm của GS. Trịnh Vĩnh Niên, Đại học Singapore trong bài viết "*Tương lai quản lý xã hội của Trung Quốc*" đăng trên Báo Liên hợp buổi sáng, ngày 3 tháng 1 năm 2012, hiện nay vấn đề quản lý xã hội ở Trung Quốc có 2 cách: *Một là*, biện pháp "dán vết thương", khi có vết thương người ta chỉ dán tầng nọ lên tầng kia, chứ không dùng biện pháp phẫu thuật để chữa trị vết thương. Kết quả là bên trong ngày càng bị viêm nhiễm, nhìn vào bề mặt bên ngoài thì cảm thấy vẫn tạm ổn. *Hai là*, cách quản lý truyền từ thể hệ này sang thể hệ khác, tức là chính quyền các cấp Trung Quốc đang ôm một quả bom định giờ, nhưng không loại bỏ quả bom đó, mà là cố gắng truyền quả bom này cho chính quyền khóa tới. Như vậy, hai cách làm đều không có trách nhiệm, vấn đề xã hội vẫn tồn tại một cách khách quan, rồi sẽ có một ngày quả bom sẽ nổ, nổ sớm còn hơn nổ muộn. Hơn nữa, vấn đề hủ bại, đất đai, tài chính là những vấn đề ở tầng diện chế độ vĩ mô của Trung Quốc, chế độ vĩ mô không thay đổi, chính quyền địa phương và quan chức sẽ tiếp tục trở thành vật hy sinh, v.v...¹.

1. Trịnh Vĩnh Niên, "*Tương lai quản lý xã hội của Trung Quốc*", http://www.zaobao.com/special/forum/pages8/forum_zp120103.shtml.

Còn theo đánh giá của GS. Cung Duy Bản, Trưởng Ban nghiên cứu xã hội văn hóa giáo dục của Học viện Hành chính nhà nước Trung Quốc, tại thời điểm năm 2010, thể chế quản lý xã hội ở Trung Quốc tồn tại 6 vấn đề như sau:

Một là, quan niệm về quản lý xã hội chưa chuẩn xác, điều này thể hiện ở chỗ tư tưởng chú trọng xây dựng kinh tế, ít chú trọng đến quản lý xã hội còn phổ biến; hiện tượng chú trọng đến lợi ích của quần thể mạnh, coi nhẹ lợi ích của quần thể yếu thế; không chế tư tưởng chặt chẽ, ý thức phục vụ trong quản lý xã hội còn yếu.

Hai là, chủ thể quản lý xã hội chưa đủ đa nguyên hóa, chính quyền ở nhiều địa phương vẫn ôm đồm quá nhiều công việc, dẫn đến tình trạng vai trò của Chính phủ vượt quá giới hạn (hay còn gọi là việt vị), sai vị trí, vai trò của chính quyền và tổ chức xã hội không được phân định rõ ràng, nhiều lĩnh vực xã hội không có ai quản lý.

Ba là, phương thức quản lý chưa đủ linh hoạt, như mức độ tham gia của công dân vào công tác quản lý xã hội chưa nhiều, chính phủ chủ yếu dựa vào các biện pháp hành chính, mệnh lệnh từ trên xuống dưới can dự vào việc quản lý xã hội, các biện pháp giải quyết những xung đột xã hội đơn nhất.

Bốn là, hệ thống pháp luật quản lý xã hội chưa kiện toàn, thể hiện việc xây dựng pháp chế quản lý xã hội ở Trung Quốc tương đối trì trệ, một số lĩnh vực còn bỏ ngỏ về pháp luật. Ví dụ như thiếu pháp luật cơ bản về quản lý xã hội, thiếu những quy định về pháp luật làm thế nào để quy phạm

hành vi khiếu kiện, tranh thủ và dẫn dắt dư luận xã hội, bảo vệ một cách có hiệu quả quyền lợi an sinh xã hội của công dân v.v...

Năm là, chủ thể quản lý xã hội chưa phát huy được vai trò, trong thời kỳ kinh tế kế hoạch, chủ thể quản lý xã hội ở thành phố là đơn vị, ở nông thôn là công xã nhân dân. Sau khi chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường, thể chế đơn vị ở thành phố và công xã nhân dân ở nông thôn từng bước giải thể, "người đơn vị" trở thành "người xã hội". Theo kinh nghiệm từ những xã hội phát triển thì "người xã hội" cuối cùng sẽ trở thành "người cụm dân cư", do vậy cụm dân cư sẽ là đơn vị cơ bản và là chủ thể quan trọng trong quản lý xã hội. Thực tiễn ở Trung Quốc cho thấy, mặc dù việc xây dựng cụm dân cư cũng đã thu được một số thành quả, thế nhưng vai trò quản lý xã hội ở cụm dân cư có hạn, mức độ tham gia của người dân không cao, sự nhìn nhận của người dân về cụm dân cư còn chưa đúng. Đặc biệt là những người lao động từ nông thôn ra thành phố thường bị gạt ra ngoài cụm dân cư, làm cho những người này rơi vào tình trạng bơ vơ¹.

Sáu là, thiếu hụt nhân tài trong quản lý xã hội, quản lý xã hội là công việc mang tính chuyên nghiệp, cần nhiều nhân lực. Trong giai đoạn hiện nay, Trung Quốc vẫn thiếu nguồn

1. Lục Học Nghệ (*Chủ biên*), "*Xây dựng xã hội và quản lý xã hội ở Trung Quốc: Tìm tòi, phát hiện*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, tr. 231 - 233.

nhân lực trong lĩnh vực này. Hiện nay, Trung Quốc có khoảng 1 triệu người đang chức làm công tác quản lý xã hội, thực tế thì cần khoảng 3 triệu người¹. Tỷ lệ người làm công tác quản lý xã hội ở Trung Quốc hiện nay chưa đạt 1‰, trong khi đó tỷ lệ này ở Nhật Bản là 5‰, Canada là 2‰, Mỹ là 2‰, Hồng Kông là 1,7‰².

Thực chất trong giai đoạn hiện nay ở Trung Quốc tồn tại những vấn đề nêu trên trong việc quản lý xã hội là một điều dễ hiểu và có tính quy luật của nó. Bởi Trung Quốc đang ở trong quá trình chuyển đổi, kết cấu xã hội, hình thức tổ chức xã hội, kết cấu lợi ích xã hội đang có những thay đổi sâu sắc. Đặc biệt, là cùng với tiến trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, thông tin hóa, thị trường hóa, quốc tế hóa, từ một xã hội nông nghiệp chuyển sang xã hội thành thị với tốc độ nhanh, nên thể chế, hệ thống chính sách quản lý xã hội chưa thể đáp ứng được những thay đổi này. Điều này tạo nên những thách thức và áp lực đòi hỏi sự thay đổi về chính sách quản lý xã hội để thích ứng với thực tiễn đang diễn ra. Ví dụ như:

Tiến trình công nghiệp hóa diễn ra nhanh chóng đã khiến cho ngày càng nhiều người thuộc đơn vị trước đây biến

1. Lý Hân Hân, "*Thúc đẩy quản lý xã hội ở thành phố theo cách Trung Quốc*", http://www.rmlt.com.cn/News/201208/201208311421573007_2.html.

2. Lục Học Nghệ (Chủ biên), "*Xây dựng xã hội và quản lý xã hội ở Trung Quốc: Tìm tòi, phát hiện*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, tr. 233.

thành những người xã hội. Trong quá trình nâng cấp điều chỉnh kết cấu công nghiệp, đã xảy ra tình trạng nhiều công nhân viên chức làm trong các ngành nghề truyền thống bị mất việc. Chỉ trong vòng 3 năm từ 1998 - 2001, số công nhân viên chức mất việc trong các doanh nghiệp quốc hữu cả nước là 22,5 triệu người. Cùng với số người nghỉ hưu từ các doanh nghiệp quốc hữu, đơn vị sự nghiệp được đưa vào diện quản lý xã hội. Hiện nay, cả nước đã có hơn 60 triệu công nhân viên chức về hưu được đưa vào hệ thống phục vụ, quản lý ở các cụm dân cư ở thành phố.

Cùng với tiến trình thị trường hóa đã xuất hiện thêm nhiều tổ chức kinh tế mới, tổ chức xã hội mới. Đến năm 2011 số doanh nghiệp tư nhân trong cả nước Trung Quốc đã vượt con số 9 triệu doanh nghiệp, chiếm trên 80% tổng số doanh nghiệp trong cả nước, số hộ công thương cá thể đã vượt 36 triệu hộ. Chỉ tính riêng trong thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ XI (2006 - 2010), số việc làm tăng mới trong các doanh nghiệp tư nhân cả nước là trên 60 triệu người, bình quân mỗi năm tăng thêm khoảng 11 triệu người. Trong những năm gần đây số tổ chức xã hội không ngừng tăng lên, hiện nay có trên 500.000 tổ chức xã hội đã đăng ký trong cả nước, ngoài ra còn nhiều tổ chức xã hội khác chưa đăng ký. Như vậy cho thấy, có một lượng lớn các tổ chức xã hội và những người làm trong các doanh nghiệp tư nhân cần được đưa vào hệ thống quản lý xã hội.

Tiến trình đô thị hóa đã chuyển dịch một lượng lớn sức lao động dư thừa ở nông thôn, đến năm 2011, số người ở

nông thôn vào thành thị làm thuê đã lên tới 159 triệu người. Hiện nay, dân số thành thị ở Trung Quốc đã tăng lên 51,3%, như vậy là tỷ lệ dân số thành thị đã vượt tỷ lệ dân số nông thôn, điều này cũng có nghĩa rằng có rất nhiều con em của những người vào thành phố làm thuê và những người nông dân mới trở thành thị dân có nhu cầu về việc làm, học tập, y tế, đời sống ở thành phố, đồng thời đối tượng này trước đây là do ủy ban thôn quản lý thì nay trở thành đối tượng do thành phố quản lý¹. Như vậy, vấn đề đặt ra ở đây là liệu năng lực quản lý xã hội ở thành thị Trung Quốc có đáp ứng được nhu cầu này hay không?

Trong thời đại thông tin hóa ngày nay, số người dân Trung Quốc truy cập mạng internet ngày càng nhiều, cho đến cuối năm 2011 cư dân mạng đạt đến con số 513 triệu người, hình thành một xã hội ảo với quy mô rất lớn. Ngoài những mặt tốt do tiện ích từ mạng internet đem lại ra, cũng có không ít vấn đề gây khó khăn cho việc quản lý xã hội. Nhất là người sử dụng mạng internet có thể truy cập lượng lớn thông tin, các trang web đã chuyển tải những thông tin của những người bất đồng chính kiến, những người hoạt động xã hội². Điều này gây ảnh hưởng đến quá

1. Lý Hân Hân, "*Thúc đẩy quản lý xã hội đô thị theo phương thức Trung Quốc*", <http://www.rmlt.com.cn/News/201208/201208311421573007.html>.

2. Thomas Lum, Patricia Moloney Figliola, Matthew C. Weed, "China, Internet Freedom, and U.S. Policy", www.crs.gov, R42601.

trình lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc và gây ảnh hưởng không tốt đến sự ổn định của xã hội. Không những thế còn gây ảnh hưởng xấu đến quan hệ quốc tế, như trong hai năm gần đây, trước những căng thẳng về tranh chấp chủ quyền lãnh thổ ở Biển Đông, trên các trang mạng của Trung Quốc đưa ra không ít những thông tin, bài viết tuyên truyền xấu về Việt Nam, khiến cho một bộ phận người dân Trung Quốc nhận thức sai và có những suy nghĩ tiêu cực về Việt Nam. Hơn nữa nó còn có thể gây kích động đến các nhà lãnh đạo đương nhiệm của Trung Quốc. Trước thực trạng này, làm thế nào để quản lý được mạng internet cũng là một vấn đề đặt ra cho công tác quản lý xã hội ở Trung Quốc hiện nay.

3. Vấn đề dân tộc ảnh hưởng xấu đến ổn định và phát triển xã hội ở Trung Quốc

Từ sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời năm 1949, mặc dù Đảng và Chính phủ Trung Quốc hết sức quan tâm đến công tác dân tộc, coi trọng xây dựng kinh tế - xã hội ở các vùng dân tộc thiểu số như trên đã nêu, song những mâu thuẫn và bất ổn dân tộc, sắc tộc ở Trung Quốc vẫn diễn ra âm ỉ. Đặc biệt, từ khi bước sang thế kỷ XXI đến nay, các vấn đề dân tộc bất ổn, mâu thuẫn sắc tộc diễn ra có phần gay gắt và phức tạp hơn. Đặc điểm mâu thuẫn dân tộc ở các vùng khác nhau cũng có sự khác nhau, nếu như ở miền Nam mâu thuẫn dân tộc nổi bật ở mâu thuẫn kinh tế, biểu hiện chủ yếu là sự tranh giành ruộng đất, rừng, tài

nguyên thủy sản giữa các dân tộc, thì ở miền Bắc, ngoài mâu thuẫn kinh tế ra, mâu thuẫn dân tộc ở đây có liên quan nhiều đến phong tục tập quán, tín ngưỡng. Trong đó, các vụ biểu tình, các hoạt động đòi ly khai của các thế lực "Tây Tạng độc lập" (chủ trương đòi độc lập cho Tây Tạng) diễn ra ở khu tự trị Tây Tạng, tổ chức "Turkistan" (bao gồm ba thế lực là ly khai dân tộc, cực đoan tôn giáo và khủng bố bạo lực) ở khu tự trị Tân Cương, cùng những căng thẳng sắc tộc, tôn giáo tín ngưỡng ở khu tự trị Nội Mông đã cho thấy rõ điều này. Đây đều là những khu vực tập trung đông dân tộc thiểu số, nằm ở biên giới của Trung Quốc, có tôn giáo tín ngưỡng, chữ viết và ngôn ngữ của riêng mình. Nhưng do một thời gian dài trong lịch sử, chủ nghĩa đại Hán đã gây ra những tổn thương tương đối sâu sắc cho các dân tộc thiểu số, khiến cho các thế lực của chủ nghĩa ly khai dân tộc luôn tồn tại ở các khu vực này. Các hoạt động ly khai dân tộc thường lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng để tiến hành các hoạt động chia rẽ, điều đó khiến cho các vấn đề dân tộc ở những khu vực này trở nên rất nhạy cảm và phức tạp.

Hoạt động "Tây Tạng độc lập" và các cuộc biểu tình, bạo loạn ở Tây Tạng: Nguyên nhân đằng sau của các hoạt động đòi độc lập cho Tây Tạng ngoài những mâu thuẫn về dân tộc, còn có sự hậu thuẫn của các phần tử ly khai và các thế lực bên ngoài hỗ trợ. Sự kiện đáng chú ý của vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Tây Tạng trong mười năm đầu thế kỷ XXI là cuộc bạo động tại thành phố Lhasa - thủ phủ khu tự trị Tây Tạng diễn ra vào tháng 3 năm 2008. Đây là cuộc biểu

tình, bạo động lớn nhất, tồi tệ nhất diễn ra ở Tây Tạng kể từ sau năm 1989. Cuộc bạo động bắt đầu bằng sự kiện các nhà sư thực hiện tuần hành để kỷ niệm 49 năm ngày khởi nghĩa đòi tự trị bất thành, sau đó đã có nhiều người dân Tây Tạng tham gia thể hiện sự bất mãn đối với Chính phủ Trung Quốc khi cho rằng nền văn hoá Tây Tạng của họ đang bị huỷ diệt dần và họ phải chịu sự kiểm soát quá nghiêm ngặt của Chính phủ Trung Quốc trong nhiều năm qua. Cuộc bạo loạn này đã làm chết và làm bị thương nhiều người dân, huỷ hoại nhiều nhà cửa, cơ sở kinh doanh và tài sản của người dân địa phương. Sau khi vụ bạo động năm 2008 diễn ra ở thành phố Lhasa bị Chính phủ Trung Quốc trấn áp, trong những năm gần đây tình hình Tây Tạng vẫn diễn biến hết sức phức tạp. Giáo sư Đại học Dân tộc Trung Quốc - Hùng Khôn cho rằng, nguy cơ bùng nổ hỗn loạn ở các khu vực có người Tạng sinh sống (ở Tây Tạng, Thanh Hải, Cam Túc, Tứ Xuyên và Vân Nam) có khả năng còn lan rộng, gây ảnh hưởng liên hoàn đến các khu vực khác. Ông cũng cho rằng, việc Trung Quốc tăng cường an ninh có thể liên quan đến một loạt vụ tự thiêu trong các khu vực người Tạng sinh sống ở Tứ Xuyên và Thanh Hải trong thời gian gần đây¹.

Các hoạt động của tổ chức "Turkistan" và các vụ gây rối ở Tân Cương: Khu tự trị Tân Cương nằm ở vùng biên giới

1. *Quan chức Tây Tạng chuẩn bị cho một cuộc chiến mới*, <http://tuoitre.vn/The-gioi/477066/Quan-chuc-Tay-Tang-chuan-bi-cho-mot-cuoc-chien.html>.

phía Tây Bắc Trung Quốc, có diện tích trên 1,6 triệu km² (lớn nhất trong số các tỉnh và khu khác tại Trung Quốc), chiếm 1/6 diện tích Trung Quốc, là khu vực có vị trí chiến lược quan trọng đối với Trung Quốc, có trữ lượng lớn dầu, khí đốt và than. Tân Cương có dân số khoảng 20 triệu người, trong đó 45% là người Duy Ngô Nhĩ và 40% là người Hán¹, còn lại là các dân tộc thiểu số. Mâu thuẫn sắc tộc ở đây chủ yếu diễn ra giữa người dân tộc Hán và người dân tộc Duy Ngô Nhĩ theo đạo Hồi. Trong nhiều năm qua, đặc biệt là trong những năm đầu thế kỷ XXI, những tổ chức theo khuynh hướng chủ nghĩa phân lập ly khai dân tộc, cực đoan tôn giáo và bạo lực khủng bố (còn được gọi là tổ chức "Turkistan" hay phần tử "Turkistan") vẫn còn tồn tại khá nhiều, dưới sự hỗ trợ của các thế lực bên ngoài đã gây ra nhiều vụ gây rối, bạo loạn làm ảnh hưởng đến trật tự và ổn định xã hội tại đây. Cuộc bạo loạn, gây rối có quy mô đáng chú ý nhất ở Khu tự trị Tân Cương trong 10 năm đầu thế kỷ XXI diễn ra ở thành phố Urumqi - thủ phủ khu tự trị Tân Cương vào tháng 7 năm 2009. Vụ bạo động bắt đầu bằng cuộc biểu tình phản đối của người Duy Ngô Nhĩ khi họ cho rằng chính quyền địa phương đã không có phản ứng gì trước cái chết của những công nhân Duy Ngô Nhĩ làm việc trong một công xưởng ở tỉnh Quảng Đông trong cuộc va chạm giữa người Hán với người Duy Ngô Nhĩ. Sau khi công an Trung Quốc tiến hành trấn áp thì cuộc biểu tình đã chuyển thành

1. *Bạo loạn tiếp diễn tại Tân Cương*, <http://vnexpress.net/tin-tuc/the-gioi/bao-ban-tiep-dien-tai-tan-cuong-2129635.html>.

bạo loạn sắc tộc. Trong cuộc bạo loạn này, không chỉ có người Duy Ngô Nhĩ tiến hành biểu tình, mà còn có hàng nghìn người thuộc dân tộc Hán đã trang bị gậy gộc, dao, xẻng biểu tình ở trung tâm thành phố Urumqi để phản đối nạn bạo lực do người Duy Ngô Nhĩ theo đạo Hồi gây ra. Vụ bạo loạn này đã làm chết và bị thương nhiều người, trong đó đa số là người Hán, nhiều nhà cửa, tài sản của người dân địa phương cũng bị phá hoại.

Căng thẳng sắc tộc và các phong trào đòi tự do ở khu tự trị Nội Mông: Mặc dù không diễn ra gay gắt như ở hai khu tự trị Tây Tạng và Tân Cương, song trong những năm gần đây làn sóng phản kháng chống chính quyền, các cuộc biểu tình do mâu thuẫn sắc tộc, đòi quyền lợi đang xuất hiện ngày càng nhiều ở khu tự trị Nội Mông. Nguyên nhân của những phong trào nổi dậy của người Nội Mông cũng không khác so với phong trào của người Tây Tạng đó là xuất phát từ mối lo ngại mất dần bản sắc văn hóa của người Mông Cổ. Cũng giống như ở Tây Tạng hay Tân Cương, mặc dù Chính phủ Trung Quốc chủ trương tăng cường đầu tư cho khu vực Nội Mông, nhưng chính điều đó lại thúc đẩy nhanh sự mai một bản sắc và văn hóa của người Mông Cổ trong khu tự trị rộng lớn với gần 20% dân cư, hay 25 triệu dân là người dân tộc Mông Cổ¹. Hơn nữa, trong quá trình khai thác khu vực này đã gây ra sự huỷ hoại môi trường nghiêm trọng làm

1. *Trung Quốc siết chặt an ninh ở Nội Mông*, http://www.bbc.co.uk/vietnamese/world/2011/05/110530_china_inner_mongolia.shtml.

ảnh hưởng đến môi trường sống của người dân bản địa. Trong thời gian qua, các cuộc biểu tình đã thu hút hàng nghìn học sinh, sinh viên và các nông dân sống bằng nghề chăn nuôi truyền thống tham gia với khẩu hiệu bảo vệ quyền của người Mông Cổ, công lý cho người Mông Cổ...

Có thể nói, những bất ổn trên đã ảnh hưởng nghiêm trọng không chỉ đến sự phát triển của Tây Tạng, Tân Cương và Nội Mông, ảnh hưởng đến trật tự an ninh đời sống xã hội ở nơi đó, mà còn đe dọa đến an ninh chính trị của Trung Quốc.

Đi sâu phân tích nguyên nhân sâu xa dẫn đến vấn đề này cho thấy, chính sách phát triển kinh tế nghiêng lệch, mất cân bằng của Trung Quốc đã tạo ra khoảng cách về trình độ phát triển và chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng miền, đặc biệt là giữa miền Đông và miền Tây, giữa đồng bằng và miền núi khiến cho người dân ở khu vực khó khăn, kém phát triển bất mãn.

Trung Quốc là một quốc gia đa dân tộc, bao gồm 56 dân tộc cùng sinh sống trên một vùng lãnh thổ rộng lớn, trong đó người Hán là dân tộc chiếm đa số, còn 55 dân tộc khác được gọi là dân tộc thiểu số. Hiện nay, dân số các dân tộc thiểu số có gần 100 triệu người¹, chiếm khoảng 7% dân số cả nước. Phần lớn các dân tộc thiểu số sống tập trung ở

1. Đường Văn Chương, Khương Hồng Minh (Chủ biên), *Vấn đề an ninh quốc gia Trung Quốc đương đại*, Nxb. Khoa học xã hội Trung Quốc, năm 2010, tr. 82.

vùng biên cương Tây Bắc, Tây Nam, Hoa Bắc và Đông Bắc. Các dân tộc ở Trung Quốc phân bố không đều, phần lớn sống thành từng nhóm hỗn hợp, các dân tộc thiểu số cư trú xen kẽ với nhau và xen kẽ với dân tộc Hán. Trong quá trình cải cách mở cửa, cùng với sự phát triển kinh tế và sự lưu động dân cư, hình thái cư trú xen kẽ giữa các dân tộc có xu hướng gia tăng. Tuy nhiên, nhìn tổng thể từ lịch sử lâu dài trước đó, người Hán vẫn sống tập trung tại vùng đồng bằng, thung lũng có điều kiện tự nhiên và giao thông đi lại tương đối thuận lợi, còn các dân tộc thiểu số chủ yếu cư trú tại vùng cao, miền núi và vùng xa xôi hẻo lánh, điều kiện đi lại khó khăn, khí hậu khắc nghiệt. Đặc điểm cư trú trên đã dẫn đến một thực tế là ngay từ xa xưa trong lịch sử Trung Quốc, dân tộc Hán luôn có trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao hơn các dân tộc thiểu số khác.

Bên cạnh đó, do việc thực hiện chính sách phát triển nghiêng lệch, ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực của đất nước cho phát triển vùng duyên hải phía Đông trong thời kỳ đầu cải cách mở cửa đã làm ngày càng gia tăng thêm tình trạng chênh lệch phát triển vùng miền của Trung Quốc. Chính vì chính sách phát triển kinh tế chấp nhận sự không đồng đều đó, Trung Quốc đã tạo ra một thực tế là trình độ phát triển kinh tế của miền Tây đặc biệt là vùng núi cao chênh lệch quá lớn so với miền Đông. Thu nhập của cư dân miền Đông so với cư dân miền Tây và các tỉnh biên giới có khoảng cách rất xa, thu nhập bình quân đầu người tại các

thành phố lớn cao gấp 3 đến 4 lần, thậm chí 5 lần so với các khu vực nông thôn; chất lượng sống của người dân miền Tây thấp hơn nhiều so với miền Đông, nhất là so với các thành phố mở cửa ven biển như Thượng Hải, Thâm Quyển, Quảng Châu, dân số đói nghèo và các huyện trọng điểm đói nghèo của Trung Quốc đều nằm ở các tỉnh miền Tây - vùng sinh sống chủ yếu của đa số người dân tộc thiểu số ở Trung Quốc¹... Thực trạng đó đã tạo nên hình ảnh "một nước Trung Hoa, hai xã hội", theo cách nói của người Trung Quốc. Nghĩa là, người ta chứng kiến hai mức sống, hai trình độ phát triển xã hội hoàn toàn đối lập nhau ngay trên đất nước này - một phần vinh, sung túc; một lạc hậu, nghèo nàn².

Ngoài ra để có thể phát triển nhanh, Trung Quốc còn phạm phải sai lầm là khai thác quá mức sức lao động và tài nguyên thiên nhiên ở khu vực miền Tây, dẫn đến đời sống người lao động không mấy được cải thiện, tài nguyên thì cạn kiệt và môi trường ô nhiễm, khiến cho người dân ở những vùng sâu, vùng xa như Tân Cương, Tây Tạng, Nội Mông... cảm thấy họ bị thiệt thòi. Đây cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến hàng vạn cuộc bạo loạn nổ ra ở Trung Quốc trong mấy năm trở lại đây.

-
1. Nguyễn Văn Căn (Chủ biên), "*Chiến lược hưng biên phú dân của Trung Quốc*", Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội, năm 2009, tr. 6.
 2. Phùng Thị Huệ, "*Trung Quốc trong khu vực - Vị thế và thách thức*", <http://vnics.org.vn/Default.aspx?ctl=Article&aID=179>.

Mặc dù ngay từ những năm cuối thế kỷ XX, Trung Quốc đã sớm đưa ra chiến lược đại khai phát miền Tây, nhằm từng bước đưa miền Tây tiến kịp các vùng kinh tế khác, đặc biệt là giảm bớt khoảng cách chênh lệch so với khu vực miền Đông. Tuy nhiên, chính sự phát triển quy mô lớn nhưng chưa thực sự thu được hiệu quả cao ở một số nơi, đặc biệt là ở khu vực phía Tây Bắc (Tân Cương, Tây Tạng, Nội Mông) đã gây ra những biến đổi về xã hội, cảnh quan, môi trường, khiến cho sự chênh lệch phát triển giữa miền Tây với miền Đông vẫn tiếp tục mở rộng như trên đã trình bày.

Khu vực miền Tây là nơi tập trung nhiều dân tộc thiểu số sinh sống, khi kinh tế khu vực trở nên mất cân bằng nghiêm trọng, khi khoảng cách chênh lệch giàu nghèo trong xã hội ngày càng gay gắt, thì mâu thuẫn xã hội giữa hai giai tầng giàu nghèo là điều không thể tránh khỏi. Hơn nữa, ở khu vực tập trung các dân tộc thiểu số, mâu thuẫn này rất dễ bị những phần tử xấu xúi giục trở thành thù hằn tôn giáo và mâu thuẫn dân tộc, một khi mâu thuẫn trở thành xung đột dân tộc và tôn giáo thì sẽ gây ra những thảm họa khôn lường.

Vì vậy, làm thế nào để tăng cường hiệu quả của chiến lược đại khai phát miền Tây, làm thế nào để cải thiện kết cấu xã hội và làm thế nào để phát triển hài hoà giữa các khu vực, hài hoà lợi ích giữa các nhóm dân cư, giữa các dân tộc sẽ là trọng điểm công tác của vấn đề dân tộc ở Trung Quốc trong thời gian tới.

Một nhân tố nữa là, chính sách dân tộc hiện nay của Trung Quốc gây ra sự bất mãn cho cả dân tộc Hán và dân tộc thiểu số, từ đó gây ra mâu thuẫn giữa các dân tộc. Mặc dù các cuộc gây rối, bạo loạn diễn ra gần đây ở Trung Quốc đều có bối cảnh hải ngoại vô cùng phức tạp, nhưng cho dù thế nào, nó đều cho thấy mâu thuẫn dân tộc ở Trung Quốc ngày càng hiện rõ. Sau các cuộc bạo loạn, gây rối ở Tây Tạng, Tân Cương và gần đây là ở Nội Mông, có nhiều người cho rằng đó là do các lực lượng đòi độc lập cho Tây Tạng và độc lập cho Tân Cương, đòi dân chủ, nhân quyền ở Nội Mông gây ra. Điều này không hoàn toàn sai. Trong thời đại toàn cầu hoá, những vấn đề nội bộ chủ quyền quốc gia đều có liên quan ít nhiều đến các nhân tố bên ngoài chủ quyền quốc gia. Vấn đề Tây Tạng và vấn đề Tân Cương cũng như vậy. Nhiều năm qua những bất ổn ở Tây Tạng và Tân Cương phát triển mạnh là do các lực lượng đòi độc lập, ly khai Tây Tạng và Tân Cương gây ra, thêm vào đó là sự hậu thuẫn của các lực lượng chính trị bên ngoài coi Trung Quốc là thù địch đã quốc tế hoá vấn đề này. Nhân tố hải ngoại đã vượt ra khỏi phạm vi khống chế của Chính phủ Trung Quốc. Nhưng trên thực tế, cho dù nhân tố hải ngoại có quan trọng như thế nào, thì nhân tố chủ yếu nhất vẫn là ở vấn đề nội bộ. Hiện nay xung đột dân tộc đang diễn ra ngày càng nghiêm trọng, do đó Đảng và Chính phủ Trung Quốc cần thiết phải nhìn nhận lại chính sách dân tộc của mình để có những điều chỉnh hợp lý.

Trung Quốc là một quốc gia đa dân tộc, trong đó dân tộc Hán chiếm đa số. Hiện nay, Trung Quốc xác định đường lối cụ thể xây dựng đất nước là đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Chính sách dân tộc của Trung Quốc vẫn dựa trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, kết hợp chặt chẽ với tình hình thực tế đất nước. Trong thời kỳ đầu cách mạng, Mao Trạch Đông luôn đề cao "Thuyết dân tộc tự quyết", cho rằng mỗi dân tộc đều có thể độc lập. Trong quá trình đấu tranh với Quốc Dân đảng, Mao Trạch Đông càng nhấn mạnh hơn nữa đến vấn đề xung đột giai cấp, cho rằng bản chất của xung đột dân tộc là xung đột giai cấp. Vì vậy Mao Trạch Đông cho rằng, cả dân tộc Hán và các dân tộc thiểu số đều chịu sự áp bức của chính quyền Quốc Dân đảng, các dân tộc có thể liên kết với nhau để đấu tranh chống lại Quốc Dân đảng. Đó vừa là nhận thức của Mao Trạch Đông, vừa dần trở thành sách lược chính trị của Trung Quốc trong thời kỳ đấu tranh cách mạng¹.

Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời năm 1949, Trung Quốc đã đề ra những quy định cụ thể về chế độ tự trị khu vực dân tộc. Chế độ tự trị khu vực dân tộc đã trở thành một chế độ chính trị cơ bản và dần dần được thực hiện tại các vùng dân tộc thiểu số trên toàn Trung Quốc. Sau này, trong thời kỳ cải cách mở cửa, đặc biệt là bước sang thế kỷ XXI, Trung Quốc cũng đã đưa ra nhiều văn kiện để chỉ

1. *Chính sách dân tộc thiểu số Trung Quốc rốt cuộc là ở đâu?*
http://www.zaobao.com/special/forum/pages7/forum_zp090721.shtml.

đạo thực hiện Luật Tự trị khu vực dân tộc. Có thể nói, Luật Tự trị khu vực dân tộc là bộ luật quan trọng về dân tộc của Trung Quốc, đây là luật cơ bản nhằm hoạch định và thực hiện chính sách dân tộc theo con đường pháp chế hoá¹.

Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay của Trung Quốc, chính sách dân tộc với mô hình lý tưởng này không những không có lợi cho sự hoà hợp dân tộc, mà trái lại thường diễn biến thành cơ sở cho sự chia rẽ dân tộc. Nghiêm trọng hơn, chính sách quá lý tưởng cũng không có khả năng bảo đảm quyền lợi của dân tộc thiểu số trên thực tiễn. Nguyên tắc tự trị dân tộc gây ra những khó khăn trên phương diện tổ chức và kết cấu đối với mối quan hệ hoà hợp giữa các dân tộc và sự sắp xếp quản lý dân tộc².

Tự trị dân tộc về nguyên tắc sẽ gần như là tự quyết, mà tự quyết và độc lập có thể hiểu tương đồng. Giữa tự trị, tự quyết và độc lập không có giới hạn rõ nét. Theo ý nghĩa này, Trung Quốc hiện nay chưa có tự trị dân tộc hoàn toàn. Tự trị dân tộc của Trung Quốc về mặt lý luận dựa vào sự thống nhất quyền lực. Đôi khi, để xoá bỏ mâu thuẫn dân tộc, các chính sách đồng hoá dân tộc dưới nhiều hình thức khác nhau đã được tiến hành. Cái gọi là "đồng hoá dân tộc"

1. Nguyễn Văn Căn (Chủ biên), *"Chiến lược hưng biên phú dân"* của Trung Quốc, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, năm 2009, tr. 6.

2. *Vấn đề chính sách dân tộc thiểu số Trung Quốc rốt cuộc là ở đâu?*
http://www.zaobao.com/special/forum/pages7/forum_zp090721.shtml.

chính là sự phụ thuộc của dân tộc thiểu số vào dân tộc đa số. Trong quá trình thực hiện chế độ tự trị khu vực dân tộc, một mặt Trung Quốc thi hành các chính sách chính trị mềm dẻo không áp đặt, tìm cách cải tạo kinh tế, nâng cao đời sống người dân; mặt khác, Chính phủ Trung Quốc còn đưa người Hán đến để cân bằng cơ cấu dân cư (người Hán ở Tây Tạng và Tân Cương hiện chiếm khoảng 40% dân số của các khu vực này, ở Nội Mông người Hán chiếm 80% dân số). Những nhân tố này vốn dĩ có thể trở thành nhân tố thúc đẩy hoà hợp dân tộc, nhưng chế độ tự trị lại ngăn cản sự hoà hợp dân tộc. Trong lịch sử thế giới, có nhiều nước đã từng thử nghiệm chính sách đồng hoá dân tộc, nhưng cho đến nay vẫn chưa có tiền lệ thành công, mà hầu hết đều gây ra xung đột dân tộc¹.

Mặt khác, để hợp pháp hoá sự khống chế chính trị của mình, Chính phủ Trung Quốc ra sức giúp đỡ dân tộc thiểu số về mặt kinh tế. Chính sách này hết sức quan trọng. Rất nhiều nghiên cứu cho thấy, đối với vấn đề dân tộc, trình độ phát triển kinh tế có mối liên quan rất quan trọng đến sự ổn định dân tộc. Người dân quá nghèo thì rất dễ bị kích động thậm chí dẫn tới bạo lực. Ở bất kể quốc gia nào, người nghèo đều rất dễ bị xúi giục, nếu thêm vào nhân tố tín ngưỡng tôn giáo, càng dễ đi tới cực đoan, thậm chí sẽ xuất hiện chủ nghĩa khủng bố.

1. *Vấn đề chính sách dân tộc thiểu số Trung Quốc rốt cuộc là ở đâu?*
http://www.zaobao.com/special/forum/pages7/forum_zp090721.shtml.

Nhưng thực tế cũng cho thấy rằng, chỉ phát triển kinh tế cũng không đảm bảo chắc chắn sẽ có thể đi đến hài hoà và hoà hợp dân tộc. Kinh nghiệm cho thấy, nhiều dự án phát triển với quy mô lớn của đất nước thường gây ra mâu thuẫn dân tộc. Ví dụ như, bản thân người dân tộc thiểu số cũng cảm thấy bất mãn với một số chính sách kinh tế của Chính phủ, như sự đầu tư của Chính phủ Trung Quốc vào các dự án dầu mỏ và khí thiên nhiên ở Tân Cương, Nội Mông khiến cho người Duy Ngô Nhĩ hay người Mông Cổ cảm thấy người Hán đang cướp đi nguồn tài nguyên thiên nhiên, đồng thời phá huỷ môi trường sống của họ. Ngoài ra, những ưu điểm của phát triển kinh tế lại thường phân bố không đồng đều giữa các dân tộc khác nhau, hoặc ở các nhóm quần thể xã hội khác nhau trong cùng một dân tộc. Ở xã hội Trung Quốc hiện nay, phân hoá thu nhập, phân hoá giàu nghèo giữa các dân tộc và trong nội bộ dân tộc là một trong những nguyên nhân chủ yếu gây ra mâu thuẫn dân tộc. Bản thân xã hội Trung Quốc hiện nay đang ở trong thời kỳ phát triển các sự kiện mang tính quần chúng (biểu tình, các cuộc gây rối, bạo loạn) với tốc độ cao.

Ngoài các chính sách hỗ trợ về kinh tế, Chính phủ Trung Quốc còn ban hành một loạt chính sách ưu đãi cho dân tộc thiểu số, ví dụ như các công trình chính phủ về giáo dục, sinh đẻ có kế hoạch, thậm chí cả trên phương diện pháp luật. Nhưng những chính sách này không tạo nên hiệu quả tích cực, mà có những lúc còn làm gia tăng thêm mâu thuẫn giữa dân tộc thiểu số và người Hán. Vì có rất nhiều chính sách ưu đãi mà Chính phủ Trung ương dành cho dân tộc

thiểu số, nhưng việc phân phối những "ưu đãi" này bản thân người dân tộc thiểu số lại không được hưởng. Nguyên nhân của tình trạng trên là do sự hủ bại của những người phân phối, từ đó cũng thúc đẩy cảm giác bất công bằng trong nhóm quần thể những người dân tộc thiểu số.

Vì tầm quan trọng của vấn đề dân tộc, cơ chế quyết sách của Trung Quốc thực hiện sự tập quyền cao độ. Điều này có mặt tích cực của nó, vì so với chính quyền địa phương, quyết sách của Chính phủ thường thể hiện sự lý tính hơn. Bởi vì, vấn đề dân tộc không nằm trong thẩm quyền quản lý của chính quyền địa phương, vì thế chính quyền địa phương không có động lực và chức năng giải quyết. Họ chỉ chấp hành chứ không phải là những người đưa ra quyết sách. Cũng bởi nhân tố này, một số chính quyền địa phương thường xem "vấn đề dân tộc" là nguy hại, không dám tự mình giải quyết. Thậm chí về mặt chấp hành, đều sẽ "ưu đãi" đặc biệt đối với các tộc người thiểu số. Ví dụ như nếu một người Hán và một người thuộc dân tộc thiểu số cùng làm một việc phi pháp, các cơ quan bộ ngành thi hành pháp luật địa phương sẽ trừng phạt người Hán, còn không dám xử lý người thuộc dân tộc thiểu số. Điều này sẽ gây ra rất nhiều vấn đề xã hội. Sự bất bình đẳng trên phương diện pháp luật không dễ thúc đẩy sự hoà hợp dân tộc, rất nhiều người Hán tránh xa người dân tộc thiểu số, coi họ là người ngoại tộc. Tương tự, người dân tộc thiểu số cũng coi người Hán là ngoại tộc. Có thể nói, chính sách ưu đãi người dân tộc thiểu số của Chính phủ Trung Quốc khiến cho người Hán cảm thấy bị phân biệt đối

xử. Có phương tiện truyền thông cho rằng, sự kiện ngày 7 tháng 7 năm 2009, một số lượng lớn người Hán đổ ra các đường phố Urumqi hô hào phải tự bảo vệ mình là một cách thể hiện sự bất mãn của người Hán đối với chính sách phân biệt đối xử của các cấp chính quyền Trung Quốc.

4. Những bất ổn từ bên ngoài ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển xã hội Trung Quốc

Trong những năm gần đây, tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động, điều này dù trực tiếp hay gián tiếp đã có những ảnh hưởng nhất định đến đời sống xã hội của người dân Trung Quốc. Trong đó, ít nhiều có các nhân tố bên ngoài tác động đến vấn đề dân tộc của Trung Quốc như đã nêu trên đây. Ngoài ra, những biến cố chính trị ở một số quốc gia Trung Đông và Bắc Phi là những sự kiện được cho là có sức ảnh hưởng nhất đối với thế giới trong những năm đầu thế kỷ XXI. Mặc dù tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Trung Quốc có những nét khác biệt so với các nước Trung Đông, Bắc Phi và ở Trung Quốc cũng chưa xảy ra tình trạng như các nước Trung Đông và Bắc Phi, thế nhưng hiện nay, Trung Quốc cũng đang ở vào giai đoạn chuyển đổi, trong xã hội xuất hiện nhiều mâu thuẫn, như chênh lệch giàu nghèo, vật giá tăng lên, tham nhũng, các phong trào ly khai, dân tộc không ngừng nổi lên. Đây cũng là chính là các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những biến cố chính trị ở các nước Trung Đông và Bắc Phi. Chính vì vậy, sự kiện Trung Đông và Bắc Phi được cho là khả năng trở thành tiền lệ xấu

đối với các nước đang trong quá trình chuyển đổi, xã hội nhiều vấn đề nổi lên như ở Trung Quốc.

Mặc dù Đảng Cộng sản Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay vẫn đủ sức mạnh để duy trì sự ổn định xã hội, nhưng sự kiện Trung Đông và Bắc Phi luôn là hồi chuông cảnh tỉnh đối với Trung Quốc. Điều này thể hiện qua phát biểu của Chủ tịch Hồ Cẩm Đào ngày 19 tháng 2 năm 2011 tại Hội nghị lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh: "Quản lý xã hội phải làm tốt, cần phải đẩy nhanh xây dựng xã hội lấy bảo đảm và cải thiện dân sinh làm trọng điểm. Phải kiên trì không dao động con đường cùng giàu có, hoàn thiện việc sắp xếp chế độ bảo đảm và cải thiện dân sinh, đẩy nhanh phát triển các sự nghiệp xã hội, làm cho thành quả phát triển phủ khắp đến toàn thể nhân dân". Đồng thời, tháng 3 năm 2011 tại kỳ họp lưỡng hội (Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc và Hội nghị chính trị hiệp thương) Thủ tướng Ôn Gia Bảo còn nhấn mạnh vào việc lấy lòng dân để nhân dân không bất mãn với chính quyền: "Thành tích chính trị của cán bộ lãnh đạo nên lấy sự vui hay không vui, thỏa mãn hay không thỏa, đồng ý hay không đồng ý của quần chúng nhân dân làm thước đo"¹.

Ngoài việc chịu ảnh hưởng bởi những vấn đề bất ổn chính trị bên ngoài, Trung Quốc cũng gặp phải không ít vấn

1. Dẫn lại từ Trương Ái Quân, "*Căn nguyên và ảnh hưởng của những biến cố ở Trung Đông và Bắc Phi*", Học báo trường Đảng thị ủy thành phố Tế Nam Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc" số 2 năm 2011, tr. 113.

đề về hội nhập. Ví dụ như khủng hoảng tài chính tiền tệ ảnh hưởng đến việc sản xuất, xuất khẩu hàng hóa của Trung Quốc ra bên ngoài, từ đó làm cho nhiều nhà máy phải đóng cửa, nhiều công nhân bị mất việc, gây mất ổn định xã hội. Cùng với việc Trung Quốc thu hút vốn đầu tư của nước ngoài, hiện tượng phá sản, cắt giảm công nhân, giảm lương, nợ lương ở các doanh nghiệp có vốn nước ngoài đầu tư cũng không ngừng tăng lên. Những vấn đề này cũng đang đặt ra trong công tác quản lý xã hội ở Trung Quốc. Như ngày 25 tháng 11 năm 2008, công nhân bị sa thải ở thành phố Đông Hoãn đã lật xe tuần tra và xung đột với cảnh sát¹.

Đồng thời, quá trình mở cửa, hội nhập với thế giới đã làm thay đổi diện mạo của Trung Quốc theo chiều hướng tích cực, ngày càng có nhiều người nước ngoài đến Trung Quốc du lịch, học tập, công tác và sinh sống. Chỉ riêng năm 2011, số người nước ngoài nhập cảnh vào Trung Quốc đạt 135 triệu người, trong đó có tới 57,58 triệu người ở qua đêm tại Trung Quốc. Tuy nhiên, điều này cũng đang gây ra những thách thức cho việc quản lý xã hội ở Trung Quốc. *Một là*, ngày càng có nhiều người nhập cảnh phi pháp vào Trung Quốc. Trong những năm gần đây, mỗi năm cơ quan hữu quan của Trung Quốc xử lý khoảng 300.000 người nhập cảnh phi pháp, cư trú phi pháp và làm việc phi pháp tại Trung Quốc. *Hai là*, trong số những người nước ngoài đến

1. "*Trung Quốc: Nguy cơ bất ổn xã hội từ dòng người*", Tài liệu tham khảo đặc biệt số 291, ngày 15.12.2008, tr.15,16.

Trung Quốc cũng có một số phần tử kích động gây bạo loạn, làm phân hóa xã hội Trung Quốc¹.

5. Văn hóa truyền thống và làn sóng văn hóa ngoại lai ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển xã hội Trung Quốc

Trong quá trình toàn cầu hóa, theo đà không ngừng mở rộng của việc giao lưu và truyền bá văn hóa, văn hóa phương Tây đã du nhập nhanh chóng vào Trung Quốc. Đây là điều hiển nhiên trong thời đại ngày nay, tuy nhiên chính sự hội nhập này cũng đã làm nhạt đi những nét đặc trưng văn hóa của Trung Quốc. Thực tiễn hiện nay ở Trung Quốc là, cùng với tiến trình hội nhập và mở cửa, những ngày lễ tết của phương Tây đã truyền vào Trung Quốc, làm cho ngày càng có nhiều người dân Trung Quốc sinh những ngày lễ tết Tây, ngược lại họ cảm thấy nhàm chán đối với những ngày lễ tết cổ truyền của dân tộc. Có người lo sợ rằng, những ngày lễ tết cổ truyền của dân tộc Trung Quốc đang đối mặt với nguy cơ lớn, thậm chí sẽ mất dần².

Sự thẩm thấu văn hóa của phương Tây vào Trung Quốc còn làm cho một bộ phận người dân Trung Quốc chạy theo chủ nghĩa đồng tiền, chủ nghĩa cá nhân, làm nhạt đi tính cộng đồng tương thân tương ái.

1. Lý Hân Hân, "*Thúc đẩy quản lý xã hội đô thị theo phương thức Trung Quốc*", <http://www.rmlt.com.cn/News/201208/201208311421573007.html>.

2. "*Ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với văn hóa Trung Quốc*", <http://www.lwfree.cn/Article/baogao/201004/6333.html>.

Đối diện với sự phát triển cao độ của chủ nghĩa tư bản phương Tây, có người cho rằng, Trung Quốc đang ở vào trạng thái hết sức bị động, thậm chí mất đi tính tự chủ trong phát triển văn hóa. Những kỹ thuật thông tin, mạng internet là những công cụ chủ yếu để truyền tải văn hóa phương Tây vào Trung Quốc. Các quốc gia phát triển dựa vào ưu thế của kỹ thuật thông tin và mạng internet áp đặt hình thái ý thức, những giá trị của phương Tây đối với người Trung Quốc. Đồng thời, trong quá trình toàn cầu hóa, Trung Quốc cũng đã thu hút một lượng lớn kỹ thuật tiên tiến trên thế giới. Đây là điều có ý nghĩa quan trọng đối với Trung Quốc, nhưng đằng sau đó là sự ỷ lại, dựa dẫm vào khoa học kỹ thuật nước ngoài quá lớn, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến sự sáng tạo của người dân Trung Quốc¹.

Ngoài ra, cùng với sự phát triển bùng nổ về internet, nhiều đối tượng đã lợi dụng mạng internet tiến hành những hành động lừa đảo, chiếm đoạt tài sản. Ví dụ như ngày 7 tháng 8 năm 2001, cảnh sát tỉnh Quảng Đông đã phá vụ án lừa đảo kinh doanh, góp vốn trên mạng, tổng cộng có 200.000 người bị mắc lừa, liên quan đến số tiền là 230 triệu NDT. Năm 2006, tỉnh Quảng Đông đã điều tra xử lý 622 vụ phạm tội trên mạng, trong đó chiếm đoạt tài sản là 198 vụ, chiếm gần 1/3 tổng số vụ án².

1. "Ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với văn hóa Trung Quốc", <http://www.lwfree.cn/Article/baogao/201004/6333.html>.

2. Lục Học Nghệ, "Xây dựng xã hội và quản lý xã hội: đối thoại, tranh luận", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, 2011, tr. 322.

CHƯƠNG II

XU THẾ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

Trung Quốc đã đạt được nhiều thành công lớn sau hơn 30 năm cải cách, được thế giới khâm phục và đánh giá cao. Tuy nhiên, bước sang giai đoạn mới (2011 - 2020), cùng với nhiều cơ hội hiếm có, Trung Quốc cũng sẽ phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức, đặc biệt trong lĩnh vực xã hội. "Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề quan trọng trong việc xây dựng xã hội hài hoà xã hội chủ nghĩa" (năm 2006) đã nhận định: "Nước ta (Trung Quốc) đã bước vào thời kỳ then chốt trong công cuộc cải cách và phát triển - thể chế kinh tế chuyển đổi sâu sắc, kết cấu xã hội biến đổi mạnh mẽ, cơ cấu lợi ích điều chỉnh rõ nét, quan niệm tư tưởng thay đổi lớn lao. Quá trình thay đổi chưa từng có đó đã đem lại sức sống mạnh mẽ cho sự tiến bộ và phát triển của nước ta (Trung Quốc), nhưng cũng đem đến nhiều vấn đề và mâu thuẫn gay gắt"¹.

1. *"Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề xây dựng xã hội hài hoà xã hội chủ nghĩa"*, Nhân dân nhật báo, 19.10.2006.

Đây cũng là giai đoạn "nước rút" để Trung Quốc hoàn thành mục tiêu xây dựng xã hội khá giả toàn diện vào năm 2020, với tổng sản phẩm quốc dân tăng gấp 4 lần so với năm 2000.

Về lĩnh vực xã hội, Trung Quốc xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm trong 10 năm tới là cải cách thể chế xã hội, nhằm cải thiện và nâng cao rõ rệt đời sống dân sinh theo tiêu chí hài hòa, cùng giàu có. Điều này được thể hiện trong Báo cáo Chính trị Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 11 năm 2012), đó là thay đổi cách tiếp cận trong vấn đề xây dựng xã hội. Khác với cách tiếp cận của Đại hội XVII (tháng 10 năm 2007) là "Đẩy nhanh xây dựng xã hội lấy việc cải thiện dân sinh làm trọng điểm", Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đặt vấn đề tăng cường xây dựng xã hội trong việc gắn kết giữa cải thiện dân sinh với sáng tạo mới quản lý xã hội, như vậy, cùng với chú trọng đến cải thiện dân sinh, là chú trọng đến cải cách thể chế quản lý xã hội, hai vấn đề này đặt ngang hàng nhau. Đồng thời, Báo cáo Chính trị Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng nhấn mạnh 2 điều cùng "cần phải": *một là "Cần phải lấy bảo đảm và cải thiện dân sinh làm trọng điểm"; hai là "Cần phải đẩy nhanh cải cách thể chế xã hội"*.

Cách tiếp cận mới này cho thấy, Trung Quốc đang tích cực xây dựng và hoàn thiện mô hình mới về phát triển xã hội và quản lý sự phát triển xã hội, phù hợp với yêu cầu hiện đại hoá đất nước và giải quyết các vấn đề nổi cộm trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, chặng đường 10 năm tới

TS. HOÀNG THẾ ANH (*Chủ biên*)

còn hết sức chông gai, đầy thách thức, trong đó có những nhân tố cản trở nhất định tới tiến trình và thành quả phát triển xã hội, theo tiêu chí "dân sinh là trọng điểm" của Trung Quốc.

I. NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN XÃ HỘI TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

Có rất nhiều nhân tố tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến tiến trình và kết quả phát triển xã hội Trung Quốc từ nay đến năm 2020. Điều đương nhiên là Trung Quốc sẽ tìm kiếm và áp dụng các biện pháp có thể, nhằm phát huy tối đa tính tích cực, hạn chế đến mức tối thiểu tính tiêu cực từ những nhân tố đó, với mong muốn hiện thực hoá mục tiêu xây dựng xã hội khá giả toàn diện vào cuối thập niên thứ hai của thế kỷ này. Trong phạm vi cho phép, chúng tôi xin đề cập một số nhân tố chủ yếu nhất, tác động trực tiếp đến xã hội Trung Quốc trong giai đoạn 2011-2020.

1. Bối cảnh quốc tế tác động đến xã hội Trung Quốc

Sau hơn mười năm gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới WTO và từng bước hoàn thiện nền kinh tế thị trường, Trung Quốc ngày càng hội nhập sâu rộng hơn vào nền kinh tế toàn cầu. Đương nhiên, Trung Quốc đồng thời cũng ngày càng tiếp nhận nhiều tác động, cả tích cực lẫn tiêu cực từ nền kinh tế thế giới. Trong thập niên 2011 - 2020, Trung Quốc chắc chắn sẽ tranh thủ và tận dụng được không

ít cơ hội thuận chiều từ các nền kinh tế thế giới, có lợi cho sự phát triển tăng tốc và ổn định của đất nước. Trung Quốc sẽ khai thác triệt để các mối quan hệ kinh tế thương mại đã được thiết lập, đồng thời sẽ mở rộng hơn tầm ảnh hưởng tới các thị trường mới, nhiều ưu thế, trong đó có châu Phi. Những lợi thế kinh tế đó sẽ là nhân tố hết sức quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu cải thiện dân sinh của Trung Quốc. Đây là thời cơ chiến lược để Trung Quốc trỗi dậy, phát triển kinh tế, nâng tầm ảnh hưởng trên thế giới. Như chính Đảng Cộng sản Trung Quốc nhận định trong Báo cáo Chính trị Đại hội XVIII (tháng 11 năm 2012) là: "Hòa bình và phát triển vẫn là chủ đề của thời đại. Thế giới đa cực hóa, toàn cầu hóa đi sâu phát triển, văn hóa đa dạng hóa, thông tin hóa xã hội sẽ tiếp tục diễn ra,... hợp tác toàn cầu sẽ phát triển ở nhiều tầng nấc, toàn phương vị, thực lực tổng thể của các quốc gia có thị trường mới nổi và các quốc gia đang phát triển tăng cường, v.v..."¹.

Mặt khác, những diễn biến phức tạp sau cuộc khủng hoảng toàn cầu như giá xăng dầu, giá vàng thế giới tăng mạnh; tình trạng nợ công châu Âu; sự thay đổi đa chiều trong các mối quan hệ kinh tế - chính trị thế giới;... trong thời gian tới cũng sẽ có những tác động tiêu cực nhất định đối với đời sống kinh tế - xã hội Trung Quốc. Nó không chỉ

1. Hồ Cẩm Đào đọc Báo cáo Đại hội XVIII tại buổi khai mạc tại Bắc Kinh (toàn văn), <http://china.caixin.com/2012-11-08/100458021.html>.

khiến Trung Quốc có thể phải điều chỉnh một số chính sách phát triển kinh tế - xã hội, mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống vật chất của người dân nước này trong những năm tới đây.

Thứ nhất, khủng hoảng tài chính toàn cầu. Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu bắt đầu từ nền kinh tế Mỹ vào năm 2008, sau đó lan sang các nước EU, được các chuyên gia kinh tế thế giới đánh giá là cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế thế giới tồi tệ nhất kể từ sau cuộc đại suy thoái những năm 1930. Hệ quả của nó đã khiến nền kinh tế châu Âu điêu đứng, kinh tế Mỹ trì trệ. Nợ công diễn biến trầm trọng khắp các quốc gia khu vực đồng tiền chung châu Âu như Hy Lạp, Ireland, Bồ Đào Nha, Pháp, Đức, Italia. Các Thủ tướng của Hy Lạp và Italia đã phải từ chức vì những chỉ trích liên quan tới sự thất bại trong việc kiểm soát các khoản nợ khổng lồ của hai nước này. Kinh tế suy thoái bao trùm cả thế giới, những tổ chức dễ bị tác động nhất trước khủng hoảng không chỉ là các doanh nghiệp, ngân hàng mà còn là những nhóm người nghèo, nhóm người dễ bị tổn thương trong xã hội. Sự bất bình đẳng về kinh tế cũng như sự tham lam của giới doanh nghiệp ở Mỹ cuối cùng đã làm bùng nổ phong trào "Chiếm Phố Wall". Phong trào này bắt đầu từ New York, sau đó lan rộng trên toàn nước Mỹ và 951 thành phố tại 82 quốc gia ở tất cả các châu lục, phản ánh sự bất bình sâu sắc của người dân trước những bất công trong việc phân chia của cải xã hội và chính sách "thắt lưng buộc bụng" của Chính phủ nhằm ứng phó với khủng hoảng

tài chính. Đây là lần đầu tiên thế giới chứng kiến một phong trào phạm vi toàn cầu đoàn kết những người từ các quốc gia khác nhau. Tất cả đều ủng hộ ý tưởng chính: cần phải thay đổi hệ thống tài chính, và sáng kiến này sẽ làm thay đổi chính phủ. Giới quan sát quốc tế cho rằng dù "Mùa xuân Ả-rập" là sự kiện được nhắc đến nhiều nhất trong năm 2011, nhưng chính các phong trào chính trị - xã hội phi bạo lực nổ ra ở phương Tây lại tác động có tính chất quyết định tới tương lai của toàn thế giới¹.

Mặc dù Chính phủ Trung Quốc tuyên bố không rơi vào khủng hoảng tài chính toàn cầu, tuy nhiên, đối với một quốc gia phát triển kinh tế dựa vào xuất khẩu như Trung Quốc, sự sụt giảm kinh tế của các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là Mỹ và châu Âu sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới kim ngạch xuất khẩu cũng như tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nước này. Nhiều chuyên gia cho rằng, đây chưa phải là thời điểm kết thúc khủng hoảng, mà có thể kéo dài thêm 10 năm nữa. Đặc biệt là trong một vài năm tới nếu ở Mỹ xuất hiện "vách đá tài chính" khi Chính phủ Mỹ cùng lúc áp dụng chính sách cắt giảm chi tiêu và tăng thuế thu nhập, từ đó dẫn đến nền kinh tế Mỹ suy thoái, ảnh hưởng đến sự phục hồi kinh tế thế giới². Điều này sẽ là thách thức lớn đối với nhiều

1. Nguyễn Việt, "10 sự kiện quốc tế nổi bật năm 2011", <http://dantri.com.vn/the-gioi/10-su-kien-quoc-te-noi-bat-nam-2011-551170.htm>.

2. Cốc Nguyệt Dương, "Sáng tạo phương thức hợp tác mới đem lại hạnh phúc cho nhân dân hai nước", Bài viết gửi Hội thảo

quốc gia, đặc biệt đối với một quốc gia có tổng lượng kinh tế lớn thứ hai thế giới và đang hội nhập sâu rộng vào thế giới như Trung Quốc.

Vấn đề nợ công châu Âu khiến Trung Quốc lo ngại về nguy cơ khủng hoảng nợ công của chính quyền địa phương. Xét về góc độ xã hội, nếu khủng hoảng nợ công nổ ra ở Trung Quốc thì tính chất nghiêm trọng sẽ lớn hơn nhiều lần so với các cuộc khủng hoảng nợ công vừa diễn ra ở Mỹ, châu Âu. Bởi lẽ, việc kiểm soát hành động của hơn 1,3 tỷ dân chắc chắn sẽ khó khăn hơn nhiều so với vài chục, thậm chí vài trăm triệu người. Mặc dù nợ công ở Trung Quốc chưa đến mức báo động như tại các nước châu Âu hay Mỹ, nhưng người ta vẫn lo ngại rằng, với cách sử dụng tài chính mạnh tay của chính quyền địa phương, một khối lượng lớn danh mục sử dụng công trái thiếu kiểm soát thì cứ đà này áp lực nợ công của Trung Quốc sẽ gia tăng mạnh. Trung Quốc đang trong thời kỳ kinh tế tăng trưởng cao, có nhu cầu vốn lớn để phát triển đồng bộ về cơ sở hạ tầng, nhà máy, xí nghiệp, trường học, nhà ở, bệnh viện... Nhu cầu thì lớn trong khi nguồn vốn có hạn, thậm chí chính quyền địa phương đang phải đối mặt với chính sách thắt chặt và duy trì kiểm soát vĩ mô của Trung ương Trung Quốc. Khoản nợ công của chính quyền địa phương ngày càng lớn mà khả năng trả lại

Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc - Những vấn đề lý luận và thực tiễn do Viện Nghiên cứu Trung Quốc phối hợp với Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam tổ chức, ngày 29 tháng 11 năm 2012 tại Hà Nội.

rất khó khăn. Vấn đề nợ xấu của chính quyền địa phương Trung Quốc gây mối lo ngại về gánh nặng sẽ đè lên dân chúng. Một khi không giải quyết được tình trạng căng thẳng này, chính quyền địa phương sẽ tìm cách "móc túi" người dân dưới nhiều hình thức, đặc biệt những tầng lớp có thu nhập cao để thanh toán nợ nần. Nhóm người yếu thế trong xã hội cũng sẽ gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, bởi nếu không đáp ứng những khoản phí và thuế mà chính quyền đặt ra thì rất có thể họ sẽ bị cắt giảm mọi dịch vụ sinh hoạt thiết yếu.

Thứ hai, biến động chính trị ở Trung Đông và Bắc Phi. Chỉ trong một thời gian ngắn, thế giới đã chứng kiến sự thay đổi chính trị tại một số nước Ảrập ở Trung Đông bằng sức mạnh mà người ta gọi là "đường phố Ảrập". Người dân xuống đường để bày tỏ sự tức giận trước những khó khăn kinh tế, sự bất bình đẳng xã hội, các cuộc xung đột tôn giáo và sắc tộc. Con địa chấn chính trị - xã hội này đã khiến một loạt Chính phủ ở các nước như Tunisia, Ai Cập, Yemen tồn tại hàng chục năm bị sụp đổ, làm thay đổi hoàn toàn diện mạo chính trị ở các nước này. Nhưng sự ra đi của các nhà lãnh đạo đầy quyền lực vẫn chưa phải là dấu chấm hết cho những bất ổn chính trị tại khu vực này như Trung Đông. Có thể hiện tại, Trung Quốc không phải là con bài trong trò chơi Đominô đã xảy ra ở các nước Hồi giáo, thế nhưng có thể một vài nhân tố tiềm ẩn đang ngầm xuất hiện sẽ là nhân tố làm đảo lộn xã hội. Nổi bật lên đến lúc này chính là vấn đề của tầng lớp trung lưu. Họ nổi lên với vai trò đưa Trung

Quốc tiến gần hơn tới thế giới các nước phát triển, gần hơn tới đích xã hội khá giả, nhưng cũng chính họ khiến cho giới lãnh đạo nước này phải lo lắng. Bởi lẽ, theo Francis Fukuyama thuộc Viện nghiên cứu Quốc tế Freeman Spogli trường Đại học Stanford (California- Mỹ), giai cấp trung lưu đã hy sinh chính trị để đổi lấy cuộc sống khá giả và sự ổn định, họ được hưởng phúc lợi từ phát triển kinh tế và chính sách tạo việc làm cho những người có học, nhưng đến khi kinh tế đủ đầy, họ sẽ đòi hỏi quyền lợi về chính trị. Khi đó, liệu sẽ diễn ra trên đường phố những cuộc biểu tình của những trí thức Trung Quốc đòi quyền tham gia chính trường như Trung Đông?¹. Tuy nhiên, sự bất ổn trong xã hội Trung Quốc còn có nhiều nhân tố khác, như bê bối tham nhũng quy mô lớn, căng thẳng giữa chính quyền Trung ương với địa phương, xung đột lợi ích giữa giới lãnh đạo dân sự và quân sự, khủng hoảng tài chính toàn cầu ảnh hưởng trực tiếp tới tầng lớp trung lưu Trung Quốc, đặc biệt là những xung đột sắc tộc lớn tại Tân Cương và Tây Tạng... Mỗi một nhân tố trong đó đều có nguy cơ gây nguy hại tới sự ổn định của Trung Quốc.

Thứ ba, chiến lược trở lại châu Á của Mỹ. Trong khi tình hình kinh tế nước Mỹ vô cùng khó khăn, nợ nần chồng chất và tỷ lệ thất nghiệp cao, buộc nước này phải cắt giảm ngân sách nhà nước, thì cũng là lúc Mỹ chuyển trọng tâm chiến lược sang khu vực châu Á - Thái Bình Dương với vô

1. Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 84, 2011, tr. 1-3.

số các hoạt động ngoại giao quan trọng với các quốc gia trong khu vực. Nhiều nhà phân tích cho rằng, động thái này của Mỹ là nhằm tranh giành ảnh hưởng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương với đối thủ số một là Trung Quốc, trong bối cảnh năm 2011 là năm nhiều sóng gió tại Biển Đông. Mục đích của Mỹ là thể hiện sự có mặt với tư cách là một siêu cường có sức mạnh ở châu Á bằng cách: *một mặt*, tăng cường ngoại giao trên các phương diện chính trị, kinh tế và đưa ra sách lược với khu vực này; *mặt khác*, kiềm chế và cản trở Trung Quốc nắm quyền bá chủ trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương đầy triển vọng. Sự có mặt của Mỹ ở khu vực châu Á gây nhiều quan ngại đối với Trung Quốc, một mặt ảnh hưởng không nhỏ tới lợi ích kinh tế của Trung Quốc, nhưng mặt khác quan trọng hơn là ảnh hưởng tới sức mạnh và vị thế của Trung Quốc tại khu vực này. Có lẽ, chưa bao giờ Trung Quốc cảm thấy bị "đe dọa" bởi cường quốc số một thế giới như lúc này. Trước chiến lược duy trì sức mạnh lâu dài của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Chính phủ Trung Quốc chắc chắn sẽ có nhiều vấn đề để bàn thảo và vạch ra kế sách, chiến lược ứng phó, bởi lẽ sự ảnh hưởng của Mỹ không chỉ trên lĩnh vực quân sự, mà về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hoá, và sẽ tác động không nhỏ tới xã hội Trung Quốc.

Chính vì vậy, Báo cáo Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 11 năm 2012) đã đưa ra nhận định: "Thế giới ngày nay đang biến đổi sâu sắc và phức tạp... Khủng hoảng tài chính tiền tệ quốc tế ảnh hưởng sâu sắc và lâu dài,

TS. HOÀNG THẾ ANH (*Chủ biên*)

nhân tố tăng trưởng kinh tế thế giới không ổn định, tính không xác định nhiều hơn, mất cân bằng trong phát triển toàn cầu ngày càng gia tăng..."¹.

2. Những nhân tố trong nước tác động đến xã hội Trung Quốc

2.1. Những nhân tố tích cực tác động đến phát triển xã hội Trung Quốc

Một là, Trung Quốc hiện là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Giá trị tổng sản lượng trong nước năm 2011 đạt 472 nghìn tỷ Nhân dân tệ (NDT), tốc độ tăng trưởng đạt 9,2%². Trong thời gian tới đây, nền kinh tế Trung Quốc được dự đoán và cũng được Đảng và Chính phủ Trung Quốc chủ trương duy trì tăng trưởng ở mức trên 7%, điều này tiếp tục góp phần vào mục tiêu nâng cao đời sống dân sinh. Đồng thời, các chính sách và thực trạng kinh tế cũng góp phần tạo ra những nhân tố tác động tích cực tới mục tiêu và tiến trình phát triển xã hội của quốc gia này. Kinh tế là một nhân tố quan trọng mà Trung Quốc đã tính đến trong các bước cải cách và phát triển đất nước giai đoạn 2011-2020.

-
1. Hồ Cẩm Đào đọc Báo cáo Đại hội XVIII tại buổi khai mạc tại Bắc Kinh (toàn văn), <http://china.caixin.com/2012-11-08/100458021.html>.
 2. Ôn Gia Bảo, "*Báo cáo công tác Chính phủ (Hội nghị lần thứ 5 Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá XI, ngày 5.3.2012*", Nxb. Nhân dân, 2012, tr. 1.

Trung Quốc sẽ thực hiện các chính sách kinh tế có lợi cho phát triển xã hội. Điểm nhấn quan trọng trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ XII (2011-2015) và Báo cáo Chính trị Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc là đẩy nhanh quá trình chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng và hiệu quả tăng trưởng, tăng cường sức cạnh tranh quốc tế. Trong đó có 3 nội dung liên quan trực tiếp nhất đến sự phát triển xã hội. Đó là: xây dựng cơ chế mở rộng nhu cầu trong nước lâu dài và hiệu quả; đẩy mạnh hiện đại hoá nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; phát triển cân bằng vùng miền và thực hiện đô thị hoá một cách tích cực, ổn định¹. Báo cáo công tác Chính phủ năm 2012 tại Hội nghị lần thứ 5 Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc (Quốc hội) khoá XI của Trung Quốc cũng hết sức nhấn mạnh nhiệm vụ hoàn thiện chính sách kích lệ tiêu dùng nội địa, ra sức phát triển mạnh mẽ các ngành dịch vụ xã hội như dưỡng lão, dịch vụ gia đình, bảo vệ sức khỏe, văn hoá, du lịch,... Tại hội nghị này, Trung Quốc đã xác định mức tăng trưởng kinh tế năm 2012 là 7,5% (đây là mục tiêu tăng trưởng dưới 8% đầu tiên sau 8 năm). Đồng thời, kết cấu tăng trưởng cũng có những điều chỉnh mới: từ đầu tư và xuất khẩu là chủ yếu sang tiêu dùng là chủ yếu, kết hợp với coi trọng đầu tư và xuất khẩu. Điều cần nói là, những mục tiêu kinh tế nói trên đều liên quan trực tiếp và

1. "Tập hợp văn kiện Hội nghị Trung ương 5 khoá XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc", Nxb. Nhân dân, 2010, tr. 71-75.

TS. HOÀNG THẾ ANH (Chủ biên)

bổ trợ hiệu quả cho sự phát triển xã hội của Trung Quốc. Nó có tác dụng tháo gỡ nhiều vấn đề còn tồn đọng và ách tắc trong lĩnh vực xã hội, tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện các mục tiêu xã hội từ nay đến năm 2020. Rõ ràng, việc điều chỉnh phương thức phát triển kinh tế theo định hướng dài hơi cùng những chính sách và biện pháp được xem là hiệu quả sẽ có tác động tích cực nhất định đến hầu khắp các phương diện xã hội. Có thể coi đây là một nhân tố tích cực, đem lại thuận lợi cho Trung Quốc trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội giai đoạn 2011 - 2020.

**Bảng 2.1: Độ tuổi của lãnh đạo Đảng
tại các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương
trước thềm Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc**

Đơn vị: người

Sinh sau 1940		Sinh sau 1950		Sinh sau 1960	
Bí thư tỉnh ủy	Phó Bí thư tỉnh ủy	Bí thư tỉnh ủy	Phó Bí thư tỉnh ủy	Bí thư tỉnh ủy	Phó Bí thư tỉnh ủy
1	2	28	51	2	12

Nguồn: 31 Đảng ủy tỉnh, khu tự trị đã kết thúc việc thay đổi lãnh đạo: diện mạo mới tiếp quản địa phương, http://news.xinhuanet.com/politics/2012-07/04/c_123366052.htm; bổ sung Bí thư tỉnh ủy 31 tỉnh thành sau lưỡng hội, tuổi bình quân là 59,2 tuổi, <http://leaders.people.com.cn/n/2013/0321/c58278-20864037.html>.

Hai là, đội ngũ lãnh đạo mới trong Đảng ở 31 tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương đa phần sinh sau năm 1950 (xem bảng 2.1), có trình độ học vấn ngày càng cao. Trong số thường vụ Đảng ủy ở các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc Trung ương, số người có trình độ tiến sĩ là 97 người, chiếm gần 24%.

Trước Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc vào cuối năm 2012, mặc dù diễn ra sự đấu tranh quyết liệt giữa các phe phái trong nội bộ hàng ngũ lãnh đạo cấp cao của Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhưng tình hình chính trị Trung Quốc hiện nay vẫn ổn định, không có những xáo trộn lớn.

Cũng như thập niên đầu thế kỷ XXI, bước sang thập niên thứ hai những bất ổn, mâu thuẫn xã hội vẫn tiếp tục xảy ra, thử thách năng lực của những người lãnh đạo Trung Quốc. Sự kiện Ô Khảm ở tỉnh Quảng Đông diễn ra vào cuối năm 2011 (xem hộp dưới đây) là một minh chứng cho thấy rõ năng lực giải quyết vấn đề mâu thuẫn giữa lợi ích của người dân với chính quyền trong quá trình phát triển kinh tế của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Khi lãnh đạo cao nhất của tỉnh Quảng Đông, đứng ra giải quyết một cách lý tính thì vấn đề được giải quyết một cách ôn hòa. Điều này cho thấy, Đảng Cộng sản Trung Quốc không phải là không thể giải quyết vấn đề, mà cũng không phải không có năng lực giải quyết vấn đề xã hội trong quá trình phát triển kinh tế. Ở Trung Quốc, Quảng Đông là tỉnh đi đầu trong cả nước xảy ra hiện tượng như vậy thì ở những nơi khác của Trung Quốc

chắc chắn sớm muộn cũng sẽ xảy ra những sự kiện tương tự¹. Nếu chính quyền ở các tỉnh của Trung Quốc đều giải quyết vấn đề một cách hợp tình, hợp lý như Quảng Đông thì xã hội Trung Quốc vẫn giữ được ổn định.

Sự kiện Ô Khảm ở tỉnh Quảng Đông

Đây là một ngôi làng ven biển, người dân vừa chài lưới vừa làm nông. Theo báo South China Morning Post, từ khoảng gần cuối năm 2011, dân làng Ô Khảm bắt đầu phản ánh việc chỉ bộ làng do Bí thư Tiết Xương đứng đầu và chính quyền địa phương bán phần lớn đất đai trong làng cho các công ty bất động sản, thu lợi hơn 100 triệu USD. Bị mất đất mà lại nhận bồi thường rẻ mạt, cộng với lạm phát tăng khiến đời sống người dân ngày càng khó khăn.

Cuối tháng 9.2011, hàng trăm người dân Ô Khảm biểu tình trước trụ sở chính quyền Lục Phong và đụng độ với lực lượng an ninh, làm nhiều người bị thương và bị bắt. Có tin nhiều thanh niên tham gia biểu tình bị "xã hội đen" hành hung, khiến dân làng càng phẫn nộ.²

1. Trịnh Vĩnh Niên, "*Tương lai quản lý xã hội ở Trung Quốc*", http://www.zaobao.com/special/forum/pages8/forum_zp120103a.shtml.
2. "*Cuộc chiến đất đai ở Trung Quốc: Sóng gió Ô Khảm*", <http://www.thanhvien.com.vn/pages/20120206/cuoc-chien-dat-dai-o-trung-quoc-song-gio-o-kham.aspx>.

Ba là, có ý kiến cho rằng, bản chất của vấn đề xây dựng xã hội hài hoà chính là cải cách chính trị¹. Trung Quốc hiện đang rất coi trọng nhiệm vụ cải cách chính trị, nhằm tạo nền tảng và cơ sở pháp lý đủ mạnh cho cải cách thể chế xã hội, tiến tới hoàn thành mục tiêu xây dựng xã hội khá giả, hiện đại và hài hoà. Không thể không khẳng định: chính trị là một nhân tố tác động trực tiếp đến sự phát triển và quản lý xã hội của Trung Quốc giai đoạn 2011 - 2020 và những giai đoạn tiếp theo. Tương tự như kinh tế, các nhân tố chính trị cũng ảnh hưởng đến đời sống xã hội Trung Quốc trên hai bình diện tích cực và tiêu cực. Về mặt tích cực, Trung Quốc đạt nhiều thành tựu trong mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền. Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc (1997) xác định mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền (Trung Quốc gọi là nhà nước pháp trị), theo phương châm "trị quốc bằng pháp luật". Nghĩa là: "Pháp chế hoá và quy phạm hoá đời sống chính trị, kinh tế, xã hội đất nước; mở rộng kênh và hình thức tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý văn hoá, quản lý công tác xã hội của nhân dân theo hiến pháp và quy định pháp luật, dưới sự lãnh đạo của Đảng; từng bước thực hiện chế độ hoá, luật pháp hoá nền dân chủ xã hội chủ nghĩa"². Khi đặt ra mục tiêu xây dựng nhà nước

1. Trịnh Vĩnh Niên, "Tại sao phải nêu vấn đề xây dựng xã hội hài hoà", *Tín báo*, 14.3.2005.

2. Giang Trạch Dân (2002), "Bàn về chủ nghĩa xã hội có đặc sắc Trung Quốc", Nxb. Văn hiến Trung ương, Bắc Kinh, tr. 326.

pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cũng có nghĩa là Trung Quốc đang nhằm tới mục tiêu xoá bỏ tận gốc cơ chế quản lý theo kiểu hành chính quan liêu, coi mệnh lệnh nhà nước là tối thượng, quyền uy nhà nước là "vạn năng"; tiến tới thực hiện cơ chế quản lý bằng luật pháp, đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong đời sống xã hội. Trung Quốc thường xuyên nhấn mạnh nguyên tắc "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đối với mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước. Có như vậy thì các quan chức chính phủ mới thực hiện đúng chức trách và bổn phận của mình, tránh tình trạng "việt vị" hoặc lơ là, thiếu trách nhiệm. Sau hơn 30 năm cải cách, với nhiều nỗ lực và biện pháp hiệu quả, hiện Trung Quốc đã đạt được nhiều thành công trong việc xây dựng và hoàn thiện mô hình nhà nước pháp quyền. Đó là nhân tố hết sức quan trọng, tác động tích cực đến lĩnh vực quản lý sự phát triển của xã hội.

Bốn là, công tác đào tạo con người đạt nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Với chiến lược "khoa giáo hưng quốc", "nhân tài cường quốc", Trung Quốc đã thúc đẩy mạnh mẽ sự nghiệp giáo dục và khẳng định bước tiến quan trọng trong lĩnh vực đào tạo con người, đáp ứng yêu cầu hiện đại hoá đất nước. Hiện tại, Trung Quốc đã đào tạo được một đội ngũ đông đảo cán bộ trẻ có tri thức khoa học kỹ thuật cao, trình độ chuyên môn nghiệp vụ giỏi, năng động, sáng tạo và tuân thủ nghiêm kỷ luật lao động. Hơn thế, với các chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả, Trung Quốc đang phát huy mạnh mẽ sức mạnh tiềm tàng của nguồn nhân lực, trong đó lực lượng trẻ đóng vai trò chủ đạo. Đây là thế mạnh của Trung Quốc trong công cuộc

cải cách nói chung, công cuộc xây dựng xã hội hiện đại nói riêng, không chỉ trong giai đoạn 2011 - 2020.

2.2. Những nhân tố tiêu cực tác động đến phát triển xã hội của Trung Quốc

Một là, tác động tiêu cực của quan điểm "kinh tế là trọng tâm" trong phát triển đất nước. Có thể nói, trong gần 3 thập kỷ cải cách, Trung Quốc đã phát triển không cân bằng, thiếu hài hoà giữa hai lĩnh vực kinh tế và xã hội. Nói cách khác, Trung Quốc đã quá chú trọng mục tiêu tăng trưởng kinh tế và xem nhẹ các tiêu chí xã hội. Điều đó thể hiện ngay trong chiến lược phát triển quốc gia, khi nhiệm vụ cải cách thể chế xã hội được đặt ra quá muộn, sau các bước cải cách thể chế kinh tế, thể chế chính trị và thể chế văn hoá. Chính vì thế, trước thềm Đại hội XVII (2007), Trung Quốc mới nhận thấy một cách sâu sắc những biểu hiện thiếu hài hoà trong phát triển đất nước, những nguy cơ xã hội có thể xảy ra từ việc xem nhẹ các tiêu chí phát triển và quản lý đời sống xã hội. Trung Quốc đã làm tương tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, thu nhập quốc dân lớn là bí quyết hoá giải mọi vấn đề xã hội. Nói theo cách của nhà nghiên cứu nổi tiếng Trịnh Vĩnh Niên, Trung Quốc đã cải cách đất nước theo "chủ nghĩa kinh tế", bằng cách nói hình tượng của Đặng Tiểu Bình "phát triển là đạo lý cứng"¹. "Chủ nghĩa kinh tế"

1. Trịnh Vĩnh Niên, "*Bảo vệ xã hội*", Tập đoàn liên hợp xuất bản Chiết Giang, Nxb. Nhân dân Chiết Giang, 2011, tr. 3.

đã tạo nên quá nhiều vấn đề tiêu cực đối với xã hội Trung Quốc khi đồng tiền trở thành sức mạnh quyết định hành vi và đạo đức con người, thậm chí quyết định địa vị chính trị của một số người, vì lợi ích cá nhân. Trong thời gian dài tới đây, nhân tố này vẫn ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội và gây cản trở không nhỏ đến hiệu quả quản lý xã hội của Trung Quốc.

Khác với Trung Quốc, Đài Loan giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Ngay từ giai đoạn đầu, Đài Loan đã xác định rõ chủ trương chiến lược là thực hiện tối ưu các chính sách xã hội song song với các chính sách phát triển kinh tế. Mục tiêu quan trọng là giảm thiểu tối đa bất bình đẳng xã hội, khiến đông đảo các tầng lớp xã hội có thể thụ hưởng nhiều nhất thành quả phát triển kinh tế. Chính vì thế mà chênh lệch giàu nghèo, bất bình đẳng về cơ hội không phải là vấn đề quá nghiêm trọng ở Đài Loan.

Hai là, chênh lệch giàu nghèo vẫn là bài toán nan giải trong tiến trình phát triển kinh tế của Trung Quốc. Theo đánh giá của Trung Quốc và các tổ chức kinh tế thế giới, trong nhiều thập kỷ tới đây, Trung Quốc vẫn phải đối mặt với vấn đề chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng miền, giữa thành thị với nông thôn và giữa các tầng lớp cư dân. Hầu hết các nguyên nhân dẫn đến tình trạng này đều khó hoá giải trong một thời gian ngắn. Chẳng hạn: sự tồn tại dai dẳng, để lại nhiều hậu quả xã hội của chế độ "nhị nguyên"

giữa thành thị và nông thôn; mặt trái của các chính sách phát triển kinh tế như "cho phép một số vùng và một bộ phận cư dân giàu lên trước", hay đầu tư thiếu cân bằng giữa khu vực miền Đông và miền Tây; vai trò điều tiết và quản lý của nhà nước trong lĩnh vực phân phối nguồn lực chưa thật sự hiệu quả; sự phát triển mất cân bằng giữa các nhóm ngành đã tạo nên mức thu nhập khác biệt quá lớn giữa các nhóm xã hội;... Như vậy, sự phát triển kinh tế thiếu cân đối đã dẫn đến tình trạng phân hoá cực đoan giữa các vùng miền và các giai tầng, hình thành nên một kết cấu xã hội không hợp lý, trong đó giai tầng trung lưu chiếm tỷ lệ chưa cao. Cho dù trong thời gian tới đây, Trung Quốc sẽ thực thi nhiều chính sách và biện pháp tích cực để cải thiện dân sinh thì những yếu tố nêu trên vẫn là rào cản đáng kể đối với tiến trình phát triển xã hội.

Ba là, dân chủ chính trị - đặc biệt là dân chủ cơ sở chưa được thực hiện sâu rộng ở Trung Quốc. Vấn đề này thể hiện trên nhiều phương diện như: quyền tham gia các hoạt động chính trị của người dân (nhất là công nhân và nông dân) còn rất hạn chế; quyền bầu cử và ứng cử của công dân chưa thật sự dân chủ, công khai; tính minh bạch trong công tác chính phủ, nhất là của chính quyền địa phương chưa cao; quyền và chức năng kiểm tra giám sát của các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân chưa được thực hiện triệt để... Vẫn còn tình trạng chỉ có một vài giai tầng trong xã hội như quan chức, thương nhân, trí thức giữ vai trò chỉ đạo và lũng đoạn các chính sách của Chính phủ. Người dân lao động dường

như bị gạt khỏi tầm ảnh hưởng, mất quyền được biết một số quyết sách liên quan đến lợi ích của chính họ. Tình trạng này đương nhiên cản trở đáng kể đến tiến trình và mục tiêu phát triển xã hội. Những biểu hiện này chắc chắn không thể tháo gỡ triệt để trong mười, thậm chí hai mươi năm tới.

Bốn là, phương thức quản lý xã hội chưa hoàn thiện. Cùng với quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, Trung Quốc hiện đang tích cực đổi mới phương thức quản lý xã hội, nhằm tiến tới mục tiêu hài hoà, khá giả vào năm 2020. Tuy nhiên, vào thời điểm này, phương thức quản lý xã hội ở Trung Quốc vẫn chưa thật sự hoàn thiện, gây nên những xáo trộn nhất định trong đời sống xã hội. Ví như: Trung Quốc vẫn chưa chuyển đổi căn bản được chức năng quản lý của nhà nước. Theo đánh giá của các học giả Trung Quốc, chính quyền các cấp, nhất là chính quyền Trung ương vẫn vươn cánh tay tới quá nhiều lĩnh vực kinh tế, trong khi chức năng quản lý xã hội còn khá mờ nhạt. Nói cách khác, nhà nước chưa quan tâm thoả đáng đến vai trò thúc đẩy xã hội phát triển, chưa thực hiện tối đa chức năng quản lý xã hội. Đó là một nguyên nhân khiến nhiều vấn đề xã hội mới nảy sinh chưa được giải quyết triệt để.

Năm là, cơ chế kiểm tra giám sát của Trung Quốc vẫn còn nhiều yếu kém, thiếu hiệu quả. Có thể nói, Trung Quốc đã có những bước chuyển rõ nét trong công tác kiểm tra giám sát, xử lý kịp thời các vụ việc vi phạm pháp luật, góp phần làm lành mạnh và ổn định xã hội. Tuy nhiên, cơ chế

kiểm tra giám sát của Trung Quốc còn tồn đọng nhiều vấn đề bất cập, như: tính song trùng trong khâu quản lý (bộ phận kiểm tra giám sát cơ sở nằm dưới quyền quản lý của tổ chức Đảng hoặc chính quyền); tính công khai minh bạch chưa cao; công tác giám sát bị hạn chế bởi một số ràng buộc và sức ép về cơ chế; tiêu cực trong công tác kiểm tra giám sát, v.v... Đây cũng chính là nguyên nhân làm nảy sinh không ít vấn đề gai góc trong đời sống xã hội Trung Quốc, tác động tiêu cực đến các mục tiêu xây dựng xã hội khá giả, hài hoà.

Sáu là, nạn tham nhũng diễn ra ngày càng nghiêm trọng và phức tạp. Có thể nói, nguyên nhân trước hết dẫn đến tham nhũng là do sự thiếu kiện toàn trong hệ thống chính trị. Biểu hiện cụ thể là nguyên tắc, chế độ không hoàn thiện, thể chế, cơ chế nhiều kẽ hở đã tạo cơ hội cho các hành vi tham nhũng. Theo các chuyên gia Trung Quốc, phần tử tham nhũng chủ yếu nhất hiện nay ở Trung Quốc chính là hàng ngũ cán bộ lãnh đạo trung cao cấp, từ cấp huyện đến cấp Trung ương. Đây được coi là động thái mới trong vấn đề tham nhũng ở Trung Quốc giai đoạn hiện nay. Hiện tượng tham nhũng có xu hướng chuyển dần từ lĩnh vực quản lý kinh tế trước đây sang các bộ phận quyền lực phi kinh tế, thông qua hành vi mua bán chức quyền¹. Tham nhũng là nguyên nhân sâu xa dẫn đến tình trạng bất công

1. Ngô Trung Dân (Chủ biên), *"Mâu thuẫn xã hội nghiêm trọng trong tiến trình cải cách ở Trung Quốc"*, Nxb. Trường Đảng Trung ương Trung Quốc, 2011, tr. 103.

trong xã hội. Vì rằng, về bản chất, tham nhũng chính là vấn đề phân phối lợi ích. Có điều đây được coi là hình thức "phân phối" phi pháp, thông qua quyền lực công để chiếm đoạt các lợi ích về nguồn lực hoặc thu nhập tài chính. Hậu quả của tham nhũng là tạo ngăn cách, khơi sâu mâu thuẫn giữa các tầng lớp cư dân trong xã hội xã hội, thậm chí gây xung đột gay gắt giữa quần chúng nhân dân với cán bộ lãnh đạo, dẫn đến nguy cơ mất ổn định xã hội. Trong 1.000 người được hỏi tại "Diễn đàn nhân dân" năm 2008 ở Trung Quốc, có tới 96,11% ý kiến cho rằng "bất công do quyền lực tạo nên là biểu hiện nổi bật nhất trong những hiện tượng không công bằng xã hội hiện nay"¹. Điều hiển nhiên là, tham nhũng sẽ làm giảm năng lực cầm quyền của Đảng; làm mất lòng tin của nhân dân; xâm hại đến quyền và lợi ích chính đáng của người dân; dễ dẫn tới các cuộc kiện cáo, tranh chấp giữa công chúng và chính quyền;...

Rõ ràng, những nhân tố trong lĩnh vực chính trị nêu trên sẽ tác động không nhỏ tới cục diện xã hội Trung Quốc, không phải chỉ trong giai đoạn 2011-2020.

Bấy là, liên kết cộng đồng xã hội ngày càng trở nên lỏng lẻo. Sự biến đổi về quan niệm giá trị, đề cao lợi ích cá nhân trong điều kiện kinh tế thị trường cộng với nhịp sống hối hả, bận rộn trong xã hội hiện đại đã khiến khá nhiều người

1. Ngải Vân, "Công chúng không tán thành với loại bất công nào - điều tra ý kiến về vấn đề công bằng", Diễn đàn nhân dân, số 21 năm 2008.

Trung Quốc có lối sống thờ ơ, thiếu quan tâm đến cộng đồng, kể cả với những thân phận rủi ro, bất hạnh trong xã hội. Hiện tại, Trung Quốc đang phải đối mặt với một vấn đề gai góc, đó là tâm thế lạnh lùng, bàng quan, vô cảm trong quan hệ giữa con người với con người. Những người có lương tri ở Trung Quốc đang hết sức bất bình và lo ngại về tình trạng dửng dưng trước sinh mạng của con người như sự kiện "bé gái Yueyue" bị xe cán trọng thương tại Quảng Đông ngày 13 tháng 10 năm 2011¹ mà không được bất cứ người qua đường nào cứu giúp; sự kiện "cảnh sát thấy người chết không cứu" tại Hà Nam ngày 16 tháng 5 năm 2012...². Quả thật, xã hội Trung Quốc đang đối mặt với thực trạng nóng bỏng, gai góc về vấn đề lương tri, nhân ái. Chính vì thế mà sau kỳ họp "lưỡng hội" (Quốc hội và Chính hiệp) tháng 3.2012, Trung Quốc đã phát động mạnh mẽ hơn phong trào "học tập Lôi Phong"³, nhằm "hâm nóng" lại tình người theo tinh thần Lôi Phong thập kỷ 50-60 thế kỷ XX.

Tóm lại, văn hoá là nhân tố đôi khi không tác động trực tiếp, nhưng lại ảnh hưởng đến đời sống xã hội Trung Quốc từ tầng sâu, diện rộng và lâu dài. Các yếu tố văn hoá thường

1. Bé gái hai tuổi bị xe tải đâm đang hồi phục, <http://www.tienphong.vn/the-gioi/555455/Be-gai-hai-tuoi-bi-xe-tai-dam-dang-hoi-phuc-tpod.html>.

2. Trần Hồng Dương, "Cảnh sát thấy chết không cứu, lẽ nào chỉ chịu phạt lỗi lầm?", Quảng Đông nhật báo, 19.5.2012.

3. http://news.xinhuanet.com/politics/2012lh/2012-03/05/c_111602579.htm.

khó điều chỉnh, tiết chế bằng thiết chế luật pháp hay quy định hành chính. Do vậy, văn hoá chính là nhân tố phức tạp và đa chiều nhất mà Trung Quốc phải tính đến trong quá trình cải cách, hiện đại hoá đất nước. Mặt trái trong lối sống Á đông bám rễ sâu trong cộng đồng người Trung Quốc. Nghiêm trọng hơn nhiều quốc gia châu Á khác, quan hệ dòng tộc, huyết thống, bằng hữu luôn là yếu tố hiện hữu, thậm chí chi phối mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội ở Trung Quốc. Nhiều lúc, nó là lực cản trong việc thực thi triệt để và đúng đắn quy chế quản lý, là nguyên nhân dẫn đến tham nhũng, là con đường tạo nên sự chia bè kết cánh, gây xáo động xã hội, làm suy giảm sức mạnh tổng hợp của cộng đồng. Trong cuộc chiến chống tham nhũng ở Trung Quốc luôn xuất hiện tình trạng vợ con, người thân của lãnh đạo cao cấp ý thể để tham ô, ăn hối lộ, giành giật các hạng mục kinh tế béo bở, đưa người nhà vào làm việc tại các cơ sở kinh tế thu nhập cao hoặc len chân vào các chức vụ chính trị cao thấp khác nhau,... Chẳng hạn: tháng 12 năm 2010, trong số 5 người được đề bạt giữ chức quản lý Công ty muối ăn Thanh Viễn (Quảng Đông) có tới 3 người là người nhà của lãnh đạo Công ty; trong 45 người của Công ty thì có 10 cặp vợ chồng, 4 cặp anh em ruột, 1 cặp chị em ruột, ngoài ra còn có 3 anh chị em khác, tổng cộng có hơn 30 người là họ hàng thân thích trong Công ty¹. Thực

1. Ngô Trung Dân (Chủ biên), *"Mâu thuẫn xã hội nghiêm trọng trong tiến trình cải cách ở Trung Quốc"*, Nxb. Trường Đảng Trung ương Trung Quốc, 2011, tr. 112, dẫn theo: Tô Lệnh, *"Gia đình cán bộ lãnh đạo trong Công ty muối ăn Thanh Viễn"*, Diễn đàn Công đoàn, 27.1.2011.

trạng này không chỉ tác động tiêu cực đến đời sống xã hội, làm giảm lòng tin của người dân, mà còn gây trở lực rất lớn đến quá trình thực hiện mục tiêu xã hội hài hoà của Trung Quốc. Điều đáng ngại hơn là đặc điểm văn hoá này sẽ còn bám rễ lâu dài trong lòng xã hội Trung Quốc, không thể xoá bỏ một sớm một chiều.

Chín là, những vấn đề bất cập trong quá trình hội nhập quốc tế. Quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng đã đem lại cho xã hội Trung Quốc nhiều nhân tố mới của cuộc sống hiện đại, đòi hỏi người dân Trung Quốc phải làm quen và tiếp nhận. Tuy nhiên, mặt bằng dân trí thấp cũng như nếp sống lạc hậu, vị kỷ của rất nhiều người Trung Quốc đã trở thành lực cản lớn đối với quá trình tiếp thu tri thức và nguyên tắc sống hiện đại. Điều đó khiến xã hội Trung Quốc đang ở trong tình trạng pha tạp giữa cái mới và cái cũ, giữa yếu tố hiện đại và lạc hậu. Sự bất nhịp không kịp với những nguyên tắc khắt khe của xã hội hiện đại đã khiến trật tự xã hội đôi khi bị xâm phạm, quan hệ giữa con người với con người cũng trở nên căng thẳng, thiếu tôn trọng lẫn nhau. Bên cạnh đó là tâm lý và lối sống vị nể hoặc tránh va chạm trong công việc chung, nhất là những mảng việc không liên quan đến lợi ích riêng. Đây là yếu tố khiến công tác kiểm tra, giám sát của Trung Quốc gặp nhiều khó khăn, hiệu quả thấp. Đôi khi, nó còn là tác nhân khiến công tác quản lý trở nên trì trệ, bế tắc.

Mười là, chủ nghĩa dân tộc ở Trung Quốc sẽ không ngừng tăng lên trong những năm tới, điều này thể hiện ở vụ việc:

trước căng thẳng trong vụ tranh chấp biên đảo giữa Trung Quốc và Nhật Bản tại quần đảo钓鱼台 (theo cách gọi của Trung Quốc) năm 2012, tại Thâm Quyển và nhiều thành phố khác của Trung Quốc đã xảy ra nhiều cuộc biểu tình chống Nhật. Nhằm khống chế các cuộc biểu tình chống Nhật ở Thâm Quyển, tỉnh Quảng Đông đã phải điều thêm công an từ thành phố Quảng Châu sang để giúp Thâm Quyển giữ gìn trật tự. Có ý kiến cho rằng các cuộc biểu tình chống Nhật ở Trung Quốc là do tự phát. Tại Thâm Quyển, người biểu tình đã đập phá nhà hàng của người Nhật, nhiều cửa hàng quán ăn của người Nhật đã phải đóng cửa, một số nhà hàng thương hiệu Nhật Bản do người Trung Quốc kinh doanh dán cờ Trung Quốc ở cửa ra vào và treo khẩu hiệu "Quần đảo钓鱼台 là của Trung Quốc". Có người quá khích đã đập phá xe ô tô do Nhật sản xuất, nhiều người dân Trung Quốc sở hữu xe ô tô của Nhật không dám đi ra đường, gây ra tình trạng phương tiện giao thông công cộng quá tải. Tâm lý nhiều người dân Trung Quốc hiện nay rất căm phẫn Nhật Bản, cho rằng người Nhật coi khinh người Trung Quốc, nhiều người mong muốn thoát khỏi sự lệ thuộc kinh tế vào Nhật.

Đặc biệt, qua những phát biểu gần đây của thế hệ lãnh đạo hiện nay và 10 năm tới của Đảng Cộng sản Trung Quốc do Tập Cận Bình và Lý Khắc Cường làm hạt nhân cho thấy họ sẽ cứng rắn hơn trong vấn đề tranh chấp chủ quyền biên đảo với các nước xung quanh. Như ngày 28 tháng 1 năm 2013, phát biểu tại buổi học tập thể của Bộ Chính trị Trung ương

Đảng Cộng sản Trung Quốc, Tập Cận Bình đã nhấn mạnh: "Chúng ta (Trung Quốc) kiên trì con đường phát triển hòa bình, nhưng quyết không bỏ đi lợi ích chính đáng của chúng ta (Trung Quốc), quyết không thể hy sinh lợi ích cốt lõi của quốc gia" và kiên quyết hơn nữa là: "Bất kỳ quốc gia nào cũng không được hy vọng chúng ta (Trung Quốc) sẽ đem lợi ích cốt lõi của mình đi giao dịch, không được hy vọng chúng ta (Trung Quốc) sẽ nuốt quả đắng là bị xâm hại chủ quyền, an ninh và lợi ích phát triển".

Ngoài ra, theo nhận xét của phía Nhật Bản gần đây cho rằng, Tập Cận Bình có thể sẽ cứng rắn hơn so với Hồ Cẩm Đào trong vấn đề tranh chấp ở quần đảo Điếu Ngư/Senkaku và thời báo New York Mỹ ngày 10 tháng 12 năm 2012 đưa ra nhận xét "Dưới sự lãnh đạo của Tập Cận Bình, Trung Quốc sẽ rất cứng rắn đối với các nước ASEAN trong vấn đề tranh chấp lãnh thổ ở Biển Đông"¹. Điều đáng lưu ý hơn là, khi Tập Cận Bình và Lý Khắc Cường lãnh đạo trong bối cảnh Trung Quốc đang trỗi dậy, có thực lực, chủ nghĩa dân tộc ở Trung Quốc đang không ngừng tăng lên, chắc chắn không lãnh đạo nào của Trung Quốc muốn mình bị ghi vào sử sách là đi ngược lại với lợi ích của dân tộc. Tuy nhiên, cũng có khả năng do tính đến sự phát triển tiếp theo của Trung Quốc cần phải có môi trường hòa bình, Tập Cận Bình sẽ thuyết phục được tập thể lãnh

1. *Chuyến đi Tập Cận Bình đến Thâm Quyển đưa ra tín hiệu cải cách*, <http://cn.nytimes.com/article/china/2012/12/10/c10leader/>.

đạo hiện nay để có những quyết sách hòa hoãn với các nước xung quanh.

Như vậy, nếu Trung Quốc quản lý không tốt, không lý tính để xảy ra xung đột trong vấn đề tranh chấp chủ quyền lãnh thổ với các nước xung quanh thì điều này không những ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế - xã hội, trật tự xã hội của Trung Quốc, mà còn ảnh hưởng đến hình ảnh của Trung Quốc trên thế giới.

Nói tóm lại, các nhân tố kinh tế, chính trị, văn hoá nêu trên sẽ có những tác động và ảnh hưởng trực tiếp, mạnh mẽ, sâu sắc đến tiến trình phát triển và quản lý sự phát triển của xã hội Trung Quốc. Trong đó có những nhân tố ảnh hưởng đến các mục tiêu xã hội không chỉ trong giai đoạn 2011-2020. Điều đó đòi hỏi Trung Quốc cần tích cực tìm các biện pháp hữu hiệu để phát huy mặt tích cực, hạn chế và xoá bỏ những mặt tiêu cực do các nhân tố đó tạo nên, nhằm xây dựng môi trường lành mạnh hơn cho những bước đi tiếp theo trên chặng đường tiến tới một xã hội giàu có, thịnh vượng và hài hoà vào cuối thập kỷ thứ hai của thế kỷ này.

II. DỰ BÁO VỀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TRUNG QUỐC TRONG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

Giai đoạn 2011 - 2020 là giai đoạn quan trọng để Trung Quốc mở cánh cửa bước vào xã hội khá giả toàn diện, đạt trình độ các nước phát triển trung bình trên thế giới, như mục tiêu đã được xác định trong ba kỳ Đại hội Đảng Cộng sản

toàn quốc các khoá XVI, XVII và XVIII. Phát triển xã hội theo mô hình mới, lấy dân sinh làm trọng điểm đã trở thành mục tiêu chiến lược của Trung Quốc trong thập niên quan trọng này. Trong bài phát biểu tại Hội nghị Trung ương 5 khoá XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc, ông Ôn Gia Bảo đã nhấn mạnh: "Phát triển sự nghiệp xã hội và cải thiện dân sinh là nhiệm vụ quan trọng để thực hiện triệt để quan điểm phát triển một cách khoa học, là yêu cầu bức thiết để xây dựng toàn diện xã hội khá giả, là con đường để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế, mở rộng nhu cầu tiêu dùng trong nước"¹. Xã hội Trung Quốc sẽ phát triển ra sao, những cơ hội nào sẽ mở rộng hướng đi cho các chính sách và tiêu chí phát triển xã hội, những thách thức nào sẽ cản trở bước tiến và nhất là sự trỗi dậy của Trung Quốc? Đây không chỉ là mối trăn trở của các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc, mà còn là mối quan tâm của nhiều nước trên thế giới. Xuất phát từ những trình bày trên đây, có thể dự báo xu thế phát triển xã hội Trung Quốc trong giai đoạn 2011 - 2020 trên một số phương diện sau:

1. Xu hướng thay đổi cơ cấu xã hội Trung Quốc giai đoạn 2011 - 2020

Như ở các phần trên đã đề cập, sự phát triển không nhịp nhàng cân đối giữa kinh tế và xã hội thể hiện qua việc cơ

1. "Tập hợp văn kiện Hội nghị toàn thể lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khoá XVII", Nxb. Nhân dân, 2010, tr. 79.

cấu xã hội của Trung Quốc đang tụt hậu hơn so với cơ cấu kinh tế, là vấn đề lớn nhất còn tồn tại trong sự phát triển của Trung Quốc, nó trở thành căn nguyên sâu xa gây ra một loạt vấn đề và mâu thuẫn xã hội. Vì vậy, đẩy nhanh điều chỉnh cơ cấu xã hội, thay đổi cục diện cơ cấu xã hội lạc hậu so với cơ cấu kinh tế, phát triển nhịp nhàng, hài hòa giữa kinh tế và xã hội sẽ tiếp tục là mục tiêu điều chỉnh cơ cấu xã hội của Trung Quốc trong những năm tới đây.

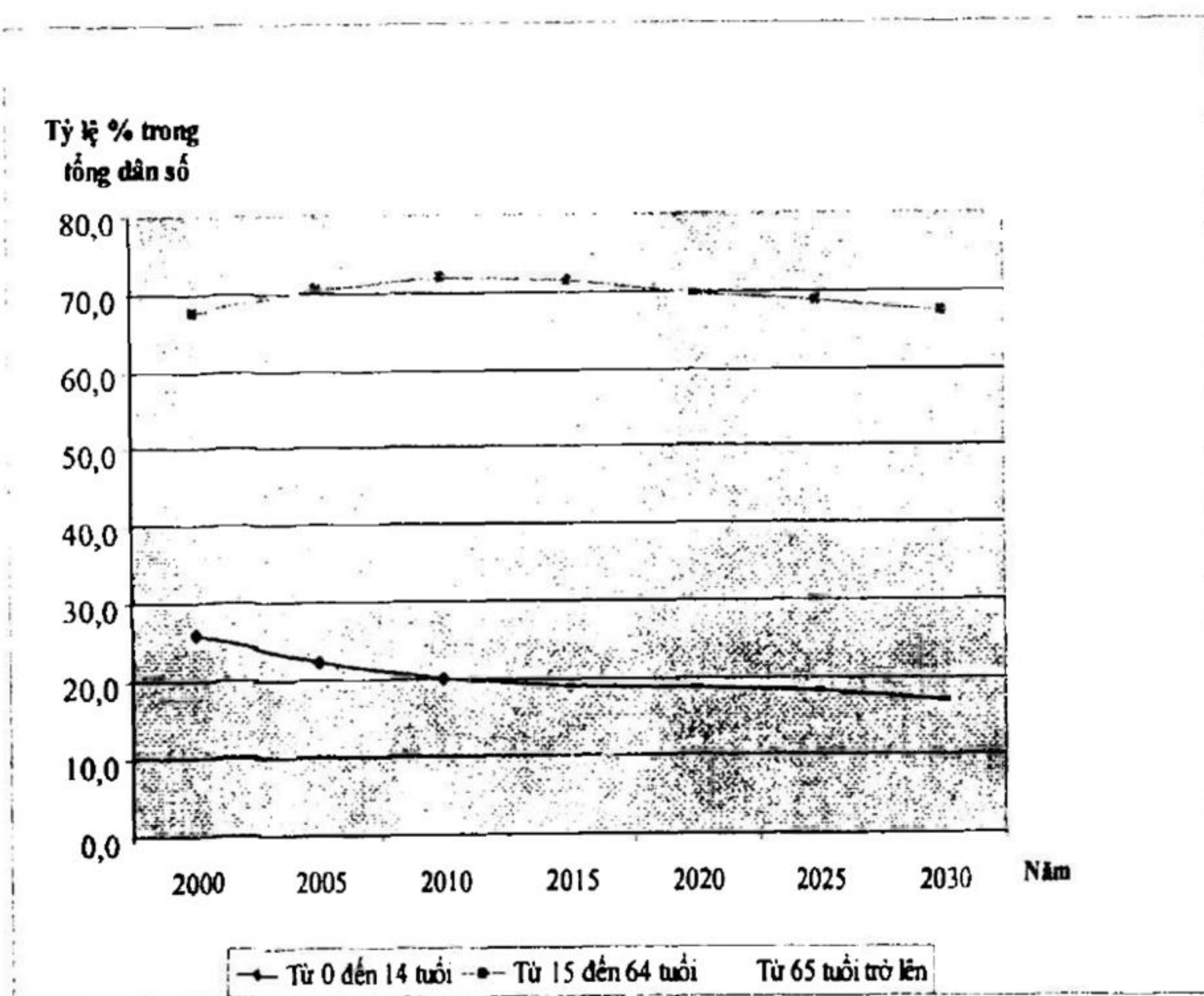
1.1. Xu thế thay đổi kết cấu dân số

Theo đánh giá của các học giả Trung Quốc, trong thế kỷ XXI, xu thế tiếp tục già hóa dân số của Trung Quốc là điều không thể tránh khỏi. Họ chia quá trình già hóa dân số trong thế kỷ XXI thành ba giai đoạn là: giai đoạn từ năm 2001 - 2020 là giai đoạn già hóa dân số nhanh; giai đoạn từ năm 2021 - 2050 là giai đoạn tăng tốc già hóa dân số và giai đoạn 2051 - 2100 là giai đoạn ổn định mức độ già hóa dân số.

Theo tính toán, trong giai đoạn 2001 - 2020, bình quân dân số người già của Trung Quốc sẽ tăng khoảng 5,96 triệu người mỗi năm, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 3,28%, vượt xa mức tăng trưởng 0,66% tổng dân số bình quân mỗi năm, đến năm 2020, dân số người già của Trung Quốc sẽ đạt 248 triệu người, trong đó dân số ở độ tuổi từ 80 tuổi trở lên sẽ đạt 30,67 triệu người, chiếm 12,37% tổng dân số người già. Còn theo dự đoán của Liên Hợp quốc, đến năm 2020, cơ cấu tuổi dân số của Trung Quốc sẽ diễn ra tình trạng tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động từ 15 đến 64 tuổi

trong tổng dân số có xu thế giảm xuống, tỷ lệ người từ 0 đến 14 tuổi cũng có xu thế giảm xuống, chỉ có tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên tăng (xem biểu đồ 2.1). Như vậy, kết cấu dân số Trung Quốc sẽ ngày càng già hóa đi.

Biểu đồ 2.1: Thay đổi cơ cấu tuổi dân số ở Trung Quốc (2000 - 2030)



Nguồn: UN, World Population Prospects: The 2008 Revision Population Database, <http://esa.un.org/UNPP/>, dẫn lại từ Hoàng Thế Anh (Chủ biên), "Những vấn đề kinh tế - xã hội nổi bật của Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ XXI và triển vọng đến 2020", Nxb. Khoa học xã hội, 2012, tr. 408.

So sánh với nhiều quốc gia khác trên thế giới, quá trình già hóa dân số của Trung Quốc diễn ra nhanh chóng hơn, quy mô dân số người cao tuổi lớn hơn, quá trình già hóa diễn ra trước quá trình hiện đại hóa. Trung Quốc rơi vào tình trạng "chưa giàu đã già". Điều này sẽ gây ra áp lực ngày càng nặng nề hơn cho sự phát triển kinh tế và xã hội của Trung Quốc trong tương lai.

Trước thực trạng dân số ngày càng mất cân bằng, trong những năm tới Trung Quốc sẽ có sự thay đổi về đường lối phát triển dân số. Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 11 năm 2012) lần đầu tiên đề ra "thúc đẩy phát triển cân bằng lâu dài dân số". Báo cáo Chính trị Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc mặc dù vẫn viết là "kiên trì quốc sách cơ bản sinh đẻ kế hoạch", nhưng bỏ cụm từ "Ổn định mức độ sinh đẻ thấp" mà Đại hội XVII đã nêu ra. Điều này cho thấy, những năm tới Trung Quốc sẽ có điều chỉnh dân chính sách dân số khi nước này bước vào giai đoạn già hóa dân số, mất cân bằng về giới tính và hệ quả của chính sách một con gây ra những gánh nặng cho thế hệ tương lai. Theo Tổng cục Thống kê quốc gia Trung Quốc cho biết trong năm 2011, tỷ lệ giới tính trẻ mới sinh là 117,78 bé trai/100 bé gái. Đây là mức giảm so với tỷ lệ 119,45 bé trai trong năm 2009 và 117,94 bé trai trong năm 2010. Mặc dù vẫn đề mất cân bằng giới tính ở quốc gia đông dân nhất thế giới này tiếp tục được cải thiện trong một vài năm gần đây, nhưng tỷ lệ chênh lệch nam - nữ vẫn trầm trọng và cao hơn

giới hạn cảnh báo¹. Thực tiễn trong những năm gần đây, chính sách một con ở Trung Quốc (tức là mức độ sinh đẻ thấp) đã có sự điều chỉnh, ở một số vùng nông thôn của Trung Quốc, nếu một cặp vợ chồng sinh con đầu là con gái thì được phép sinh thêm một con nữa. Như vậy, nếu những điều chỉnh về chính sách dân số của Trung Quốc được thực hiện một cách có hiệu quả, thì đây cũng chính là một trong những nhân tố tác động, bảo đảm sự trỗi dậy của Trung Quốc trong những năm tới, nếu không thì sẽ làm cho Trung Quốc phải đối mặt với không ít vấn đề, như vấn đề thiếu lao động, mất cân bằng về giới tính và gánh nặng về dân số già.

1.2. Xu thế về thay đổi kết cấu thành thị - nông thôn, vùng miền và phân phối thu nhập

Theo nhận định trong cuốn Sách xanh "Báo cáo số 3 về phát triển đô thị Trung Quốc" do Viện Nghiên cứu Phát triển đô thị và môi trường, Viện Khoa học xã hội Trung Quốc và Nhà xuất bản Văn hiến Khoa học xã hội công bố năm 2010, trong thời kỳ Quy hoạch 5 năm lần thứ XII (2011 - 2015), Trung Quốc sẽ bước vào giai đoạn mới chuyển đổi mô hình đô thị hoá và phát triển đô thị từ mở rộng quy mô sang nâng cao về chất. Trong đó, dự tính tỉ lệ đô thị hoá bình quân hàng

1. *Trung Quốc: Vẫn mất cân bằng giới tính trầm trọng*, <http://www.vietnamplus.vn/Home/Trung-Quoc-Van-mat-can-bang-gioi-tinh-tram-trong/20123/133320.vnplus>.

năm của Trung Quốc sẽ tăng từ 0,8 - 1,0 điểm phần trăm, đến năm 2015 đạt khoảng 52%, đến năm 2030 sẽ đạt khoảng 65%. Theo đánh giá của quốc tế, tỉ lệ đô thị hoá đạt mức 50% đánh dấu bước ngoặt có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển đô thị, khi đó dân số thành thị sẽ nhiều hơn dân số nông thôn. Sách xanh cũng dự đoán, trong khoảng thời gian giữa thời kỳ "Quy hoạch 5 năm lần thứ XII", dân số thành thị và nông thôn Trung Quốc đều sẽ đạt khoảng 680 triệu người¹.

Còn theo dự báo của nhóm nghiên cứu Hồ An Cương, Yên Nhất Long, Ngụy Tinh, trường Đại học Thanh Hoa Trung Quốc², trong khoảng thời gian đến năm 2030, Trung Quốc vẫn sẽ ở trong thời kỳ tăng tốc đô thị hóa đến năm 2020, tỉ lệ đô thị hóa của Trung Quốc sẽ đạt 60%, dân số đô thị đạt khoảng 845 triệu người. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng dự đoán, đến trước năm 2020, tổng lượng GDP của Trung Quốc sẽ vượt qua Mỹ, Trung Quốc sẽ trở thành thị trường tiêu thụ lớn nhất thế giới, có hệ thống ngành nghề hiện đại nhất thế giới, đồng thời cũng là khu vực đô thị hóa có quy mô lớn nhất thế giới (xem bảng 2.2).

1. Hoàng Thế Anh - Đề tài cấp Bộ 2009 - 2010 "*Những vấn đề nổi bật về kinh tế - xã hội của Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ XXI và triển vọng đến năm 2020*".

2. Hồ An Cương, Yên Nhất Long, Ngụy Tinh (Cháp bút), "*Trung Quốc năm 2030 - Hướng tới cùng giàu có*", Nxb. Đại học Nhân dân, năm 2011, tr. 71-72.

**Bảng 2.2: Dự báo tình hình đô thị hóa
của Trung Quốc đến năm 2020**

Năm	Tỉ lệ đô thị hóa (%)	Dân số thành thị (Triệu người)
2000	36,2	459,1
2010	49,7	665,6
2020	60	845,0

*Nguồn: Hồ An Cương, Yên Nhất Long, Ngụy Tinh (Chấp bút),
Trung Quốc năm 2030 - Hướng tới cùng giàu có, Nxb. Đại học Nhân
dân, năm 2011, tr. 72.*

Như vậy, cùng với việc đẩy mạnh đô thị hóa kết hợp với những chính sách nhất thể hóa thành thị nông thôn, xây dựng nông thôn mới, chú trọng xây dựng hệ thống an sinh xã hội ở nông thôn..., cơ cấu thành thị nông thôn Trung Quốc trong khoảng thời gian 10 năm tới sẽ có bước chuyển biến tích cực, hướng tới việc thu hẹp khoảng cách phát triển giữa thành thị và nông thôn, thu nhập và đời sống của người dân nông thôn sẽ có thể rút ngắn được khoảng cách với người dân thành phố. Năm 2010, lần đầu tiên sau nhiều năm, tốc độ tăng trưởng thu nhập thuần bình quân đầu người ở nông thôn cao hơn tốc độ tăng trưởng thu nhập khả dụng bình quân đầu người ở thành thị. Dự báo trong khoảng thời gian đến năm 2020, về tổng thể thu nhập của người dân nông thôn sẽ tăng trưởng nhanh hơn người dân thành thị,

khoảng cách chênh lệch thu nhập giữa người dân thành thị và nông thôn có khả năng sẽ được thu hẹp. Theo tính toán của nhóm học giả Hồ An Cương, tính theo giá không đổi chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn sẽ rút ngắn từ 2,7 lần năm 2009 xuống còn khoảng 2,5 lần năm 2015 và 2,2 lần năm 2020¹.

Qua các con số nêu trên có thể thấy, để thu hẹp được hoàn toàn chênh lệch, hướng tới nhất thể hóa thành thị và nông thôn là một điều không phải là dễ đối với một quốc gia có số dân sống ở nông thôn lớn như Trung Quốc, điều này còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nữa, cần trải qua một quá trình gian nan lâu dài nữa mới có thể thực hiện được.

Trong những năm tới, Đảng và Chính phủ Trung Quốc sẽ tập trung lôi kéo các vùng kém phát triển, thu hẹp khoảng cách phát triển vùng miền với việc thực hiện các chính sách phát triển dần đều cho các vùng miền, trong đó có việc chú trọng đầu tư vào khu vực kém phát triển như miền Trung, miền Tây, cho phép thử nghiệm nhiều mô hình phát triển mới, xây dựng các cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế ở khắp tất cả các vùng miền, các cụm thành phố có sức lan tỏa ở khu vực miền Trung, miền Tây, thu hút có chọn lọc sự chuyển dịch ngành nghề từ miền Đông sang miền Trung,

1. Hồ An Cương, Yên Nhất Long, Ngụy Tinh (Cháp bút), "*Trung Quốc năm 2030 - Hướng tới cùng giàu có*", Nxb. Đại học Nhân dân, năm 2011, tr. 134-135.

miền Tây, phá bỏ những trở ngại về khu vực hành chính giữa các khu vực, giữa các địa phương trong một khu vực...¹. Trên cơ sở đó, có thể dự đoán, trong khoảng thời gian 10 năm tới, chênh lệch phát triển giữa các vùng miền ở Trung Quốc sẽ có chuyển biến tích cực.

Theo nghiên cứu của nhóm học giả Hồ An Cương, bắt đầu từ năm 2004, xu thế rút ngắn chênh lệch GDP bình quân đầu người giữa các vùng miền của Trung Quốc bắt đầu xuất hiện, đến năm 2010, hệ số chênh lệch GDP bình quân đầu người giữa các vùng miền đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ khi cải cách mở cửa, chỉ còn 0,56%, thấp hơn mức 0,6% vào những năm 1990, trong khoảng thời gian từ 10 đến 20 năm tới, mức chênh lệch này sẽ còn tiếp tục giảm xuống, đến năm 2020 sẽ giảm xuống còn khoảng 0,4%².

Có lẽ chính vì vậy, Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 11 năm 2012) đã lần đầu tiên đề ra "Thu hẹp khoảng cách chênh lệch phân phối thu nhập", khác với cách biểu đạt trong Báo cáo Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc là "từng bước xoay chuyển xu thế mở rộng khoảng cách phân phối thu nhập". Báo cáo Đại hội XVII Đảng Cộng

-
1. Hoàng Thế Anh - Đề tài cấp Bộ 2009 - 2010 "*Những vấn đề nổi bật về kinh tế - xã hội của Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ XXI và triển vọng đến năm 2020*".
 2. Hồ An Cương, Yên Nhất Long, Ngụy Tinh (Chấp bút), "*Trung Quốc năm 2030 - Hướng tới cùng giàu có*", Nxb. Đại học Nhân dân, năm 2011, tr. 137 - 138.

sản Trung Quốc đề ra chủ trương xoay chuyển xu thế chênh lệch, như vậy được hiểu là có thể làm cho khoảng cách chênh lệch thu nhập không doãng ra nữa, cũng có thể là thu hẹp khoảng cách chênh lệch thu nhập. Báo cáo Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có sự thay đổi cách biểu đạt, đó là xác định việc thu hẹp khoảng cách chênh lệch phân phối thu nhập. Điều này thể hiện quyết tâm của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong những năm tới đây hướng tới mục tiêu giảm bớt bất bình đẳng trong việc phân phối thu nhập và tiến tới cùng giàu có. Nhưng để làm được điều này cũng không phải dễ, bởi với trình độ phát triển như hiện nay của Trung Quốc, liệu khoảng cách chênh lệch thu nhập của Trung Quốc đã đạt đến đỉnh hình chữ U ngược và có xu thế thu hẹp hay chưa? Đây là điều cần phải tiếp tục quan sát trong những năm tới. Để thu hẹp được khoảng cách chênh lệch thu nhập thì ngoài tính quy luật của giai đoạn phát triển ra, còn có đặc thù, điều kiện của từng quốc gia, điều quan trọng hơn cả là cần phải có tư duy phát triển và hệ thống chính sách tổng hợp, chứ không chỉ đơn thuần là một hai chính sách về phân phối thu nhập, tạo việc làm là có thể giải quyết được.

1.3. Xu thế thay đổi cơ cấu việc làm

Cùng với việc Đảng và Chính phủ Trung Quốc đưa ra yêu cầu điều chỉnh và nâng cấp ngành nghề, đẩy mạnh đô thị hóa, có thể dự báo trong khoảng thời gian 10 năm tới, cơ cấu việc làm của Trung Quốc sẽ tiếp tục chuyển biến theo

hướng giảm tỉ trọng việc làm trong các ngành nghề khu vực I, tăng tỉ trọng việc làm trong các ngành nghề khu vực III.

Theo nghiên cứu của nhóm học giả Hồ An Cương, đến năm 2015, tỉ trọng nhóm ngành nghề khu vực III trong GDP của Trung Quốc sẽ đạt 46,86%, vượt qua tỉ trọng nhóm ngành nghề khu vực II (đạt 44,83%) để trở thành nhóm ngành chủ đạo, tỉ trọng nhóm ngành nghề khu vực I sẽ giảm xuống còn khoảng 8,31%, đến năm 2020 giảm xuống còn 6,98% (xem bảng 2.3).

Tương ứng, cơ cấu việc làm của Trung Quốc cũng sẽ tiếp tục được điều chỉnh. Theo tính toán của nhóm Hồ An Cương, hiện nay tỉ trọng lao động làm việc trong các nhóm ngành nghề khu vực II và III của Trung Quốc mới chỉ tương đương trình độ của nước Mỹ trong thời kỳ đầu công nghiệp hóa khoảng từ năm 1870 đến 1910, tỉ trọng số lao động làm việc trong nhóm ngành nghề khu vực III mới chỉ bằng mức 60 - 80% các nước phát triển, còn tỉ trọng số lao động làm việc trong các nhóm ngành nghề khu vực I còn quá cao. Tuy nhiên, cơ cấu việc làm này sẽ được điều chỉnh, dự tính đến năm 2012, số lao động làm việc trong nhóm ngành khu vực III sẽ lần đầu tiên vượt qua số lao động làm việc trong nhóm ngành khu vực I, đến năm 2020, tỉ trọng số lao động làm việc trong nhóm ngành nghề khu vực II và III lần lượt là 38,9% và 43,1% sẽ vượt xa tỉ trọng số lao động làm việc trong nhóm ngành nghề khu vực I là 27% (xem bảng 2.3). Có thể nói đây là một xu hướng tích cực đối với sự phát triển của Trung Quốc, nó sẽ tạo đà giúp Trung Quốc thực

hiện mục tiêu trở thành một nước lớn với mô hình ngành dịch vụ hiện đại vào khoảng những năm 2030.

Bảng 2.3: Thay đổi cơ cấu việc làm Trung Quốc đến năm 2020

Đơn vị: %

Năm	Tỉ trọng nhóm ngành nghề khu vực I trong GDP	Tỉ trọng số lao động làm việc trong các ngành nghề khu vực I	Tỉ trọng nhóm ngành nghề khu vực II trong GDP	Tỉ trọng số lao động làm việc trong các ngành nghề khu vực II	Tỉ trọng nhóm ngành nghề khu vực III trong GDP	Tỉ trọng số lao động làm việc trong các ngành nghề khu vực III
2009	10,6	38,1	46,8	27,8	42,6	34,1
2015	8,31	32,1	44,83	29,0	46,86	38,9
2020	6,98	27,0	41,47	38,9	51,55	43,1

Nguồn: Hồ An Cương, Yên Nhất Long, Nguyễn Tinh (Chấp bút), "Trung Quốc năm 2030 - Hướng tới cùng giàu có", Nxb. Đại học Nhân dân, năm 2011, tr. 67-68.

1.4. Xu hướng thay đổi cơ cấu giai tầng xã hội của Trung Quốc

Theo dự báo của nhóm Lục Học Nghệ¹, xu hướng phát triển cơ cấu giai tầng xã hội của Trung Quốc trong thời gian tới có thể xảy ra 4 khả năng như sau:

1. Lục Học Nghệ (Chủ biên), "Kết cấu xã hội Trung Quốc đương đại", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh, 2010, tr. 417 - 418.

Khả năng thứ nhất: Nếu kinh tế tiếp tục duy trì sự phát triển nhanh chóng, thể chế và chính sách được điều chỉnh kịp thời, thì cơ cấu giai tầng xã hội sẽ từng bước phát triển và chuyển biến theo mô hình cơ cấu giai tầng xã hội hiện đại và hợp lý hơn. Vì trong điều kiện kinh tế phát triển nhanh, công nghiệp hóa tiếp tục được thúc đẩy, cơ cấu ngành nghề được điều chỉnh kéo theo đó là sự thay đổi về cơ cấu việc làm... những điều này sẽ tạo môi trường tốt cho cơ cấu giai tầng xã hội phát triển theo xu hướng hợp lý, sự lưu động giữa các giai tầng xã hội diễn ra mạnh mẽ hơn, giai tầng đáy sẽ thu hẹp, giai tầng trung lưu sẽ lớn mạnh, từ đó hình thành cơ cấu giai tầng xã hội hiện đại với giai tầng trung lưu làm chủ đạo.

Khả năng thứ hai: Mặc dù kinh tế vẫn duy trì sự phát triển tương đối nhanh, nhưng thể chế chính sách không được điều chỉnh kịp thời, cơ cấu giai tầng xã hội sẽ phân hóa mạnh mẽ, hình thành cơ cấu giai tầng xã hội hình chữ "I" (tầng đáy và thượng tầng lớn, giai tầng trung gian nhỏ). Nếu mô hình cơ cấu giai tầng xã hội hình chữ "I" này được hình thành sẽ có ảnh hưởng xấu đến sự phát triển kinh tế, xung đột lợi ích giữa các giai tầng sẽ gia tăng, gây ra sự mất ổn định và chia rẽ trong xã hội.

Khả năng thứ ba: Kinh tế phát triển chậm, không còn môi trường thuận lợi cho sự phát triển và điều chỉnh cơ cấu giai tầng, tuy nhiên nếu chính sách và thể chế được điều chỉnh kịp thời, sự điều chỉnh cơ cấu giai tầng xã hội được thúc đẩy nhờ các chính sách hữu hiệu của nhà nước, đồng

thời mỗi quan hệ lợi ích giữa các giai tầng khác nhau được điều hòa bởi chính sách, thì trong trường hợp này, cơ cấu giai tầng xã hội sẽ phát triển hợp lý.

Khả năng thứ tư: Kinh tế phát triển chậm, gặp khó khăn, chính sách điều tiết vĩ mô trì trệ, sự phát triển và điều chỉnh cơ cấu giai tầng xã hội sẽ không còn môi trường thuận lợi nữa, các giai tầng xã hội sẽ phân hóa nghiêm trọng thành hai nhóm là thượng tầng xã hội và tầng đáy xã hội, lợi ích giữa các giai tầng mất cân bằng nghiêm trọng, cả cơ cấu giai tầng xã hội tồn tại rủi ro nghiêm trọng.

Dù như thế nào đi chăng nữa, có thể dự đoán rằng trong 10 năm tới đây là giai đoạn rất quan trọng đối với Trung Quốc. Bởi xét về tình hình phát triển kinh tế, ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu khiến cho bối cảnh phát triển kinh tế Trung Quốc trong những năm tới phải đối mặt với những nhân tố khó lường. Về môi trường thể chế chính sách, những khó khăn trong việc cải cách thể chế truyền thống vẫn còn, sự điều chỉnh thể chế chính sách vẫn sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh giữa các nhóm lợi ích đã phân hóa khác nhau. Nhưng, những nhân tố tích cực giúp cho cơ cấu giai tầng xã hội của Trung Quốc chuyển biến theo xu hướng tốt vẫn là chủ đạo. Xét về sự phát triển kinh tế, mặc dù chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, nhưng trong ngắn hạn kinh tế Trung Quốc vẫn sẽ phát triển tương đối nhanh. Về tình hình cơ cấu giai tầng xã hội, hiện nay quy mô giai tầng trung lưu của Trung Quốc đang mở rộng với tốc độ tăng trưởng bình quân 1% mỗi

năm, đây là nhân tố tích cực giúp cơ cấu giai tầng xã hội Trung Quốc chuyển biến theo chiều hướng tốt. Ngoài ra, hiện nay các nhà lãnh đạo Trung Quốc ngày càng coi trọng phát triển hài hòa, dưới sự chỉ đạo của mục tiêu xây dựng xã hội hài hòa và tư tưởng chiến lược xây dựng xã hội, định hướng phát triển cơ cấu giai tầng xã hội và điều chỉnh mối quan hệ lợi ích giai tầng cũng được chú ý tăng cường. Ví dụ như, trong những năm gần đây Trung Quốc chú trọng đẩy mạnh việc mở rộng tỉ trọng người có thu nhập trung bình, gia tăng thu nhập mang tính tài sản của cư dân, điều này có ý nghĩa tích cực trong việc mở rộng tỉ trọng giai tầng trung lưu. Hay như việc tiến hành cải cách chế độ thuế phí ở nông thôn và triển khai xây dựng nông thôn mới, là bước thúc đẩy tích cực nhằm tăng thu nhập cho giai tầng những người lao động nông nghiệp; ngoài ra, Trung Quốc cũng ban hành nhiều biện pháp, chính sách nhằm bảo vệ quyền lợi của người nông dân và thúc đẩy chuyển dịch sức lao động nông thôn, tăng cường xây dựng hệ thống an sinh xã hội, đưa ra việc tái phân phối cũng phải nhấn mạnh tới sự công bằng... tất cả những điều đó có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc điều chỉnh cơ cấu giai tầng xã hội và xoay chuyển trạng thái phân hóa giai tầng. Như vậy, xét từ tình hình hiện nay có thể thấy có nhiều nhân tố tích cực giúp cho cơ cấu giai tầng xã hội từng bước chuyển biến, phát triển theo xu hướng cơ cấu giai tầng xã hội hiện đại.

Tóm lại, qua những trình bày và phân tích trên đây có thể thấy, thập niên đầu tiên của thế kỷ XXI đã đánh dấu sự

phát triển của Trung Quốc bước sang một giai đoạn mới - lấy xây dựng xã hội làm trọng điểm, trong đó nhiệm vụ điều chỉnh kết cấu xã hội, hình thành nên một kết cấu xã hội hiện đại hài hòa thích ứng với cơ cấu kinh tế đã được các nhà lãnh đạo Trung Quốc quan tâm, chú trọng nhiều hơn. Điều này được thể hiện rõ qua việc thực hiện nhiều chính sách và chiến lược. Trải qua một thời gian điều chỉnh, tại thời điểm hiện nay về tổng thể kết cấu xã hội Trung Quốc đang có sự chuyển biến tích cực, đặc biệt là các tiêu chí về kết cấu tổ chức xã hội, kết cấu tiêu dùng, kết cấu phân tầng xã hội, kết cấu việc làm, tổ chất dân số... tất cả những điều đó đều đang và sẽ có tác động tích cực, bảo đảm sự ổn định xã hội, tạo tiền đề cho sự trỗi dậy của Trung Quốc. Tuy nhiên, bên cạnh đó quá trình điều chỉnh kết cấu xã hội của Trung Quốc vẫn còn phải đối mặt với một số vấn đề cần giải quyết như việc già hóa dân số, sự mở rộng chênh lệch về phân phối thu nhập, chênh lệch phát triển giữa các vùng miền..

2. Triển vọng vấn đề dân sinh

2.1. Phát triển an sinh xã hội và những vấn đề đặt ra

Tại Kỳ họp lần thứ 5 Quốc hội khoá XI (tháng 3 năm 2012), Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo thay mặt Chính phủ tuyên bố giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2012 xuống còn 7,5%. Đồng thời, Trung Quốc chủ trương điều chỉnh một bước cơ cấu tăng trưởng, từ xuất khẩu và đầu tư là chính sang tăng chi phí an sinh xã hội, giảm xuất khẩu và đầu tư một cách hợp lý. Mục đích của lần điều chỉnh này

nhằm kích thích tối đa nhu cầu tiêu dùng nội địa, giãn dần lượng tiền tích lũy quá lớn trong dân, làm cho đông đảo người dân Trung Quốc có thể hưởng thụ thực tế nhất thành quả của công cuộc cải cách đất nước. Để thực hiện bước đi này, trong những năm qua và trong kế hoạch 5 năm lần thứ XII (2011-2015), Trung Quốc đặc biệt coi trọng nhiệm vụ hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Đó là cách làm thiết thực để nâng cao đời sống dân sinh, giải quyết vấn đề dân có tiền mà không dám tiêu dùng, bởi chưa mấy yên tâm vào độ an toàn của mạng lưới an sinh xã hội.

Mục tiêu xây dựng hệ thống an sinh xã hội của Trung Quốc trong kế hoạch 5 năm lần thứ XII là: (1) Diện bao phủ rộng, nghĩa là mọi người dân đều được hưởng chế độ an sinh cơ bản như dưỡng lão, y tế, thất nghiệp, tai nạn lao động, sinh đẻ; những người thu nhập thấp và không có khả năng lao động được hưởng cứu trợ từ Chính phủ. (2) Đảm bảo nhu cầu sống cơ bản của người dân, bao gồm ăn, mặc, điện nước; thanh toán bảo hiểm y tế đạt mức 60 - 70% tổng chi phí; cung cấp nhiều hơn dịch vụ xã hội cho người già, trẻ em, người tàn tật. (3) Đa tầng thứ, trên các phương diện như cứu trợ xã hội, bảo hiểm xã hội, phúc lợi xã hội. (4) Bền vững, nghĩa là xây dựng hệ thống an sinh hoàn thiện, ưu việt và ổn định¹.

1. Ban nghiên cứu và giảng dạy kinh tế học trường Đảng Trung ương: *"9 vấn đề cần giải quyết ra sao - những điểm nóng phải đối mặt trong Kế hoạch 5 năm lần thứ XII"*, Nxb. Tân Hoa xã, 2011, tr. 120.

Từ sau Đại hội XVII, Trung Quốc đã tập trung nguồn lực đáng kể để khắc phục các khâu yếu kém, thiếu đồng bộ trong hệ thống an sinh; xây dựng và thực thi những nội dung mới về an sinh xã hội, có lợi cho mục tiêu cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân. Đáng chú ý nhất là Trung Quốc đang hết sức tích cực hoàn thiện chế độ an sinh trong hai khâu quan trọng: bảo hiểm y tế và bảo hiểm dưỡng lão, nhất là dưỡng lão tại các khu vực nông thôn. Theo báo cáo của kỳ họp thứ 5 Quốc hội Trung Quốc khoá XI: phạm vi an sinh đang không ngừng mở rộng, số người tham gia bảo hiểm dưỡng lão, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động và bảo hiểm sinh đẻ tăng nhanh. Trung Quốc đã bước đầu hình thành hệ thống bảo hiểm y tế hướng tới toàn dân, giải quyết khó khăn cho hầu khắp cư dân trên cả nước. Hiện tại, mức hỗ trợ y tế hàng năm đã tăng từ 120 NDT/người lên 200 NDT/người¹. Với dân số trên 1,3 tỷ người, đây có thể nói là một cố gắng lớn của Chính phủ, xã hội và nhân dân Trung Quốc.

Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội vẫn được coi là nhiệm vụ trọng tâm của Trung Quốc trong những năm 2011 - 2020, bởi đây là khâu cực kỳ quan trọng để thực hiện mục tiêu xã hội khá giả và xã hội hài hoà. Thực tế cho thấy, tất cả các tỉnh thành, huyện thị của Trung Quốc đang tích cực

1. Ôn Gia Bảo, "*Báo cáo công tác Chính phủ (Hội nghị lần thứ 5 Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá XI*", ngày 5.3.2012, Nxb. Nhân dân, 2012, tr. 6, 8.

thúc đẩy quá trình hoàn thiện các chế độ an sinh theo hoạch định và chương trình của Chính phủ. Người dân Trung Quốc đang được thụ hưởng ngày càng nhiều thành quả thực tế của công cuộc cải tạo và nâng cấp hệ thống an sinh xã hội.

Trong lĩnh vực bảo hiểm dưỡng lão, từ năm 2009 trở lại đây, Trung Quốc đặc biệt coi trọng việc thí điểm, hướng tới hoàn thiện chế độ bảo hiểm dưỡng lão, khi nước này đang phải đối mặt với xu thế lão hoá dân số ngày càng rõ nét. Theo tính toán, từ năm 2010 - 2050 là thời kỳ lão hoá dân số diễn ra với tốc độ nhanh nhất ở Trung Quốc. Theo đó, số người từ 65 tuổi trở lên vào năm 2040 chiếm 22%, năm 2055 chiếm 25%, sau đó sẽ dao động trong khoảng từ 24 - 26%. Đây là một thách thức lớn đối với Trung Quốc, khi sức lao động trẻ suy giảm, trong khi chi phí tài chính cho bảo hiểm dưỡng lão lại gia tăng. Với những chính sách và biện pháp hiện nay đang hướng tới trong những năm tới đây, Trung Quốc sẽ hoàn thiện chế độ dưỡng lão cơ bản ở mức cao hơn, số người thụ hưởng sẽ nhiều hơn. Hiện tại, Trung Quốc đang nỗ lực khắc phục khâu yếu nhất trong hệ thống an sinh, đó chính là chế độ bảo hiểm dưỡng lão tại các khu vực nông thôn. Với phương thức "cá nhân nộp phí, tập thể hỗ trợ, nhà nước bù chi", Trung Quốc sẽ từng bước đem lại nhiều quyền lợi hơn cho người cao tuổi, chia sẻ gánh nặng kinh tế cho các gia đình phải phụng dưỡng người già ở nông thôn.

Trong lĩnh vực y tế, hiện Trung Quốc vẫn duy trì chế độ thanh toán bảo hiểm cho người khám bệnh theo tỷ lệ từ

60 - 70% (có đơn vị thanh toán 80% tùy theo mức độ kinh phí). Điều đáng nói là, số người tham gia bảo hiểm y tế ở Trung Quốc ngày càng tăng, bao gồm đầy đủ các thành phần trong xã hội: công chức nhà nước, nhân viên trong các doanh nghiệp tư nhân, lao động nông nghiệp, nông dân làm thuê ở thành phố, người thất nghiệp, người không có khả năng lao động,... Đây là yếu tố tạo cơ sở cho Trung Quốc vươn tới tiêu chí: người có bệnh đều được khám chữa bệnh, nhằm nâng cao sức khỏe toàn dân. Có thể nói, Trung Quốc sẽ tiếp tục làm tốt hơn công tác bảo hiểm y tế và sẽ hoàn thành mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân trong giai đoạn 2011 - 2020, đánh dấu bước tiến cực kỳ quan trọng trong tiến trình cải thiện dân sinh của nước này.

Bên cạnh đó, Trung Quốc sẽ tiếp tục nhân rộng hơn nữa các công trình phúc lợi công cộng, xây dựng, cải tạo và nâng cấp hàng loạt công viên, khu vui chơi giải trí, khu di tích, danh lam thắng cảnh, vườn sinh thái,... tiêu chuẩn cao. Đây không chỉ là nơi thu hút đông đảo du khách thập phương đến tham quan, tìm hiểu lịch sử, văn hoá Trung Hoa, tăng nguồn thu tài chính cho địa phương, mà còn là địa điểm dưỡng sinh rất lý tưởng cho mọi người dân Trung Quốc. Điều đáng nói là, hầu hết các công viên lớn nhỏ, thậm chí vườn hoa trong các trường đại học ở Trung Quốc đều lắp đặt hệ thống dụng cụ thể thao đơn giản, mang tính phổ cập, đáp ứng nhu cầu rèn luyện sức khỏe của các đối tượng, từ thanh thiếu niên đến người cao tuổi. Nhiều công viên cây xanh trở thành điểm đến hàng ngày của hàng ngàn người có

nhu cầu luyện tập thể thao hay nghỉ ngơi thư giãn sau những giờ làm việc mệt mỏi. Đây cũng là một cách giúp đông đảo người dân có cơ hội thụ hưởng thành quả cải cách, phát triển đất nước, theo nhu cầu riêng, một cách tự do và bình đẳng.

Có thể nói, Trung Quốc đã và sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, vì mục tiêu "lấy con người làm gốc". An sinh xã hội là yếu tố quan trọng góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng sống người dân, duy trì mức sống tối thiểu cho nhóm người thuộc giai tầng yếu thế. Chính bởi lẽ đó, có thể coi an sinh là phương thức điều hoà, cân bằng lợi ích, khi cơ cấu xã hội đang diễn biến theo xu hướng phân cực rõ nét, trong điều kiện kinh tế thị trường chưa thật sự hoàn thiện ở Trung Quốc. Nói cách khác, an sinh xã hội chính là "con đường huyết mạch" xuyên suốt quá trình hướng tới mục tiêu xây dựng xã hội hài hoà, cùng giàu có của Trung Quốc trong giai đoạn 2011 - 2020 và những giai đoạn tiếp theo.

Mặc dù hệ thống an sinh xã hội của Trung Quốc đã được điều chỉnh, bổ sung và có bước hoàn thiện đáng kể, nhưng trong những năm tới đây, vẫn còn không ít vấn đề tồn đọng, thách thức gay gắt đối với tiến trình phát triển xã hội hướng tới mục tiêu công bằng, hài hoà. Cụ thể là:

Thứ nhất, tình trạng phân cực giữa thành thị và nông thôn trong an sinh xã hội. Công cuộc cải cách đất nước Trung Quốc đã đi qua chặng đường hơn 1/3 thế kỷ, với nhiều

thành công đáng kể trong cải cách thể chế, song dấu ấn tiêu cực của chế độ nhị nguyên, phân biệt rạch ròi lợi ích giữa thành thị với nông thôn vẫn còn quá đậm nét. Tất cả những thành công hiện có và những cố gắng tới đây trong công cuộc xây dựng nông thôn mới của Trung Quốc vẫn chưa thể xoá bỏ được ranh giới cách biệt giữa nông thôn với thành thị, trên phương diện an sinh nói riêng và phát triển xã hội nói chung. Chẳng hạn, Trung Quốc rất khó thực hiện mục tiêu đặt ra trong kế hoạch 5 năm lần thứ XII (2011 - 2015) là "phủ kín toàn bộ chế độ bảo hiểm dưỡng lão tại các vùng nông thôn; phủ kín chế độ cứu trợ xã hội ở cả thành thị lẫn nông thôn". Vì rằng, còn quá nhiều khoảng trống trong lĩnh vực bảo hiểm dưỡng lão nông thôn, do tàn tích chưa thể khắc phục hoàn toàn từ chế độ nhị nguyên; các khu vực nông thôn nghèo, kém phát triển chưa thể đủ kinh phí để làm tốt công tác cứu trợ đối với các hộ nghèo "kinh niên". Bên cạnh đó, mạng lưới dịch vụ y tế công cộng ở nhiều vùng nông thôn, nhất là khu vực miền Tây Trung Quốc còn khá mỏng, yếu, chưa đủ sức chăm sóc đầy đủ nhu cầu sức khoẻ cộng đồng. Đây quả thật là vấn đề nan giải đối với Trung Quốc, ít nhất trong thập niên thứ hai của thế kỷ này.

Thứ hai, khó khăn trong vấn đề dưỡng lão. Bài toán nan giải đối với Trung Quốc là tốc độ lão hóa dân số hiện gấp 5 lần so với tốc độ tăng dân số của nước này, vì thế ngân sách Chính phủ khó có thể đáp ứng đầy đủ yêu cầu của 9,1% dân số trong độ tuổi từ 65 tuổi trở lên như đã nêu trên đây và có xu thế ngày càng tăng lên. Điều này làm cho nhiều người

dân Trung Quốc đang lo lắng về tương lai về già của họ, xem một số ý kiến của người dân dưới đây.

"Đối với cuộc sống sau khi về hưu, tôi cũng có cảm giác không an tâm". Năm nay mới 35 tuổi, nhưng người phụ nữ họ Lý đã bắt đầu lo lắng cho cuộc sống của bản thân khi về hưu. "Suy cho cùng thì khi nào mới có thể hưu? Sự bảo vệ, che chở của xã hội sau khi về hưu sẽ thế nào? Nếu có bệnh nặng, liệu có phải tiêu hết số tiền đã tích lũy?". Bà ta nói với phóng viên một loạt vấn đề với rất nhiều những biến số như vậy, đó chính là nguyên nhân căn bản khiến bà ta cảm thấy bất an.

Một người đàn ông họ Phó là công nhân viên chức thuộc Xí nghiệp X, thành phố Vũ Hán có công việc thu nhập tốt, địa vị xã hội cũng khá cao, nên ông ta không có vấn đề gì phải lo lắng. Song, ông ta vẫn nói với phóng viên, rằng ông vô cùng lo âu đối với vấn đề dưỡng lão trong tương lai. Ông nói: "Chính sách bảo hiểm dưỡng lão hiện nay quả thực là khá tốt, đơn vị cũng thường xuyên trả tiền bảo hiểm dưỡng lão cho chúng tôi, nhưng hiện tại, tình hình chi trả tiền dưỡng lão vẫn chưa hoàn toàn minh bạch. Tôi thật sự rất lo lắng, vì đến lúc đó, liệu bản thân có được lĩnh đủ số tiền dưỡng lão hay không?"¹.

1. Điều tra dân ý, "Mười năm tới công chúng lo lắng phân hóa giàu nghèo sẽ cản trở sự phát triển", <http://www.zhgp1.com/doc/1022/9/3/2/02293219.html?coluid=7&kindid=0&docid=102293219&mdate=1106091809>.

2.2. Triển vọng về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở

Vấn đề việc làm

Từ nay đến năm 2020, nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội khá giả toàn diện, xây dựng xã hội hài hòa xã hội chủ nghĩa, Đảng và Chính phủ Trung Quốc sẽ chú trọng đến phát triển xã hội, trong đó sẽ tập trung giải quyết vấn đề việc làm. Tư duy về vấn đề việc làm từ Đại hội XVII đến Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có sự thay đổi, Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc chú trọng đến việc mở rộng việc làm theo chiều rộng "*Thực hiện chiến lược phát triển mở rộng việc làm*"¹, đến Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc nhấn mạnh đến việc nâng cao chất lượng việc làm, đó là "*Đẩy mạnh thực hiện việc làm chất lượng cao*". Về vấn đề việc làm, Báo cáo Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng đã bổ sung thêm nội dung là "*tăng cường đào tạo kỹ năng nghề nghiệp, nâng cao năng lực sáng tạo việc làm của người lao động*"². Đây là điểm mới trong lĩnh vực việc làm của Đại hội XVIII so với Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc. Điều này cho thấy, trong những năm tới đây Đảng và Chính phủ Trung Quốc sẽ vừa tập trung vào việc mở rộng việc làm, tạo việc

1. Báo cáo của Hồ Cẩm Đào tại Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc, <http://news.sina.com.cn/c/2007-10-24/205814157282.shtml>.

2. Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc khai mạc tại Bắc Kinh, Hồ Cẩm Đào báo cáo, <http://china.caixin.com/2012-11-08/100458021.html>.

làm, khuyến khích người lao động tự tạo việc làm, đồng thời cũng vừa tập trung vào việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng việc làm. Điều này còn được thể hiện trong Quy hoạch 5 năm lần thứ XII của Trung Quốc.

Trong "Quy hoạch 5 năm lần thứ XII" (2011 - 2015), nhiệm vụ đặt ra trong 5 năm này là phải thực thi chiến lược ưu tiên việc làm, bao gồm: Thực thi chính sách việc làm tích cực hơn; tăng cường dịch vụ việc làm công; xây dựng quan hệ lao động hài hoà. Bên cạnh đó, nước này còn đưa ra các chính sách ngành nghề có lợi cho thúc đẩy việc làm. Trong đó ủng hộ phát triển những ngành nghề có tính chiến lược và ngành mới nổi, bồi dưỡng điểm tăng trưởng kinh tế mới; chú trọng ngành nghề xanh, coi là trọng điểm của việc nâng cấp ngành nghề; chuyển đổi, nâng cấp kết cấu công nghiệp cho phù hợp với nhu cầu công nghiệp hóa, đô thị hóa; tăng cường tạo ra cơ chế, nhanh chóng phát triển ngành dịch vụ hiện đại, đặc biệt là ngành dịch vụ sản xuất; kiên trì phương châm tiến hành đồng thời doanh nghiệp tập trung đông lao động và doanh nghiệp tập trung nhiều vốn¹.

"Quy hoạch 5 năm lần thứ XII" được coi là thời kỳ then chốt để thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội khá giả toàn diện, trong đó hạt nhân là công tác bảo đảm và cải thiện dân

1. Nhữ Tín, Lục Học Nghệ, Lý Bồi Lâm, "*Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc năm 2011*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh, tr.33, 35.

sinh. Vì việc làm là gốc của dân sinh, là nhân tố hàng đầu cho việc cải thiện và bảo đảm dân sinh. Nên trong thời gian tới, Trung Quốc sẽ đẩy mạnh hơn nữa chính sách việc làm tích cực, luôn coi việc làm là mục tiêu ưu tiên hàng đầu của phát triển kinh tế - xã hội. Mục tiêu trong 5 năm tới tạo ra khoảng 45 triệu vị trí việc làm cho người lao động¹.

Việc làm được xem là vấn đề khó khăn trong nhiều năm tới. Có thể nói, việc làm là con đường bền vững nhất tạo thu nhập ổn định và nâng cao chất lượng sống cho người lao động. Trong những năm qua, Trung Quốc đã giải quyết tương đối tốt vấn đề thất nghiệp, nhưng nước này vẫn phải đối mặt với tình trạng dư thừa lao động, ở cả nông thôn lẫn thành thị. Khó khăn lớn nhất đối với Trung Quốc trong thời gian tới là tạo việc làm cho đông đảo sinh viên tốt nghiệp đại học và lao động nông nghiệp (chủ yếu là thanh niên) tìm hướng làm ăn ở thành phố. Bài toán này không hề đơn giản, khi tại Trung Quốc, thị trường chiêu sinh đại học tiếp tục mở rộng, nhiều ngành học không sát nhu cầu thực tế của xã hội, sự hạn chế về kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên khi ra trường; khi vấn đề "tam nông" chưa được giải quyết căn bản khiến tình trạng dư thừa lao động nông thôn chưa được cải thiện đáng kể, trình độ văn hóa của lao động nông thôn nhìn chung còn thấp, chính sách hộ khẩu còn nhiều bất cập.

1. "Quy hoạch 5 năm lần thứ XII về phát triển xã hội và kinh tế quốc dân", http://news.xinhuanet.com/politics/2011-03/16/c_121193916.htm.

Bên cạnh đó là tác động tiêu cực từ nền kinh tế thế giới như khủng hoảng kinh tế toàn cầu, vấn đề nợ công châu Âu, tình trạng suy thoái của một số nước có mối ràng buộc kinh tế thương mại lớn với Trung Quốc như đã nêu trên,... Điều đó không chỉ ảnh hưởng đến việc làm tại chỗ, mà còn làm giảm lượng lao động xuất khẩu ra nước ngoài của Trung Quốc. Bởi thế, tạo việc làm ổn định cho đông đảo lực lượng lao động trẻ vẫn là khó khăn lớn đối với Trung Quốc trong giai đoạn 2011 - 2020, nhất là khi nước này bước vào thời kỳ lão hoá cơ cấu dân số tốc độ cao.

Sức ép việc làm tăng mạnh. Áp lực dân số sẽ là gánh nặng khó giải quyết khi dân cư trong độ tuổi lao động đạt tới 955 triệu vào năm 2020, so với 732 triệu năm 1995¹. Nạn thất nghiệp trong giới trí thức ở Trung Quốc khiến người ta liên tưởng tới những cuộc biểu tình của giới trí thức Trung Đông, khi họ bị gạt ra khỏi chính trường. Ở Trung Quốc, số sinh viên tốt nghiệp hàng năm trung bình là 7 triệu, cao hơn hẳn con số 1 triệu vào năm 1998. Trong thời kỳ hiện đại hóa như hiện nay ở Trung Quốc, tình trạng vài triệu trí thức thất nghiệp có thể nói là đáng sợ hơn nhiều so với hàng chục triệu lao động phổ thông thất nghiệp, liệu Trung Quốc sẽ xảy ra những cuộc biểu tình kiểu như biểu tình giới trí thức ở Trung Đông?

1. Michell Andrieu, "*Trung Quốc, một quả bom nhân khẩu hẹn giờ*," OECD Observer, số 217-218 (hè năm 1999), tr.2, <http://www.oecdobserver.org/news/fullstory.php?aid=40>.

Vấn đề y tế

Như ở Chương I đã nêu, cùng với sự phát triển kinh tế theo hướng thị trường, lĩnh vực y tế ở Trung Quốc cũng bị thị trường hóa một cách quá mức, do vậy người dân lâm vào tình trạng "khám bệnh khó, khám bệnh đắt". Chính vì thế, trong "Quy hoạch 5 năm lần thứ XII", Trung Quốc đưa ra nhiệm vụ hoàn thiện chế độ y tế khám chữa bệnh: tăng cường xây dựng thể chế dịch vụ y tế khám chữa bệnh công cộng; tăng cường xây dựng hệ thống dịch vụ y tế thành phố thị xã; kiện toàn hệ thống bảo hiểm y tế; hoàn thiện hệ thống bảo đảm cung ứng thuốc; tích cực ổn định thúc đẩy cải cách bệnh viện công lập; khuyến khích phát triển sự nghiệp y học đông y¹. Đến Đại hội XVIII, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra việc "khuyến khích xã hội mở bệnh viện". Điều này khác với nội dung của Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc chỉ đề ra việc "khuyến khích xã hội tham gia" hệ thống y tế. Như vậy cho thấy, vai trò của xã hội nói chung và tổ chức xã hội nói riêng ngày càng được khẳng định và coi trọng trong việc tham gia vào các lĩnh vực dân sinh ở Trung Quốc. Nếu những chủ trương này của Đảng Cộng sản Trung Quốc được quán triệt nghiêm túc trong những năm tới, thì có thể dự đoán rằng, cùng với nhà nước, thị trường, vai trò của xã hội sẽ ngày càng được phát huy ở Trung Quốc.

1. *Cương yếu quy hoạch 5 năm lần thứ XII về phát triển xã hội và kinh tế quốc dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*, http://news.xinhuanet.com/politics/2011-03/16/c_121193916.htm.

Mặc dù vậy, trong 10 năm tới chưa thể giải quyết dứt điểm tình trạng "khám bệnh khó, khám bệnh đắt". Đây là câu nói cửa miệng của người dân Trung Quốc, cũng là một hạn chế lớn trong hệ thống an sinh ở quốc gia này. Dù đã nỗ lực rất cao trong việc xây dựng các cơ sở y tế nhưng với số dân trên 1,3 tỷ người, Trung Quốc khó có thể đáp ứng đầy đủ nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Tại các thành phố lớn, tuy bệnh viện được xây dựng nhiều, phương thức vận hành ngày càng hiện đại và khoa học, song số lượng bệnh nhân luôn quá tải so với khả năng phục vụ của các cơ sở y tế. Thực tế cho thấy, nhiều người mắc bệnh cấp tính vẫn phải chờ từ 3 - 5 ngày mới lấy được kết quả xét nghiệm. Còn tại các khu vực nông thôn và miền núi, mặc dù số lượng bệnh nhân không quá lớn, nhưng hệ thống y tế lại mỏng yếu, không đủ đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của người dân. Song song với tình trạng khám bệnh khó là vấn đề chữa bệnh đắt đang ngày càng trở thành gánh nặng đối với người dân Trung Quốc, nhất là người có thu nhập thấp. Các cơ sở y tế ở Trung Quốc hiện nay đã vận hành theo cơ chế thị trường, mọi chi phí dịch vụ, thuốc men đều được tính theo giá thị trường. Hơn thế, đa phần các bệnh viện lớn, có uy tín nghề nghiệp đã được hiện đại hoá trong mọi khâu như trang thiết bị, phương thức quản lý, cách thức vận hành, chất lượng phục vụ,... Đó là ưu thế lớn, đáng khẳng định của nền y học Trung Quốc, song nó lại không phù hợp với đông đảo người dân lao động. Theo mặt bằng chung, sau khi được thanh toán bảo hiểm, người bệnh phải thanh

toán chi phí từ 200 - 400 NDT/ngày khi điều trị nội trú. Đó là khoản tiền vượt quá sức chịu đựng của người thu nhập thấp, nhất là những nông dân ra thành phố làm thuê. Có thể nói, từ nay đến năm 2020, Trung Quốc khó có thể giải quyết triệt để vấn đề "Khám bệnh khó, khám bệnh đắt".

Vấn đề giáo dục

Muốn phát triển lành mạnh sự nghiệp giáo dục, giải quyết các vấn đề còn tồn đọng trong ngành giáo dục, theo ý kiến của nhiều học giả, Trung Quốc cần phải xác định rõ nhiệm vụ, mục tiêu của cải cách và phát triển giáo dục. Vì thế mà Báo cáo công tác Chính phủ Trung Quốc năm 2011 đề xướng, nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện toàn diện chiến lược khoa giáo hưng quốc và chiến lược cường quốc nhân tài. Trong "Quy hoạch 5 năm lần thứ XII", với phương châm "*Ưu tiên giáo dục, tự chủ sáng tạo - Thực thi chiến lược khoa giáo hưng quốc và chiến lược cường quốc nhân tài*", sự nghiệp giáo dục càng được Trung Quốc coi trọng hơn bao giờ hết. Nhiệm vụ đặt ra trong 5 - 10 năm tới là tăng cường năng lực sáng tạo khoa học kỹ thuật; đẩy nhanh phát triển cải cách giáo dục; xây dựng lực lượng đội ngũ nhân tài có tổ chất. Trong đó, nhấn mạnh tới việc thúc đẩy đột phá lớn trong khoa học kỹ thuật trên các lĩnh vực nông nghiệp hiện đại, chế tạo thiết bị, môi trường sinh thái, tài nguyên năng lượng, mạng lưới thông tin, vật liệu mới, an toàn và sức khỏe cộng đồng.

Về phương diện cải cách giáo dục, Trung Quốc chú trọng tới giáo dục công bằng đến năm 2012, kinh phí của Chính

phủ giành cho giáo dục sẽ đạt tới 4% tổng sản phẩm quốc nội¹, giành 2,2% GDP cho nghiên cứu và thực nghiệm. Nước này lập mục tiêu đến năm 2020 là thúc đẩy phát triển giáo dục, đặc biệt là phát triển công bằng giáo dục. Như Báo cáo Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nêu: "Thúc đẩy mạnh mẽ công bằng giáo dục, sắp xếp các nguồn lực giáo dục một cách hợp lý, trọng điểm nghiêng lệch về khu vực nông thôn, vùng xa xôi, nghèo khó, vùng dân tộc, hỗ trợ giáo dục đặc thù, nâng cao mức hỗ trợ cho những học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, tích cực thúc đẩy con em những người nông dân làm thuê (nông dân công) tiếp nhận giáo dục công bằng"². Nhưng cũng cần thấy rằng, Trung Quốc có dân số khổng lồ, nhu cầu giáo dục toàn dân rất lớn, nước này sẽ phải đối mặt với khối lượng lớn học sinh đi học, theo đó sẽ phải mở rộng trường học, cơ sở vật chất giáo dục, đội ngũ giáo viên và các dịch vụ kèm theo. Tuy nhiên, Trung Quốc hết sức tin tưởng vào chiến lược phát triển giáo dục và xây dựng cường quốc nguồn nhân tài đã đặt ra. Do vậy họ đầu tư tài chính lớn, xây dựng cơ sở giáo dục, phát triển đội ngũ làm nghề, lập cơ chế khen thưởng, học bổng, hỗ trợ, cho vay..., thúc đẩy bình đẳng dịch vụ giáo dục công cộng ở cả thành

1. "*Cương yếu quy hoạch 5 năm lần thứ XII về phát triển xã hội và kinh tế quốc dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*", http://news.xinhuanet.com/politics/2011-03/16/c_121193916.htm.

2. *Báo cáo Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XVIII*, <http://china.caixin.com/2012-11-08/100458021.html>.

phố và nông thôn, từng bước giải quyết vấn đề bất công trong giáo dục.

Vấn đề nhà ở

Để giải quyết bài toán nhà ở cho một quốc gia đông dân như Trung Quốc, hơn nửa phần lớn dân số có mức thu nhập trung bình và thấp thật không dễ dàng. Mà đây cũng là vấn đề liên quan tới lợi ích thiết thân của mỗi người dân, xác định như thế nào tiêu chuẩn người có thu nhập thấp để từ đó giải quyết nhà ở cho họ là một quá trình phức tạp, khó khăn và dễ phát sinh tiêu cực đòi hỏi trình độ và sự công tâm của các cấp, các ngành Trung Quốc. Do vậy, không thể phủ nhận những cố gắng của Chính phủ Trung Quốc trong việc giải quyết nhà ở cho người thu nhập thấp những năm gần đây. Đặc biệt là Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc lại tiếp tục khẳng định vai trò điều tiết nhà ở trong nền kinh tế thị trường, như lần đầu tiên xác định "xây dựng chế độ nhà ở kết hợp giữa điều tiết của thị trường với sự bảo đảm của Chính phủ" và đề ra việc "tăng cường xây dựng và quản lý nhà ở mang tính bảo đảm, đáp ứng nhu cầu cơ bản của các gia đình khó khăn". Điều này khác với Đại hội XVII chỉ nêu lên "Kiện toàn chế độ nhà ở giá thuê rẻ, nhanh chóng giải quyết khó khăn về nhà ở của các gia đình có thu nhập thấp ở thành thị".

Do vậy, có thể dự báo trong 10 năm tới, tình hình nhà đất và tiêu dùng ở Trung Quốc sẽ có nhiều thay đổi. Theo chúng tôi, ngoài việc nhà nước giữ vai trò bảo đảm trong

việc điều tiết thị trường nhà ở ra, cùng với xu hướng dân số tăng chậm lại, số người trong độ tuổi lao động giảm dần, mà họ chính là lực lượng chủ yếu thúc đẩy tiêu dùng và nhà ở bởi nhu cầu của họ là lớn nhất trên tổng dân số. Do vậy, nước này khó có thể thúc đẩy mở rộng nhu cầu tiêu dùng trong nước. Nhưng ngược lại, khi tốc độ gia tăng dân số giảm dần, mức độ ổn định về nhà ở sẽ cao hơn hiện nay, giá nhà đất sẽ không còn quá cao như hiện nay, cơ hội sở hữu nhà của người dân sẽ trở nên dễ dàng hơn. Nhưng cũng cần xét tới yếu tố khác, vào năm 2020, khi Trung Quốc bước vào giai đoạn xã hội khá giả toàn diện, khi đó mức sống được nâng cao, thu nhập cải thiện, phúc lợi và an sinh xã hội cơ bản được đáp ứng, người dân sẽ đỡ phải lo lắng quá nhiều vào việc chi tiêu ra sao hay phải cắt giảm khoản này khoản kia. Nhu cầu trong nước sẽ được mở rộng, vấn đề nhà đất cũng không còn là mối lo đeo đẳng đối với mỗi gia đình, đời sống người dân trở nên sung túc và khá giả hơn, đó cũng sẽ là động lực để Trung Quốc phát triển nội lực của một quốc gia đang hướng tới thế giới các nước phát triển.

Nhìn chung, theo cách nhìn lạc quan từ phía quan chức Trung Quốc và phần lớn dân chúng, xã hội Trung Quốc vẫn được nhìn nhận là cơ bản ổn định, đời sống bộ phận người dân trở nên sung túc, các lĩnh vực liên quan thiết thân đến người dân là an sinh xã hội, y tế, giáo dục, việc làm, nhà ở cơ bản được đáp ứng. Đến nay, Trung Quốc đã thực hiện được một nửa chặng đường xây dựng xã hội khá giả toàn diện và đang tiến vào giai đoạn tăng trưởng mới sau cuộc

khủng hoảng tài chính quốc tế. Trong 10 năm tới sẽ là giai đoạn nước rút để nước này hoàn thành mục tiêu xây dựng xã hội khá giả toàn diện, đưa Trung Quốc tiến gần hơn tới thế giới của các nước phát triển. Vấn đề xã hội quan trọng đặt ra cho Trung Quốc hiện nay đó là giải quyết tốt vấn đề dân sinh, đây được coi là khâu quan trọng để nhằm giảm căng thẳng xã hội, tránh cho nước này rơi vào "*bẫy thu nhập trung bình*". Giới quan sát phương Tây và Trung Quốc vẫn đang kiên trì chờ đợi một sự chuyển biến trong chính sách của thể hệ lãnh đạo mới mà đứng đầu là Tập Cận Bình - một thể hệ lãnh đạo hứa hẹn sẽ tiếp tục duy trì đường lối phát triển "lấy con người làm trung tâm của sự phát triển".

3. Triển vọng về vấn đề hài hoà trong phát triển

Sau hơn 30 năm cải cách, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu to lớn trong công tác xoá đói giảm nghèo, thu hẹp bớt khoảng cách phát triển giữa miền Đông với miền Tây, đẩy mạnh công cuộc xây dựng nông thôn mới, khắc phục dần tình trạng cách biệt giữa thành thị với nông thôn. Tuy nhiên, mất cân bằng trong phát triển vùng miền, chênh lệch thu nhập giữa các tầng lớp cư dân đang ngày càng trở nên nghiêm trọng đối với Trung Quốc. Đây là vấn đề mang tính quy luật của phát triển, hết sức khó khăn, không thể giải quyết trong khoảng thời gian mười hay hai mươi năm, cho dù Trung Quốc có thể tiến những bước đáng kể trong lĩnh vực cải thiện và nâng cao đời sống dân sinh.

3.1. Chiến lược xoá đói giảm nghèo, cân bằng lợi ích xã hội

Trên cơ sở những kinh nghiệm và thành tựu đã đạt được cùng với quá trình hoàn thiện từng bước hệ thống an sinh xã hội, Trung Quốc có thể sẽ thực hiện được nhiều mục tiêu trong chiến lược xoá đói giảm nghèo giai đoạn 2011-2020.

Trước hết, Trung Quốc sẽ nâng cao một bước chất lượng sống của đông đảo người lao động. Hội nghị Trung ương về triển khai công tác xoá đói giảm nghèo, tổ chức tại Bắc Kinh ngày 29 tháng 11 năm 2011 đã chính thức điều chỉnh chuẩn nghèo của Trung Quốc lên mức 2.300 NDT/năm (tương đương 1 USD/ngày theo tiêu chí của Quỹ Tiền tệ quốc tế). Dựa theo tiêu chuẩn đó, Trung Quốc công bố hiện còn 100 triệu người nghèo¹. Mặc dù số người nghèo có tăng lên so với 40 triệu người vào trước thời điểm tháng 11 năm 2011, khi ngưỡng nghèo được Trung Quốc tính theo tiêu chuẩn 1.300 NDT/năm², nhưng rõ ràng mức sống của người nghèo đã được nâng cao đáng kể. Trong những năm tới đây, với chủ trương phát triển theo mục tiêu dân sinh là trọng điểm, chắc chắn Trung Quốc sẽ áp dụng nhiều biện pháp hữu hiệu để giảm mạnh hơn nữa tỷ lệ người nghèo khổ trong xã hội, nâng cao chất lượng sống của đông đảo người lao động.

1. Quảng Châu nhật báo, 29.11.2011.

2. Quảng Châu nhật báo, 15.2.2011.

Thứ hai, Trung Quốc sẽ điều chỉnh cân bằng hơn trình độ phát triển giữa các khu vực. Trung Quốc hiện đang tiến hành giai đoạn thứ hai - giai đoạn tăng tốc (2010 - 2030) trong chiến lược phát triển miền Tây. Một trong những mục tiêu quan trọng của giai đoạn này là thực hiện đô thị hoá 50% khu vực miền Tây, đưa mức sống và mức phúc lợi của tuyệt đại đa số người dân miền Tây lên ngang tầm trình độ chung của cả nước. Sau 10 năm của giai đoạn đặt nền móng (2000 - 2010), miền Tây Trung Quốc đã cơ bản đạt được những mục tiêu lớn: hoàn thiện cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ giáo dục, khoa học kỹ thuật, giải quyết vấn đề ăn mặc, ở của đông đảo người dân. Đây là tiền đề và cơ sở hết sức quan trọng cho bước đi tiếp theo của miền Tây, trong chiến lược phát triển cân bằng các vùng kinh tế của Trung Quốc. Tương tự như vậy, Trung Quốc cũng đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong chương trình xây dựng nông thôn mới, với mục tiêu giải quyết căn bản vấn đề "tam nông", nâng cao toàn diện đời sống người dân nông thôn. Đô thị hoá của Trung Quốc hiện đạt hơn 50%, được coi là bước thay đổi mang tính lịch sử¹. Trong 10 năm tới, Trung Quốc vẫn sẽ tiếp tục đẩy mạnh chiến lược cải thiện và nâng cao chất lượng sống của người dân nông thôn, theo phương châm "làm cường thịnh nông thôn, ưu tiên nông nghiệp và

1. Ôn Gia Bảo, "*Báo cáo công tác Chính phủ tại Hội nghị lần thứ 5 Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá XI, ngày 5.3.2012*", Nxb. Nhân dân, 2012, tr. 5.

làm giàu nông dân"¹. Chiến lược này chắc chắn sẽ có bước tiến rõ rệt, góp phần quan trọng vào mục tiêu xoá đói giảm nghèo, theo tiêu chí dân sinh là trọng điểm.

Thứ ba, về tổng thể, công tác xoá đói giảm nghèo của Trung Quốc sẽ đạt được mục tiêu căn bản và bền vững. Nhiều năm nay, Trung Quốc đã đi những bước khá đồng bộ và toàn diện trên lộ trình xoá đói giảm nghèo, theo phương châm "tự tạo máu". Nó là sự kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng hệ thống hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, tạo việc làm ổn định với việc hoàn thiện hệ thống an sinh. Vì thế, người dân tại các khu vực nghèo đa phần được tạo dựng một cơ sở tương đối căn bản để thoát nghèo bền vững. Với phương châm: kinh tế giữ vai trò đầu tàu, người nghèo tự phát huy năng lực, kết hợp chặt chẽ vai trò chỉ đạo của Nhà nước, trách nhiệm hỗ trợ của xã hội với vị trí chủ đạo của nông dân, thực hiện đồng bộ chính sách trợ giúp thông thường với trợ giúp đặc biệt, kết hợp công tác xoá đói giảm nghèo với an sinh xã hội², Trung Quốc nhất định sẽ giữ vững và phát huy mạnh mẽ hơn nữa thành quả xoá đói giảm nghèo trong thập niên 2011 - 2020.

1. Ôn Gia Bảo, "*Báo cáo công tác Chính phủ tại Hội nghị lần thứ 5 Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá XI*", ngày 5.3.2012, Nxb. Nhân dân, 2012, tr. 3.

2. http://www.gov.cn/ldhd/2011-11/29/content_2006093.htm, Phát biểu của Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo tại Hội nghị Trung ương về triển khai công tác xoá đói giảm nghèo, ngày 29.11.2011.

3.2. Một số hạn chế và tồn đọng

Quá trình cải cách mở cửa thời gian qua ở Trung Quốc cũng tạo ra không ít vấn đề cần giải quyết. Hiện nay, sự phát triển của Trung Quốc được đánh giá là phát triển không cân bằng, không hài hòa và không bền vững - "*ba không*". Kinh tế phát triển quá nóng, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm qua tăng chóng mặt, 2006: 12,7%; 2007: 14,2%; 2008: 9,6%; 2010: 10,3%. Mặc dù Chính phủ đưa ra những giải pháp "*hạ nhiệt*" cuối năm 2003 cho nền kinh tế quá nóng nhưng thật sự chưa đem lại kết quả khả quan. Nguyên nhân nằm trong tầng sâu của nền kinh tế, vấn đề chủ yếu là kết cấu kinh tế chưa thật hợp lý. Kinh tế tăng trưởng quá nhanh đã phải trả giá quá đắt về sự cạn kiệt nguồn tài nguyên, phá hủy môi trường sinh thái, gây ra nhiều vấn đề xã hội.

Theo logic của sự phát triển, khi kinh tế tăng trưởng thì đời sống nhân dân càng trở nên sung túc. Nhưng trong những năm gần đây, dân chúng Trung Quốc đang gặp phải nhiều vấn đề từ cải cách phát triển. GS. Trịnh Vĩnh Niên, Giám đốc Trung tâm Đông Á, Đại học Quốc gia Singapore đã có bài viết bàn về "*Thời kỳ của cơ hội chiến lược cho cải cách Trung Quốc trong 10 năm tới*" trên tờ Liên hợp Buổi sáng của Singapore, trong đó, ông cho rằng, vấn đề dân sinh dường như ngày càng nới rộng khoảng cách với phát triển kinh tế, nghĩa là kinh tế phát triển càng nhanh, vấn đề dân sinh ngày càng xuất hiện nhiều yếu tố tiêu cực nghiêm trọng,

mà nếu Trung Quốc không giải quyết tốt vấn đề dân sinh thì sẽ có nguy cơ phải đối mặt với vấn đề mất ổn định xã hội, thậm chí là ổn định chính trị. Theo ông, có hai nguyên nhân gây bất ổn trong vấn đề dân sinh, một là bất mãn xã hội mang tính phổ biến bắt nguồn từ phân phối thu nhập bất công, xã hội phân hóa và sự thiếu vắng của công bằng chính nghĩa, hai là sự bất mãn bắt nguồn từ lớp người trẻ tuổi "*kỳ vọng vào cách mạng*". Nếu sự phát triển kinh tế tiếp tục tách khỏi vấn đề dân sinh của đại đa số nhân dân thì xã hội Trung Quốc đương nhiên sẽ tiếp tục bị phân hóa¹. Mặc dù nền kinh tế Trung Quốc đang đứng ở vị trí thứ hai thế giới, nhưng thực chất đa số dân chúng không được hưởng lợi từ phát triển kinh tế. Theo số liệu của Ngân hàng Trung ương Trung Quốc, trong hơn 1,3 tỷ dân thì có khoảng 60 triệu người thuộc tầng lớp thượng lưu, chiếm 5% dân số. Dưới đó là 440 triệu người có thu nhập hàng năm từ 1.000 - 2.000 USD, nghĩa là kiếm được 3 - 6 USD/ngày. Khốn khổ hơn nữa là 600 triệu dân còn lại chỉ kiếm được 3 USD/ngày, trong đó hơn 300 triệu dân không kiếm nổi 2 USD/ngày². Điều đó cho thấy, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới này chỉ là bong bóng mà thôi, có hơn 1 tỷ dân, chiếm khoảng hơn 80% dân số Trung Quốc đang sống cuộc sống nghèo khổ. Vấn đề dân sinh đó được biểu hiện trên một số mặt chủ yếu sau:

1. Tài liệu tham khảo số 077, 2011, tr. 10.

2. *Trung Quốc: "Người dân có được hưởng lợi nhiều từ sự phát triển kinh tế?"*, Tài liệu tham khảo số 064, ngày 10.3.2011, tr. 7.

Tiến trình đô thị hóa diễn ra nhanh nhưng chưa thật hiệu quả, kéo theo đó là hàng loạt hệ quả cần khắc phục. Trước hết là vấn đề *"đô thị hóa đi nhanh hơn đô thị hóa nhân khẩu"*. Hiện nay, những nông dân làm công ra thành phố và ở lại trên nửa năm cũng được tính là dân thành phố. Nhưng trên thực tế họ chỉ là những lao động làm thuê ở thành phố, chưa thực sự là thị dân, họ không được hưởng đãi ngộ về dịch vụ công, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội bình đẳng như người thành phố. Những nông dân hoàn toàn chưa chuyển biến thân phận này chiếm một nửa dân số thành phố. Bên cạnh đó, đô thị hóa kéo theo lượng người thất nghiệp và người nghèo tăng cao. Dự tính 20 năm nữa, tỷ lệ đô thị hóa sẽ tăng lên trong khoảng 10 - 20%, thành phố sẽ phải gánh thêm tới 400 triệu nông dân làm công. Vậy là hiện Trung Quốc đang trong tình trạng *"đô thị hóa một nửa"*¹.

Hiện GDP bình quân đầu người ở Trung Quốc đã đạt trên 5.000 USD, xếp vào số các nước thu nhập trung bình. Nên có thể đây cũng là cảnh báo đối với Trung Quốc khi muốn tiếp cận thế giới các nước thu nhập cao. Theo chuyên gia kinh tế Khuông Hiền Minh của Viện Nghiên cứu cải cách phát triển Hải Nam (Trung Quốc), Trung Quốc không chỉ dừng lại ở việc đã rơi vào *"bẫy thu nhập trung bình"*, mà tầng sâu nằm ở cải cách rơi vào đình trệ và thụt lùi, là *"bẫy cải cách"* hoặc có thể nói là *"bẫy chuyển đổi mô hình"*.

1. *"10 dự báo về Trung Quốc"*, <http://www.rmlt.com.cn/topic/20110127/zhanqian.htm>.

Vấn đề đặt ra là từ bây giờ, Trung Quốc sẽ phát triển như thế nào?

Ngoài ra, trong xã hội Trung Quốc còn chồng chất nhiều vấn đề bức xúc trong dân chúng, làm dấy lên những cuộc biểu tình, bạo loạn nhằm phản đối chính sách của Chính phủ, đồng thời đòi quyền lợi bình đẳng. Đó là những vấn đề tham nhũng của quan chức lan tràn, hủ bại xã hội, vật giá leo thang, bất công xã hội, tài nguyên cạn kiệt, lạm phát tăng khó kiểm soát, giá nhà đất và điều kiện nhà ở, ruộng đất và lợi ích nông dân bị chiếm đoạt, sự bất mãn ở nông thôn gia tăng, sự thiếu vắng của một mạng lưới an sinh xã hội hoàn thiện và các vụ tai nạn lao động thường xuyên xảy ra. Tất cả các vấn đề xã hội đó tạo thách thức lớn cho nhiệm kỳ của người đứng đầu Đảng Cộng sản Trung Quốc là Tập Cận Bình.

Theo quan điểm của một số học giả nổi tiếng người Singgapo đăng trên *"Thời báo Hoàn cầu"* ra gần đây, để xã hội ổn định lâu dài thì kinh tế phải tăng trưởng, xã hội duy trì công bằng, tầng lớp trung lưu chiếm tỷ trọng tương đối trong xã hội. Muốn theo đuổi mục tiêu ổn định lâu dài, Trung Quốc phải rút được bài học kinh nghiệm cho mình từ các xã hội không ổn định. Vấn đề cốt lõi nhằm ổn định xã hội chính là công bằng trong phân phối, phải thật sự khôn khéo giải quyết để ổn thỏa lòng dân.

Mặc dù Trung Quốc đã và sẽ đạt được một số mục tiêu căn bản trong chiến lược cân bằng lợi ích giữa các vùng miền, giữa các tầng lớp cư dân, song vẫn còn khá nhiều vấn đề

gai góc về bất bình đẳng xã hội chưa thể giải quyết vào thời điểm Trung Quốc dự định hoàn thành mục tiêu xây dựng xã hội khá giả toàn diện (năm 2020).

Thứ nhất, chênh lệch thu nhập giữa các tầng lớp cư dân vẫn là vấn đề khó tháo gỡ trong giai đoạn 2011 - 2020. Có thể khẳng định điều đó qua một số lý do sau: (1) Những người có điều kiện tận dụng cơ hội nâng cao thu nhập trong cơ chế thị trường ngay từ những ngày đầu chuyển đổi mô hình phát triển ở Trung Quốc ngày càng bỏ xa những người ít ưu thế hơn. (2) Các biện pháp cân bằng lợi ích của Trung Quốc chưa phát huy đầy đủ hiệu quả đối với mọi giai tầng trong xã hội. Thậm chí, lợi ích thiết thân của nhiều người lao động còn bị xâm hại bởi những yếu tố bất bình đẳng về mọi phương diện: cơ hội kinh tế, địa vị chính trị, vai trò xã hội,... (3) Kết cấu xã hội Trung Quốc chưa đạt tới mô hình lý tưởng, bởi giai tầng trung lưu còn quá nhỏ bé, trong khi tầng lớp công nhân, nông dân và người yếu thế trong xã hội chiếm tỷ lệ quá lớn. Theo kết quả nghiên cứu của Viện Khoa học xã hội Trung Quốc thì giai tầng trung lưu Trung Quốc hiện đạt 23% tổng cư dân thành phố. Tuy nhiên, đây là tỷ lệ "đáng buồn" vì nó chưa bao gồm số dân rất lớn tại các vùng nông thôn¹. Để tạo được "mô hình quả trám" trong kết cấu dân số, Trung Quốc còn cần khá nhiều thời gian. (4) Tham nhũng đang ngày càng trở nên nghiêm trọng,

1. Trịnh Vĩnh Niên, "*Bảo vệ xã hội*", Tập đoàn liên hiệp xuất bản Chiết Giang, Nxb. Nhân dân Chiết Giang, 2012 (in lần thứ 4), tr. 97.

là yếu tố gây khó khăn gấp bội cho Trung Quốc trong quá trình thực hiện mục tiêu cân bằng lợi ích.

Thứ hai, không thể giải quyết triệt để vấn đề chênh lệch vùng miền trong thời gian 10 năm hay 20 năm. Như trên đã trình bày, Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu đáng khâm định trong việc điều chỉnh quá trình phát triển thiếu cân bằng giữa các vùng miền. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa Trung Quốc đã giải quyết xong vấn đề chênh lệch vùng. Khác biệt về trình độ phát triển hiện vẫn còn là bài toán nan giải đối với Trung Quốc, nhất là các vùng nông thôn miền núi phía Tây so với các thành phố, thị trấn phía Đông. Trong vài ba chục năm tới, Trung Quốc chưa thể xóa bỏ được hình ảnh trái ngược giữa nhiều vùng miền - theo cách nói của Trung Quốc, đó là mức phát triển của hai quốc gia trên cùng lãnh thổ. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này: cả lý do khách quan lẫn chủ quan, cả quy luật tất yếu lẫn bất cập trong chính sách. Điều đáng nói tới là những hậu quả tiêu cực, thiếu thực tế của chính sách "cho phép một số vùng, một số người làm giàu trước" và tàn tích của chế độ nhị nguyên giữa thành thị với nông thôn cùng việc thực hiện muôn màng những biện pháp cân bằng phát triển vùng miền, cân bằng lợi ích giai tầng xã hội của Trung Quốc.

4. Xu thế vấn đề dân tộc và ảnh hưởng của nó tới sự phát triển của Trung Quốc

Như đã nêu ở Chương I, mặc dù được Đảng và Nhà nước Trung Quốc đặc biệt quan tâm, coi trọng, dành nhiều công

sức và dùng nhiều biện pháp để xử lý hài hoà mối quan hệ dân tộc, song cho đến thời điểm hiện nay, vấn đề *mâu thuẫn dân tộc ở các khu vực dân tộc thiểu số của Trung Quốc vẫn đang được coi là vấn đề mâu thuẫn nội bộ bên trong phức tạp, rất khó giải quyết của nước này.*

Theo ý kiến đánh giá, phân tích của nhiều nhà nghiên cứu về Trung Quốc, họ dự báo trong khoảng thời gian 10 năm tới, cuộc khủng hoảng chính trị xã hội, các cuộc phản kháng ở các vùng dân tộc tự trị của Trung Quốc vẫn sẽ tiếp tục diễn ra, thậm chí còn có thể gay gắt hơn trước, không loại trừ khả năng sẽ xảy ra các cuộc bạo động xã hội. Có ý kiến còn cho rằng, vấn đề mâu thuẫn dân tộc ở các vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt là ở các khu tự trị Tây Tạng, Tân Cương, Nội Mông như một lò lửa đang ngấm ngấm âm ỉ cháy, chỉ chờ dịp bùng phát. Việc đưa ra nhận định như trên, ngoài các nguyên nhân sâu xa gây ra các mâu thuẫn dân tộc chưa thể giải quyết ngay được trong một sớm một chiều đã được phân tích trên đây, còn dựa trên các cơ sở sau đây:

Việc Chính phủ Trung Quốc thắt chặt an ninh, thực hiện các biện pháp cứng rắn, khắc nghiệt nhằm bảo đảm an ninh tại các khu vực dân tộc thiểu số, nơi đã từng xảy ra các cuộc gây rối, biểu tình, bạo loạn đòi ly khai, khiến người dân phải chịu sự kiểm soát nghiêm ngặt. Biện pháp này có thể trấn áp các xung đột, bạo động song đây cũng là nhân tố gây ra những tiềm ẩn bất ổn xã hội.

Trên thực tế, mặc dù Chính phủ Trung Quốc đã tạm thời lập lại được trật tự an ninh xã hội sau các cuộc bạo loạn ở các khu vực cư trú của các dân tộc thiểu số như Tây Tạng, Tân Cương, Nội Mông..., song kể từ đó đến nay, tình hình chính trị xã hội ở các khu vực này chưa bao giờ thực sự yên tĩnh. Có thể thấy rõ điều này qua các động thái mới xảy ra trong thời gian gần đây. Tại khu tự trị Tân Cương, vào ngày 28 tháng 2 năm 2012, lại có thêm một vụ bạo loạn nữa nổ ra tại khu tự trị dân tộc Duy Ngô Nhĩ Tân Cương. Theo tin tức chính thức của Tân Hoa xã, ít nhất 12 người đã thiệt mạng trong vụ bạo loạn mới. Vụ bạo loạn trên chỉ là một trong chuỗi xung đột mà tất yếu phải xảy ra ở Tân Cương. Trước đó không lâu, vào tháng 7 năm 2011, khu vực phía Nam Tân Cương đã chứng kiến liên tiếp 3 vụ bạo loạn. Đặc điểm chung của các vụ bạo loạn này, theo Tân Hoa xã, là thủ phạm thuộc về người Duy Ngô Nhĩ - một dân tộc thuộc sắc tộc thiểu số, còn "nạn nhân bị khủng bố" là người Hán và cảnh sát Trung Quốc. Vào đầu năm 2012, Trung Quốc đã điều động 8.000 cảnh sát tới tuần tra các khu vực nông thôn ở khu tự trị Tân Cương. Một chính sách rất mới của chính quyền Trung ương là "mỗi làng một cảnh sát" nhằm kiểm soát "chủ nghĩa cực đoan tôn giáo"¹.

Tình hình Tây Tạng cũng đang diễn biến hết sức phức tạp, có nguy cơ lây lan và dẫn đến bùng nổ. Có nhiều ý kiến

1. "*Bùng nổ bạo loạn ở Tân Cương: Nguồn cơn và ám ảnh*", <http://www.tamnhin.net/Chinhtri/19357/Bung-no-bao-loan-o-Tan-Cuong-Nguon-con-va-am-anh.html>.

cho rằng, việc Trung Quốc tăng cường an ninh có thể liên quan đến một loạt vụ tuyệt thực, tự thiêu trong các khu vực người Tạng sinh sống trong thời gian gần đây. Liên tục trong những ngày đầu năm 2012 đã xuất hiện những vụ bạo động và tự thiêu ở các khu vực của người Tây Tạng. Thống kê mới nhất cho biết các cuộc bạo động ở Tây Tạng có chiều hướng gia tăng trong thời gian gần đây. Trong tháng 1 năm 2012, ít nhất hai nhà sư Tây Tạng đã tấn công vào các đồn cảnh sát trong khu vực người Tạng sinh sống ở Tứ Xuyên làm hai người chết và hàng chục người bị thương. Ngày 25 tháng 1 năm 2012, Tân Hoa xã đưa tin cảnh sát tại huyện Sắc Đạt (Tứ Xuyên) đã bắn chết một người và bắt giữ 13 người trong cuộc xung đột. Khoảng 100 người dân tộc Tạng cầm vũ khí tấn công đồn cảnh sát Thành Quan, làm 14 nhân viên công lực bị thương và buộc lực lượng an ninh phải nổ súng. Trước đó một ngày, đụng độ cũng đã xảy ra tại huyện Lư Hoắc. Tân Hoa xã dẫn lời các chuyên gia từ Viện Nghiên cứu Tây Tạng ở Tứ Xuyên nói rằng hai vụ "tấn công" ở tỉnh này là "bạo lực có sắp xếp và tổ chức từ trước". Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc Hồng Lỗi cáo buộc các vụ việc trên là do "các tổ chức ly khai ở nước ngoài" đang cố làm mất uy tín của Chính phủ Trung Quốc. Ngày 8 tháng 2 năm 2012, thêm một nhà sư đã tự thiêu ở khu vực Aba (Tứ Xuyên). Nhật báo *Cam Túc* dẫn lời Bí thư Đảng ủy huyện Cam Túc Lưu Đạo Bình nhận định, Trung Quốc đang đứng trước những thách thức lớn trong việc duy trì ổn định ở các khu người Tạng sinh sống

do nhóm ly khai Đạt Lai Lạt Ma tuyên bố sẽ cung cấp tài chính cho "một cuộc chiến quyết định"¹.

Các giải pháp kinh tế, tăng cường đầu tư, kéo theo đó là chính sách đồng hoá văn hoá Hán ở các khu vực có người dân tộc thiểu số chưa thể giải quyết tận gốc vấn đề mâu thuẫn sắc tộc của Trung Quốc trong thời gian gần tới đây.

Như đã đề cập ở Chương I, những ảnh hưởng tiêu cực từ xu thế mở rộng khoảng cách phát triển kinh tế và vấn đề khai thác tài nguyên ở các khu vực tự trị dân tộc sẽ chưa thể được giải quyết triệt để trong khoảng thời gian 10 năm tới. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc cho rằng, các cuộc biểu tình của người Tây Tạng và Duy Ngô Nhĩ chống lại sự phân biệt đối xử với các sắc tộc thiểu số là "triệu chứng" của vấn đề kinh tế và nhấn mạnh rằng giải pháp nằm ở sự phát triển kinh tế. Theo Chính phủ Trung Quốc, tăng cường đầu tư sẽ là lối thoát cho cuộc khủng hoảng chính trị xã hội ở miền Tây. Nhưng nhiều nhà phân tích không tin rằng sự phát triển kinh tế có thể giải quyết được tận gốc vấn đề. Ông Dilshat Reshit, người phát ngôn của *Liên đoàn Duy Ngô Nhĩ Toàn cầu* nói rằng, những người Duy Ngô Nhĩ không được hưởng lợi nhiều từ sự phát triển kinh tế tại Tân Cương trong hơn hai thập kỷ qua và họ đã bị tước quyền điều khiển nền kinh tế địa phương. Ông nói rằng, những nỗ lực kinh tế

1. "*Quan chức Tây Tạng chuẩn bị cho một cuộc chiến mới*", <http://tuoitre.vn/The-gioi/477066/Quan-chuc-Tay-Tang-chuan-bi-cho-mot-cuoc-chien.html>.

sẽ không giúp được gì bởi căn nguyên của vấn đề tại Tân Cương là sự đàn áp sắc tộc, tôn giáo, văn hóa và chính trị. Các con số dường như đồng nhất với lập luận của ông Reshit. Năm 2008, Tân Cương vẫn duy trì mức tăng trưởng 10%/năm sau hơn 10 năm. Nhưng nền kinh tế của tỉnh chủ yếu do hai tổ chức chi phối là Công ty Dầu mỏ và Công ty Xây dựng và Sản xuất Tân Cương. Hai tổ chức này chiếm gần 70% GDP của Tân Cương năm 2008 với 420 tỉ NDT, tương đương 61,5 tỉ USD. Cả hai công ty đều do người Hán, dân tộc chiếm đa số ở Trung Quốc điều hành. Chỉ dưới 1% trong tổng số 40.000 nhân viên của Công ty Quản lý Dầu mỏ Tân Cương là người Duy Ngô Nhĩ. Ngành công nghiệp dầu mỏ đóng góp hơn 60% GDP vào nền kinh tế Tân Cương. Mặc dù Tân Cương là một trong những tỉnh sản xuất dầu mỏ lớn nhất Trung Quốc, giá khí đốt tại đây vẫn cao hơn tại Thượng Hải. Một người dân Urumqi phản nản rằng, Bắc Kinh đã hy sinh Tân Cương để làm lợi cho một Thượng Hải giàu có hơn. Công ty Sản xuất và Xây dựng là một tổ chức bán quân sự của Chính phủ, bao gồm 2,5 triệu người. Công ty này chiếm hơn 40% đất canh tác tại Tân Cương, và hưởng độc quyền sản xuất cả vải bông lẫn hàng dệt may. Ông Reshit cũng cho rằng "vấn đề kinh tế tại Tân Cương là một vấn đề về nhập cư. Khuyến khích sự phát triển kinh tế có nghĩa là khuyến khích thêm nhiều người Hán tới Tân Cương"¹.

1. "*Cuộc khủng hoảng của Trung Quốc tại Tây Tạng và Tân Cương*", <http://vietdaikynghuyen.com/v2/china/628-cuc-khng-hong-ca-trung-quc-ti-tay-tng-va-tan-cng>.

Điều này có thể làm gia tăng thêm những mâu thuẫn sắc tộc, khuynh hướng bạo động xã hội ở khu vực này, khi mà người Hán di cư đến đây, sẽ chiếm thêm đất, cơ hội phát triển của người dân tộc bản địa. Theo một cuộc điều tra, 82% người dân Uyghur nhìn nhận quan hệ Hán - Uyghur rất tệ hại và có cái nhìn tiêu cực về chính sách tự do tôn giáo của chính quyền, vì những đạo luật không cho phép trẻ em đến nguyện cầu ở thánh đường hoặc tham gia các lễ hội tôn giáo cho đến năm 18 tuổi, 82% dân bản địa không muốn kết bạn với người Hán và 94% dân chúng Uyghur không biết đến những ngày lễ quốc gia Trung Quốc¹.

Ngoài ra, như đã trình bày, Hội nghị công tác về Tân Cương lần đầu tiên được tổ chức vào năm 2010 đã thông qua các biện pháp kinh tế với mục đích tăng thu nhập, nhưng lại có thể gạt các nhóm dân tộc thiểu số ra ngoài lề hơn nữa, trong đó đáng bàn đến là chính sách trưng thu đất đai. Tính đến cuối năm 2011, 80% các khu dân cư truyền thống trong thành phố Khách Thập cổ kính của người Duy Ngô Nhĩ bị giải tỏa. Nhiều người dân Duy Ngô Nhĩ đã bị cưỡng chế khỏi nơi ở cũ và tái định cư để lấy đất xây những khu đô thị mới, với thành phần cư dân mới đa số là người Hán².

-
1. "Cuộc khủng hoảng của Trung Quốc tại Tây Tạng và Tân Cương", <http://vietdaikynguyen.com/v2/china/628-cuc-khng-hong-ca-trung-quc-ti-tay-tng-va-tan-cng>.
 2. "Bùng nổ bạo loạn ở Tân Cương: Nguồn cơn và ám ảnh", <http://www.tamnhin.net/Chinhtri/19357/Bung-no-bao-loan-o-Tan-Cuong-Nguon-con-va-am-anh.html>.

Những điều xảy ra ở Tân Cương cũng đang diễn ra tương tự ở Tây Tạng và Nội Mông. Nhiều ý kiến cho rằng, cách tiếp cận lấy kinh tế để kìm hãm tôn giáo và văn hóa của Chính phủ Trung Quốc, hay như cách nói của một nhà khoa học chính trị Trung Quốc tại Mỹ là "Bắc Kinh đang dùng hệ tư tưởng vô thần của họ để giải quyết các vấn đề ở Tân Cương và Tây Tạng" sẽ không có tác dụng với các vùng mà ở đó tôn giáo và văn hóa dân tộc đã bắt rễ sâu¹.

Qua những động thái và phân tích tình hình nêu trên, có thể nhận định rằng, những bất ổn sắc tộc của Trung Quốc trong thời gian 10 năm tới đây sẽ chưa thể được giải quyết, nó sẽ là một nhân tố tiềm ẩn gây ra những bất ổn xã hội của Trung Quốc. Tuy nhiên cũng vẫn có thể hy vọng rằng, tập thể lãnh đạo mới của Trung Quốc do Tập Cận Bình đứng đầu có thể có những chính sách khôn khéo hơn so với những người tiền nhiệm, tìm ra những biện pháp tích cực hơn, giúp Trung Quốc có thể chủ động xử lý thoả đáng, hài hoà những bất ổn này, nhằm tạo môi trường bên trong thuận lợi đảm bảo cho sự hồi phục của Trung Quốc trong thời gian tới.

1. "*Cuộc khủng hoảng của Trung Quốc tại Tây Tạng và Tân Cương*", <http://vietdaikynghuyen.com/v2/china/628-cuc-khng-bng-ca-trung-quc-ti-tay-tng-va-tan-cng>.

III. DỰ BÁO VỀ LĨNH VỰC QUẢN LÝ XÃ HỘI CỦA TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XVII đến nay, Trung Quốc luôn nhấn mạnh nhiệm vụ cải cách thể chế xã hội, xây dựng mô hình mới về quản lý xã hội, phù hợp với mục tiêu dân sinh, theo phương châm "lấy con người làm gốc". Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có sự định vị mới về quản lý xã hội. Mặc dù cụm từ "thể chế quản lý xã hội" đã xuất hiện trong các bài nghiên cứu, một số văn kiện các lần Hội nghị Trung ương của Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhưng so với Báo cáo Chính trị Đại hội XVII là "Kiện toàn cục diện quản lý xã hội", "Trọng thị xây dựng và quản lý xã hội" thì Báo cáo Chính trị Đại hội XVIII đã có sự thay đổi về cách biểu đạt, đó là "đẩy nhanh việc hình thành thể chế quản lý xã hội". Như vậy, có thể nói cụm từ "thể chế quản lý xã hội" đã chính thức được đưa vào Báo cáo của Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc, điều này cũng có nghĩa là Đảng Cộng sản Trung Quốc đang từng bước thúc đẩy thể chế hóa, pháp luật hóa công việc quản lý xã hội ở Trung Quốc trong những năm tới.

Xuất phát từ thực tiễn, các nhà lãnh đạo Đảng và Chính phủ Trung Quốc đã định hình từng bước mô hình quản lý phát triển xã hội theo phương thức: *cấp uỷ lãnh đạo, chính quyền phụ trách, xã hội hiệp đồng, nhân dân tham dự*. Đây là mô hình quản lý đa chủ thể, được chuyển đổi từ phương thức nhất nguyên sang đa nguyên, từ thống trị sang quản trị,

từ tập quyền sang phân quyền, có khả năng huy động tối đa mọi nguồn lực quản lý, thúc đẩy sự nghiệp xã hội phát triển một cách lành mạnh và bền vững. Trong những năm tới đây, Trung Quốc sẽ nỗ lực thực hiện những đột phá quan trọng nhất trong lĩnh vực quản lý xã hội. Đó là nâng cao chức năng quản trị xã hội của nhà nước; khuyến khích sự tham gia quản lý xã hội của khu dân cư và các tổ chức xã hội; phát huy vai trò và chức năng của hệ thống giám sát xã hội. Mục tiêu quản lý xã hội của Trung Quốc là điều hoà lợi ích, cung ứng dịch vụ công, giải quyết các vấn đề tồn đọng trong xã hội, nâng cao chất lượng sống người dân và đảm bảo công bằng xã hội, tiến tới thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội hài hoà.

1. Tăng cường chức năng dịch vụ xã hội của nhà nước

Theo kinh nghiệm của các nước phương Tây, việc định vị chuẩn xác chức năng nhà nước trong quản lý phát triển xã hội, phát huy tối đa chức năng dịch vụ công của nhà nước là tiền đề quan trọng để thúc đẩy xã hội phát triển. Trước nhiều vấn đề xã hội bất cập và trước yêu cầu nâng cao đời sống dân sinh, Trung Quốc đã hết sức coi trọng mục tiêu điều chỉnh chức năng quản lý của nhà nước - từ "chỉ huy kinh tế" là chính sang dịch vụ xã hội là chủ yếu. Trong thời gian tới đây, Trung Quốc sẽ tiếp tục phát huy cao độ vai trò điều hành, quản trị xã hội của nhà nước, kiên quyết khắc phục tình trạng "việt vị" hoặc không thực hiện đúng, đầy đủ vai trò, chức năng quản lý xã hội của nhà nước.

Trung Quốc cho rằng, do quá tập trung vào mục tiêu kinh tế nên nhà nước đã thể hiện rõ vai trò thống soái trong quản lý và điều hành mọi hoạt động kinh tế. Trong khi đó, nhà nước lại xem nhẹ, thậm chí lãng quên vai trò quản trị và dịch vụ xã hội. Bởi thế, nhiều hạng mục đầu tư quan trọng, thiết yếu cho sự nghiệp công ích xã hội đã bị bỏ qua. Nhà nước đã đẩy bỏ một số trách nhiệm xã hội gắn với đời sống dân sinh cho thị trường như y tế, giáo dục cộng đồng, việc làm, an sinh,... Đó là nguyên nhân dẫn đến sự thiếu đồng bộ và chênh lệch phát triển quá lớn giữa kinh tế với xã hội, tạo nên tình trạng bất bình đẳng nghiêm trọng trong xã hội Trung Quốc. Hơn nữa, trong thời gian tới đây, nhu cầu và đòi hỏi của người dân trước vai trò dịch vụ xã hội sẽ ngày càng lớn và cấp thiết. Bởi vậy, Trung Quốc không thể không điều chỉnh vai trò quản lý của nhà nước, theo tiêu chí "dân sinh là trọng điểm". Kinh nghiệm của các nước phát triển cho thấy, sự gia tăng nhu cầu dịch vụ công là tiêu chí quan trọng đánh dấu thời kỳ phát triển mới của nền kinh tế - xã hội; dịch vụ công ngày càng trở thành trách nhiệm và chức năng cơ bản của nhà nước, đồng thời là một xu hướng phát triển của xã hội hiện đại¹. Đây cũng là sự thay đổi rõ nét tư duy của Trung Quốc khi tiến hành chuyển đổi mô hình "nhà nước vạn năng" truyền thống sang mô hình "nhà nước hữu hạn" hiện đại. Giai đoạn 2011 - 2020 là giai đoạn Trung Quốc

1. Cao Thượng Toàn, "*Hoàn thiện hệ thống dịch vụ công, xây dựng mô hình nhà nước dịch vụ*", Nhân dân nhật báo, 7.5.2008.

nhằm vào mục tiêu tăng trưởng để cải thiện dân sinh, cũng chính là giai đoạn tăng cường mạnh mẽ chức năng dịch vụ xã hội của nhà nước, tiến tới tạo dựng một hệ thống quản trị xã hội hoàn thiện và hiệu quả.

Vai trò dịch vụ xã hội của Nhà nước Trung Quốc thời gian tới sẽ được tăng cường trong một số lĩnh vực quan trọng dưới đây:

Thứ nhất, tăng cường dịch vụ việc làm. Một trong những nhiệm vụ trọng yếu trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ XII của Trung Quốc là giải quyết vấn đề thất nghiệp đang có xu hướng gia tăng, trước tác động tiêu cực của nền kinh tế thế giới. Trung Quốc sẽ tăng cường tạo cơ hội việc làm nhiều hơn cho người lao động trong những năm tới đây, góp phần làm ổn định và không ngừng cải thiện đời sống nhân dân. Nhà nước Trung Quốc sẽ thực hiện mục tiêu này bằng nhiều biện pháp như: hỗ trợ chính sách; cấp các gói hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh; xây dựng và hoàn thiện hệ thống giới thiệu việc làm; tăng cường đào tạo kỹ thuật, nâng cao tay nghề cho người lao động, nhất là lao động phổ thông;... Tới đây, Trung Quốc sẽ đặc biệt quan tâm tới công tác hướng nghiệp, tạo việc làm cho sinh viên tốt nghiệp đại học, đồng thời khích lệ các trường chiêu sinh, đào tạo sát với nhu cầu thị trường. Theo Báo cáo Chính phủ trình trước Hội nghị lần thứ 5 Quốc hội khoá XI thì số sinh viên đại học ra trường tìm được việc làm ở Trung Quốc trong năm 2011 đạt 77,8%, tăng 1,2% so

với năm 2010. Đó là nỗ lực đáng kể của Trung Quốc trong việc phát huy vai trò dịch vụ việc làm của nhà nước.

Thứ hai, đẩy mạnh dịch vụ y tế cộng đồng. Thời gian qua và trong những năm tới đây, Trung Quốc sẽ tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động y tế cộng đồng để nâng cao chất lượng phục vụ sức khỏe người dân. Những khâu trọng tâm sẽ được Nhà nước Trung Quốc xúc tiến mạnh mẽ trong giai đoạn 2011 - 2020 bao gồm: hoàn thiện hệ thống bảo hiểm y tế toàn dân, giảm bớt sự cách biệt giữa thành thị với nông thôn, giữa các giai tầng xã hội về quyền lợi y tế; nhà nước đóng vai trò chủ thể trong các nguồn kinh phí hỗ trợ y tế, nhất là phí bảo hiểm y tế nông thôn, khắc phục tình trạng nhà nước đứng ngoài cuộc, khoán trắng phí y tế cho người dân nông thôn và ngân sách địa phương; cung ứng kịp thời các dịch vụ y tế cộng đồng trong tình huống bất thường như thiên tai, dịch bệnh; quản lý chặt chẽ chất lượng và giá cả các loại thuốc chữa bệnh, xử lý nghiêm những biểu hiện và hoạt động tiêu cực trong lĩnh vực y tế;... Có thể nói, Trung Quốc đã đưa ra nhiều biện pháp hữu hiệu và đạt được một số kết quả khả quan trong năm 2011, đặt niềm tin cho người dân đối với vai trò và chức năng quản lý, cung cấp dịch vụ y tế của nhà nước trong thời gian tới.

Thứ ba, mở rộng các hạng mục phúc lợi công cộng. Đây là mảng Trung Quốc đã làm khá tốt, giúp đông đảo người dân được hưởng thụ thành quả của công cuộc cải cách, phát triển xã hội. Trong giai đoạn tới đây, Trung Quốc chắc chắn

sẽ đẩy mạnh hơn nữa tiến trình xây dựng và nâng cấp các hạng mục phúc lợi công cộng như công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí, khu du lịch sinh thái, viện dưỡng lão, câu lạc bộ người cao tuổi, làng trẻ mồ côi, dịch vụ người tàn tật,... Nhà nước sẽ tiếp tục tạo kênh việc làm và miễn thuế sản xuất, kinh doanh hoặc dịch vụ cho người tàn tật, đảm bảo thu nhập và nâng cao đời sống của giai tầng yếu thế trong xã hội.

Tuy nhiên, không phải Trung Quốc không gặp khó khăn trong quá trình chuyển đổi và phát huy chức năng dịch vụ xã hội của nhà nước. Nguyên nhân cốt lõi là vẫn còn khá nhiều khâu yếu kém trong hệ thống quản lý nhà nước của Trung Quốc, nhất là lĩnh vực quản lý xã hội. Chẳng hạn: (1) Tình trạng mở rộng hết cỡ khối lượng chiêu sinh, trong đó có những chuyên ngành không theo sát nhu cầu thị trường của các trường đại học đang trở thành vấn đề khó kiểm soát trong thời gian tới ở Trung Quốc. Do vậy, dù cố gắng thông kênh việc làm đến mấy, Nhà nước Trung Quốc cũng không thể giải quyết tối ưu vấn đề thiếu việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. (2) Trước xu thế di dân từ vùng này sang vùng khác, từ nông thôn ra thành thị ngày càng phổ biến, nhiều năm nay, Trung Quốc đề ra nhiệm vụ cải cách và kiện toàn thể chế dịch vụ, quản lý các luồng di chuyển dân cư nhằm bảo vệ quyền lợi công bằng của các tầng lớp cư dân. Nguyên tắc cải cách thể chế dịch vụ di dân là "lấy con người làm gốc, công bằng song phẳng, nhất thể hoá thành thị với nông thôn, quyền tham gia

bình đẳng"¹. Trên thực tế, lao động nông thôn làm thuê ở thành phố (Trung Quốc gọi là "nông dân công") hiện vẫn còn chịu quá nhiều thua thiệt và bất công so với cư dân thành thị, trên mọi phương diện: quyền lợi an sinh, chế độ hộ khẩu, địa vị chính trị, bình đẳng thân phận... Vấn đề này chắc chắn chưa thể giải quyết triệt để trong thời gian từ nay đến năm 2020, như ý tưởng và mong muốn của các nhà lãnh đạo Trung Quốc. (3) Dù sẽ được cải thiện nhiều, song dịch vụ y tế do nhà nước cung cấp chưa thể đạt tới tiêu chí hài hoà vào cuối thập kỷ thứ hai của thế kỷ này. Khám bệnh khó, chữa bệnh đắt vẫn là gánh nặng đối với người thu nhập thấp; các biểu hiện và hành vi tiêu cực trong các khâu dịch vụ y tế chưa thể được kiểm soát tối đa, càng chưa thể xoá bỏ hoàn toàn trong 10 năm tới. Mặt khác, Nhà nước Trung Quốc cũng chưa thể cung ứng đầy đủ các dịch vụ y tế thiết yếu cho tất cả mọi đối tượng trong xã hội.

Có thể nói, trong 10 năm trở lại đây, Trung Quốc đã chú trọng hơn rất nhiều đến việc tăng cường chức năng dịch vụ xã hội của nhà nước. Đây là khâu quan trọng để đặt hệ thống công quyền đúng vị trí cần phải có của nó, nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu sống mà người dân đáng được hưởng. Nhiệm vụ này sẽ được Trung Quốc tiếp tục thực hiện một cách tích cực trong giai đoạn 2011 - 2020, góp phần hoàn

1. Hà Tăng Khoa (Chủ biên), *"Ý tưởng về đường lối cải cách thể chế quản lý xã hội của Trung Quốc"*, Nxb. Học viện Hành chính quốc gia 2009, tr. 214-217.

thành mục tiêu xây dựng xã hội khá giả toàn diện, hướng tới xã hội hài hoà, công bằng, theo nguyên lý "dĩ nhân vi bản".

2. Phát huy vai trò quản lý xã hội của khu dân cư

Bước vào thời kỳ cải cách, đơn vị làm việc ở thành phố và công xã nhân dân ở nông thôn đã từng bước mất dần vai trò quản lý con người trên mọi phương diện. Thay vào đó, khu dân cư ngày càng trở thành phương thức quản lý, điều hoà và xử lý nhiều hoạt động của con người trong thời gian sinh sống tại đây. Chính vì thế, khu dân cư có vai trò hết sức quan trọng. Từ lâu, khu dân cư đã trở thành cấp quản lý cơ sở của Trung Quốc - một thực thể xã hội hướng theo hình mẫu "cư dân tự quản, vận hành tuần tự, dịch vụ hoàn thiện, trị an yên ổn, môi trường trong sạch, đời sống văn minh hoà hợp"¹. Nói cách khác, khu dân cư là phương thức hiệu quả trong mô hình quản lý xã hội, đang được Trung Quốc xây dựng và tiếp tục hoàn thiện trong những giai đoạn tới đây, trên mấy phương diện chủ yếu như sau:

Thứ nhất, phát huy ưu thế tự quản tại khu dân cư. Các hoạt động dịch vụ và quản lý xã hội trong khu dân cư ở Trung Quốc được điều phối bởi ban quản lý dân phố. Đây là tổ chức đại diện cho dân, được người dân tín nhiệm bầu ra, đảm nhận chức năng quản lý, giải quyết các vấn đề liên quan đến đời sống của người dân trong khu dân cư. Đồng

1. Lý Học Cử, "Xây dựng khu dân cư hài hoà đặt nền móng cho việc xây dựng xã hội hài hoà", dẫn theo Học tập thời báo, số 309.

thời, đây cũng là tiếng nói đại diện cho lợi ích của người dân trước chính quyền. Trong những trường hợp cần thiết, ban quản lý khu dân cư có quyền đấu tranh, kiến nghị, khiếu nại với chính quyền để bảo vệ lợi ích cư dân cũng như bảo đảm trật tự trị an, giữ gìn môi trường sống lành mạnh, hài hoà trong khu dân cư.

Tương tự, tại nông thôn, Trung Quốc thành lập các uỷ ban thôn dân, đảm nhận chức năng quản lý và cung cấp các dịch vụ công cộng trong phạm vi quy định. Điều 111 Hiến pháp nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ghi rõ: Ban quản lý dân phố và uỷ ban thôn dân thành lập ban hoà giải, ban bảo vệ trị an, ban vệ sinh công cộng, có nhiệm vụ giải quyết các công việc và lợi ích chung trong khu cư dân; hoà giải các khúc mắc giữa nhân dân, hỗ trợ công tác bảo vệ trật tự trị an; phản ánh ý kiến, nguyện vọng của người dân đến chính quyền và đề xuất kiến nghị cần thiết"¹.

Trong giai đoạn tới đây, Trung Quốc sẽ tiếp tục làm tốt công tác tự quản trong các khu dân cư, bởi thực tiễn cho thấy, hiệu quả tự quản trong mỗi khu dân cư càng cao thì trật tự trị an đường phố càng đảm bảo, các vấn đề nổi cộm trong xã hội càng được kiểm soát chặt chẽ.

Thứ hai, thực hiện dân chủ cơ sở thông qua các kênh quản lý của khu dân cư. Trong những năm tới, Trung Quốc

1. Trịnh Hằng Sinh (Chủ biên), "Báo cáo nghiên cứu phát triển xã hội Trung Quốc - xây dựng xã hội theo hướng quản trị hơn", Nxb. Đại học Nhân dân Trung Quốc, 2006, tr. 307.

sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện dân chủ cơ sở, ngay tại các khu dân cư. Trong đó quản lý theo tiêu chí dân chủ là nội dung hết sức quan trọng, bởi đây là yếu tố đảm bảo quyền dân chủ của người dân. Cụ thể là: (1) Các tổ chức đại diện cho dân trong khu dân cư thực hiện quyền quản lý của mình một cách công khai, công bằng, chính trực, đồng thời phải tiếp nhận sự kiểm tra giám sát của cư dân. Hoạt động của ban quản lý dân phố phải kết hợp hai chức năng: quản lý dân cư và dịch vụ công cộng. Có nghĩa là phải thể hiện năng lực quản lý bằng cách đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của dân, góp phần thực hiện mục tiêu dân sinh trong một xã hội giàu có, hài hoà và ổn định. (2) Bầu trực tiếp ban quản lý khu dân cư, ra quyết định và giám sát dân chủ trong khu dân cư. Phương thức bầu cử trực tiếp người quản lý hoặc đại diện của khu dân cư, trong chừng mực nào đó sẽ giúp người dân thực hiện quyền dân chủ trong lĩnh vực bầu cử các cấp lãnh đạo chính quyền trong cả nước. Đây là phương thức ưu việt để Trung Quốc tiếp cận từng bước, tiến tới dân chủ thật sự trong bầu cử, khắc phục khâu yếu nhất trong dân chủ chính trị hiện nay ở Trung Quốc. (3) Tăng cường ý thức và tinh thần trách nhiệm của cư dân trong việc tham gia quản lý khu dân cư và quản lý xã hội. Hiện nay và trong những giai đoạn tới đây, nhiều khu dân cư ở Trung Quốc đang và sẽ thực hiện 3 biện pháp nâng cao ý thức dân chủ và tinh thần trách nhiệm của người dân. Đó là: khuyến khích cư dân tham gia quản lý trong các tổ chức tự quản để trao đổi thông tin,

bàn bạc hiệp thương và ra quyết sách một cách dân chủ; khuyến khích cư dân tham gia các hoạt động chung như văn hoá, thể thao, lao động công ích, trợ giúp người cao tuổi và người có hoàn cảnh khó khăn; khuyến khích cư dân tham gia hoạt động giám sát dân chủ. Để tiến hành hoạt động này, khu dân cư tổ chức bầu chọn giám sát viên chuyên trách, một mặt giám sát các hoạt động quản lý trong khu, mặt khác giám sát chất lượng dịch vụ công của các tổ chức dân phố, nhằm hiện thực hoá quyền giám sát dân chủ của người dân.

Thứ ba, điều hoà và giải quyết mâu thuẫn nội bộ khu dân cư. Đây là phương pháp phát huy hiệu quả tương đối rõ nét trong việc hóa giải mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, xây dựng khu dân cư trật tự ổn định, được Trung Quốc nhấn mạnh trong bản "Kiến nghị của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về việc hoạch định Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ XII" (thông qua tại Hội nghị Trung ương 5 khoá XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc, ngày 18.10.2010). Đó là: "Kiện toàn cơ chế chủ đạo của Đảng và Chính phủ trong việc bảo vệ quyền lợi của quần chúng nhân dân; hoàn thiện hệ thống làm việc liên hoàn giữa các tổ chức hoà giải nhân dân, hoà giải hành chính và hoà giải tư pháp, tập hợp sức mạnh từ nhiều phía, xây dựng phương thức xử lý mâu thuẫn, khúc mắc trong dân... Xử lý xác đáng mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, hoá giải mọi nhân tố gây mất ổn định xã hội ngay từ lúc manh nha, ngay từ

địa bàn cơ sở"¹. Cơ chế hoà giải mâu thuẫn trong khu dân cư chú trọng đến ba khâu quan trọng: xây dựng cơ chế hợp tác giữa chính quyền và tổ dân phố, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục, đôn đốc, giám sát đời sống khu dân cư; phát huy "quyền lực mềm" trong khu dân cư để kịp thời hoà giải mâu thuẫn nội bộ; xây dựng các kênh giao lưu thường xuyên và thông thoáng, nhằm giảm thiểu và hoá giải kịp thời mâu thuẫn trong dân.

Phát huy tối đa vai trò tham gia quản lý xã hội của khu dân cư là một nội dung được chú trọng thực hiện trong Kế hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ XII cũng như trong toàn bộ giai đoạn 2011 - 2020, nhằm góp phần hoàn thiện mô hình quản lý xã hội mới, trong bối cảnh xã hội Trung Quốc ngày càng có nhiều biến đổi đa chiều và phức tạp.

3. Nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm tra giám sát

Trước nhiều vấn đề nổi cộm, tiêu cực trong xã hội, đặc biệt là nạn tham nhũng diễn ra ngày càng nghiêm trọng, trong giai đoạn tới, Trung Quốc quyết tâm củng cố, nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm tra giám sát, nhằm nâng cao chất lượng quản trị xã hội. Hiện tại, Trung Quốc đã xây dựng được hệ thống kiểm tra giám sát tương đối hoàn

1. "Tập hợp văn kiện Hội nghị toàn thể lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khoá XVII", Nxb. Nhân dân, 2010, tr. 45.

chính, với 3 hình thức chủ yếu: giám sát trong nội bộ Đảng; giám sát của nhà nước và giám sát của các lực lượng xã hội.

Giám sát nội bộ Đảng là giám sát đối với cán bộ, đảng viên trong phương diện lãnh đạo, điều hành công tác xã hội (đương nhiên có liên quan đến các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá,...).

Giám sát của nhà nước chủ yếu là giám sát của Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc đối với hoạt động của Chính phủ, toà án và viện kiểm sát; giám sát có tính chất thanh tra của các cơ quan chuyên trách Chính phủ.

Giám sát xã hội chủ yếu là giám sát dân chủ của Hội nghị hiệp thương chính trị (Chính hiệp); giám sát của dư luận báo chí, của các tổ chức đoàn thể xã hội và giám sát của quần chúng nhân dân.

Có thể nói, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng tham nhũng ngày càng diễn biến nghiêm trọng, phức tạp, tinh vi, dưới nhiều hình thức trong hàng ngũ cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung Quốc là do quyền lực không được giám sát và khống chế hiệu quả. Báo cáo công tác của Ủy ban kiểm tra kỷ luật Trung ương tại Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc khoá XVII nêu rõ: "Các vụ án vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật ở một số địa phương và ban ngành vẫn có chiều hướng gia tăng; một số ít cán bộ trung cao cấp vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật đã gây ảnh hưởng rất xấu đến xã hội. Tuy nhiên, một số quy chế và giải pháp chống tham nhũng, làm trong sạch Đảng và chính quyền vẫn chưa

thực sự đi vào cuộc sống"¹. Nhiều năm qua, Trung Quốc đã khá mạnh tay trong công tác phòng chống tham nhũng, góp phần to lớn làm trong sạch và lành mạnh hơn đời sống xã hội. Nhưng, Trung Quốc cũng nghiêm khắc, thẳng thắn nhận thấy, vẫn còn quá nhiều hạn chế và tồn đọng trong công tác quản lý, khiến xã hội này sinh nhiều vấn đề gai góc, nổi cộm.

Giám sát nội bộ Đảng được tiến hành theo phương thức kết hợp từ trên xuống dưới và từ dưới lên trên. Đối tượng giám sát nhằm vào cán bộ lãnh đạo, đặc biệt là cán bộ chủ chốt trong các cơ quan Đảng. Nội dung giám sát trọng điểm là những vấn đề liên quan đến lợi ích thiết thân của quần chúng nhân dân. Hiện tại, Trung Quốc đang phát động phong trào "ba chống hai xây"², trong đó có nội dung xây dựng cơ chế kiểm tra giám sát hoàn thiện. Đồng thời, từ nay đến năm 2020, Trung Quốc tiếp tục thực hiện triệt để và hiệu quả phương thức "song chỉ, song quy"³ trong công tác phòng

-
1. Báo cáo công tác của Ủy ban kiểm tra kỷ luật Trung ương trình Đại hội XVII ngày 21.10.2007.
 2. Năm 2012, Trung Quốc phát động phong trào "Ba chống hai xây" nhằm mục đích hoàn thiện hệ thống quản lý, làm trong sạch, lành mạnh xã hội. Đó là: chống các băng đảng xã hội đen, chống buôn lậu, chống tham nhũng; xây dựng cơ chế kiểm tra giám sát, xây dựng cơ chế quản lý trật tự xã hội.
 3. "Song chỉ, song quy": chỉ định và quy định địa điểm, thời gian triệu tập cán bộ đảng viên có hành vi vi phạm pháp luật trong khi tiến hành các hoạt động điều tra, làm rõ vụ việc.

chống tham nhũng. Cùng với việc phát huy cao độ vai trò kiểm tra giám sát của Ủy ban kiểm tra kỷ luật Trung ương, Trung Quốc sẽ kiện toàn hơn nữa cơ chế tổ chức và vận hành của các cơ quan kiểm tra, giám sát Đảng cấp dưới, với mục đích làm tốt công tác giám sát nội bộ Đảng từ cơ sở. Mục tiêu quan trọng là không để hành vi tham nhũng, vi phạm luật pháp, vi phạm kỷ luật Đảng bám rễ sâu và lây lan trong hàng ngũ đảng viên. Trung Quốc cho rằng, đây là khâu cực kỳ quan trọng để phát huy vai trò, năng lực và trí tuệ của cán bộ đảng viên trong quản lý xã hội.

Giám sát của nhà nước sẽ tập trung vào các lĩnh vực liên quan đến đời sống dân sinh như: an sinh xã hội, nhất là tiêu cực trong công tác khám chữa bệnh; tình trạng thu lệ phí bừa bãi; tham ô hối lộ trong lĩnh vực trưng thu đất đai; bảo vệ môi trường; an toàn vệ sinh thực phẩm; quản lý quỹ bảo hiểm,... Từ trước đến nay, công tác kiểm tra giám sát của nhà nước được Trung Quốc thực hiện tương đối nghiêm ngặt và rộng khắp. Những thành tích đạt được trong lĩnh vực này đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả quản trị xã hội. Đồng thời, nó cũng là yếu tố thúc đẩy quá trình hài hoà xã hội, khi những vấn đề tiêu cực được phát hiện và tháo gỡ, xử lý kịp thời. Trong thời gian tới, Trung Quốc sẽ đầu tư nhiều hơn cho việc kiện toàn và nâng cao chất lượng, hiệu quả của các cơ quan kiểm tra giám sát trong bộ máy nhà nước, nhằm hạn chế tới mức thấp nhất những vấn đề tiêu cực nảy sinh trong hoạt động quản lý xã hội. Đương nhiên, để đạt tới mục tiêu này, Trung Quốc cần

nỗ lực nhiều hơn nữa trong việc thực hiện đúng và đủ chức năng quản lý xã hội của nhà nước, khắc phục tình trạng nhà nước quản những việc không đáng quản, trong khi lại lơ là, bỏ qua những khâu thuộc chức trách và nhiệm vụ của nhà nước.

Giám sát xã hội là khâu còn yếu của Trung Quốc, chưa phát huy hết chức năng hiệp đồng với nhà nước trong quản lý xã hội. Biểu hiện cụ thể là vai trò giám sát của Chính hiệp chưa đủ mạnh; tự do báo chí còn hạn chế; hoạt động và tiếng nói của các tổ chức xã hội cũng như của quần chúng nhân dân chưa đồng bộ;... Đặng Tiểu Bình đã từng khẳng định: "Công cuộc hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa ở Trung Quốc cần có sự hiệp thương, thảo luận, giám sát của Chính hiệp đối với những chủ trương lớn của đất nước, đối với đời sống chính trị và những vấn đề kinh tế, xã hội, cần phát huy vai trò giám sát việc thực thi hiến pháp và pháp luật của Chính hiệp"¹. Mặc dù, giám sát của Chính hiệp chỉ là giám sát dân chủ, không mang tính cưỡng chế và ràng buộc về luật pháp, nhưng lại có ảnh hưởng chính trị, xã hội rất rộng lớn. Tiếng nói của Chính hiệp là bộ phận quan trọng của giám sát xã hội đối với hoạt động của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, toà án, viện kiểm sát nhân dân. Trong giai đoạn tới đây, Trung Quốc sẽ từng bước thực hiện đầy đủ hơn quyền dân chủ của Chính hiệp trong chức năng giám sát.

1. Chu Huấn, "*Chính hiệp nhân dân Trung Quốc*", Quyển thượng, Nxb. Văn Sử Trung Quốc, 1999, tr. 81.

Điều đó cũng đồng nghĩa với việc Trung Quốc trao quyền giám sát nhiều hơn cho các tổ chức chính trị xã hội, tăng cường vai trò và sức mạnh của các tổ chức này trong hệ thống quản lý đất nước và quản lý xã hội.

Bên cạnh Chính hiệp là vai trò giám sát của báo chí và quần chúng nhân dân. Có thể nói, trong xã hội hiện đại, đây là bộ phận cực kỳ quan trọng, góp phần làm trong sạch môi trường kinh tế - xã hội của mọi quốc gia. Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc khoá XVII đã nhấn mạnh: "Phải thực hiện Điều lệ giám sát nội bộ Đảng, tăng cường giám sát dân chủ, phát huy tốt vai trò giám sát của dư luận, nâng cao sức mạnh tổng hợp và hiệu quả thực sự trong công tác giám sát"¹.

Trung Quốc tiếp tục tạo môi trường pháp lý cho báo chí thực hiện triệt để chức năng giám sát xã hội, phản ánh đúng thực trạng đời sống xã hội và nguyện vọng thiết yếu của người dân, góp phần nâng cao năng lực quản lý xã hội của bộ máy nhà nước. Về phương diện giám sát, báo chí có hai chức năng quan trọng. Một là, chức năng phê bình, giúp xã hội có thể phân biệt rõ đúng sai, hay dở, tạo đồng thuận đúng hướng, lên án kẻ xấu, đồng thời cung cấp những thông tin và chứng cứ cần thiết cho công tác phát giác, điều tra,

1. Hồ Cẩm Đào: Giương cao ngọn cờ vĩ đại của chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, phấn đấu giành thắng lợi mới trong công cuộc xây dựng xã hội khá giả toàn diện (Tài liệu hướng dẫn học tập Báo cáo Đại hội XVII), 2007, tr. 32.

xét xử các hoạt động phạm tội. *Hai là*, chức năng răn đe đối với các hoạt động phạm tội và các hành vi tiêu cực trong xã hội. Bên cạnh đó, bằng nhiều biện pháp, Trung Quốc sẽ từng bước khắc phục những vấn đề bất cập trong hoạt động báo chí, với mục tiêu nâng cao hơn nữa vai trò giám sát của công cụ bảo vệ xã hội lợi hại này. Muốn vậy, Trung Quốc chủ trương cải cách, đổi mới hơn nữa cơ chế quản lý hoạt động báo chí; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, đạo đức cho đội ngũ báo chí; mở rộng quyền tự do báo chí, khắc phục tình trạng xâm phạm quyền hạn của người làm công tác báo chí; tạo môi trường pháp lý đầy đủ và điều kiện tác nghiệp thuận lợi cho hoạt động báo chí. Tất cả đều nhằm mục tích phát huy cao độ chức năng giám sát xã hội của báo chí. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng yếu của Trung Quốc trước mục tiêu xây dựng xã hội hài hoà, lành mạnh và trật tự.

Tuy nhiên, trong giai đoạn 2011 - 2020 và có thể trong thời gian dài hơn nữa, công tác giám sát, đặc biệt là giám sát quyền lực ở Trung Quốc vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, thách thức. Nguyên nhân căn bản nằm trong tầng sâu của thể chế và cơ chế giám sát. Quyền lực vẫn tập trung cao độ trong Đảng, chi phối hầu hết hoạt động của nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Theo đó, quyền giám sát cũng chịu sức ràng buộc và chi phối quá lớn từ các cấp Đảng. Tính độc lập và mức độ dân chủ trong công tác giám sát còn hết sức hạn chế. Cơ chế kiểm tra giám sát "song trùng" - chịu sự chi phối của cả tổ chức Đảng lẫn tổ chức chính

quyền vẫn là vấn đề không dễ tháo gỡ trong một hai thập kỷ tới. Trung Quốc vẫn sẽ nỗ lực điều chỉnh mối quan hệ giữa Đảng với chính quyền và các tổ chức chính trị nhằm phát huy tốt nhất chức năng và vai trò của hệ thống giám sát quyền lực, giám sát mọi hành vi vi phạm pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý xã hội, thúc đẩy xã hội phát triển theo mục tiêu đã định từ nay đến năm 2020.

Cải cách thể chế xã hội, nhằm vào mục tiêu xây dựng xã hội khá giả toàn diện, hướng tới xã hội hài hoà là nhiệm vụ trọng tâm chiến lược của Trung Quốc giai đoạn 2011 - 2020. Với tiêu chí "dân sinh là trọng điểm", Trung Quốc đang ra sức cải thiện và nâng cao chất lượng sống của đông đảo quần chúng nhân dân. Từ nay đến năm 2015 là quãng thời gian ngắn nhưng cực kỳ quan trọng để Trung Quốc thực hiện những mục tiêu chiến lược nói trên. Bằng các chính sách và biện pháp hiệu quả cùng những thành tựu đã đạt được sau hơn 30 năm cải cách, Trung Quốc sẽ có rất nhiều thuận lợi để hoàn thành mục tiêu đã đề ra trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ XII (2010 - 2015). Một số ý kiến cho rằng, có thể Trung Quốc sẽ hoàn thành sớm hơn mục tiêu xây dựng xã hội khá giả toàn diện. Điều cần nói ở đây là: "xã hội khá giả toàn diện" mà Trung Quốc xây dựng là xã hội được hiểu theo nghĩa rộng - bao gồm kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội. Nhìn một cách tổng thể, Trung Quốc có khả năng xây dựng một xã hội khá giả theo những tiêu chí đã được xác định tại Đại hội Đảng toàn quốc

khoá XVI. Nhưng xét từ góc độ hẹp thì đến năm 2020, Trung Quốc vẫn phải đối mặt với nhiều vấn đề gai góc, hiện đang tồn tại trong đời sống xã hội. Có nghĩa là, sau năm 2020, đời sống kinh tế của người dân sẽ được nâng cao một bước đáng kể, nhưng công bằng xã hội chưa thể được giải quyết căn bản. Chênh lệch giàu nghèo, bất bình đẳng cơ hội, thiếu công bằng trong phân phối nguồn lực, làm ăn phi pháp để làm giàu, tham nhũng để thăng quan tiến chức,... vẫn sẽ là bài toán khó đối với Trung Quốc trong thời gian dài tiếp theo. Hệ quả của những vấn đề trên là lợi ích của người dân bị xâm hại, đời sống dân sinh không được nâng cao như mục tiêu đã đề ra. Điều đó cũng có nghĩa là, sau năm 2020, Trung Quốc có thể hoàn thành mục tiêu xây dựng xã hội khá giả toàn diện, nhưng chưa thể đạt tới mục tiêu xã hội hài hoà. Đây chính là thách thức trên con đường phát triển xã hội của Trung Quốc, không chỉ trong giai đoạn 2011 - 2020. Đúng như lời khẳng định của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc Hồ Cẩm Đào: "Lợi ích của quần chúng không phải là việc nhỏ. Xây dựng xã hội hài hoà, trước hết phải bắt đầu từ những lợi ích thiết thực nhất, trực tiếp nhất, đáng quan tâm nhất của nhân dân; làm nhiều việc tốt, việc thiết yếu cho nhân dân. Đó là yêu cầu tất yếu để duy trì mục tiêu lấy con người làm gốc, duy trì mục tiêu phát triển vì dân, do dân và cho dân"¹.

1. Dương Văn Sơn, "*Bàn về vấn đề khoa học hoá và dân chủ hoá quyết sách*", mạng Nhân dân, 21.9.2006.

4. Tiến hành một số cải cách mới trong quản lý xã hội

Một là, tách rời giữa nhà nước và xã hội. Báo cáo Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lần đầu tiên xác định rõ việc "nhanh chóng hình thành thể chế tổ chức xã hội hiện đại tách rời giữa chính phủ và xã hội, quyền hạn trách nhiệm rõ ràng, dựa vào luật pháp để tự trị". Nhìn lại tiến trình cải cách mở cửa cho thấy, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã từng đề ra việc tách rời giữa chính quyền và doanh nghiệp (chính xí phân khai) để phân định quyền hạn giữa chính quyền với các tổ chức doanh nghiệp làm kinh tế. Đến Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc lại chính thức đề ra việc tách rời giữa chính quyền và xã hội (chính xã phân khai). Như vậy, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chủ động dựa vào tình hình thực tế từng bước điều chỉnh vai trò của chính quyền trong nền kinh tế thị trường, xác định rõ vai trò của nhà nước (Chính phủ, chính quyền), thị trường (doanh nghiệp), xã hội (tổ chức xã hội), hướng tới xây dựng mô hình Chính phủ phục vụ. Bởi Chính phủ không thể làm mọi chuyện, mà cũng không thể đủ sức làm mọi chuyện và cũng không thể làm tốt mọi chuyện. Thực tiễn hiện nay ở Trung Quốc đã xuất hiện nhiều tổ chức xã hội, như trên đã nêu, tính đến cuối năm 2010, số tổ chức xã hội các loại đăng ký ở Trung Quốc là gần 435.000 tổ chức nhưng cũng có nhiều tổ chức xã hội là do chính quyền đẻ ra, trở thành cánh tay thò ra của chính quyền, nhiều hoạt động đều do chính quyền chỉ đạo, không thực sự là tổ chức xã hội đứng ngoài chính quyền theo đúng nghĩa của nó. Đại hội XVIII Đảng Cộng sản

Trung Quốc lần này đề ra chủ trương phân tách giữa chính quyền và xã hội, điều này cho phép chúng ta có thể dự đoán rằng trong những năm tới đây các loại hình tổ chức xã hội hoạt động trong nhiều lĩnh vực sẽ tiếp tục nhanh chóng phát triển ở Trung Quốc, thực sự đứng ngoài chính phủ, hoạt động độc lập. Đến khi trình độ phát triển kinh tế - xã hội của Trung Quốc đạt mức độ nhất định, thì cụm từ "xã hội công dân" có lẽ cũng sẽ được chính thức đưa vào Báo cáo Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nếu kịch bản này xảy ra, thì mối quan hệ giữa nhà nước, thị trường và xã hội ở Trung Quốc sẽ trở nên rõ ràng, đó là "nhà nước pháp trị, kinh tế thị trường, xã hội công dân" và có đặc trưng của xã hội hiện đại phổ biến trên thế giới.

Hai là, hình thành cơ chế quản lý xã hội mới. Báo cáo Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lần đầu tiên nêu ra việc "nhanh chóng hình thành cơ chế quản lý xã hội kết hợp giữa trị từ gốc với quản lý động thái, xử lý khẩn cấp". Thực chất trong những năm vừa qua, do sự bất cập về thể chế và chính sách quản lý xã hội, nhiều vấn đề mâu thuẫn phát sinh ở Trung Quốc chưa thực sự được giải quyết một cách triệt để, nên chỉ xử lý được phần ngọn. Ví dụ như sự kiện Ô Khảm ở Quảng Đông cuối năm 2011, nhìn bề ngoài chúng ta có thể thấy được đó chỉ là hành vi hủ bại của một số quan chức chính quyền địa phương, thế nhưng xét ở góc độ tầng sâu của vấn đề, không chỉ đơn giản là chuyện hủ bại của quan chức chính quyền địa phương, mà là có cả những vấn đề về chính sách đất đai của nhà nước. Như vậy,

nếu chỉ đơn giản cách chức một số quan chức địa phương thì cũng mới chỉ giải quyết được phần ngọn, còn cái gốc của vấn đề chưa thể giải quyết được một cách triệt để. Nếu không có những cải cách triệt để theo cách "phẫu thuật vết thương", mà chỉ "dán vết thương" thì mâu thuẫn xã hội vẫn tiếp tục diễn ra, quan chức Trung Quốc ở địa phương vẫn tiếp tục trở thành vật hy sinh¹. Điều đáng nói hơn là, sự kiện Ô Khảm chỉ là một ví dụ, trong xã hội Trung Quốc hiện nay đang âm ỉ rất nhiều những mâu thuẫn, bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra, ngoài ra còn có các vấn đề đột xuất như thiên tai, dịch bệnh, v.v... Chính vì vậy, cần có cơ chế quản lý xã hội phù hợp với tình hình thực tế đang diễn ra tại Trung Quốc.

Ba là, từng bước cải cách chế độ hộ tịch. Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lần đầu tiên đưa cụm từ "nhanh chóng cải cách chế độ hộ tịch" vào Báo cáo Đại hội. Đó là "Nhanh chóng cải cách chế độ hộ tịch, thúc đẩy thị dân hóa dân số chuyển dịch nông nghiệp, nỗ lực thực hiện bao phủ toàn bộ dân số thường trú được hưởng dịch vụ công cơ bản của thành thị". Nhìn lại lịch sử phát triển ở Trung Quốc, chế độ hộ tịch đã phân tách xã hội Trung Quốc thành hai bộ phận là thành thị và nông thôn. Cùng với chế độ hộ tịch là sự phân biệt đối xử về chính sách của nhà

1. Trịnh Vĩnh Niên, "*Tương lai quản lý xã hội Trung Quốc*", http://www.zaobao.com/special/forum/pages8/forum_zp120103a.shtml.

nước đối với người dân có hộ tịch thành thị và người dân có hộ tịch ở nông thôn. Thực tiễn ở Trung Quốc hiện nay, cùng với tiến trình thị trường hóa, đô thị hóa, nhiều người ở nông thôn vào thành phố làm thuê, nhưng họ vẫn chưa được chính thức coi là người dân thành thị vì hộ tịch của họ vẫn ở nông thôn, nên không được hưởng các chính sách ưu đãi như người dân ở thành phố. Điều này đã gây ra nhiều tranh luận ở Trung Quốc về việc phải làm thế nào để bảo vệ quyền lợi cho người lao động nhất là để họ được hưởng các dịch vụ công ngang bằng với người dân thành thị về giáo dục, việc làm, y tế như chủ trương của Đảng Cộng sản Trung Quốc đưa ra. Đây là vấn đề không đơn giản. Báo cáo Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc lần này đã đề cập đến vấn đề cải cách chế độ hộ tịch, thể hiện quyết tâm về mặt đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong việc giải quyết dân sinh hướng tới công bằng. Điều này mang lại hy vọng cho những người nông dân vào thành phố làm thuê. Tuy nhiên, để làm được việc này trong thời gian ngắn tới đây cũng không phải là đơn giản, bởi nó còn liên quan đến khả năng cung cấp dịch vụ công ở thành phố và chính những người có hộ tịch ở nông thôn có mong muốn chuyển đổi hộ tịch hay không, khi quyền lợi của họ về ruộng đất ở nông thôn vẫn còn.

Tóm lại, dù còn không ít khó khăn và hạn chế, song Trung Quốc có thể sẽ đạt được những mục tiêu cơ bản đã được Đảng và Chính phủ nước này đề ra trong giai đoạn từ nay đến năm 2020. Đời sống đông đảo người dân Trung Quốc

sẽ được cải thiện và nâng cao đáng kể; tiến bộ và văn minh xã hội được thể hiện rõ nét; trật tự an toàn xã hội được đảm bảo hơn; kỷ cương, nề nếp xã hội sẽ có nhiều chuyển biến tích cực... Đó là những yếu tố cực kỳ quan trọng, đặt cơ sở vững chắc cho những bước đi tiếp theo trong công cuộc xây dựng và phát triển xã hội của Trung Quốc. Từ đó góp phần không nhỏ vào tiến trình trỗi dậy của nước này.

CHƯƠNG III

DỰ BÁO MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM TỚI ĐÂY

Xuất phát từ kinh nghiệm phát triển xã hội Trung Quốc, những vấn đề đang diễn ra ở Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay và xu thế trong 10 năm tới, trên cơ sở tìm hiểu về sự phát triển xã hội Việt Nam, chúng tôi đưa ra một số dự báo về xu thế và những vấn đề đặt ra đối với phát triển xã hội của Việt Nam trong những năm tới đây.

I. XU THẾ THAY ĐỔI KẾT CẤU XÃ HỘI CỦA VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM TỚI ĐÂY

Giống như công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc, sự nghiệp đổi mới hơn 25 năm qua đã giúp Việt Nam đạt được nhiều thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội. Chính trị - xã hội ổn định, kinh tế tăng trưởng nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, thể chế kinh tế thị trường tiếp tục được hoàn thiện. Cùng với tác động của các chính sách kinh tế và chính sách xã hội theo đường lối đổi

mới đã làm cho các *phân hệ cơ cấu xã hội cơ bản của nước ta có những chuyển biến rõ rệt theo chiều hướng tiến bộ*, từ cơ cấu dân số, cơ cấu gia đình đến cơ cấu việc làm, cơ cấu phân phối thu nhập, cơ cấu phân tầng xã hội, cơ cấu thành thị - nông thôn... Tuy nhiên, theo nghiên cứu của các nhà khoa học, cũng giống như Trung Quốc, cho đến nay, *cơ cấu xã hội của Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được những chuẩn mực của một cơ cấu xã hội hiện đại*. Trong quá trình hình thành và phát triển, cơ cấu xã hội của nước ta còn ít nhiều chịu ảnh hưởng của những yếu tố mang tính cố hữu của nền kinh tế tiểu nông, tâm lý của người sản xuất nhỏ, sự phân tầng xã hội không hợp thức (là sự phân tầng xã hội không dựa trên sự khác biệt tự nhiên giữa các cá nhân, cũng không chủ yếu được tạo ra do sự khác nhau về tài đức và sự cống hiến của mỗi người cho xã hội, mà là sự phân tầng dựa vào hành vi trái pháp luật, tham nhũng, lừa gạt... để trở nên giàu có, có vị trí cao...), cơ cấu lao động xã hội chưa hợp lý, nguồn lực con người chưa hội tụ đủ các tố chất cần thiết cho sự phát triển và hội nhập¹.

Qua nghiên cứu về sự thay đổi cơ cấu xã hội Trung Quốc trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI đã trình bày ở chương I và II và tìm hiểu về cơ cấu xã hội Việt Nam hiện nay, chúng tôi đưa ra một số dự báo và cảnh báo cho sự

1. Phạm Ngọc Quang, Đinh Quang Ty, "Góp phần nhận diện cơ cấu xã hội Việt Nam qua 20 năm đổi mới", http://www.vientriethoc.com.vn/?cat=48&id=601&pcat=&vientriet=articles_deltails.

phát triển xã hội của Việt Nam khi bước sang thập niên thứ hai của thế kỷ XXI.

1. Về cơ cấu dân số, cơ cấu gia đình

1.1. Về cơ cấu dân số

Theo kết quả phân tích Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 cho thấy, *cơ cấu dân số Việt Nam đến năm 2009 đã, đang ở cuối thời kỳ quá độ dân số* với đặc trưng từ một nước có mức độ sinh và mức độ chết cao chuyển sang mức độ sinh và mức độ chết thấp. Tỷ trọng trẻ em từ 0 - 14 tuổi giảm đáng kể theo thời gian (từ 39% năm 1989, 33% năm 1999 và chỉ còn 25% năm 2009). Trong vòng 10 năm từ 1999 đến 2009, số lượng trẻ em từ 0 - 14 tuổi giảm hơn 4 triệu người, từ 25,3 triệu người năm 1999 xuống 21,0 triệu người năm 2009. Trong khi đó, tỷ trọng dân số trong độ tuổi có khả năng lao động lại tăng rất nhanh, từ 61,1% năm 1999 lên 69,1% năm 2009. Cũng trong 10 năm qua, số người trong độ tuổi từ 15 - 64 đã tăng lên 12,6 triệu người, từ 46,7 triệu người năm 1999 lên 59,3 triệu người năm 2009. Tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên tuy cũng tăng lên nhưng không đáng kể (từ 4,8% năm 1979 lên 6,4% năm 2009). Do tỷ trọng trẻ em giảm mạnh, tỷ số phụ thuộc trẻ cũng giảm đi rất nhanh, từ 80,8% năm 1979 xuống 69,8% năm 1989, 54,2% năm 1999 và chỉ còn 35,4% năm 2009 (xem thêm bảng 3.1). Như vậy trong ba thập kỷ qua tỷ lệ phụ thuộc trẻ em đã

giảm đi hơn hai lần¹. Theo đánh giá của Quỹ Dân số Liên hợp quốc, *Việt Nam đang chạm tay vào cơ hội cơ cấu dân số vàng*² - điều chỉ xảy ra một lần trong lịch sử nhân khẩu học của mỗi quốc gia - dự kiến sẽ kéo dài đến năm 2040, là thời kỳ chứa đựng nhiều cơ hội cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, nếu tận dụng tốt sẽ là yếu tố quan trọng để hoàn thành mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Tổng tỷ suất phụ thuộc của Việt Nam giảm mạnh từ năm 1979. Nếu tính độ tuổi không phụ thuộc là 15 - 64 thì tổng tỷ số phụ thuộc của Việt Nam đạt mức "cơ cấu dân số vàng" (50%) từ khoảng cuối năm 2007, và năm 2009 là 44%. Tổng tỷ số phụ thuộc của Việt Nam giảm chủ yếu là do mức sinh giảm, trong khi mức độ chết giảm đã làm cho tỷ số phụ thuộc già tăng lên, tuy không nhiều.

1. Trang web Tổng cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình, "*Cấu trúc tuổi - giới tính và tình trạng hôn nhân của dân số Việt Nam*", <http://www.gopfp.gov.vn>.

2. Một nước được coi là có cơ hội dân số vàng khi tỷ số phụ thuộc dân số của nước đó nhỏ hơn 50, tức là cứ một người ngoài độ tuổi lao động sẽ được hỗ trợ bởi hơn hai người trong độ tuổi lao động. Tổng cục Thống kê định nghĩa cơ hội dân số vàng xảy ra khi tỷ lệ trẻ em (từ 0-14 tuổi) thấp hơn 30% và tỷ lệ người cao tuổi (65 tuổi trở lên) thấp hơn 15%. Năm 2010, trên 60% người Việt Nam ở độ tuổi lao động (15 - 64 tuổi), <http://tuoitre.vn/Tuoi-tre-cuoi-tuan/Tuoi-tre-cuoi-tuan/443919/Viet-Nam-co-bo-lo-co-hoi-%E2%80%9Cdan-so-vang%E2%80%9D.html>.

TS. HOÀNG THẾ ANH (*Chủ biên*)

Bảng 3.1: Tỷ trọng dân số theo nhóm tuổi, tỷ số phụ thuộc và chỉ số già hóa các năm 1979, 1989, 1999 và 2009 ở Việt Nam

	1979	1989	1999	2009
<i>Tỷ trọng dân số</i>				
0-14 tuổi	42,6	39,2	33,1	24,5
15-64 tuổi	52,7	56,1	61,1	69,1
65 tuổi trở lên	4,8	4,7	5,8	6,4
<i>Tỷ số phụ thuộc và chỉ số già hóa</i>				
Tỷ số phụ thuộc trẻ	80,8	69,8	54,2	35,4
Tỷ số phụ thuộc già	9,1	8,4	9,4	9,3
Tổng tỷ số phụ thuộc	89,9	78,2	63,6	44,7
Chỉ số già hóa (trên 65 tuổi)	11,3	12,0	17,5	26,1
Chỉ số già hóa (trên 60 tuổi)	16,6	18,2	24,3	35,5

Nguồn: Trang web Tổng Cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình, "Cấu trúc tuổi - giới tính và tình trạng hôn nhân của dân số Việt Nam, <http://www.gopfp.gov.vn>.

Dân số Việt Nam đang có xu thế già hóa, chỉ số già hóa của Việt Nam đã tăng từ 24,3% năm 1999 lên 35,5% năm 2009 và sẽ tiếp tục tăng nhanh trong tương lai. Chênh lệch về số lượng người già và trẻ em sẽ ngày càng lớn. Đến khoảng năm 2047, số người già sẽ tăng bằng khoảng 1,5 lần số trẻ em.

Qua những con số thống kê nêu trên có thể rút ra một số đặc điểm chung về thay đổi cơ cấu dân số của Việt Nam và Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ mới:

Cũng giống như Trung Quốc, cơ cấu dân số của Việt Nam hiện nay đang ở trong thời kỳ dân số vàng khi nguồn nhân lực lao động vẫn còn tương đối dồi dào với tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động cao (năm 2009 Việt Nam là 69,1%, Trung Quốc là 73%), đây sẽ tiếp tục là một nhân tố quan trọng đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế của hai nước trong thời gian 10 năm tới. Như vậy, Việt Nam cần chú ý để tận dụng thời cơ trong 10 năm tới để phát triển đất nước.

Tuy nhiên cũng cần nhận thấy rằng, dân số lớn, một mặt tạo ra nguồn nhân lực dồi dào để tăng trưởng kinh tế, nhưng mặt khác cũng gây áp lực lớn đối với hệ thống cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục và tạo việc làm. Những nơi đông dân mức độ cạnh tranh xã hội thường rất cao, người lao động có thể dễ tìm việc và cũng rất dễ mất việc.

Mặc dù già hoá chưa phải là vấn đề cấp bách ở thời điểm hiện tại, song hai nước đang đứng trước nguy cơ già hoá dân số (Trung Quốc bước vào thời kỳ già hoá dân số trước Việt Nam) khi tỷ trọng dân số trẻ em ngày càng giảm xuống (năm 2009, tỷ trọng này của Việt Nam là 24,5%, Trung Quốc là 18,5%), còn tỷ trọng dân số người già đang tăng lên (năm 2009, tỷ trọng này của Việt Nam là 6,4%, Trung Quốc là 8,5%). Theo đánh giá của một số nhà nghiên cứu Trung Quốc, xã hội nước này đã bắt đầu bước vào giai đoạn có

TS. HOÀNG THẾ ANH (*Chủ biên*)

cơ cấu dân số già, còn theo nghiên cứu của GS. Shimane Katsumi (Đại học Senshu Nhật Bản), Việt Nam sẽ bắt đầu bước vào giai đoạn xã hội già hoá từ năm 2020, và xã hội cao tuổi từ năm 2045 (xem bảng 3.2). Trung Quốc sẽ bắt đầu bước vào giai đoạn sụt giảm dân số lao động trong giai đoạn từ năm 2015 - 2020, còn Việt Nam sẽ vào khoảng từ năm 2035 - 2040.

Bảng 3.2: Dự báo cục diện thay đổi dân số một số nước ở châu Á

Giai đoạn	Thời kỳ phá vỡ tỷ lệ sinh đặc thù 2,1 người con	Giai đoạn dân số người cao tuổi trên 14%	Giai đoạn sụt giảm dân số lao động	Giai đoạn suy giảm tổng thể dân số
1960-1965	Nhật Bản			
1980-1985	Hồng Kông			
1985-1990	Hàn Quốc			
1990-1995	Trung Quốc	Nhật Bản		
2000-2005			Nhật Bản	
2005-2010	Việt Nam			Nhật Bản
2010-2015		Hồng Kông		
2015-2020		Hàn Quốc	Trung Quốc, Hồng Kông	
2020-2025			Hàn Quốc	

Xã hội Trung Quốc trong quá trình trở dậy...

2025-2030		Trung Quốc		Trung Quốc
2030-2035				
2035-2040		Việt Nam	Việt Nam	
2040-2045				Việt Nam

Nguồn: Shimane Katsumi, "Hình thành xã hội già hoá dân số ít trẻ em do "chuyển đổi dân số", Workshop quốc tế "Những vấn đề kinh tế, văn hoá, xã hội Nhật Bản hiện đại", Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á tổ chức tháng 9.2012.

Kinh nghiệm của các nước Đông Á trong đó có Trung Quốc đã cho thấy, quá trình biến đổi cơ cấu tuổi dân số đóng góp khoảng 30% cho tăng trưởng "thần kỳ" của khu vực Đông Á. Nhưng rõ ràng dân số vàng chỉ là cơ hội, nó sẽ không tự thân đem đến lợi tức cho bất kỳ quốc gia nào nếu không có những chính sách, chiến lược phù hợp để tận dụng. Thất bại trong việc tận dụng các cơ hội dân số có thể tác động tiêu cực đến triển vọng tương lai một khi tình trạng thất nghiệp lan rộng, các quan hệ xã hội bị xói mòn và các nguồn lực bị cạn kiệt bởi dân số già hoá. Vì vậy, điều tối quan trọng đó là các nhà hoạch định chính sách cần phải nắm bắt được xu hướng biến động dân số và xây dựng các chính sách phù hợp với từng giai đoạn phát triển nhằm tận dụng những tác động tích cực của những biến động dân số đến tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, để hoàn thành công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nói một cách cụ thể, mặc dù kỷ nguyên cơ cấu dân số vàng đã, đang

và sẽ đến với Việt Nam, theo số liệu của Quỹ Dân số Liên hợp quốc, năm 2010, trên 60% người Việt Nam ở độ tuổi lao động. Tuy nhiên, cũng giống như Trung Quốc thách thức lớn của Việt Nam hiện nay là chất lượng lực lượng lao động trẻ vẫn còn thấp, còn nhiều lao động đang làm việc trong các ngành nghề không đòi hỏi trình độ chuyên môn hoặc chuyên môn thấp. Vì thế nếu không có hướng đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo dạy nghề đặc biệt là ở khu vực nông thôn, thì chúng ta sẽ lãng phí nguồn lực hiện có, thậm chí có thể nhận lấy nhiều gánh nặng kinh tế và xã hội khi nhóm dân số này có sức khoẻ yếu, kỹ năng thấp, thất nghiệp hoặc chỉ có việc làm thu nhập ít. Nói cách khác, dù có lực lượng lao động trẻ quy mô lớn nhưng không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, không có việc làm ổn định thì cơ hội dân số vàng vẫn chỉ là cơ hội trên giấy.

Ngoài ra, trước xu hướng già hoá dân số, với những áp lực mà nó tạo ra cho hệ thống an sinh xã hội cũng như sự phát triển xã hội đã được đề cập ở các chương nêu trên của Trung Quốc, từ bài học của Trung Quốc, Việt Nam cũng cần phải tập trung phát triển hệ thống an sinh xã hội, trong đó đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng hệ thống y tế chăm sóc sức khoẻ sinh sản tốt, chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ em, các dịch vụ chăm sóc lão khoa, chăm sóc người cao tuổi cũng như một chế độ hưu trí hoàn bị để đảm bảo một tuổi già khoẻ mạnh, đầy đủ về tài chính. Hơn nữa, tuy không diễn ra gay gắt như Trung Quốc, song tình trạng mất cân bằng giới tính đã xuất hiện và tiếp tục gia tăng ở Việt Nam

trong những năm gần đây, do đó, từ kinh nghiệm của Trung Quốc, chúng ta phải chú ý tới chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình, đảm bảo cân đối giới tính trong phát triển. Như vậy, từ kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy, Việt Nam cũng cần phải luôn luôn chú ý đến vấn đề cân bằng dân số để bảo đảm sự phát triển bền vững của xã hội.

Đặc biệt, trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa, trong những năm tới đây, Trung Quốc là quốc gia láng giềng đang ở vào tình trạng mất cân bằng giới tính như đã nêu ở chương II, thì vấn đề người Trung Quốc lấy vợ Việt Nam là điều không thể tránh được. Điều này, ít nhiều cũng sẽ ảnh hưởng đến vấn đề cân bằng giới tính của Việt Nam.

1.2. Về cơ cấu gia đình

Các nghiên cứu về gia đình cho thấy, mặc dù có những vấn đề cần đặc biệt quan tâm và sớm có giải pháp điều chỉnh, nhưng những biến đổi của gia đình Việt Nam hiện nay vẫn trong khung cảnh tôn vinh và làm mới các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, tiếp nhận một cách chủ động các giá trị văn hóa của gia đình hiện đại¹.

Cùng với việc thực hiện chính sách kế hoạch hoá gia đình, xu hướng biến đổi chung của hộ gia đình Việt Nam trong thời gian qua là giảm quy mô hộ, tỷ lệ phụ thuộc trong hộ giảm. *Đó là đặc điểm phổ biến của hộ gia đình ở những*

1. Nguyễn Linh Khiếu, "Gia đình Việt Nam - Biến đổi và triển vọng", <http://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2007/12/20/321434/>.

trường hợp dân số đã hoàn thành quá trình quá độ. Theo kết quả điều tra một số tỉnh, thành phố ở Việt Nam cho biết: bình quân mỗi hộ gia đình có 4,31 người. Nhóm người giàu có quy mô gia đình trung bình là 3,48 người, chỉ bằng 67% quy mô gia đình của người nghèo (5,16 người). Điều này cho thấy một đặc trưng của nhóm gia đình nghèo là đông người và nhóm gia đình giàu là ít người. Bình quân trong một gia đình có 2,2 con/1 gia đình, nhưng gia đình giàu có số con trung bình ít hơn: 1,86 con, bằng gần 70% số con của gia đình nghèo (2,67 con/1 gia đình) (xem bảng 3.3).

Bảng 3.3: Đặc điểm của gia đình Việt Nam

5 nhóm giàu nghèo	Số thế hệ	Số thành viên	Số con	Số con trai	Số con gái
Nhóm I (giàu)	1,91	3,48	1,86	0,98	0,93
Nhóm II	1,88	3,88	1,94	1,1	0,92
Nhóm III	2,08	4,31	2,15	1,07	1,09
Nhóm IV	2,18	4,73	2,35	1,14	1,24
Nhóm V (nghèo)	2,22	5,16	2,67	1,38	1,36
Chung	2,06	4,31	2,2	1,13	1,11

Nguồn: Lê Hữu Nghĩa, Lê Ngọc Hùng. "Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam", Nxb. Chính trị quốc gia, năm 2012, tr. 136.

Cơ cấu loại hình gia đình ở Việt Nam rất phong phú, nhưng gia đình hạt nhân - loại hình gia đình tiên tiến, phù hợp với xã hội hiện đại là phổ biến nhất. Quy mô của gia đình rất đa dạng, nhưng số gia đình hai thế hệ chiếm tỷ lệ cao nhất với số người trong gia đình trung bình là trên dưới 4 người. Tuổi kết hôn của cả nam và nữ đều có xu hướng tăng cao và sau khi kết hôn, vợ chồng thường có nơi ở riêng và số con của mỗi cặp vợ chồng đa số chỉ là trên dưới 2 con. Mặc dù trong gia đình người đàn ông vẫn được đề cao và cha mẹ vẫn có nhiều quyền uy với con cái nhưng nhìn chung, các mối quan hệ trong gia đình hiện nay đã mang tính chất tự do, dân chủ và bình đẳng.

Có thể nói, cơ cấu gia đình của Việt Nam cũng có những biến đổi theo xu hướng phù hợp với xã hội hiện đại và mang chức năng tích cực như cơ cấu gia đình của Trung Quốc (đã phân tích ở phần trên), nhưng so với Trung Quốc quy mô hộ gia đình của Việt Nam lớn hơn của Trung Quốc (trung bình mỗi hộ là 3,17 người). Do đặc thù riêng về quy mô dân số cũng như chính sách về dân số của Việt Nam khác so với Trung Quốc, nên số con của mỗi hộ gia đình Việt Nam cũng lớn hơn của Trung Quốc. Do vậy có thể nói, *cơ cấu gia đình của Việt Nam hiện nay cũng như trong thời gian tới sẽ chưa gặp phải một số vấn đề Trung Quốc phải đối mặt* như việc gánh nặng phụng dưỡng của thế hệ con cháu với ông bà bố mẹ (mô hình cơ cấu gia đình ở thành thị Trung Quốc là 4-2-1 (ông bà nội ngoại, bố mẹ và con cái)... Mặt khác, vào thời điểm hiện nay, người Việt Nam vẫn coi

hôn nhân là sự kiện trọng đại, thiêng liêng và gia đình là phương thức sinh sống quan trọng nhất của hầu như tất cả mọi người. Do vậy tình trạng gia đình độc thân, gia đình tổ trống ở Việt Nam chưa phổ biến như ở Trung Quốc. Mặc dù chịu tác động nhiều chiều của cơ chế thị trường và toàn cầu hóa, nhưng hiện tại, gia đình Việt Nam vẫn là một giá trị bền vững và có sức sống mạnh mẽ. Nó vẫn là nền tảng, là tế bào của xã hội. Với tư cách là đơn vị kinh tế, đơn vị tiêu dùng của xã hội, một mặt, gia đình trực tiếp tham gia thúc đẩy sự phát triển của các quá trình sản xuất, phân phối, lưu thông của đời sống kinh tế; mặt khác, là nơi nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, nương tựa của mỗi con người trong suốt cuộc đời. Gia đình cũng là nơi lưu giữ, truyền thụ, chuyển giao và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống quý báu của dân tộc từ thế hệ này sang thế hệ khác.

2. Về cơ cấu việc làm, cơ cấu phân phối thu nhập và cơ cấu tiêu dùng

2.1. Cơ cấu việc làm

Cũng giống như Trung Quốc, Việt Nam đang trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá, đô thị hoá đất nước, trong đó có mục tiêu chuyển đổi cơ cấu ngành nghề từ ngành nông nghiệp sang ngành công nghiệp, dịch vụ. Theo đó cơ cấu lao động của Việt Nam cũng đang diễn ra những thay đổi tương ứng, tỷ trọng người lao động làm việc trong các ngành nghề khu vực I (nông nghiệp) ngày càng giảm đi, tỷ trọng người

lao động làm việc trong các nhóm ngành nghề khu vực II (công nghiệp, xây dựng) và khu vực III (dịch vụ) tăng lên (xem bảng 3.4). Theo tính toán, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội nước ta đang giảm trung bình từ 1% - 1,5%/1 năm. Theo dự báo, đến năm 2020, tỷ lệ lao động nông nghiệp nước ta sẽ còn khoảng 30%¹. Có thể nói, xu hướng giảm dần số lượng, tỷ lệ lao động nông nghiệp và nông dân là hệ quả tất yếu của sự phát triển chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Xu hướng này là xu hướng tất yếu, phù hợp với quy luật chung đang diễn ra ở các nước đang phát triển, đặc biệt là xuất phát từ một nền nông nghiệp như nước ta.

Bảng 3.4: Tỷ trọng số lao động làm việc trong các nhóm ngành nghề ở Việt Nam

Đơn vị: %

	2002	2004	2006	2008	2010
Nông, lâm nghiệp, thủy sản	59,1	55,1	52,8	50,8	44,5
Công nghiệp khai thác mỏ	0,7	0,7	0,7	0,6	0,5

-
1. Lê Hữu Nghĩa, Lê Ngọc Hùng, "*Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam*", Nxb. Chính trị quốc gia, năm 2012, tr. 118.

Công nghiệp chế biến	11,5	12,9	13,1	13,5	16,8
Sản xuất, phân phối điện nước, xây dựng	4,6	5,4	5,7	6,2	7,2
Thương nghiệp	10,3	10,5	11,3	11,2	12,0
Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc	3,0	3,1	3,3	3,1	3,5
Tài chính, tín dụng	0,3	0,3	0,4	0,4	0,6
Các dịch vụ khác	3,1	3,8	4,2	4,8	5,2
Quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng	1,8	2,1	2,4	2,8	3,0
Giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục thể thao	3,6	4,0	4,2	1,3	4,7
Khác	2,1	2,1	2,1	2,1	2,1

Nguồn: Tổng Cục thống kê, "Kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2010", Nxb. Thống kê, năm 2011, tr. 134.

Tuy nhiên, so với Trung Quốc, mức độ chuyển dịch cơ cấu ngành nghề cũng như chuyển dịch cơ cấu việc làm từ khu vực I sang khu vực II, III của Việt Nam vẫn còn ở trình độ thấp hơn so với Trung Quốc (tỷ trọng nhóm ngành nghề khu vực I, II, III chiếm trong GDP năm 2007 của Việt Nam lần lượt là 20,3%:41,5%:38,2%¹ trong khi đó của Trung

1. Tổng cục Thống kê, "Niên giám thống kê năm 2009", Nxb. Thống kê, năm 2010, tr. 710, 718, 726.

Quốc là 11,7%:49,2%:39,1%). Nếu như đến những năm cuối thập niên đầu thế kỷ XXI, chỉ số cơ cấu việc làm của Trung Quốc đã đạt tiêu chuẩn của một quốc gia công nghiệp hoá (tỷ trọng lao động làm việc trong nhóm ngành nghề khu vực II và III đạt trên 60%), thì Việt Nam cho đến nay vẫn là một nước nặng nề về nông nghiệp, nông thôn. Nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế quan trọng nhất và lao động ở ngành nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng việc làm lớn nhất. Theo số liệu điều tra của Tổ chức Lao động quốc tế, năm 2007 số lao động làm việc trong ngành nông nghiệp của Việt Nam là 23,8 triệu người, chiếm khoảng 52% tổng số người có việc làm¹, đến năm 2010 là 44,5%. So với những năm trước, tỉ lệ lao động nông nghiệp đã có xu hướng giảm, tuy nhiên tính chất nông thôn và sự phụ thuộc nặng nề vào nông nghiệp phản ánh thị trường lao động Việt Nam vẫn đứng trước nguy cơ thiếu việc làm bền vững, điều này đã làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực. Mặt khác, tính chất tự cung tự cấp còn khá phổ biến ở các vùng nông thôn, nhất là những nơi hẻo lánh, tình trạng di dân diễn ra tự phát, trong khi việc quy hoạch, xây dựng các đô thị vốn có và mới, các khu công nghiệp tập trung chưa được tính toán hợp lý với sự phân bố dân cư và chuyển dịch cơ cấu lao động. Bên cạnh đó, tổ chức lao động của Việt Nam hiện nay cũng đang ở trong tình

1. "*Cơ cấu thị trường lao động Việt Nam đang thay đổi*", <http://www.baomoi.com/Co-cau-thi-truong-lao-dong-Viet-Nam-dang-thay-doi/47/3821688.epi>.

trạng tụt hậu hơn so với Trung Quốc cũng như nhiều nước châu Á. Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam năm 2007 chỉ đạt 0,725 - xếp hạng 116/182 quốc gia và vùng lãnh thổ được thống kê (chỉ số này của Trung Quốc là 0,772 - xếp hạng 92/182 quốc gia và vùng lãnh thổ)¹. Chỉ số đánh giá về trí tuệ, trình độ ngoại ngữ, khả năng thích ứng với điều kiện tiếp nhận khoa học và công nghệ của thanh niên nước ta ở thời điểm đầu năm 2005 còn rất thấp (trí tuệ: 2,3/10; ngoại ngữ 2,5/10; khả năng thích ứng với điều kiện tiếp cận khoa học và công nghệ: 2/10), chỉ số chất lượng nguồn nhân lực chỉ đạt 3,79/10 - đứng thứ 11/12 nước được xếp hạng tại châu Á.

Theo báo cáo của Tổ chức Lao động quốc tế, một thực trạng dẫn đến việc thiếu việc làm bền vững ở Việt Nam là do nhóm lao động giản đơn hiện vẫn chiếm tỷ lệ lớn nhất. Năm 2007, nhóm lao động giản đơn là 28,1 triệu người, chiếm 62% tổng số người có việc làm. Trong đó, nam giới chiếm 58% tổng số nam giới có việc làm, và nữ giới lao động giản đơn chiếm tới 66% tổng số nữ giới có việc làm. Các số liệu thu thập được trong báo cáo về xu hướng việc làm của ILO chia vị thế công việc làm thành bốn loại: lao động làm công ăn lương, tự làm có thuê lao động (chủ cơ sở sản xuất kinh doanh), lao động tự làm và lao động gia đình không được trả lương (nhóm tự làm có thuê lao động là

1. Tổng cục Thống kê, "*Niên giám thống kê năm 2009*", Nxb. Thống kê, năm 2010, tr. 802, 803.

những lao động tự làm có thuê thêm những lao động làm công ăn lương làm việc cho mình). Theo Phó cục trưởng Cục Việc làm, Giám đốc Trung tâm Quốc gia dự báo và thông tin Thị trường lao động Việt Nam Nguyễn Thị Hải Vân, những năm gần đây, vị thế công việc ở Việt Nam được cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, nhóm vị thế công việc lớn nhất trong những năm qua là lao động gia đình "không được trả lương". Năm 2007, nhóm này chiếm 42% tổng số người có việc làm. Nhóm lớn thứ hai là những lao động tự làm, chiếm 34%. 23% còn lại là những người làm công ăn lương. Theo Tổ chức Lao động quốc tế, tỷ lệ việc làm dễ bị tổn thương cao là dấu hiệu của tình trạng đói nghèo phổ biến. Vì thế, trong những năm tới, để cải thiện tình hình này, Việt Nam cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch người có việc làm dễ tổn thương sang nhóm lao động làm công ăn lương, nhằm giảm thiểu sự tổn thương và số lượng lao động nghèo.

Để giải quyết vấn đề lao động thiếu bền vững, nên chăng Việt Nam có thể tìm hiểu, tham khảo kinh nghiệm một trong những điểm sáng về giải quyết vấn đề việc làm của Trung Quốc trong thập niên đầu thế kỷ XXI đó chính là công tác chuyển dịch sức lao động nông thôn ra thành thị với nhiều chính sách và chương trình bồi dưỡng giáo dục việc làm cho số lao động chuyển dịch từ nông thôn, tiêu biểu như "Công trình ánh dương bồi dưỡng tập huấn chuyển dịch sức lao động nông thôn" đã đào tạo nghề cho hơn 3 triệu lao động giản đơn ở nông thôn ra thành thị làm việc

mỗi năm¹, từ đó đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn lao động của Trung Quốc, giúp nước này tạo ra những thành tích to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Cơ cấu phân phối thu nhập

Giống như Trung Quốc, sau hơn 25 năm chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ cấu phân phối thu nhập của Việt Nam đã có những biến đổi sâu sắc. Từ một xã hội bình quân về mức sống, "chia đều sự nghèo khổ" đến một xã hội có sự phân hoá giàu nghèo, từ một chế độ phân phối thu nhập bình quân chủ nghĩa sang chế độ phân phối nhiều hình thức phân phối cùng tồn tại lấy phân phối theo lao động, hiệu quả kinh tế làm chủ đạo, thông qua phúc lợi xã hội để tái phân phối nhằm hướng tới mục tiêu thực hiện công bằng xã hội, giảm bất bình đẳng xã hội. Song cũng giống như Trung Quốc, mặc dù đã đạt được một số thành tựu về xoá đói giảm nghèo, nâng cao mức sống người dân, nhưng cơ cấu phân phối thu nhập hiện nay của Việt Nam vẫn có mô hình kim tự tháp, với đa số nông dân có thu nhập thấp nằm dưới đáy kim tự tháp (đến năm 2009 dân số nông thôn của Việt Nam vẫn chiếm trên 70% tổng dân số), nhóm người có thu nhập cao chiếm tỉ lệ rất ít. Theo

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Trung Quốc Tôn Chính Tài, "*Năm nay Trung Quốc sẽ áp dụng 8 biện pháp thúc đẩy thu nhập nông dân tăng trưởng ổn định*", [http:// www.jinan.gov.cn/art/2008/9/1/art_163_149292.html](http://www.jinan.gov.cn/art/2008/9/1/art_163_149292.html).

số liệu thống kê của một tổ chức nghiên cứu của Mỹ, năm 2011 tầng lớp trung lưu của Việt Nam mới chỉ đạt 5,6% dân số, tỷ lệ người lao động thu nhập thấp (dưới 2 USD/ngày) chiếm đến 18,2%, cao hơn Trung Quốc tỷ lệ này là 17%¹.

Bên cạnh đó, chênh lệch phân phối thu nhập và phân hoá giàu nghèo ở Việt Nam đang có xu hướng tăng tỷ lệ thuận với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tốc độ tăng GDP năm 2001 là 6,9%, năm 2002 là 7,08%, năm 2003 là 7,34%, năm 2007 là 8,3%, nhưng thu nhập bình quân đầu người/tháng giữa các nhóm giàu và nghèo² có sự chênh lệch ngày càng tăng. Ví dụ, năm 2002 nhóm 1 là 107,7 nghìn đồng/1 tháng, nhóm 5 là 872,9 nghìn đồng/1 tháng (chênh lệch 8,1 lần). Năm 2006, thu nhập bình quân đầu người ở hai nhóm nghèo và giàu là: 184,3 nghìn đồng và 1.541,7 nghìn đồng (chênh lệch 8,4 lần); năm 2008 là 275,0 nghìn đồng và 2.458,2 nghìn đồng (chênh lệch 8,9 lần)³.

1. *"Việt Nam có nhiều dân nghèo gần nhất khu vực"*, http://www.bbc.co.uk/vietnamese/business/2012/09/120907_vn_poverty.shtml.

2. Tổng cục Thống kê phân chia các hộ gia đình thành năm nhóm thu nhập còn gọi là "năm nhóm ngũ vị phân", trong đó nhóm 1 là nhóm có thu nhập thấp nhất (nhóm nghèo nhất), nhóm 2 là nhóm có thu nhập dưới trung bình, nhóm 3 là nhóm có thu nhập trung bình, nhóm 4 là nhóm có thu nhập khá, nhóm 5 là nhóm có thu nhập cao nhất (nhóm giàu nhất).

3. Lê Hữu Nghĩa, Lê Ngọc Hùng, *"Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam"*, Nxb. Chính trị quốc gia, năm 2012, tr. 146.

Nhưng cũng cần ghi nhận một điều, so với Trung Quốc tình trạng chênh lệch phân phối thu nhập giữa thành thị và nông thôn của Việt Nam tích cực hơn. Trong 10 năm đầu thế kỷ XXI, thu nhập bình quân nhân khẩu mỗi tháng ở cả khu vực thành thị và nông thôn Việt Nam đều tăng, khoảng cách thu nhập giữa hai khu vực này có xu hướng giảm nhẹ mỗi năm, giữ ở mức là 2 lần¹, do đó tình trạng phân hoá giàu nghèo, chênh lệch phát triển giữa thành thị và nông thôn Việt Nam không gay gắt như Trung Quốc.

Ngoài ra, căn cứ theo hệ số Gini (hệ số đo lường bất bình đẳng xã hội, thể hiện mức độ chênh lệch thu nhập trong các nhóm dân cư) của Việt Nam năm 2008 là 0,434², cho thấy mức độ bất bình đẳng xã hội của Việt Nam chưa phải là cao (trong khi đó hệ số này của Trung Quốc đến năm 2000 đã vượt mức báo động đỏ của thế giới là 0,458, đến năm 2007 là 0,475). Nói cách khác, Việt Nam vẫn là một nước có mức độ tương đối bình đẳng so với Trung Quốc. Tuy nhiên vấn đề đang đặt ra là hệ số Gini của Việt Nam đã tăng lên trong những năm qua, phản ánh tình trạng bất bình đẳng xã hội đang có xu thế tăng lên.

-
1. Lê Hữu Nghĩa, Lê Ngọc Hùng, *Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, năm 2012, tr.14.
 2. Lê Hữu Nghĩa, Lê Ngọc Hùng, "*Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam*", Nxb. Chính trị quốc gia, năm 2012, tr. 207.

Ngoài ra, tính theo tiêu chuẩn (40%) của Ngân hàng Thế giới đưa ra nhằm đánh giá phân bố thu nhập của dân cư thì ở Việt Nam đang có xu hướng gia tăng sự bất bình đẳng. Tiêu chuẩn này xét tỷ trọng thu nhập của 40% số dân có thu nhập thấp nhất trong tổng thu nhập của toàn bộ dân cư. Tỷ trọng này nhỏ hơn 12% là có sự bất bình đẳng cao về thu nhập, nằm trong khoảng 12 - 17% là có sự bất bình đẳng, vừa và lớn hơn 17 là có sự tương đối bình đẳng. Tỷ trọng này ở nước ta tính theo số hộ năm 1994 là 20%, năm 1996 là 20,97%, năm 1999 là 18,7%, năm 2002 là 17,98%, năm 2004 là 17,4%, năm 2008 là 16,4% và năm 2010 là 15%¹. Theo tiêu chuẩn này thì Việt Nam có phân bố thu nhập trong dân cư ở mức tương đối bình đẳng nhưng đang có xu hướng tăng lên mức bất bình đẳng vừa. Như vậy, hiện tại sự chênh lệch về thu nhập đang diễn ra khá phổ biến ở nước ta, nhưng còn ở mức độ cho phép, chưa trở thành mâu thuẫn về lợi ích một cách gay gắt.

Song, để tránh xảy ra những ảnh hưởng tiêu cực từ tình trạng phân hoá giàu nghèo gây ra cho sự phát triển kinh tế, ổn định xã hội như ở Trung Quốc, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh công tác xoá đói giảm nghèo, đồng thời nỗ lực thực hiện công bằng xã hội, giảm bất bình đẳng xã hội, nhằm giữ khoảng cách giàu nghèo trong giới hạn tối ưu, không để trở thành vấn đề xã hội bức xúc.

1. Lê Văn Toàn, *"Phân tầng xã hội ở Việt Nam trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế"*, Nxb. Chính trị quốc gia, năm 2012, tr. 134.

2.3. *Cơ cấu tiêu dùng*

Trong những năm gần đây, đời sống của các tầng lớp dân cư nước ta đều được cải thiện đáng kể. Mức chi tiêu của các hộ gia đình có xu hướng tăng lên ở tất cả các khu vực thành thị và nông thôn. Khoảng cách về chi tiêu giữa hai khu vực thành thị và nông thôn có xu hướng giảm dần trong những năm gần đây¹.

Tuy nhiên, so sánh với Trung Quốc, do tổng lượng, trình độ phát triển kinh tế cũng như mức sống của nước ta còn thấp hơn so với Trung Quốc, nên trong thập niên đầu thế kỷ XXI, khi cơ cấu tiêu dùng của Trung Quốc đã thực hiện bước chuyển biến sang mô hình cơ cấu tiêu dùng khá giả, giàu có, thì *cơ cấu tiêu dùng của Việt Nam cho thấy nước ta vẫn là một nước nghèo, tỷ trọng chi ăn uống trong chi tiêu đời sống vẫn còn cao*. So sánh hệ số Engel (phản ánh tỷ trọng chi cho thực phẩm tiêu dùng trong tổng chi tiêu gia đình) của Việt Nam với Trung Quốc, hệ số Engel của Việt Nam năm 2002 là 51,9%, đến năm 2010 vẫn còn ở mức 49,7%. Còn phân theo thành thị và nông thôn, hệ số Engel của gia đình cư dân thành thị của Việt Nam năm 2002 là 47,8% đến năm 2010 giảm xuống còn 46,1%, hệ số Engel của gia đình cư dân nông thôn năm 2002 là 54,6%, đến năm 2010

1. Lê Hữu Nghĩa, Lê Ngọc Hùng, "*Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam*", Nxb. Chính trị quốc gia, năm 2012, tr. 165.

giảm còn 52,6%¹. Như vậy, hệ số Engel của cư dân thành thị và nông thôn Việt Nam còn một khoảng cách khá xa so với Trung Quốc (hệ số Engel của gia đình cư dân thành thị ở Trung Quốc giảm từ 37,9% năm 2001 xuống còn 35,7% năm 2010, đạt mức độ giàu có, hệ số Engel gia đình cư dân nông thôn giảm từ 47,8% năm 2001 xuống còn 41,1% năm 2010², tiệm cận mức độ khá giả).

3. Về cơ cấu phân tầng xã hội

Cơ cấu phân tầng xã hội của nước ta có nhiều điểm tương đồng với Trung Quốc. Thời kỳ trước đổi mới, ở nước ta tồn tại nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp, dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và tập thể với hai thành phần kinh tế chủ yếu là kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể. Kinh tế cá thể rất không đáng kể và được coi là đối tượng cần cải tạo xã hội chủ nghĩa. Trên nền tảng kinh tế đó, hình thành cơ cấu xã hội giản đơn - "hai giai cấp, một tầng lớp" (giai cấp công nhân và giai cấp nông dân; tầng lớp trí thức). Bước vào thời kỳ đổi mới, chúng ta đã và đang chuyển dần nền kinh tế đó sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế này ở nước ta được dựa trên 3 chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), từ đó, xuất hiện 3 hình thức sở

1. Tổng cục Thống kê, "Kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2010", Nxb. Thống kê, năm 2011, tr. 280.

2. Số liệu trích từ trang web của Cục Thống kê nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, <http://www.stats.gov.cn/tjgb/ndtjgb/qgndtjgb>.

hữu tương ứng là sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân. Các hình thức sở hữu đó được vận hành trong một nền kinh tế có 6 thành phần: kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Sự biến đổi của cơ cấu kinh tế tất yếu dẫn tới sự biến đổi của cơ cấu giai tầng xã hội.

Cơ cấu giai tầng xã hội ở nước ta hiện nay là một cơ cấu xã hội đa dạng, phức tạp, nhiều giai tầng mới xuất hiện như doanh nhân và các nhóm xã hội khác. Theo phân tích kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2008, căn cứ theo địa vị kinh tế - xã hội và tiêu chí nghề nghiệp¹ để phân chia các giai tầng, có thể phân chia xã hội nước ta thành 9 giai tầng xã hội bao gồm: (1) lãnh đạo, quản lý (1,9%); (2) doanh nhân (0,6%); chuyên môn cao (2,2%); (4) nhân viên (3,3%); (5) công nhân và lao động có kỹ thuật (2,5%); (6) buôn bán, dịch vụ (12%); (7) tiểu thủ công nghiệp (9,8%); (8) lao động đơn giản (16%); (9) nông dân (47,3%)². Chín giai tầng này có thể được nhóm gộp lại thành ba tầng lớp xã hội là *tầng lớp cao* (tầng đỉnh của tháp phân tầng), gồm giai tầng 1, 2, 3;

-
1. Đây cũng là tiêu chuẩn đo lường phổ biến trên thế giới, dựa vào địa vị kinh tế - xã hội, trong đó lấy tiêu chí về nghề nghiệp làm xuất phát điểm, sẽ là tiêu chí cơ bản và then chốt nhất để xác định các tầng lớp trong xã hội.
 2. Xem Lê Văn Toàn, "*Phân tầng xã hội ở Việt Nam trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*", Nxb. Chính trị quốc gia, năm 2012, tr. 157.

tầng lớp giữa (tầng lớp trung lưu), gồm giai tầng 4, 5, 6, 7; *tầng lớp thấp* (tầng đáy của tháp phân tầng), gồm các giai tầng thứ 8, 9. Trong đó, tầng lớp cao chiếm hữu và kiểm soát nhiều loại nguồn lực của xã hội hơn cả, còn tầng lớp thấp có ít nguồn lực nhất. Qua việc sử dụng tiêu chí nghề nghiệp để phân tầng xã hội, chúng ta có thể thấy mô hình phân tầng xã hội của nước ta hiện nay vẫn theo dạng hình "kim tự tháp" với đa số nông dân có mức sống thấp nhất nằm ở dưới đáy kim tự tháp, nó đã phản ánh đúng thực tế xã hội nước ta đang trong giai đoạn chuyển biến từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp theo hướng hiện đại. Nếu xem xét các thành phần của cơ cấu phân tầng xã hội thì Việt Nam hiện nay vẫn chưa trở thành một nước công nghiệp hiện đại, vì khi đã trở thành một nước công nghiệp hiện đại, các giai tầng đặc trưng cho xã hội hiện đại (doanh nhân, lãnh đạo, quản lý, chuyên môn cao...) phải chiếm tỷ lệ đông đảo trong cơ cấu phân tầng xã hội, còn các giai tầng của xã hội truyền thống, đặc biệt là nông dân, chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ. Điều đáng lưu ý là, cho đến nay, hầu hết nông dân nước ta chưa có đủ kiến thức, kinh nghiệm, tiền vốn và các điều kiện cần thiết khác để làm chủ các thành tựu khoa học - kỹ thuật và thích ứng linh hoạt với sự biến động thường xuyên của thị trường. Theo dự báo, *trong khoảng 10 năm tới (2011 - 2020) mô hình phân tầng xã hội ở Việt Nam có lẽ vẫn là hình dạng "kim tự tháp" với đa số nông dân ở dưới đáy.*

Như vậy, mặc dù vẫn còn tồn tại không ít vấn đề phức tạp, nhưng dưới tác động của đường lối đổi mới và mở cửa,

cơ cấu phân tầng xã hội nước ta đã có sự tiến triển rõ nét. Sự cơ động xã hội diễn ra mạnh mẽ giữa các giai cấp, tầng lớp xã hội, cũng như sự di chuyển từ giai cấp, tầng lớp này sang giai cấp, tầng lớp khác đang diễn ra nhanh chóng. Giai cấp nông dân dần thu hẹp và tăng số lượng công nhân, trí thức, doanh nhân. Các giai tầng xã hội đang định hình và vận động, phát triển theo hướng tiến tới những chuẩn mực hiện đại cùng với quá trình phát triển của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế sâu rộng hơn của nước ta.

Thông qua phân tích, đối chiếu cơ cấu phân tầng xã hội của Việt Nam¹ với Trung Quốc², có thể rút ra kết luận rằng, phân tầng xã hội, kéo theo đó là phân hoá giàu nghèo đã trở thành một hiện tượng khách quan trọng xã hội Trung Quốc và Việt Nam. Đây là kết quả tất yếu nảy sinh trong quá trình chuyển đổi thể chế kinh tế từ kinh tế kế hoạch truyền thống sang kinh tế thị trường ở Trung Quốc và Việt Nam. Mặc dù còn có những ý kiến khác nhau - cả ở Trung Quốc và Việt Nam, nhưng có một điểm chung là phân tầng xã hội và phân hoá giàu nghèo ở một mức độ hợp lý mà các thành viên trong xã hội có thể chấp nhận được, cùng với việc ra

-
1. Xem Lê Văn Toàn, "*Phân tầng xã hội ở Việt Nam trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*", Nxb. Chính trị quốc gia, năm 2012, tr. 157.
 2. Xem Lục Học Nghệ, "*Cơ cấu xã hội Trung Quốc đương đại*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, năm 2010, tr. 394.

đời và phát triển một tầng lớp trung lưu đông đảo, sẽ là động lực cho sự phát triển kinh tế và duy trì sự ổn định xã hội. Tuy nhiên, một thực tế đáng chú ý - thậm chí đáng báo động ở Trung Quốc hiện nay là, tình trạng phân hoá giàu nghèo đã đến giới hạn được gọi là "vạch đỏ" (hồng tuyến), nếu vượt quá "vạch đỏ" này sẽ dẫn đến mất ổn định xã hội. Tình trạng phân tầng xã hội, phân hoá giàu nghèo ở Việt Nam tuy đã và đang diễn ra, nhưng chưa tới mức độ báo động như Trung Quốc. Song tham khảo những kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc điều chỉnh phân tầng xã hội cũng như phân hoá giàu nghèo là rất cần thiết cho Việt Nam.

Trong thời gian qua và những năm tới đây để giải quyết vấn đề nêu trên Chính phủ Trung Quốc đã thực hiện nhiều chính sách để khắc phục, theo chúng tôi, Việt Nam có thể tham khảo một số chính sách của Trung Quốc về phân phối thu nhập, mở rộng tỷ trọng người có thu nhập trung bình, tăng thu nhập cho người lao động trong ngành nông nghiệp, chuyển dịch sức lao động nông thôn v.v...

Tóm lại, trong thời kỳ chuyển đổi, việc xuất hiện những giai tầng xã hội mới là khách quan. Giữa các giai tầng trong xã hội có sự cọ xát và mâu thuẫn, tuy nhiên đó không nhất định là đối kháng "anh sống tôi chết", nếu xử lý thoả đáng thì sẽ không dẫn đến mất ổn định xã hội. Các xung đột hoặc mâu thuẫn giữa các giai tầng có thể thông qua hiệp thương, dựa vào pháp luật để hoá giải. Những kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc nhận thức và xử lý vấn đề giai cấp

giai tầng, giải quyết chênh lệch giàu nghèo sẽ là những bài học cho các nước đang trong quá trình chuyển đổi như Việt Nam có thể tham khảo.

4. Về cơ cấu thành thị - nông thôn

Xét một cách tổng thể về sự phân bố dân cư có thể thấy rõ cơ cấu xã hội ở nước ta hiện nay vẫn là cơ cấu xã hội nông thôn - thành thị với đặc trưng là hơn 70% dân số sống ở nông thôn và chỉ có gần 30% dân số sống ở thành thị¹ (số liệu năm 2009). Tuy nhiên, kể từ khi tiến hành đổi mới đến nay, trong mối quan hệ với nông thôn, thành thị có xu hướng phát triển trước với tốc độ nhanh hơn, mạnh hơn và do vậy đã thúc đẩy và lôi kéo nông thôn phát triển theo. Về điểm này, có thể thấy rằng có sự tương đồng với cơ cấu thành thị - nông thôn cũng đang trong quá trình chuyển đổi từ một xã hội nông thôn truyền thống sang xã hội thành thị với cục diện "lấy công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp, lấy thành thị chi viện nông thôn" của Trung Quốc.

Xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội từ xã hội nông thôn - thành thị sang cơ cấu xã hội thành thị - nông thôn có thể được nhận thấy qua tốc độ đô thị hoá của nước ta. Theo báo cáo của Tổ chức Ngân hàng Thế giới (World Bank), đô thị hóa là động lực phát triển kinh tế - xã hội ở phần lớn các

1. Tổng cục Thống kê, "*Niên giám thống kê năm 2009*", Nxb. Thống kê, năm 2010, tr. 40.

quốc gia và đa số các nước trên thế giới đều phải trải qua đô thị hóa với tỷ lệ ít nhất 50% trước khi đạt mức thu nhập trung bình. Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi đô thị hóa từ sơ khai sang giai đoạn cao hơn với tốc độ nhanh. Theo tính toán của Tổ chức Ngân hàng Thế giới, tỷ lệ đô thị hóa của Việt Nam là 30%, trong 10 năm qua tốc độ tăng trưởng dân cư đô thị là khoảng 3% (xem bảng 3.5). Dự báo khoảng 20 - 30 năm nữa¹, một nửa dân số Việt Nam sẽ sống ở thành thị. Đối chiếu với Trung Quốc có thể thấy, mặc dù đô thị hoá của Việt Nam diễn ra nhanh chóng trong thời gian gần đây, song so với Trung Quốc vẫn còn ở trình độ thấp hơn, khi mà tỷ lệ đô thị hoá hiện nay của Trung Quốc đã đạt mức 47,5%, còn năm 2011, lần đầu tiên dân số thành thị nước này đã vượt qua mức 50%.

Do Trung Quốc đi trước nước ta một bước trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nên có thể coi những vấn đề mà Trung Quốc gặp phải cũng như những giải pháp mà họ đã thực hiện sẽ là những cảnh báo, gợi ý quý báu cho Việt Nam. Trong đó tham khảo kinh nghiệm về giải quyết vấn đề việc làm cho số lao động dư thừa ở nông thôn, giảm lao động trong nông nghiệp là tương đối phù hợp điều kiện phát triển của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và những năm tới.

1. <http://www.baomoi.com/Ty-le-do-thi-hoa-o-Viet-Nam-la-30/144/8297080.epi>.

**Bảng 3.5: Tốc độ tăng dân số
và tỷ lệ dân số thành thị và nông thôn ở Việt Nam**

Đơn vị: %

Năm	Tốc độ tăng dân số ở thành thị	Tỷ lệ dân số thành thị	Tốc độ tăng dân số nông thôn	Tỷ lệ dân số nông thôn
2000	3,32	24,12	0,74	75,88
2002	2,97	24,99	0,58	75,01
2004	4,23	26,53	0,16	73,47
2006	3,2	27,66	0,38	72,34
2008	3,9	28,99	0,34	71,01
2009	3,21	29,06	0,18	70,40

Nguồn: Tổng cục Thống kê, "Niên giám thống kê 2009", Nxb. Thống kê, năm 2010, tr. 39, 40.

Quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá ở Trung Quốc đã tập trung nguồn lực tạo việc làm cho lao động nông thôn để giải quyết vấn đề thất nghiệp ở nông thôn do thu hồi đất nông nghiệp phục vụ cho công nghiệp hoá và đô thị hoá. Khi tiến hành công nghiệp hoá, đô thị hoá, bất đảm việc làm cho lao động dư thừa ở nông thôn là một trong những vấn đề bức xúc của Trung Quốc. Như trên đã trình bày, trong những năm gần đây số người lao động ở nông thôn di cư ra thành phố làm thuê không ngừng tăng lên. Trung Quốc đã, đang và sẽ rất chú trọng đến việc cải thiện điều kiện làm

việc cho người nông dân vào thành phố làm thuê, đưa ra một loạt biện pháp, chính sách và đã thu được hiệu quả nhất định. Từ sau Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc, chính sách việc làm cho người nông dân vào thành phố làm thuê đã có bước biến chuyển quan trọng. Tháng 1 năm 2003, tại Hội nghị Công tác nông thôn, Chính phủ Trung Quốc đã đề ra phương châm "*đối xử công bằng, dẫn dắt hợp lý, hoàn thiện quản lý, làm tốt công tác phục vụ*", nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân vào thành phố làm thuê. Ngoài ra, với việc Quốc hội Trung Quốc thông qua Luật thúc đẩy việc làm và Luật hợp đồng lao động, xác định chiến lược quy hoạch thống nhất việc làm ở thành thị và nông thôn, việc bảo vệ quyền lợi của người nông dân vào thành phố làm thuê trên các phương diện như hợp đồng lao động, mức lương, cải thiện môi trường lao động, chế độ bảo hiểm xã hội đã có bước tiến triển mới. Thu nhập bình quân đầu người của nông dân vào thành phố làm thuê năm 2010 là 1.670 NDT/tháng¹. Tỷ lệ nông dân công ký hợp đồng lao động tăng cao, tại các doanh nghiệp lớn đạt trên 90%, tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ là 65%². Năm 2010, số nông dân công tham gia bảo hiểm tai nạn lao động và bảo hiểm y tế lần lượt là 63 triệu người và 45,83 triệu người, tham gia bảo

1. Về tổng thể, lương sinh viên đại học cao hơn lương nông dân công, <http://www.77suncity.org/show.asp?id=129>.

2. Tỷ lệ nông dân công ký hợp đồng lao động tại các doanh nghiệp lớn của Trung Quốc đạt trên 90%, http://www.gov.cn/jrzq/2011-03/22/content_1829466.htm.

hiểm dưỡng lão cơ bản đạt 32,84 triệu người¹. Đây được đánh giá là một trong những điểm sáng của Trung Quốc trong việc giải quyết vấn đề tam nông.

Tóm lại, qua đối chiếu, phân tích các phân hệ của cơ cấu xã hội cũng như những thay đổi cơ cấu xã hội của Việt Nam với Trung Quốc, chúng ta có thể nhận thấy rằng, Việt Nam và Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng với nhau. Cả Việt Nam và Trung Quốc đều đang trong giai đoạn phát triển then chốt, cơ cấu xã hội đang diễn ra những thay đổi sâu sắc và mạnh mẽ. Một số phân hệ của cơ cấu xã hội của Trung Quốc đã diễn tiến lên một trình độ cao hơn nước ta như cơ cấu việc làm, cơ cấu tiêu dùng, cơ cấu phân tầng xã hội, nhưng với đặc thù là một nước lớn, dân số đông nhất thế giới, nên Trung Quốc cũng phải đối mặt với nhiều vấn đề phức tạp và nan giải hơn trong việc điều chỉnh cơ cấu dân số, cơ cấu gia đình, đặc biệt là tình trạng chênh lệch thu nhập, chênh lệch phát triển thành thị - nông thôn, sự phân hoá giàu nghèo, bất bình đẳng xã hội đang diễn ra gay gắt... Tuy nhiên, những thành công, thất bại, những điều Trung Quốc đã và chưa làm được trong giải quyết những vấn đề tương tự là kinh nghiệm rất đáng tham khảo cho quốc gia đi sau như Việt Nam. Nghiên cứu, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh, điều kiện của nước ta

1. Năm 2010 số người tham gia bảo hiểm dưỡng lão trong cả nước tăng thêm 21,57 triệu người, http://caofeidian.china.com.cn/finance/txt/2011-08/10/content_23181536.htm.

sẽ giúp chúng ta tiết kiệm được nhiều thời gian, nguồn lực và cả tiền bạc.

II. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN DÂN SINH Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM TỚI ĐÂY

Khi nói tới phát triển dân sinh, người ta thường đề cập tới hiệu quả của cơ chế chính sách thực hiện, đối tượng hưởng thụ chính sách và nguồn quỹ đầu tư và sử dụng để triển khai các chính sách đó. Ở đây, xuất phát từ việc so sánh thực tiễn phát triển dân sinh trên các lĩnh vực như an sinh xã hội, y tế, việc làm,... giữa Việt Nam và Trung Quốc, từ đó đưa ra những dự báo về phát triển dân sinh ở Việt Nam trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI.

1. Cơ chế chính sách an sinh xã hội

Nếu Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới đất nước thì Trung Quốc có cải cách mở cửa đưa đất nước thoát khỏi đói nghèo. Hiện nay, hai nước đều đang tiến hành công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường. Công cuộc đổi mới và cải cách mở cửa ở hai nước đã đem lại nhiều thành tựu to lớn, thu nhập và chất lượng cuộc sống của nhân dân được cải thiện, hệ thống an sinh xã hội, y tế ngày càng được coi trọng và từng bước mở rộng.

Tại Đại hội X Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), an sinh xã hội được đưa vào mục tiêu thiên niên kỷ, đó là "xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng, phát triển mạnh hệ thống

bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân"¹. Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X đã nhấn mạnh vào chiều sâu "từng bước mở rộng và cải thiện hệ thống an sinh xã hội để đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu đa dạng của mọi tầng lớp trong xã hội, nhất là của nhóm đối tượng chính sách, đối tượng nghèo"². Đường lối của Trung ương Đảng đã khẳng định vai trò và tầm quan trọng của an sinh xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay. Đó là hệ thống các chính sách và pháp luật nhằm hỗ trợ cho người dân, đặc biệt là nhóm đối tượng chính sách, đối tượng nghèo trước những rủi ro và tác động bất thường của thiên tai, của cuộc sống, là chủ trương lớn của Việt Nam trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, bởi nó đã góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống vật chất và tinh thần cho người dân, tạo môi trường chính trị, xã hội ổn định. Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam không khác nhiều so với đường lối mà Đảng Cộng sản Trung Quốc nêu ra tại Đại hội XVII (2007) về phát triển hệ thống an sinh xã hội, "Lấy bảo hiểm xã hội, cứu trợ xã hội, phúc lợi xã hội làm nền tảng, lấy dưỡng lão cơ bản, y tế cơ bản, bảo đảm mức sống tối thiểu làm trọng điểm, lấy sự nghiệp từ thiện, bảo hiểm thương nghiệp làm

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *"Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X"*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.102.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *"Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá X"*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.154.

bổ sung, nhanh chóng hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội". Tuy rằng, phương châm chỉ đạo của Trung Quốc cụ thể hơn với nhiều hạng mục, nhưng tựu trung vẫn coi bảo hiểm xã hội, y tế cơ bản làm nền tảng phát triển hệ thống an sinh xã hội, chú trọng cứu trợ xã hội đối với đối tượng yếu thế ở Trung Quốc, mà Việt Nam gọi là đối tượng chính sách, đối tượng nghèo.

Tại Đại hội XI Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), xây dựng một hệ thống an sinh xã hội ngày càng hoàn thiện và bao phủ rộng tới mọi người dân, giải quyết tốt chính sách lao động, việc làm và thu nhập được coi là một trong nhiều mục tiêu mà Việt Nam đặt ra nhằm thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong hệ thống an sinh xã hội, chú trọng hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, cứu trợ xã hội, triển khai hiệu quả chương trình xóa đói, giảm nghèo, quan tâm tới đời sống của đối tượng có công với cách mạng, quan tâm phát triển y tế dự phòng, củng cố mạng lưới y tế cơ sở...¹. Chủ trương này của Việt Nam khiến chúng ta liên tưởng tới những quan điểm xây dựng hệ thống an sinh xã hội của Đảng Cộng sản Trung Quốc nằm trong hệ thống lý luận xây dựng xã hội hài hoà tại Hội nghị Trung ương sáu khoá XVI năm 2006 và quan điểm xây dựng xã hội lấy việc cải thiện dân sinh làm trọng điểm tại

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), "*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 43, 44.

Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2007. Đó là thực hiện chiến lược mở rộng phát triển việc làm, thúc đẩy sáng tạo lôi kéo việc làm; tăng cường xây dựng hệ thống an sinh xã hội bao phủ lên cư dân thành thị và nông thôn, bảo đảm đời sống cơ bản của nhân dân; xây dựng chế độ y tế cơ bản, nâng cao sức khỏe toàn dân; xây dựng chế độ y tế cơ bản, nâng cao sức khỏe toàn dân. Những chủ trương mà Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra về xây dựng và phát triển hệ thống an sinh xã hội đã thể hiện sự tiến bộ trong nhận thức, linh hoạt trong phương thức phát triển để xây dựng hệ thống an sinh xã hội phù hợp với trào lưu chung trên thế giới và có sự tương đồng với Trung Quốc.

An sinh xã hội là một hệ thống gồm nhiều chế độ, chính sách liên kết thành một mạng lưới bảo đảm an toàn và hạn chế rủi ro cho người dân trước thiên tai, biến động của đời sống kinh tế - xã hội. Vì thế mà người ta gọi đó là "mạng lưới an toàn" hay "vũ khí giảm chấn" nhằm giảm tối đa những tác động tiêu cực khách quan đến các thành viên trong xã hội, tạo môi trường xã hội ổn định, bền vững.

Về cơ bản, hệ thống an sinh xã hội hai nước có nhiều hạng mục giống nhau, chỉ đôi chỗ khác tên gọi, hoặc nội dung chính sách được mở rộng. Chẳng hạn như đối với bảo hiểm xã hội, Việt Nam xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội với ba nhóm chính là bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện và bảo hiểm thất nghiệp. Bảo hiểm xã hội của Trung Quốc lại được xây dựng trên 5 hạng mục chính là

bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thai sản, bảo hiểm tai nạn lao động với hình thức bắt buộc và tự nguyện kết hợp.

Nhìn từ góc độ chế độ, hệ thống an sinh xã hội ở Trung Quốc đã có sáng tạo về mặt chế độ, đã thực hiện "xã hội hoá", hay nói cách khác đã chuyển đổi từ "doanh nghiệp tự bảo đảm" trước đây sang "xã hội bảo đảm". Trong khi đó, mức độ xã hội hoá hệ thống an sinh xã hội của Việt Nam còn hạn chế, đa phần đều do nhà nước đứng ra chịu trách nhiệm chính, từ đầu tư nguồn quỹ hoạt động tới việc tổ chức thực hiện. Sự tham gia của các tổ chức xã hội còn hời hợt, mức độ đầu tư cho quỹ an sinh còn hạn chế. Nhà nước vừa ban hành các quy định về an sinh xã hội lại vừa là người thực thi, không có một tổ chức trung gian đứng ra giám sát hay quản lý. Mặc dù chúng ta cũng đã triển khai xã hội hoá công tác an sinh xã hội, tuy nhiên, chất lượng và diện che phủ của hệ thống này vẫn ở mức thấp, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra về mở rộng độ bao phủ tới mọi người dân.

Ở Trung Quốc, hệ thống an sinh xã hội đã từng bước chuyển biến phương châm phát triển từ "chủ nghĩa bình quân" truyền thống sang "ưu tiên hiệu quả, tính tới công bằng", đến nay là "chú trọng công bằng". Trong khi đó, chính sách an sinh xã hội của Việt Nam hiện tồn đọng rất nhiều bất cập, gây ra nhiều bức xúc, ảnh hưởng không nhỏ tới sự ổn định xã hội. Đó là nhiều chính sách an sinh chưa thiết thực và hiệu quả. Cơ chế an sinh xã hội hiện nay ở

nước ta tập trung chủ yếu nhằm giảm nghèo bền vững, đối tượng là nhóm người nghèo. Giới hạn nghèo hay còn gọi là chuẩn nghèo của Việt Nam rất thấp, thấp hơn nhiều so với quy định của thế giới. Theo đó giai đoạn 2011 - 2015, ở nông thôn chuẩn nghèo được quy định có mức thu nhập từ 400 nghìn đồng trở xuống/người/tháng; ở thành thị chỉ số này là từ 500 nghìn đồng trở xuống/người/tháng. Tuy vậy, chuẩn nghèo hiện thời của Việt Nam chưa bằng 50% chuẩn nghèo của thế giới. Chuẩn nghèo hiện nay của thế giới được Ngân hàng Thế giới xác định chuẩn chung (không phân biệt nông thôn với thành thị) ở mức 60USD/người/tháng (tương đương 1,2 triệu đồng/người/tháng). Chính vì thế, khi chuẩn nghèo được nâng lên, đã tạo ra một nhóm người cận nghèo, mà thực chất họ vẫn là hộ nghèo không được hưởng trợ cấp, bởi đã bước qua ranh giới nghèo. Hay nhiều đối tượng thuộc các hoàn cảnh khác nhau, như gặp thiên tai, bệnh tật, trẻ lang thang, người già cơ nhỡ, dân ngụ cư, người thu nhập thấp, đặc biệt là khối lượng lớn người dân nông thôn không được tiếp cận với các dịch vụ an sinh xã hội do nhiều bất cập từ công tác quản lý, tạo ra một sự thiếu hụt trong công tác hỗ trợ xã hội. Từ đây cũng tạo ra nhiều lỗ hổng, đó là tình trạng xin trợ cấp chính sách thương binh, liệt sỹ giả, xin xác định là hộ nghèo dù đã thoát nghèo... xảy ra ở nhiều nơi trên cả nước nhằm trục lợi hưởng đãi ngộ an sinh xã hội. Các chính sách an sinh xã hội ở nước ta thể hiện hạn chế ở công tác giảm nghèo thiếu bền vững, cuộc sống người dân ở vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số vẫn vô cùng

khó khăn, sự phân hoá giàu nghèo, phân hoá giữa các vùng miền ngày một lớn. Bất bình đẳng xã hội tuy không quá nghiêm trọng nhưng có xu hướng tăng, hệ số Gini tăng từ 0,35 năm 1998 lên trên 0,4 năm 2010¹. Còn ở Trung Quốc, khi Chính phủ đưa ra tiêu chuẩn nghèo mới là mức thu nhập bình quân 2.300 NDT của người dân nông thôn trong điều kiện giá cả năm 2010 không thay đổi vào cuối tháng 11 năm 2011, so với chuẩn nghèo năm 2009 (1.196 NDT) thì ngẫu nhiên tỷ lệ người được quy vào diện nghèo tăng lên 92%. Tính đến cuối năm 2011, Trung Quốc có khoảng 128 triệu người được xét vào diện nghèo, chiếm khoảng 13,4% tổng dân số có hộ khẩu nông thôn². Vậy với chuẩn nghèo mới này, số người nghèo ở Trung Quốc gia tăng đáng kể, đồng nghĩa với việc một số lượng lớn người dân "tái nghèo". Thực chất, tuy tổng lượng kinh tế của nước này ở vị trí thứ hai thế giới, nhưng thu nhập bình quân đầu người lại rất thấp. Vì thế, bản chất của sự tăng trưởng ở Trung Quốc chưa được phản ánh đầy đủ, nó nằm trong sâu tầng của mức sống người dân. Do đó, Trung Quốc đã dám thừa nhận và nhìn thẳng vào sự thật về nhu cầu "cơm áo" của nhân dân, vào mức sống còn thấp, tỷ lệ nghèo cao, đặc biệt ở khu vực nông thôn để có sự điều chỉnh kịp thời về trợ cấp an sinh xã

-
1. Vũ Văn Phúc (2012), *"An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới năm 2020"*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 36.
 2. *"Một phần diện mạo về tình hình phát triển của Trung Quốc hiện nay"*, tài liệu tham khảo đặc biệt số 021, Thông tấn xã, ngày 26.1.2012, tr. 4.

hội một cách chính xác và hiệu quả. Sự đổi mới trong nhận thức của Đảng và Chính phủ nước này là ở chỗ tính công bằng xã hội được ưu tiên hàng đầu trong phát triển an sinh xã hội tới mọi người dân, xác định con đường phát triển đi vào thực chất. Điều này, Việt Nam cũng nên tham khảo đúc rút kinh nghiệm trong thời gian tới.

Đối với bảo hiểm xã hội, trụ cột của hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam, trên thực tế chưa phát triển mạnh, chưa mở rộng tới khu vực phi chính thức. Do đó, ở miền doanh nghiệp và khu công nghiệp ngoài nhà nước, nhiều công nhân làm việc trong môi trường khắc nghiệt mà không có một sự bảo đảm nào. Doanh nghiệp trốn tránh, rợ động tiền bảo hiểm xã hội, gây ảnh hưởng tới hiệu quả của chính sách an sinh xã hội.

Bảo hiểm y tế với nhiều thủ tục rườm rà, phức tạp, hơn nữa bảo hiểm trong phạm vi hẹp, với danh mục thuốc bảo hiểm kém chất lượng, khiến người dân không thật sự kỳ vọng vào thẻ bảo hiểm y tế. Bảo hiểm thất nghiệp vừa mới ra đời, kinh nghiệm thực tế không nhiều, nhiều vấn đề còn cần phải điều chỉnh và bổ sung trong chính sách như hạn chế về điều kiện tham gia bảo hiểm, mức chi trả trợ cấp thấp, bất cập trong cơ chế tính toán trả trợ cấp và đóng bảo hiểm là những khe hở cho nhiều đối tượng trục lợi quỹ và doanh nghiệp trốn đóng bảo hiểm. Bằng sáng tạo chế độ, Trung Quốc đã xây dựng được một cơ chế thu chi hiện đại và hiệu quả của chế độ bảo hiểm xã hội. Bảo hiểm hưu trí cơ bản và bảo hiểm y tế cơ bản đã xác lập được mô hình

quỹ bảo hiểm "kết hợp giữa dự trữ tổng thể xã hội và tài khoản cá nhân". Trong khi đó, cơ chế chi trả hiện nay của Việt Nam vẫn là "tại thu tại chi", tức là thu bao nhiêu trả bấy nhiêu, không có cơ chế dự trữ, tích lũy cũng như sự dự trữ tính toán toàn xã hội, là hạn chế lớn để vận hành hiệu quả lâu dài và bền vững hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam.

Có thể nói, chính sách an sinh xã hội của Việt Nam tuy đa dạng nhưng chất lượng và hiệu quả không cao, diện che phủ tuy mở rộng nhưng nhiều nhóm đối tượng trong xã hội không tiếp cận được những ưu đãi từ hệ thống này, đặc biệt là những đối tượng thuộc khu vực không chính thức, ngoài nhà nước, những nhóm đối tượng chính sách, hộ nghèo ở nông thôn mà Trung Quốc gọi là nhóm yếu thế. Đó là những bất cập từ sự hoạt động và quản lý không minh bạch, chồng chéo nhiều bộ ngành cùng tham gia, sự yếu kém của bộ ngành chuyên trách, khả năng tuyên truyền và vận động sự ủng hộ quyên góp xã hội hạn chế, tạo nên một mạng lưới an sinh xã hội chất lượng kém, hoạt động cầm chừng, diện che phủ hẹp, không đến được với đối tượng cần được bảo đảm.

2. Đối tượng tham gia và thụ hưởng chính sách

Một thực tế cho thấy ở Việt Nam cũng như Trung Quốc, chế độ an sinh xã hội phát triển không cân đối, thiếu công bằng. Do nhận thức và quan niệm truyền thống, người dân và Chính phủ luôn coi trọng việc làm chính thức, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp được coi là khu vực chính thức.

Còn khu vực phi chính thức là những người thất nghiệp, người làm việc tự do ở thành thị, lực lượng lao động ở nông thôn. Chính từ quan niệm trọng thị khối cơ quan nhà nước, nên dẫn tới việc xây dựng và thực thi chính sách an sinh xã hội cũng có sự thiên vị. Hầu hết các hạng mục an sinh xã hội đều dành cho đối tượng thuộc khối doanh nghiệp nhà nước, khu vực chính thức. Ở Trung Quốc, do cơ chế nhị nguyên tồn tại lâu và ăn sâu vào nhận thức của người dân và chính quyền, đã vô hình chung dẫn tới sự phân biệt trong chính sách an sinh xã hội ở thành thị và nông thôn. Ở nước ta, tuy rằng chế độ hộ khẩu hộ tịch không hà khắc như Trung Quốc, nhưng chính sự phát triển không cân đối về kinh tế - xã hội, mức độ quan tâm đầu tư của Chính phủ tới các khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa còn hạn chế, dẫn tới việc người dân những vùng khó khăn không tiếp cận được hệ thống an sinh xã hội, từ đó tạo ra sự chênh lệch trong việc tham gia và hưởng đãi ngộ giữa người dân thành phố và nông thôn.

Bảo hiểm xã hội

Đối với bảo hiểm hưu trí, hiện nay Trung Quốc đã thực hiện bảo hiểm hưu trí cho lao động thuộc các doanh nghiệp ở thành thị và bắt đầu xây dựng bảo hiểm hưu trí mới cho nông thôn. Tính đến cuối năm 2010, cả nước có 256,73 triệu người tham gia bảo hiểm hưu trí cơ bản ở thành phố, tăng gần gấp đôi so với năm 2000. Mức tiền bảo hiểm hưu trí liên tục được điều chỉnh kể từ năm 2005, đến nay người

nghỉ hưu tham gia bảo hiểm của các doanh nghiệp trên toàn quốc cơ bản mỗi tháng được hưởng đãi ngộ 1.100 NDT¹.

Ở nông thôn, từ năm 2008 đã nghiên cứu xây dựng chế độ bảo hiểm hưu trí loại hình mới, trong đó nông dân nộp một phần, tập thể trợ cấp một phần và chính quyền trợ cấp một phần. Tính đến cuối năm 2010, Trung Quốc có 50% tổng số huyện trên toàn quốc thực hiện chế độ bảo hiểm hưu trí mới đối với nông thôn. Ước tính đến năm 2014, bảo hiểm hưu trí mới che phủ cho khoảng 80% nông dân toàn quốc. Hình thức tham gia bảo hiểm là bắt buộc đối với khối doanh nghiệp và tự nguyện đối với nông thôn, tuy nhiên người dân ở nông thôn đều tham gia một cách tự giác bởi mức phí thấp, 500 NDT/người/năm, chỉ chiếm 8% thu nhập năm của nông dân, trong khi mức hưởng lại cao, khoảng 1.320 NDT/người/năm.

Trong khi đó, bảo hiểm hưu trí ở Việt Nam vẫn chưa thực sự là nòng cốt của chế độ an sinh xã hội. Tính đến năm 2009, cả nước mới có khoảng 9% dân số từ 50 tuổi trở lên sống bằng lương hưu với mức trợ cấp tối đa được tính bằng 75% mức bình quân thu nhập tháng đóng bảo hiểm. Tuy nhiên, do mức tiền lương làm căn cứ để đóng thấp nên mức hưởng cũng thấp. Trong tình hình kinh tế khó khăn như hiện nay, với diện che phủ mỏng và hẹp của bảo hiểm hưu trí, phần lớn người dân hết tuổi lao động không được hưởng

1. Trần Giai Quý, *"Nghiên cứu 30 năm cải cách thể chế lao động và an sinh xã hội Trung Quốc"*, Nxb. Quản lý kinh tế, Bắc Kinh, 2008, tr. 267, 268.

trợ cấp từ bảo hiểm, là sự thiếu công bằng đối với những cống hiến của họ cho sự phát triển đất nước. Ngoài ra, còn một bộ phận lớn người lao động (nam từ 45, nữ từ 40 tuổi trở lên) không thể tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện do không còn cơ hội được hưởng lương hưu khi đến tuổi về hưu, bởi điều kiện hưởng lương hưu phải có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội.

Bảo hiểm y tế ở Trung Quốc là một phần rất quan trọng trong hệ thống an sinh xã hội. Tính đến cuối năm 2010, bảo hiểm y tế đã che phủ hơn 1,2 tỷ dân Trung Quốc. Nước này thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân với ba chế độ bảo hiểm y tế đối với lao động ở thành thị, bảo hiểm y tế đối với người dân ở thành thị và bảo hiểm y tế hợp tác nông thôn mới. Đến cuối năm 2010, bảo hiểm y tế đối với người dân và người lao động ở thành thị đã triển khai phủ khắp toàn quốc, với 240 triệu người thành thị (18% dân số cả nước) được hưởng đãi ngộ. Chế độ y tế hợp tác nông thôn đã phủ khắp 2.716 huyện (thị, khu vực) trên cả nước với tỷ lệ tham gia 94% và có 490 triệu người được đãi ngộ.

Ở Việt Nam, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế cũng có sự gia tăng đáng kể. Nếu năm 2002, tỷ lệ người có thể bảo hiểm y tế trên cả nước chỉ chiếm 16,5% dân số, thì đến năm 2011, cả nước có khoảng 57 triệu người tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc và tự nguyện, tương đương với 66% dân số¹,

1. Vũ Văn Phúc (2012), *"An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới năm 2020"*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 149.

thấp hơn nhiều so với tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ở Trung Quốc. Một thực tế cho thấy, đối với chế độ bảo hiểm y tế ở Việt Nam, đó là tỷ lệ tham gia bảo hiểm của nhóm người lao động và người sử dụng lao động còn thấp, mặc dù đây là nhóm bắt buộc tham gia. Hiện nay còn khoảng 40% chưa tham gia bảo hiểm. Ngoài ra, nhóm đối tượng thuộc diện ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% (cận nghèo, học sinh, sinh viên, nông dân) và nhóm tự nguyện (thân nhân người lao động, lao động trong khu vực phi chính thức) có tỷ lệ tham gia rất thấp, chiếm lần lượt khoảng 44% - 48% và 22% - 26%¹. Nếu phân theo khu vực, năm 2009, trong tổng số người tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc, khu vực nông thôn chiếm 20%, có 13,2 triệu người nghèo tham gia bảo hiểm y tế, trong đó 93% thuộc khu vực nông thôn; gần 9,6 triệu học sinh, sinh viên tham gia bảo hiểm y tế, trong đó khu vực nông thôn chiếm 40%; khoảng 11 triệu người tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện, trong đó 66,6% là người dân ở nông thôn². Những con số trên cho thấy, đa phần người dân nông thôn Việt Nam mới chỉ có thể tiếp cận loại bảo hiểm y tế do ngân sách nhà nước hỗ trợ, ít khả năng tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc. Mà thực tế, mức độ chất

-
1. Bế Quỳnh Nga (2012), "*Bảo hiểm y tế Việt Nam: thực trạng và vấn đề*", Hội thảo quốc tế "*An sinh xã hội cho khu vực phi chính thức: vấn đề và triển vọng*", Viện Khoa học xã hội Việt Nam và MISEREOR, Hà Nội.
 2. "*Thực trạng an sinh xã hội 2001 - 2010*", <http://www.ilssa.org.vn/NewsDetail.asp?NewsId=124&CatId=32>.

lượng dịch vụ của hai loại bảo hiểm này chênh lệch lớn, người dân nông thôn chỉ có thể được hưởng những dịch vụ y tế khám chữa bệnh kém chất lượng, nguy cơ bệnh tật và tử vong cao.

Một kết luận được rút ra là, bảo hiểm y tế ở Việt Nam đã tạo ra các nhóm đối tượng tham gia và hưởng bảo hiểm theo thành thị - nông thôn; giàu - nghèo; khu vực chính thức - khu vực phi chính thức với mức độ tiếp cận các dịch vụ y tế thông qua bảo hiểm y tế rất khác nhau, trong đó các nhóm sau được hưởng ưu đãi thấp hơn so với nhóm trước, đã tạo sự mất cân đối và thiếu công bằng trong phát triển chế độ này ở nước ta. Để đạt được mục tiêu toàn dân tham gia bảo hiểm y tế vào năm 2014 thì còn cả một chặng đường gian nan đối với bảo hiểm y tế Việt Nam. Những con số trên đây cho thấy, tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội ở Việt Nam còn thấp so với Trung Quốc. Đến năm 2011, tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội chỉ chiếm 20% lực lượng lao động. Bảo hiểm bắt buộc (bao gồm bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế) mới bao phủ 70% lao động thuộc diện bắt buộc tham gia¹.

Ở đây, chúng tôi sẽ đi sâu phân tích cụ thể về chế độ mới nhất trong hệ thống bảo hiểm xã hội ở cả Việt Nam và Trung Quốc - bảo hiểm thất nghiệp. Ngày 12 tháng 12 năm 2008, Việt Nam chính thức ban hành Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều

1. Vũ Văn Phúc (2012), *"An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới năm 2020"*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 37.

của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm thất nghiệp (số 127/2008/NĐ-CP), đánh dấu sự hình thành chế độ bảo hiểm thất nghiệp ở nước ta. Giống như chế độ bảo hiểm thất nghiệp của Trung Quốc, bảo hiểm thất nghiệp của Việt Nam cũng là một chế độ bắt buộc, được áp dụng cho đối tượng là công dân Việt Nam làm việc theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc không xác định thời hạn hoặc xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng với người sử dụng lao động. Bảo hiểm thất nghiệp của Trung Quốc quy định chi tiết khoanh vùng khu vực tham gia bảo hiểm thất nghiệp là thành thị. Còn ở Việt Nam, trên thực tế, những đơn vị doanh nghiệp, sự nghiệp cơ bản cũng được phân bổ ở thành thị. Do vậy, tuy không đề cập trực tiếp, nhưng chúng ta cũng có thể hiểu bảo hiểm thất nghiệp của Việt Nam cơ bản cũng chỉ áp dụng cho khu vực thành thị, giống như phạm vi đối tượng được quy định ở bảo hiểm thất nghiệp Trung Quốc. Trong Nghị định hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm thất nghiệp của nước ta cũng không hề đề cập tới nhóm lao động nông thôn hay lao động tự do, học sinh, sinh viên, bộ đội xuất ngũ..., là đối tượng dễ xảy ra thất nghiệp hơn cả. Ngoài ra, theo quy định, doanh nghiệp sử dụng từ 10 lao động trở lên, người lao động ký kết hợp đồng lao động đủ 12 tháng trở lên hoặc không xác định thời hạn mới là đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp. Điều này là hết sức bất hợp lý, bởi lẽ đây mới chính là nhóm đối tượng dễ xảy ra thất nghiệp và cần nhận được sự hỗ trợ hơn cả, chứng tỏ chế độ bảo hiểm thất nghiệp ở nước ta chưa thật sự công bằng và

bình đẳng. Về mức hưởng và thời gian hưởng, quy định bảo hiểm thất nghiệp của hai nước có nhiều điểm khác nhau (xem bảng 3.6).

Bảng 3.6: So sánh mức hưởng và thời gian hưởng bảo hiểm thất nghiệp của Việt Nam và Trung Quốc

Quốc gia	Mức hưởng	Thời gian hưởng
Việt Nam	60% mức lương bình quân tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của 6 tháng liền kề trước khi người lao động thất nghiệp	Đóng từ 12 - 36 tháng, hưởng 3 tháng; đóng từ 36 - 72 tháng, hưởng 6 tháng; đóng từ 72- dưới 144 tháng, hưởng 9 tháng; đóng từ 144 tháng trở lên, hưởng 12 tháng
Trung Quốc	Cao hơn mức sống tối thiểu của người dân ở thành thị (khoảng 60 - 80% lương tối thiểu)	Đóng từ 1- 5 năm hưởng tối đa 12 tháng; đóng từ 5 - 10 năm, hưởng tối đa 18 tháng; đóng trên 10 năm hưởng tối đa 24 tháng

Nguồn: Quy định Bảo hiểm thất nghiệp của Trung Quốc năm 1999, http://www.gov.cn/banshi/2005-08/04/content_20258.htm; Văn bản pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.

Nhìn chung, thời gian hưởng bảo hiểm thất nghiệp của Việt Nam (tối đa hưởng 12 tháng) không kéo dài như quy định bảo hiểm thất nghiệp của Trung Quốc (tối đa hưởng 24 tháng). Đây là mức thời gian hưởng khá phổ biến trên thế

giới. Với thời gian hợp lý như vậy, người lao động sẽ tích cực chủ động tìm việc làm và không sống dựa vào tiền trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp. Nhưng với quy định mức hưởng như trên, cả quy định bảo hiểm thất nghiệp của Việt Nam và Trung Quốc đều có hạn chế nhất định. Đó là mức chi trả trợ cấp quá thấp, không đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt cơ bản của người thất nghiệp trong tình hình mức sống tăng cao, vật giá "leo thang" như hiện nay. Ngoài ra, với mức trợ cấp thấp như vậy, nhiều doanh nghiệp đã tìm cách "lách luật", đóng bảo hiểm thất nghiệp 6 tháng cuối cao hẳn lên để được hưởng mức trợ cấp thất nghiệp cao¹. Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, việc quy định thời gian đóng bảo hiểm từ 12 - 36 tháng hưởng một mức như nhau (3 tháng) trong quy định bảo hiểm thất nghiệp của Việt Nam là không hợp lý. Bởi như vậy, mức hưởng trợ cấp giữa người tham gia 12 tháng và 36 tháng là như nhau, trong khi thời gian và số tiền phải đóng lại khác nhau, thể hiện sự thiếu công bằng về nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Chính đây cũng là hạn chế để nhiều lao động tính toán tìm cách cứ 12 tháng thì chấm dứt hợp đồng lao động một lần và làm thủ tục hưởng trợ cấp thất nghiệp. Như vậy đối với người đóng 36 tháng, với ba lần chấm dứt hợp đồng lao động, họ sẽ nhận được số tiền trợ cấp thất nghiệp gấp ba lần mức quy định. Đây cũng chính là nguyên nhân khiến tình trạng "thất nghiệp ảo" gia tăng, gây khó khăn cho việc tính toán chi trả bảo hiểm của quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

1. Nhân dân cuối tuần, số 21/2012, tr.4.

Nhưng bảo hiểm thất nghiệp của Việt Nam lại có ưu điểm so với bảo hiểm thất nghiệp của Trung Quốc khi không phân biệt đối xử các đối tượng hưởng trợ cấp thất nghiệp. Mọi lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp khi thất nghiệp đều được hưởng như nhau mức 60% lương bình quân tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của 6 tháng liền kề trước khi người lao động thất nghiệp. Còn ở Trung Quốc, nước này đưa ra quy định riêng đối với lao động là nông dân ra thành phố làm thuê. Công nhân là nông dân thuộc chế độ hợp đồng lao động được đơn vị tuyển dụng đủ 1 năm công tác, thì được đơn vị đóng bảo hiểm thất nghiệp, hết hạn hợp đồng lao động mà chưa ký tiếp hoặc chấm dứt hợp đồng lao động trước kỳ hạn thì được cơ quan làm bảo hiểm xã hội xem xét thời gian công tác dài hay ngắn để phát hỗ trợ một lần. Hơn thế, trong quy định về tạm dừng và chấm dứt hưởng bảo hiểm thất nghiệp của Trung Quốc bao gồm trong đó đối tượng là người đã tìm được việc làm mới và người thực hiện nghĩa vụ quân sự. Trong khi đó, trong quy định bảo hiểm thất nghiệp của Việt Nam, hai loại đối tượng trên vẫn được nhận trợ cấp một lần cho những tháng còn lại của thời hạn hưởng. Điều đó cho thấy, bảo hiểm thất nghiệp của chúng ta có nhiều điểm tiến bộ và nhân văn khi tính toán đến mọi điều kiện và hoàn cảnh của người thất nghiệp.

Theo thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam, tính đến tháng 12.2010, tổng số lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp là 7,05 triệu người, tăng

19,58% so với năm 2009¹. Đến nay, cả nước đã có tổng cộng hơn 460.000 người được hưởng trợ cấp thất nghiệp². Còn ở Trung Quốc, từ năm 1999 - 2010, số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp trên toàn quốc tăng từ 99,12 triệu người lên 133,76 triệu, tỷ lệ công nhân viên chức tham gia bảo hiểm thất nghiệp tăng, năm 2008 là 83,1% trong tổng số công nhân viên chức ở thành thị, cao nhất là năm 2004 và năm 2006 chiếm tỷ lệ lần lượt 100,08% và 100,24%. Như vậy, về cơ bản, lao động thuộc doanh nghiệp ngoài nhà nước ở thành thị đã được đưa vào bảo hiểm thất nghiệp. Số lao động nông thôn làm thuê ở thành phố đã bước đầu được tham gia bảo hiểm thất nghiệp với tỷ lệ 8% trong tổng số lao động nông thôn ra thành phố làm thuê. Qua 3 năm thực hiện, bảo hiểm thất nghiệp của Việt Nam chưa phát triển rộng do thủ tục hành chính phức tạp. Người lao động phải chứng minh, giải trình một loạt các thủ tục để được hưởng bảo hiểm thất nghiệp trong khi phần lớn lao động nước ta lại thiếu kỹ năng và thông tin trong lĩnh vực này. Chúng ta cũng chưa áp dụng bảo hiểm thất nghiệp đối với khu vực nông thôn và nông dân ra thành phố làm thuê. So với bảo hiểm thất nghiệp của Trung Quốc, chúng ta thấy rằng chế độ này ở nước ta còn mới mẻ, thiếu nhiều kinh nghiệm thực tiễn, không thể một sớm một chiều có thể đạt được thành quả như họ. Tuy nhiên, chúng ta có thuận lợi là đi tắt đón

1. <http://www.baomoi.com>.

2. Nhân dân cuối tuần, số 21 ngày 20.5.2012.

đầu, học tập những bài học có giá trị từ Trung Quốc và thế giới để có thể từng bước xây dựng một chế độ bảo hiểm thất nghiệp thành công.

Bảo hiểm xã hội tự nguyện ở Việt Nam chưa đạt hiệu quả cao về số lượng và chất lượng do mới đi vào hoạt động. Bảo hiểm tự nguyện mới thu hút 0,22% số lao động thuộc diện tự nguyện tham gia. Việc tham gia bảo hiểm tự nguyện như một điều kiện để hưởng đãi ngộ chứ chưa phải là nhu cầu bức thiết của người dân. Đa số các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là những người đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc được một số năm, nay tham gia tiếp để đáp ứng điều kiện tối thiểu có 20 năm đóng để hưởng bảo hiểm. Bảo hiểm xã hội tự nguyện chưa có sức hấp dẫn đối với số lao động trong khu vực phi chính thức, đặc biệt là nông dân nông thôn, lao động trẻ tham gia chưa nhiều. Một phần do nhận thức về tính tự nguyện không cao, công tác tuyên truyền thông tin còn yếu, thiếu cơ chế thu hút và chính sách hỗ trợ người lao động khu vực phi chính thức, đặc biệt là người lao động nghèo, người không đủ điều kiện về tuổi tham gia, phần nhiều do thu nhập hàng tháng của nhóm đối tượng này thấp, bấp bênh nên không đủ khả năng tham gia. Đó là một hạn chế so với bảo hiểm xã hội của Trung Quốc. Mặc dù nước này cũng phân chia hình thức bảo hiểm tự nguyện và bảo hiểm bắt buộc, tuy nhiên bảo hiểm tự nguyện đã thể hiện được vai trò quan trọng và đáp ứng được nhu cầu của người tham gia nên hầu hết người dân đều "tự nguyện" tham gia.

Tóm lại, có sự giống nhau cơ bản giữa hai hệ thống an sinh xã hội của Trung Quốc và Việt Nam. Đó là đều lấy bảo hiểm xã hội làm hạt nhân của hệ thống an sinh xã hội. Tuy nhiên, khi triển khai chính sách, tùy từng điều kiện và hoàn cảnh của mỗi quốc gia mà các chính sách an sinh xã hội được mở rộng hay tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau. Ở Việt Nam, các hình thức bảo hiểm nhìn chung chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của nhân dân. Một số chính sách an sinh còn bất hợp lý, chưa có các chính sách an sinh phù hợp với khu vực nông thôn và vùng dân tộc, miền núi. Chất lượng dịch vụ an sinh xã hội còn thấp, đặc biệt là dịch vụ y tế còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và mức sống ngày một nâng cao của người dân. Trình độ quản lý và phục vụ còn thấp, trong đó thủ tục hành chính phức tạp, phiền hà hạn chế sự phát triển của hệ thống an sinh xã hội. Các chính sách an sinh chưa thực sự bền vững và tạo sự tin cậy đối với dân chúng, hay nói cách khác mức độ xã hội hoá chưa cao nên mức độ ủng hộ, đóng góp của các tổ chức xã hội còn thấp. Những hạn chế đó phần lớn do mức độ tuyên truyền về an sinh xã hội trong xã hội chưa mở rộng, nên nhận thức về vai trò của an sinh xã hội của người dân, cơ quan quản lý, cán bộ, doanh nghiệp chưa đúng và chưa đầy đủ.

Hệ thống y tế khám chữa bệnh

Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), Tổ chức Dân số Liên hợp quốc

(UNFPA) hệ thống y tế Việt Nam còn tồn tại nhiều vấn đề phức tạp, đặc biệt là quá trình phân bổ các nguồn lực y tế giữa các vùng miền và chênh lệch chi phí giữa các nhóm thu nhập trong xã hội¹. Điều này giống với Trung Quốc, khi nguồn lực y tế được phân bổ theo tỷ lệ thành phố - nông thôn là 4:1. Nhiều bất cập của hệ thống y tế khám chữa bệnh ở Việt Nam cũng đã và đang xảy ra như ở Trung Quốc. Bên cạnh những kết quả đạt được về mở rộng phát triển dịch vụ khám chữa bệnh, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại các vùng nghèo, đối với hộ nghèo ngày càng phát triển dưới nhiều hình thức như việc thiết lập các tổ, đội y tế lưu động đi khám, chữa bệnh, thực hiện các hoạt động phòng bệnh theo định kỳ ở các thôn, bản, thì chất lượng dịch vụ y tế thực sự là vấn đề. Dịch vụ y tế ở Việt Nam nhìn chung còn ở trình độ thấp so với chuẩn thế giới, chủ yếu tập trung ở các khu đô thị lớn, những gia đình có điều kiện kinh tế. Trong khi người có thu nhập thấp, người dân vùng nông thôn, dân tộc nghèo không có đủ điều kiện và phải lựa chọn khám chữa bệnh tại các trung tâm y tế cấp xã, thôn bản nơi mà chất lượng dịch vụ kém. Do đó, khả năng chữa khỏi bệnh rất thấp, nhiều bệnh hiểm nghèo muốn chữa trị thì cần khoản tiền lớn, khiến người nghèo cứ nghèo mãi vì phải vay mượn, là

1. Đoàn Kim Thắng, "*Những nhân tố tác động đến phát triển xã hội Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*", bài viết tham gia Hội thảo của đề tài "*Phát triển xã hội ở Trung Quốc và một số gợi mở đối với Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020*" do Viện Nghiên cứu Trung Quốc tổ chức tại Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2012.

một trong những thực tế gây chênh lệch giàu nghèo ở nước ta hiện nay. Điều này khiến ta liên tưởng tới vấn nạn "khám bệnh khó, khám bệnh đắt" đang diễn ra ở Trung Quốc, gây ra bức xúc trong dân chúng, khoét sâu khoảng cách giàu nghèo và khoảng cách bất bình đẳng vốn đã doãng rộng ở nước này.

Một vấn đề khó khăn trong việc khám chữa bệnh cho cả bác sỹ và bệnh nhân ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam đó là bệnh viện tuyến Trung ương ở thành phố luôn quá tải, trong khi bệnh viện tuyến địa phương luôn vắng vẻ. Nguyên nhân chính là do bệnh viện tuyến Trung ương luôn được đầu tư trang thiết bị máy móc hiện đại và đội ngũ y bác sỹ có tay nghề. Trong khi đó, các bệnh viện tuyến dưới luôn trong tình trạng lạc hậu về tay nghề và trang thiết bị. Từ đây dẫn đến tình trạng, để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân, ở thành phố đã hình thành vô số cơ sở khám chữa bệnh tư nhân, được đứng tên bởi những vị giáo sư của các bệnh viện tuyến Trung ương, nhằm thu hút bệnh nhân. Năm 2004, ở Việt Nam có 65.000 cơ sở y tế tư nhân được cấp phép trên cả nước, trong đó có 30.000 phòng khám, 23.000 cơ sở bán thuốc và 12.000 cơ sở y học dân tộc. Tuy nhiên, con số này chưa phản ánh được thực tế vì còn rất nhiều các cơ sở y tế tư nhân đang "hoạt động chui"¹.

1. Đoàn Kim Thắng, *"Những nhân tố tác động đến phát triển xã hội Việt Nam trong giai đoạn hiện nay"*, bài viết tham gia Hội thảo của đề tài *"Phát triển xã hội ở Trung Quốc và một số gợi mở đối với Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020"* do Viện Nghiên cứu Trung Quốc tổ chức tại Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2012.

Còn tại Trung Quốc, ở thành phố thì có tới 80% nguồn lực y tế tập trung tại các bệnh viện lớn, dịch vụ y tế ở nông thôn rất yếu. Thêm vào đó, cơ chế vận hành cơ cấu y tế công lập không hợp lý, tính chất công ích không cao, trong khi bệnh viện công lập chiếm tới trên 95% nguồn lực y tế của cả nước¹. Do mức đầu tư tài chính của Chính phủ quá thấp, quản lý không nghiêm, nhiều cơ sở y tế hướng tới thị trường hoá, kê đơn thuốc tuỳ tiện, bán thuốc đắt, thậm chí dựa vào bán thuốc làm nguồn lợi chính để nuôi bệnh viện... Điều này đã đi ngược lại tính chất công ích của hệ thống y tế công lập, tăng gánh nặng về y tế cho người dân, ảnh hưởng đến hình ảnh ngành y và người thầy thuốc. Sự bùng phát nhiều cơ sở khám chữa bệnh ở Trung Quốc cũng như Việt Nam nhưng chất lượng còn hạn chế đã dẫn tới nhiều hậu quả nghiêm trọng cho bệnh nhân.

Kết quả là, năm 2011, ở Việt Nam còn 33% dân số chưa tham gia bảo hiểm y tế, tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi còn cao, đặc biệt là trẻ em dân tộc thiểu số, mới có 46% xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia², mục tiêu chăm sóc sức khoẻ toàn dân chưa hoàn thành.

-
1. 100 câu hỏi phụ đạo học tập "Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khoá XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc", Nxb. Học tập, tr. 93-95.
 2. Vũ Văn Phúc (2012), "An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới năm 2020", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 38

Giáo dục

Trung Quốc là quốc gia có những đột phá về tư duy giáo dục. Đến nay, Trung Quốc đã và đang xây dựng hệ thống giáo dục cơ bản có quy mô phù hợp với yêu cầu xây dựng và hiện đại hóa đất nước. Trung Quốc đang từng bước thực hiện mục tiêu *"ưu tiên phát triển giáo dục, xây dựng cường quốc nguồn nhân lực"* mà Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc đề xướng. Việt Nam tuy là quốc gia đạt được mục tiêu thiên niên kỷ về giáo dục sớm hơn so với kế hoạch mà báo cáo quốc tế đánh giá, nhưng giáo dục Việt Nam hiện nay vẫn còn bộc lộ quá nhiều yếu kém, chưa đáp ứng được những yêu cầu mà chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia đặt ra.

Từ nửa cuối năm 2008, Trung Quốc bắt đầu miễn học phí giáo dục nghĩa vụ ở thành phố và thực hiện miễn phí giáo dục nghĩa vụ trong phạm vi cả nước. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng, sau 22 năm Trung Quốc thiết lập chế độ giáo dục nghĩa vụ, lần đầu tiên thực hiện miễn phí giáo dục nghĩa vụ trong phạm vi cả nước. Trung Quốc đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ *"hai cơ bản"* (cơ bản phổ cập giáo dục nghĩa vụ 9 năm cơ bản; cơ bản xoá mù chữ đối với thanh niên). Trung Quốc đặt mục tiêu, tương lai 10 năm tới, nhiệm vụ đặt ra cho ngành giáo dục Trung Quốc là phải thúc đẩy phát triển khoa học sự nghiệp giáo dục, nhanh chóng chuyển mục tiêu từ nước lớn về giáo dục sang cường quốc giáo dục, từ nước lớn về nguồn nhân lực sang cường quốc nguồn nhân lực. Sự nghiệp giáo dục của Việt Nam cũng đã có bước phát triển mới về quy mô, đa dạng hóa về loại hình trường lớp từ mầm

non, tiểu học đến cao đẳng, đại học. Tỷ lệ người lớn (từ 15 tuổi trở lên) biết chữ đã tăng từ 84% cuối những năm 1980 lên 90,3% năm 2007. Từ năm 2006 đến nay, trung bình hàng năm quy mô đào tạo trung học chuyên nghiệp tăng 10%; cao đẳng và đại học tăng 7,4%. Năm 2009, trên 13 triệu sinh viên nghèo được Ngân hàng chính sách xã hội cho vay vốn với lãi suất ưu đãi để theo học¹.

Tuy nhiên, hệ thống giáo dục nước ta dường như vẫn đang trong quá trình thử nghiệm, chưa đưa ra một quy chuẩn cho các cấp bậc giáo dục từ phổ thông tới đại học. Hàng năm, học sinh luôn được thử nghiệm những chương trình giảng dạy mới, nên không tránh khỏi nhiều hạn chế và bất cập. Tuy hệ thống giáo dục đã mở rộng nhưng chương trình đào tạo khó có thể áp dụng cho mọi đối tượng khác nhau. Chương trình học mang tính đại trà, trong khi đối tượng tiếp nhận lại đa dạng, khó có thể áp dụng cho nhóm dân tộc thiểu số khi đa số học sinh dân tộc không biết tiếng Việt. Trong giai đoạn 2006 - 2009 vẫn còn nhiều địa phương có tỷ lệ nhập học tiểu học đúng tuổi thấp và tỷ lệ hoàn thành bậc tiểu học chỉ đạt dưới 70%². Bệnh thành tích là một trong

-
1. Phạm Xuân Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, *"Kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong mô hình phát triển của Việt Nam ở thời kỳ đổi mới"*.
 2. Đoàn Kim Thắng, *"Những nhân tố tác động đến phát triển xã hội Việt Nam trong giai đoạn hiện nay"*, bài viết tham gia Hội thảo của đề tài *"Phát triển xã hội ở Trung Quốc và một số gợi mở đối với Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020"* do Viện Nghiên cứu Trung Quốc tổ chức tại Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2012.

nhiều căn bệnh trong giáo dục ở nước ta mà các học giả đã nghiên cứu và đưa ra. Theo GS.TSKH Trần Ngọc Thêm, hệ quả của các căn bệnh trong giáo dục ở nước ta đã dẫn tới chất lượng giáo dục xuống cấp, đạo đức học đường xuống cấp, nguồn nhân lực do hệ thống giáo dục cung cấp cho xã hội thiếu tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu hạn chế nên khoa học công nghệ trì trệ, năng lực thực hành thấp¹.

Theo Báo cáo Tình hình trẻ em Việt Nam năm 2010, học sinh dân tộc thiểu số chiếm khoảng 18% số học sinh tiểu học và 15% số học sinh trung học cơ sở. Tỷ lệ nhập học tiểu học của trẻ em dân tộc thiểu số là khoảng 80% và tỷ lệ hoàn thành bậc học này là khoảng 68% và 45% cho bậc trung học. Báo cáo này cho biết, khoảng 52% trẻ em khuyết tật không đi học². Mặc dù nước ta đã xây dựng nhiều cơ sở giáo dục đặc biệt cho nhóm trẻ khuyết tật song đa số các em vẫn không thể hoặc không muốn tiếp cận.

Ở cấp học phổ thông, học sinh vẫn theo học một giáo trình nặng về lý thuyết, thiếu sự chủ động, sáng tạo và tư duy trong khi ở bậc cao đẳng, đại học hiện nay vẫn duy trì cách thức đào tạo sinh viên theo cái mình có chứ không

1. Trần Ngọc Thêm, *Bốn "trọng bệnh" của nền giáo dục Việt Nam*, <http://dantri.com.vn>.

2. Đoàn Kim Thắng, *"Những nhân tố tác động đến phát triển xã hội Việt Nam trong giai đoạn hiện nay"*, bài viết tham gia Hội thảo của đề tài *"Phát triển xã hội ở Trung Quốc và một số gợi mở đối với Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020"* do Viện Nghiên cứu Trung Quốc tổ chức tại Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2012.

theo yêu cầu của thị trường lao động. Ở trình độ thấp hơn là giáo dục nghề, hiện nay công tác này vẫn gặp nhiều khó khăn, năm 2010 cả nước vẫn còn trên 60% lao động chưa được đào tạo, đặc biệt trên 90% lao động dân tộc thiểu số chưa được đào tạo nghề¹. Đó là những rào cản lớn để đưa giáo dục Việt Nam tiếp cận với xu thế giáo dục ứng dụng trên thế giới.

Ngoài ra, chúng ta cũng vấp phải một số vấn đề như mất cân đối trong phân bổ nguồn lực giáo dục như ở Trung Quốc. Những năm gần đây, do tác động của thị trường việc làm nên đã tạo ra hiện tượng "quá tải" hoặc "trống" xảy ra ở nhiều ngành học trong bậc đại học và cao đẳng. Những ngành nghề được học sinh ưu tiên lựa chọn thuộc về những ngành khoa học tự nhiên, tài chính kế toán, viễn thông. Lĩnh vực khoa học xã hội ít được quan tâm, thậm chí là thiếu hụt trầm trọng sinh viên theo học. Điều đó chứng tỏ một thực tế, nhu cầu giáo dục liên quan tới nhu cầu phát triển quốc gia. Bộ Giáo dục, Bộ Lao động và các ban ngành liên quan ở Việt Nam chưa tạo định hướng về ngành nghề cho sinh viên, chưa sắp xếp bố trí "đầu ra" một cách hợp lý để sinh viên ra trường đều có cơ hội việc làm bình đẳng. Sự phát triển thiếu cân đối đó sẽ tạo ra một đội ngũ trí thức thất nghiệp lớn, ảnh hưởng tới sự phát triển thông thường của ngành giáo dục, tạo gánh nặng cho các ban ngành liên quan, đặc biệt là lĩnh vực bảo hiểm xã hội.

1. Vũ Văn Phúc (2012), *"An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới năm 2020"*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 37.

Việc làm

Lực lượng lao động hay còn gọi là nhóm dân số hoạt động kinh tế bao gồm những người có việc làm và những người thất nghiệp. Đối với nhóm lao động có việc làm, từ số liệu của Cục Thống kê nhà nước Việt Nam, có thể phân ra hai loại lao động có việc làm theo thành phần kinh tế và lao động có việc làm theo khu vực. Cùng với đà tăng tốc phát triển của nền kinh tế, mở rộng nhu cầu trong nước và thị trường nước ngoài đã tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người lao động. Từ năm 2006 - 2010, số lượng việc làm tăng đáng kể, từ con số khoảng 44 triệu việc làm tăng lên khoảng 49 triệu việc làm.

Từ số liệu bảng 3.7 cho thấy, chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam và Trung Quốc khá tương đồng. Cải cách doanh nghiệp ở Trung Quốc và ở Việt Nam đã làm cho cơ cấu việc làm theo thành phần kinh tế cũng có nhiều thay đổi. Nếu trước đây, lao động tập trung chủ yếu trong khu vực doanh nghiệp nhà nước, thì nay, cùng với công cuộc đổi mới và mở cửa đất nước, nhiều hình thức doanh nghiệp đã xuất hiện, số lượng doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng vọt, khối kinh tế ngoài nhà nước tạo ra phần lớn việc làm cho người lao động, trong khi đó lao động trong khối doanh nghiệp nhà nước lại có xu hướng giảm đi do quá trình cổ phần hoá diễn ra nhanh chóng. Năm 2010, tỷ lệ lao động trong khối doanh nghiệp ngoài nhà nước chiếm ưu thế 86,3%, trong khi đó khối doanh nghiệp nhà nước chỉ chiếm 10,2% trong tổng số lao động có việc làm. Cũng cần nói thêm,

TS. HOÀNG THẾ ANH (*Chủ biên*)

lao động trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam những năm gần đây đã có bước tăng nhưng chưa thuyết phục, hiện ở mức 3,5% trong tổng số lao động có việc làm cả nước. Điều này chứng minh rằng, cơ chế hành chính và luật pháp của nước ta chưa thật sự thông thoáng để doanh nghiệp nước ngoài đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh và tạo việc làm cho người lao động ở Việt Nam.

Bảng 3.7: So sánh cơ cấu lao động có việc làm phân theo thành phần kinh tế và theo vùng miền ở Việt Nam và Trung Quốc năm 2010

Đơn vị: 1.000 người; %

	Việt Nam	Trung Quốc
Tổng số	49.148,5	761.050
Theo thành phần kinh tế		
Nhà nước	10,2	4,3
Ngoài nhà nước	86,3	85,6
Có vốn đầu tư nước ngoài	3,5	10,1
<i>Tổng</i>	<i>100</i>	<i>100</i>
Theo vùng miền		
Thành thị	27,6	45,6
Nông thôn	72,4	54,4
<i>Tổng</i>	<i>100</i>	<i>100</i>

Nguồn: Số liệu từ Niên giám thống kê (tóm tắt) năm 2010, Tổng cục thống kê, Nxb. Thống kê, 2011; Niên giám thống kê Trung Quốc năm 2011.

Số liệu cũng cho thấy, cũng giống như Trung Quốc, Việt Nam là nước nông nghiệp nên phần lớn lực lượng lao động tập trung ở nông thôn. Mặc dù có sự chuyển dịch cơ cấu ngành nghề cũng như chuyển dịch lao động nông thôn ra thành phố, lao động nông thôn đang có xu hướng giảm dần nhưng nhìn chung đến nay, lực lượng lao động nông thôn vẫn chiếm số lượng đông đảo trong tổng số lao động có việc làm cả nước, hiện ở mức 72,4%. Lao động có việc làm ở thành thị cũng có nhiều biến động, số lượng tăng dần bởi nhiều yếu tố như tốc độ tăng dân số, số lượng doanh nghiệp thuộc nhiều loại hình gia tăng, doanh nghiệp nước ngoài đầu tư và tham gia vào thị trường trong nước, nhu cầu hàng hóa tiêu dùng của người dân thành phố tăng cao kích thích mở rộng sản xuất và xuất khẩu... Đây cũng có thể nói là sự chuyển biến tích cực đối với một nước nông nghiệp như Việt Nam, đó là sự chuyển biến từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế chú trọng tới công nghiệp và dịch vụ hiện đại. Tuy nhiên, chuyển dịch cơ cấu lao động vẫn khá chậm chạp so với tốc độ đô thị hoá, công nghiệp hoá ở Trung Quốc. Năm 2010, Việt Nam vẫn còn 50% lao động nông nghiệp (vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn trên 92% lao động nông nghiệp)¹. Trong khi đó, tỷ lệ lao động giữa thành thị và nông thôn Trung Quốc (45,6% và 54,4%) không chênh lệch quá lớn như ở Việt Nam. Theo số liệu mới nhất

1. Vũ Văn Phúc (2012), *"An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới năm 2020"*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 36.

năm 2011, cơ cấu dân số Trung Quốc đã có sự dịch chuyển đáng kể, dân số thành thị chiếm tỷ lệ 51,3% so với 48,7% dân nông thôn. Dân đô thị tăng kéo theo số người trong độ tuổi lao động cũng tăng, tạo ra một cơ cấu dịch chuyển ngành nghề mạnh mẽ từ nông nghiệp sang công nghiệp, là nền tảng cho công cuộc hiện đại hoá ở Trung Quốc.

Tình hình thất nghiệp ở nước ta hiện nay, nhìn chung có xu hướng ngày một căng thẳng, áp lực việc làm gia tăng do dân số trong độ tuổi lao động gia tăng, số lượng việc làm có hạn do những điều chỉnh về phương thức phát triển kinh tế - xã hội. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở của Việt Nam ngày 1.4.2009, cả nước có 1,3 triệu người trong độ tuổi lao động thất nghiệp với tỷ lệ thất nghiệp là 2,9%, cao hơn mức 2,38% của năm 2008¹. Tỷ lệ thất nghiệp năm 2010 của lao động trong độ tuổi là 2,88%, trong đó khu vực thành thị là 4,43%, khu vực nông thôn là 2,27% (Năm 2009 các tỷ lệ tương ứng là: 2,9%; 4,6%; 2,25%). Tỷ lệ thiếu việc làm năm 2010 của lao động trong độ tuổi là 4,50%, trong đó khu vực thành thị là 2,04%, khu vực nông thôn là 5,47% (Năm 2009 các tỷ lệ tương ứng là: 5,61%; 3,33%; 6,51%)². Tuy số lượng lao động nông thôn đông hơn nhiều lần so với lao động thành thị, chiếm tới trên 72% nhưng tỷ lệ thất

1. "Tình hình kinh tế - xã hội năm 2009", <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=9458>.

2. "Tình hình kinh tế - xã hội năm 2010", <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=403&idmid=2&ItemID=10835>.

ng nghiệp lại nhỏ hơn vì phần lớn họ là nông dân và các hộ lao động cá thể nhỏ, hoạt động kinh tế nhỏ lẻ, vốn đầu tư ít, chủ yếu sản xuất nông nghiệp nên ít xảy ra thất nghiệp hoặc nếu có cũng rất khó thống kê chính xác. Nhưng đây chính là đối tượng cần được quan tâm hơn cả, bởi mức sống ở nông thôn rất thấp, nếu rơi vào tình trạng không có việc làm thì cuộc sống càng trở nên khó khăn vì không thuộc diện bảo đảm của bảo hiểm thất nghiệp, từ đó càng kéo rộng khoảng cách thành thị và nông thôn.

Nhìn chung, thực trạng việc làm và thất nghiệp của Việt Nam và Trung Quốc cơ bản giống nhau về bản chất, do đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội có nhiều điểm tương đồng. Trong công tác thống kê lao động, thất nghiệp, việc làm của Việt Nam có nhiều ưu điểm so với Trung Quốc. *Một là*, có sự phân định giữa số liệu thống kê thất nghiệp và số liệu thống kê thiếu việc làm. *Hai là*, phân chia số liệu thống kê tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và ở nông thôn. Điều này Trung Quốc không làm được bởi tính phức tạp của cơ cấu lao động và mức độ chuyển dịch lao động nông thôn khó kiểm soát. Việc thống kê này có tác dụng cung cấp tư liệu định hướng các chính sách xã hội đối với nông thôn - khu vực cần sự trợ giúp của nhà nước và xã hội hơn cả.

3. Nguồn quỹ đầu tư và sử dụng cho phát triển xã hội

Cùng với những lợi ích chung hưởng từ nền kinh tế thế giới sau khi gia nhập WTO, Việt Nam cũng chịu nhiều tác

động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 cũng như những tác động chung từ tình hình biến động kinh tế nhanh chóng trên toàn thế giới. Nhưng với những nỗ lực của Chính phủ và toàn dân, đến năm 2010, cũng là năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm 2005 - 2010, Việt Nam được đánh giá là quốc gia sớm vượt qua khủng hoảng kinh tế toàn cầu, nền kinh tế đang trên đà phục hồi nhanh, đời sống kinh tế - xã hội có bước chuyển biến tích cực. Chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng về tốc độ tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát và cơ cấu lại nền kinh tế. Tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 5 năm 2006 - 2010 đạt 7%/năm¹, quy mô GDP năm 2010 tính theo giá thực tế đạt 101,6 tỷ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000, tăng 6,78% so với năm 2009, GDP bình quân theo đầu người đạt 1.168USD/năm².

Cùng với đà tăng trưởng kinh tế, sự phát triển mạnh của nhiều loại hình doanh nghiệp và mức sống người dân được cải thiện, nguồn thu của ngân sách nhà nước cũng trở nên dồi dào, đáp ứng nhu cầu phát triển của mọi ngành nghề. Tính từ năm 2006 - 2011, tổng thu của ngân sách nhà nước tăng từ 279.472 tỷ đồng lên 674.500 tỷ đồng, bằng 113,4% dự toán năm và tăng 20,6% so với năm 2010 (vượt mục tiêu đề ra trong Nghị quyết số 11

1. "*Những điểm sáng nổi bật của Việt Nam năm 2010*", <http://www.tus.com.vn/nhung-diem-sng-noi-bat-cua-viet-nam-nam-2010/>.

2. "*Việt Nam sau 5 năm gia nhập WTO*", <http://laodong.com.vn>.

của Chính phủ là tăng 7 - 8%). Nguồn thu ngân sách nhà nước ngày một lớn là cơ sở để tăng đầu tư cho các lĩnh vực xã hội. Trong đó, hạng mục chi cho phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội luôn chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu chi, cụ thể năm 2006 là 161.852 tỷ đồng; năm 2007 là 211.940 tỷ đồng; năm 2008 là 258.493 tỷ và năm 2009 là 320.501 tỷ đồng, lần lượt chiếm 52,54%; 53,06%; 52,26% và 54,82% trong cơ cấu chi của ngân sách nhà nước (bao gồm chi đầu tư phát triển; chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính)¹. Năm 2010, ước tính tổng chi của ngân sách nhà nước đạt 98,4% dự toán năm, trong đó chi đầu tư phát triển bằng 98,4%; chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể bằng 99,6%; chi trả nợ và viện trợ bằng 114,1%².

Theo đó, dự kiến cơ cấu chi ngân sách nhà nước trong năm 2012 và những năm tiếp theo, ngành Tài chính xác định tiếp tục thực hiện tăng mức chi ngân sách nhà nước đầu tư cho con người, đẩy nhanh quá trình giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Năm 2011, tổng kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội đạt khoảng 84.000 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2010 (trong đó nhóm ngân sách nhà nước

1. "*Niên giám thống kê 2010*", Tổng cục thống kê, Nxb. Thống kê, 2011, tr.65.

2. "*Tình hình kinh tế - xã hội năm 2010*", <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=403&idmid=2&ItemID=10835>.

chi trực tiếp tăng 21%)¹. Cụ thể mức chi cho lương hưu và bảo đảm xã hội tính tiền tăng hàng năm, từ năm 2006 - 2008, mức chi tăng từ 22.157 tỷ đồng lên 50.265 tỷ đồng, chiếm 12,1% tổng thu và chiếm 10,2% tổng chi ngân sách nhà nước. Trong giai đoạn 2003 - 2011, tổng chi cho các chương trình an sinh xã hội từ ngân sách nhà nước ở xu thế luôn tăng mạnh, trung bình mỗi năm chi 95.000 tỷ đồng, bằng 6,6% GDP, trong đó ngân sách nhà nước chiếm 51% tổng chi cho an sinh xã hội². Đó là những con số không nhỏ thể hiện sự quan tâm đầu tư tới lĩnh vực an sinh xã hội và coi trọng phát triển con người ngày một lớn của Đảng và nhà nước ta.

Từ số liệu bảng 3.8 cho thấy, mức độ đầu tư từ ngân sách nhà nước cho một số hạng mục dân sinh ở hai nước Việt Nam và Trung Quốc khá tương đồng. Tổng mức đầu tư cho một số hạng mục dân sinh ở Trung Quốc tuy có cao hơn Việt Nam chút ít (15,38% và 12,86%) nhưng tựu chung có thể thấy, đầu tư cho dân sinh ngày càng chiếm một vị trí quan trọng trong đầu tư phát triển xã hội ở cả hai nước, mức đầu tư đều chiếm một tỷ lệ không nhỏ trong tổng chi của ngân sách nhà nước.

1. "Tăng chi ngân sách Nhà nước cho con người, đảm bảo an sinh xã hội", <http://www.vinanet.com.vn/>.

2. Vũ Văn Phúc (2012), "An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới năm 2020", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 159.

Bảng 3.8: So sánh cơ cấu chi ngân sách nhà nước cho một số hạng mục dân sinh giữa Việt Nam và Trung Quốc năm 2009

Đơn vị: %

Các hạng mục	Việt Nam	Trung Quốc
Y tế	5,23	4,7
Chế độ hưu trí và an sinh xã hội (phúc lợi xã hội, trợ cấp xã hội, ưu đãi xã hội...)	7,63	10,68
Tổng	12,86/100	15,38/100

Nguồn: Niên giám thống kê lao động và an sinh xã hội Trung Quốc 2009; Tổng cục thống kê Việt Nam.

Tỷ trọng chi cho dân sinh chiếm trong GDP không chỉ phản ánh mức độ phát triển và trình độ công bằng xã hội, mà còn thể hiện mức độ điều tiết đối với kết cấu thu nhập quốc dân, từ đó là chỉ tiêu quan trọng theo dõi phúc lợi quốc dân có thể phát triển đồng bộ cùng nền kinh tế quốc dân hay không. Ở Trung Quốc, trong những năm gần đây, Đảng và Chính phủ Trung Quốc đã hướng trọng tâm công tác Chính phủ vào lĩnh vực xã hội, tăng cường đầu tư cho phát triển xã hội, trong đó an sinh xã hội được coi là nhiệm vụ hạt nhân. Tuy nhiên, mức đầu tư của Chính phủ Trung Quốc đối với lĩnh vực này còn hạn chế. Năm 2009, mức đầu tư cho chế độ hưu trí và an sinh xã hội ở Trung Quốc chiếm 10,68% GDP, cao hơn mức đầu tư vào lĩnh vực này ở Việt Nam. Nhìn chung, mức đầu tư của Việt Nam và Trung

Quốc cho an sinh xã hội thấp hơn nhiều so với nhiều quốc gia trên thế giới. Tỷ lệ này ở nhiều quốc gia đạt trên 10%, như Mỹ là 16,8% GDP, Thụy Điển và Phần Lan thậm chí còn đạt tới 35% và 38%¹. Liệu trong thời gian tới, Trung Quốc có thể đạt được mục tiêu an sinh xã hội trong chiến lược "ba bước" đã đặt ra²? Đây cũng là một thách thức đối với Việt Nam trong những năm tới, khi trình độ phát triển của Việt Nam còn thấp, chưa thể dành nhiều kinh phí đầu tư cho an sinh xã hội.

Nhìn từ số liệu bảng 3.9 cho thấy, nguồn thu ngân sách chủ yếu từ nhóm 3, bao gồm, trong đó chủ yếu từ hạng mục y tế và giáo dục. Điều đó hoàn toàn hợp lý khi Trung Quốc ưu tiên đầu tư ngân sách cho giáo dục và y tế.

Mức độ xã hội hoá trong việc huy động đóng góp cho quỹ an sinh xã hội được Trung Quốc tận dụng triệt để. Bên cạnh sự đóng góp của doanh nghiệp và người lao động là chủ yếu, ngoài ra có sự hỗ trợ của nhà nước khi cần thiết, quỹ an sinh xã hội của Trung Quốc còn được đầu tư từ nhiều kênh đa dạng và hiệu quả. Lấy ví dụ quỹ bảo hiểm xã hội, năm 2010, tổng quỹ bảo hiểm xã hội của Trung Quốc đạt 2.388,6 tỷ NDT. Trong đó nguồn quỹ được hình thành từ: tiền gửi chuyên dụng từ tài chính các cấp là 2.031,9 tỷ NDT,

1. Dư Phong Huệ, "*Phương thuốc sai trong việc tăng tiền nộp để bù đắp thiếu hụt Quỹ dưỡng lão*", http://news.xinhuanet.com/comments/2012-10/22/c_113445825.htm.

2. Theo chiến lược này, tức là vào năm 2012, 2020, 2049, mức đầu tư cho an sinh xã hội sẽ lần lượt chiếm 7%, 15% và 25% trong GDP.

tài khoản chi của tổ chức làm bảo hiểm xã hội các cấp và khoản tiền gửi ngân hàng là 141,6 tỷ NDT, khoản thu tạm thời là 75,1 tỷ NDT, khoản quyền góp là 36,9 tỷ NDT, khoản kinh doanh từ quỹ là 36,6 tỷ NDT, khoản tiền gửi thoả thuận là 66,5 tỷ NDT¹.

**Bảng 3.9: Tỷ trọng an sinh xã hội
trong thu ngân sách nhà nước ở Trung Quốc**

Đơn vị: %

Năm	Nhóm 1 (ưu đãi xã hội, cứu trợ xã hội, phúc lợi xã hội, trợ cấp hưu trí)	Nhóm 2 (nhóm 1+ bảo hiểm xã hội)	Nhóm 3 (nhóm 2+ y tế, giáo dục)
2000	11,33	26,91	48,48
2002	13,95	29,57	50,81
2004	11,80	27,37	46,86
2006	11,25	25,67	43,60
2008	11,09	24,62	43,81
2009	11,10	26,46	47,53

Nguồn: Niên giám thống kê tài chính Trung ương, Niên giám thống kê Trung Quốc, Niên giám thống kê sự nghiệp y tế (2000 - 2009).

Trong khi đó, quỹ bảo hiểm xã hội của Việt Nam tuy nguồn thu lớn nhưng chưa tính tới việc tìm cách sinh lời,

1. http://www.gov.cn/gzdt/2011-08/10/content_1923002.htm.

mà chỉ đầu tư vào những hạng mục an toàn, nên nguy cơ nguồn quỹ sẽ bị thu hẹp. Từ trước đến nay, hầu như quỹ chỉ đầu tư bằng cách mua trái phiếu Chính phủ, cho các ngân hàng thương mại vay với lãi suất không kỳ hạn. Năm 2009, quỹ này tồn 95.163 tỷ đồng (bao gồm cả phần cộng dồn từ năm 2008), cho ngân sách nhà nước vay 20.000 tỷ, mua trái phiếu Chính phủ 28.500 tỷ, mua công trái giáo dục 200 tỷ và cho các ngân hàng thương mại của nhà nước vay 46.463 tỷ đồng. Số lãi thu được của năm 2009 khoảng 8.400 tỷ đồng, tỷ lệ lãi trên vốn giảm xuống còn 9,10%. Cứ theo cách thức hoạt động sinh lời an toàn này, theo dự kiến từ năm 2022 số thu vào quỹ hưu trí và tử tuất bằng số chi của quỹ; từ năm 2023 trở đi để đảm bảo chi trả, hai quỹ này sẽ phải trích thêm từ số dư của quỹ, đến năm 2040, số chi có thể sẽ nhiều hơn số thu và nguy cơ "vỡ quỹ" là rất lớn¹.

Bên cạnh đó, quỹ bảo hiểm xã hội ở Việt Nam còn bị chi phối bởi tình trạng chậm đóng, nợ đóng tiền bảo hiểm xã hội, tham gia không đầy đủ hoặc không tham gia bảo hiểm xã hội cho số đối tượng bắt buộc, nhất là khu vực tư nhân xảy ra ở hầu khắp các địa phương trên cả nước. Tình hình này đã ảnh hưởng không nhỏ tới quyền lợi của người lao động và mức độ an toàn của quỹ bảo hiểm xã hội cũng như các hoạt động đầu tư sinh lời của quỹ. Số liệu thống kê cho thấy, một thực trạng đáng lo ngại về quỹ bảo hiểm xã hội ở

1. <http://vneconomy.vn/2010050602363148P0C9920/quy-bao-hiem-xa-hoi-lam-sao-de-loi-nhieu.htm>.

nước ta, năm 2005, số tiền nợ bảo hiểm xã hội là 1.064 tỷ đồng, bằng 6,9% số phải thu; năm 2008 là 2.286,3 tỷ đồng, bằng 6,5% số phải thu; năm 2011 là 3.922,8 tỷ đồng, bằng 4,2% số phải thu. Nguyên nhân chủ yếu là do chế tài xử phạt không nghiêm, cơ quan bảo hiểm xã hội chưa có thẩm quyền thanh tra và xử phạt các đơn vị vi phạm, ngoài ra do nhận thức của chủ sử dụng lao động còn thấp, một bộ phận lao động không hiểu biết về chính sách pháp luật bảo hiểm xã hội¹.

Nhìn chung, nguồn lực an sinh xã hội ở Việt Nam vẫn chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, phạm vi bao phủ và mức hỗ trợ thấp, chưa thích ứng với tốc độ phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Khả năng cân đối thu chi của quỹ an sinh xã hội, trong đó chủ yếu là quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ trợ cấp xã hội còn hạn chế và gặp nhiều thách thức. Các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ở tình trạng báo động bởi nguy cơ thu bù chi trong tương lai không xa. Nguồn lực đầu tư cho an sinh xã hội của nhà nước khó đáp ứng nhu cầu an sinh xã hội ngày càng tăng trong xã hội, trong khi đó khả năng huy động từ các nguồn khác, đặc biệt từ xã hội là hạn chế, đặc biệt là vùng nông thôn.

Tóm lại, từ việc so sánh đối chiếu những chính sách phát triển xã hội giữa Việt Nam và Trung Quốc nêu trên, rút ra nhận xét sau:

1. Vũ Văn Phúc (2012), *"An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới năm 2020"*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 227.

Từ đường lối đến xây dựng và thực hiện chính sách giữa hai nước cơ bản có nhiều điểm chung và đều đang xây dựng nền kinh tế thị trường. Chính sách an sinh xã hội luôn hướng tới công bằng và hiệu quả, thể hiện rõ tiến bộ và công bằng xã hội trong quan điểm phát triển khoa học lấy con người làm gốc ở Trung Quốc và quan điểm coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển ở Việt Nam.

Xét về các chỉ số giàu nghèo, phân bổ nguồn lực an sinh xã hội..., cả Trung Quốc và Việt Nam đều tồn tại những hạn chế không nhỏ, đó là sự phát triển nghiêng lệch ưu tiên thành thị hơn nông thôn, ưu tiên nhóm giàu hơn nhóm nghèo, ưu tiên khu vực chính thức hơn khu vực phi chính thức.

Tuy nhiên, từ hiệu quả chính sách an sinh xã hội ở hai nước có thể thấy, hệ thống an sinh xã hội ở Trung Quốc đã trải qua quá trình phát triển lâu dài hơn Việt Nam, do đó có quá trình cải tổ và đang từng bước hoàn thiện. Mặt khác, hiện nay tốc độ phát triển kinh tế ở nước này đang tăng nhanh, là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, có nguồn dự trữ ngoại tệ lớn. Đó là điều kiện tốt để ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội dành khoản đầu tư không nhỏ cho an sinh xã hội. Ngân quỹ dồi dào là điều kiện thuận lợi để triển khai an sinh xã hội toàn dân. Ở Việt Nam, kinh tế tuy có bước phát triển nhưng vẫn còn ở trình độ thấp so với khu vực và trên thế giới. Các chính sách xã hội gần đây mới được Đảng và nhà nước quan tâm, đặc biệt chính sách an sinh xã hội mới được đề cập trong văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc

lần thứ X (2006). Do vậy, chúng ta chưa có một cơ chế chính sách an sinh xã hội hoàn thiện để vận hành hiệu quả.

Trung Quốc là quốc gia có diện tích lớn, dân số đông gấp nhiều lần so với Việt Nam, nhưng mức độ bao phủ an sinh xã hội cao hơn so với nước ta, chất lượng bao phủ cũng tốt hơn. Đó là do Trung Quốc xây dựng được hệ thống chính sách khoa học, tổ chức quản lý, giám sát và thực hiện chuyên trách, cơ chế luật pháp chặt chẽ và chế tài nghiêm ngặt, đặc biệt đã huy động được sự quyên góp, ủng hộ tự nguyện của xã hội và sự tham gia của đông đảo người dân. Đó là những yếu tố tạo nên sự thành công của an sinh xã hội ở Trung Quốc hơn so với nước ta.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG QUẢN LÝ XÃ HỘI ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM TỚI

Cũng giống như thực trạng nêu trên ở Trung Quốc, trong những năm gần đây kết cấu xã hội Việt Nam cũng có những thay đổi, các tổ chức xã hội ở Việt Nam phát triển khá đa dạng và phong phú. Ví dụ có các hội như Hội khuyến học Việt Nam, Hội người cao tuổi Việt Nam, Hội Đông y Việt Nam v.v..., các liên hiệp hội như Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Việt Nam v.v...¹.

1. Xem thêm Thang Văn Phúc, Nguyễn Minh Phương (đồng Chủ biên), *"Vai trò các tổ chức xã hội đối với phát triển và quản lý xã hội"*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2010, tr. 38, 39.

Ngoài những đặc tính chung của các tổ chức xã hội trên thế giới, các tổ chức xã hội ở Việt Nam còn có những đặc điểm riêng. Như: các tổ chức xã hội nước ta đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và tích cực phối hợp hoạt động với nhà nước; phần lớn các tổ chức xã hội ở Việt Nam đều tham gia Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - một liên minh chính trị xã hội rộng lớn, từ Trung ương đến địa phương; một số tổ chức xã hội được nhà nước hỗ trợ gần như hoàn toàn kinh phí hoạt động, trụ sở làm việc, biên chế cán bộ chuyên trách, thậm chí đội ngũ cán bộ chủ chốt của các tổ chức xã hội thường là cán bộ, công chức nhà nước được "biệt phái" hoặc đã nghỉ hưu trong các cơ quan Đảng, nhà nước, do đó phong cách hoạt động nặng về mệnh lệnh. Ngoài ra, tính hành chính hóa trong mô hình tổ chức và hoạt động thể hiện khá rõ và chậm được khắc phục. Tổ chức hệ thống các cấp và tổ chức bộ máy lãnh đạo, điều hành rập khuôn theo tổ chức hành chính nhà nước¹.

Kinh nghiệm Trung Quốc cho thấy, cùng với sự phát triển kinh tế thị trường, nhiều tổ chức xã hội đã xuất hiện, nhưng chức năng, nhân sự, tài chính, hoạt động đều gắn chặt với Chính phủ (nhà nước) Trung ương và chính quyền địa phương. Điều này ở Trung Quốc đã được nhiều nghiên cứu chỉ ra là chủ nghĩa hợp tác giữa nhà nước, tổ chức

1. Thang Văn Phúc, Nguyễn Minh Phương (đồng Chủ biên), *"Vai trò các tổ chức xã hội đối với phát triển và quản lý xã hội"*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2010, tr. 40, 42.

chức xã hội với thị trường, cũng giống như thực trạng các tổ chức xã hội ở Việt Nam như trình bày trên đây. Như vậy, làm cho các tổ chức xã hội khó phát huy được vai trò của mình, mọi hoạt động đều do nhà nước làm thay, mà nhà nước thì không thể bao biện làm tất cả mọi việc. Trước thực trạng này, Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lần đầu tiên đề ra "nhanh chóng hình thành thể chế tổ chức xã hội hiện đại tách rời giữa Chính phủ và xã hội, quyền hạn trách nhiệm rõ ràng, dựa vào luật pháp để tự trị". Đây là quy luật tất yếu của sự phát triển, nhằm đáp ứng và thích ứng với sự phát triển của xã hội và thị trường thì Chính phủ (nhà nước) phải thay đổi chức năng, chuyển giao nhiều việc không thể làm được cho xã hội làm. Trung Quốc đi trước Việt Nam trong phát triển kinh tế, nay gặp phải vấn đề, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có nhìn nhận thay đổi dần tư duy về vấn đề tổ chức xã hội. Chúng tôi nghĩ rằng, giai đoạn hiện nay Việt Nam cũng ở vào tình trạng nhà nước và xã hội lẫn lộn với nhau không có sự phân tách rõ ràng, sớm muộn Việt Nam cũng nên chính thức công nhận và phát triển tổ chức xã hội nằm ngoài nhà nước và thị trường một cách thực sự. Như vậy, để tạo ra môi trường cho tổ chức xã hội phát triển một cách lành mạnh và quản lý được các tổ chức xã hội thì ngay từ bây giờ Việt Nam phải dần xây dựng cơ sở chính sách, pháp luật quản lý tổ chức xã hội.

Cùng với việc chú trọng phát triển xã hội, cần phải coi trọng công tác quản lý xã hội. Kinh nghiệm Trung Quốc

cho thấy, sau 30 năm cải cách mở cửa, kinh tế phát triển, xã hội từng bước được chú ý phát triển, Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2007, lần đầu tiên đưa vấn đề "xây dựng xã hội với cải thiện dân sinh làm trọng điểm" trở thành một nội dung quan trọng trong Báo cáo Chính trị, đến Đại hội XVIII Đảng Cộng sản Trung Quốc lần đầu tiên gắn "cải thiện dân sinh với sáng tạo mới quản lý xã hội để tăng cường xây dựng xã hội" trở thành một phần trong báo cáo Chính trị. Như vậy cho thấy, cách tiếp cận của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong những năm tới là cùng với chú trọng đến cải thiện dân sinh, là chú trọng đến cải cách thể chế quản lý xã hội, hai vấn đề này đặt ngang hàng nhau. Điều này chưa hề có trước đây. Thực tiễn ở Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ XXI cho thấy, công tác quản lý xã hội còn nhiều bất cập, chưa theo kịp sự phát triển của xã hội. Do vậy, song song với phát triển xã hội là phải xây dựng và thay đổi phương thức quản lý xã hội cho phù hợp với tình hình thực tế. Từ thực tiễn này, như chương II đã trình bày, trong những năm tới đây Trung Quốc sẽ chú trọng đến quản lý xã hội, trong đó có việc tăng cường chức năng dịch vụ xã hội của nhà nước, phát huy vai trò quản lý xã hội của khu dân cư, nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm tra giám sát v.v... So sánh với Việt Nam hiện nay, chúng tôi thấy rằng, hệ thống chính sách quản lý xã hội ở Việt Nam cũng ở vào tình trạng chưa tương thích với sự phát triển xã hội. Trong đó phải kể đến, việc cải cách bộ máy quản lý kinh tế - xã hội ở nhiều ngành, nhiều địa phương chưa đạt yêu cầu đề ra. Hệ thống pháp luật, chính sách tuy được ban hành không ít

nhưng vẫn chưa đồng bộ. Giữa các đạo luật, chính sách và các văn bản hướng dẫn thi hành vừa có nhiều chồng chéo, mâu thuẫn nhau, gây khó khăn cho những người làm ăn chân chính, vừa tồn tại không ít sơ hở cho kẻ xấu lợi dụng. Thậm chí, một số quan điểm chỉ đạo xây dựng và thực thi pháp luật, chính sách có những lệch lạc, sai sót nhưng rất chậm được phát hiện và điều chỉnh nên đã dẫn đến những hệ lụy không mong muốn¹. Cho nên trong những năm tới đây, Việt Nam phải coi trọng công tác quản lý xã hội, từ đó góp phần giữ vững ổn định xã hội, tạo tiền đề cho kinh tế phát triển.

Việt Nam muốn phát triển thì cần phải ổn định về chính trị, xã hội, để giữ được ổn định về chính trị và xã hội thì cần phải chú trọng đến lợi ích của người dân, đến nhu cầu dân chủ trong quá trình phát triển. Đồng thời cũng phải chú trọng đến việc xây dựng thể chế quản lý xã hội tương thích với trình độ phát triển của đất nước. Việt Nam không thể để xảy ra "Sự kiện Thiên An Môn" bởi bối cảnh quốc tế, khu vực và với thực lực của chúng ta hiện nay càng không cho phép chúng ta để xảy ra bất ổn xã hội và chính trị.

Trong cải cách hệ thống chính sách quản lý xã hội cần phải có cơ chế trị tận gốc những vấn đề không còn phù

1. Phạm Xuân Nam, *"Những nhân tố chủ yếu tác động đến phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam từ năm 2011 đến 2020"*, trong sách Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), *"Luận cứ và giải pháp phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta thời kỳ đổi mới"*, Nxb.Chính trị quốc gia, 2010, tr. 442 - 543.

hợp, quản lý động thái và xử lý khẩn cấp. Trong giai đoạn hiện nay và những năm tới, Việt Nam sẽ đứng trước cơ hội và thời cơ phát triển quan trọng, nhưng chắc chắn sẽ bộc lộ nhiều vấn đề trong hệ thống quản lý xã hội và có thể sẽ lúng túng trước những biến đổi nhanh chóng của xã hội. Từ kinh nghiệm Trung Quốc cho thấy, nhiều vấn đề bất cập, không tương thích trong hệ thống quản lý xã hội, Đảng Cộng sản và Chính phủ Trung Quốc đều biết, thế nhưng không giải quyết triệt để, dẫn đến tình trạng dân vết thương, chứ không chữa trị tận gốc, cứ để lỗi hệ thống từ nhiệm kỳ lãnh đạo này chuyển sang nhiệm kỳ lãnh đạo khác, nên vấn đề bất cập cứ thế kéo dài. Như vậy, những mâu thuẫn cứ thế tích tụ, đến lúc nào đó tức nước vỡ bờ, trường hợp ở Ô Khảm thuộc tỉnh Quảng Đông là một ví dụ điển hình, nếu chỉ nhìn nhận là vấn đề hủ bại của quan chức địa phương rồi cắt chức quan chức địa phương là xong thì vẫn chưa phải là trị tận gốc. Vấn đề là ở chỗ tại sao quan chức địa phương đó lại hủ bại, câu trả lời là ở chỗ cơ chế chính sách quản lý xã hội chưa chặt chẽ, minh bạch tạo cơ hội cho cán bộ có cơ hội hủ bại. Do vậy, ở Việt Nam cũng vậy, cần phải nhìn nhận và xử lý vấn đề tận gốc, đó là phải phẫu thuật chứ không chỉ chữa trị vết thương cắt chức vài quan chức, mà là sửa đổi lại hệ thống chính sách, pháp luật liên quan, làm cho việc thực hiện chủ trương, đường lối chính sách đều minh bạch dưới sự giám sát của nhân dân. Như trên đã nêu, trong những năm tới, làm thế nào để kịp thời xử lý những vấn đề mới phát sinh trong quản lý xã hội. Ví dụ như trong thời đại thông

tin hiện nay, có những vấn đề mâu thuẫn xảy ra mang tính đột biến từ đốm lửa nhỏ lan rộng ra thành đám cháy lớn, một địa phương không dập tắt được, thì phải cần có nhiều địa phương phải phối hợp thì mới dập tắt được, nhưng nếu không có cơ chế phối hợp ứng phó kịp thời, khẩn cấp thì không những đám cháy không được dập tắt mà còn lan rộng hơn. Do vậy, Việt Nam cần chú ý xây dựng cơ chế quản lý động thái xã hội, ứng phó khẩn cấp thì mới có thể giữ vững được ổn định xã hội trong thời gian tới.

Ngoài ra, trong những năm tới đây, cùng với xu thế hội nhập, Việt Nam cũng sẽ gặp phải nhiều vấn đề, không chỉ trong kinh tế mà còn cả trong văn hóa, bảo vệ môi trường, phòng chống tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm công nghệ cao, v.v... Ngoài ra, tình trạng xuống cấp về tư tưởng, đạo đức và lối sống trong một bộ phận dân cư, kể cả một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên vẫn chưa được ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả. Quản lý nhà nước trong các lĩnh vực hoạt động văn hóa - nghệ thuật, thông tin, báo chí còn bộc lộ không ít yếu kém, bất cập¹. Điều này cũng giống như Trung Quốc phải đối mặt đã được trình bày ở Chương I. Chính vì vậy đòi hỏi Việt Nam phải tăng cường và nâng cao năng lực trong công tác quản lý xã hội về mặt hội nhập, văn hóa.

1. Phạm Xuân Nam, "*Những nhân tố chủ yếu tác động đến phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam từ năm 2011 đến 2020*", trong sách Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), "*Luận cứ và giải pháp phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta thời kỳ đổi mới*", Nxb.Chính trị quốc gia, 2010, tr. 546, 547.

IV. VẤN ĐỀ DÂN TỘC ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM TỚI

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng có nhiều điểm tương đồng, vấn đề dân tộc của hai nước cũng có nhiều điểm chung. Trước hết, về đặc điểm dân tộc học và địa lý, cả Trung Quốc và Việt Nam đều là những quốc gia đa dân tộc (Trung Quốc có 56 dân tộc, Việt Nam có 54 dân tộc), đa tôn giáo (ở hai nước đều có đầy đủ các tôn giáo lớn trên thế giới như Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo...), trong đó các dân tộc thiểu số ở cả hai nước phần lớn cư trú ở các vùng cao, miền núi, các vùng biên giới trọng yếu, điều kiện địa lý khó khăn, trình độ phát triển kinh tế - xã hội thấp. Hơn nữa, do tính chất phức tạp của vấn đề dân tộc, mà một trong số đó được thể hiện ở chỗ các phân tử ly khai, các thế lực thù địch nước ngoài lợi dụng vấn đề dân tộc, tín ngưỡng tôn giáo, nhân quyền làm công cụ để tiến hành các hoạt động chống phá các nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có hai nước Việt Nam, Trung Quốc. Chính vì đặc điểm đó nên vấn đề dân tộc trở thành vấn đề xã hội quan trọng, là nhân tố có ảnh hưởng sâu sắc đến sinh hoạt văn hoá, đời sống chính trị - xã hội của cả Việt Nam và Trung Quốc, hơn thế nữa nó còn có liên quan đến an ninh quốc phòng, bảo vệ biên giới, toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất quốc gia của mỗi nước.

Còn về chính sách dân tộc cũng giống như Trung Quốc, Đảng và Nhà nước ta rất coi trọng vấn đề dân tộc coi nó là vấn đề chiến lược lâu dài của cách mạng và sự phát triển của mối quan hệ dân tộc, là nội dung đặc biệt quan trọng

của quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để giải quyết tốt các vấn đề về dân tộc, tự do tín ngưỡng, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã rất chú trọng thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc. Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nêu rõ: "Thực dân và phong kiến thi hành các chính sách chia rẽ đồng bào các dân tộc, đồng bào Lương và Giáo, để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: tín ngưỡng tự do và Lương Giáo đoàn kết. Quan điểm trên đồng thời đã được quán triệt, cụ thể hoá thông qua các chủ trương, chính sách của Đảng và hệ thống hiến pháp, pháp luật của Nhà nước". Gần đây, các kỳ Đại hội IX, X, XI của Đảng Cộng sản Việt Nam đều đã khẳng định: "Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là thực hiện tốt chính sách các dân tộc, tôn giáo bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giúp nhau cùng phát triển; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói giảm nghèo, mở mang dân trí, giữ gìn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hoá, truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Chống kỳ thị, chia rẽ dân tộc; chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi; khắc phục tư tưởng tự ti, mặc cảm... Vấn đề dân tộc, tôn giáo và đoàn kết dân tộc luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng nước nhà"¹.

1. "Tăng cường quốc phòng, an ninh làm thất bại hoạt động lợi dụng tôn giáo, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam trong tình hình mới", trang web của Ban Tôn giáo Chính phủ, <http://gov.vn>.

Như vậy, có thể thấy, chính sách dân tộc của Việt Nam và Trung Quốc cơ bản là giống nhau về bản chất, Đảng và Nhà nước của hai nước đều xác định rõ tầm quan trọng, vai trò và sự phức tạp của công tác dân tộc trong việc ổn định tình hình chính trị xã hội trong nước, cũng như bảo vệ an ninh quốc phòng, biên giới lãnh thổ quốc gia. Tuy nhiên, qua nghiên cứu vấn đề dân tộc của Trung Quốc và đối chiếu với tình hình thực tế trong nước của Việt Nam, có thể rút ra một số điểm khác nhau cơ bản trong vấn đề dân tộc của nước ta với Trung Quốc như sau:

Về đặc điểm địa lý, phân bố, sự phân biệt khu vực dân tộc thiểu số của Trung Quốc rõ rệt hơn Việt Nam rất nhiều. Ở Trung Quốc, có những khu tự trị rộng lớn của một số dân tộc thiểu số, như Khu tự trị dân tộc Tạng ở Tây Tạng, Khu tự trị dân tộc Duy Ngô Nhĩ ở Tân Cương, Khu tự trị dân tộc Hồi ở Ninh Hạ..., với dân số khá đông, lãnh thổ rộng lớn. Còn ở Việt Nam, không có các khu tự trị dân tộc như ở Trung Quốc. Mặc dù các dân tộc thiểu số cũng sống tập trung thành từng nhóm cộng đồng đan xen với người Kinh, nhưng so với Trung Quốc, quy mô nhỏ hơn rất nhiều. Theo thống kê, ở Việt Nam chưa có một cộng đồng dân tộc thiểu số nào cư trú với quy mô lớn tương đương bằng một tỉnh. Đặc điểm này cùng với sự phức tạp của một quốc gia có lãnh thổ rộng lớn, dân số đông nhất thế giới là lý do quan trọng khiến cho vấn đề dân tộc, đòi tự trị dân tộc của Trung Quốc (như đòi độc lập cho Tây Tạng, Tân Cương, Nội Mông được coi là vấn đề lớn nhất về dân tộc của

Trung Quốc hiện nay) diễn ra gay gắt hơn Việt Nam chúng ta rất nhiều.

Ngoài ra, cũng cần nhìn nhận sự khác nhau căn bản giữa Việt Nam và Trung Quốc trong công tác dân tộc, tôn giáo đó là vấn đề dân tộc của Trung Quốc gắn liền với vấn đề tôn giáo. Vốn dĩ dân tộc và tôn giáo là hai khái niệm khác nhau, nhưng ở Trung Quốc, mối quan hệ của hai vấn đề này có sự đan xen, hoà quyện với nhau, đặc biệt là vấn đề tôn giáo ở một số khu tự trị của dân tộc thiểu số, như Phật giáo ở Khu tự trị Tây Tạng, Hồi giáo ở Khu tự trị Tân Cương. Tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội ở những khu vực này chịu ảnh hưởng sâu sắc của tôn giáo, khiến cho ý thức dân tộc, tình cảm dân tộc có sự giao thoa, hoà trộn với ý thức tôn giáo, tình cảm tôn giáo. Tôn giáo khiến cho một dân tộc có sức quy tụ liên kết, còn dân tộc khiến cho tôn giáo có sức sống mãnh liệt. Dân tộc mượn tôn giáo để đề cao cá tính, còn tôn giáo lại mang tính chất dân tộc, đòi tự trị mạnh mẽ, đó chính là một đặc điểm quan trọng nổi bật của vấn đề dân tộc tôn giáo ở các khu vực dân tộc thiểu số của Trung Quốc. Điều này phần nào đó tạo nên tính chất cực đoan tôn giáo ở một số khu vực của Trung Quốc, khiến cho vấn đề dân tộc, tôn giáo của Trung Quốc tiềm ẩn nhiều mối nguy hiểm, gay go hơn so với ở Việt Nam. Nhưng cũng không thể phủ nhận, trong thời gian qua, vấn đề mâu thuẫn dân tộc và tôn giáo cũng đang diễn biến phức tạp ở một số khu vực như Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, trở thành công cụ để các thế lực chống đối chế độ lợi dụng.

Với đặc điểm và tính chất như trên, nên cho dù về bản chất chính sách dân tộc của hai nước cơ bản là giống nhau, nhưng trong tổ chức thực hiện có sự khác biệt. Ở Việt Nam, tự do tín ngưỡng tôn giáo ở các khu vực dân tộc thiểu số, việc bảo tồn gìn giữ văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số được Đảng và Nhà nước ta tôn trọng. Còn ở Trung Quốc, với tính chất phức tạp của vấn đề dân tộc và tôn giáo trong việc bảo vệ an ninh quốc gia, biên giới lãnh thổ và sự thống nhất đất nước, Đảng và Nhà nước Trung Quốc đã có nhiều biện pháp cứng rắn. Có thể điều này phần nào đã gây ra một số phản ứng của các dân tộc thiểu số ở một số nơi trên đất nước rộng lớn của Trung Quốc, dẫn đến tình trạng các cuộc biểu tình, gây rối, bạo động xã hội diễn ra trong thời gian qua.

Tuy nhiên, từ kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc xử lý vấn đề dân tộc và so sánh thực tiễn vấn đề dân tộc của hai nước nêu trên, chúng tôi có thể nêu ra vấn đề đặt ra cho Việt Nam như sau:

Theo chúng tôi, đáng quan tâm nhất đó là việc xử lý hài hoà lợi ích giữa các dân tộc. Trong thời gian qua, để phục vụ cho mục tiêu phát triển nhanh chóng, Trung Quốc đã khai thác quá mức sức lao động và tài nguyên thiên nhiên ở các khu vực dân tộc thiểu số ở miền Tây - nơi có nhiều tài nguyên, khiến cho tài nguyên cạn kiệt và môi trường ô nhiễm, làm người dân những vùng sâu vùng xa như Tân Cương, Tây Tạng, Nội Mông... cảm thấy bất mãn. Hơn nữa, cùng với việc phát triển kinh tế, dẫn đến tình trạng di dân của

người Hán đến các khu vực này, cùng với các chính sách của nhà nước, người dân tộc thiểu số cho rằng việc người Hán di cư đến đã chiếm mất đất của họ, xâm phạm đến tập tục văn hoá truyền thống của họ. Ví dụ như ở Tân Cương, từ chỗ chỉ có 4% dân số là người Hán vào năm 1949, đến nay đã có hơn 40% dân số là người Hán với hơn 8 triệu người. Những người bản địa bị người Hán áp đảo về mặt dân số, kinh tế, chính trị và văn hoá ngay trên mảnh đất tổ tiên của mình. Và đây chính là một trong những nguyên nhân của các cuộc bạo loạn xảy ra ở Trung Quốc trong mấy năm trở lại đây. Đây là một bài học cảnh báo cho Việt Nam nếu không cẩn thận thì một số dự án khai thác khoáng sản ở Tây Nguyên, Tây Bắc sẽ gây ra một số bất ổn xã hội ở các khu vực này.

Đồng thời, Việt Nam luôn phải chú ý đến chính sách hòa hợp dân tộc, giải quyết thận trọng, linh hoạt vấn đề dân tộc. Xử lý tốt vấn đề dân tộc sẽ giúp hòa hợp được dân tộc, ổn định, phát triển đất nước, nhưng nếu không xử lý tốt thì vấn đề dân tộc rất dễ gây ra mất ổn định xã hội.

KẾT LUẬN

Như vậy, qua nghiên cứu xã hội trong quá trình trỗi dậy của Trung Quốc, phân tích đánh giá thực trạng xã hội Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ XXI và triển vọng phát triển xã hội của Trung Quốc trong 10 năm tiếp theo của thế kỷ XXI, từ đó đối chiếu với thực trạng phát triển xã hội Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, đưa ra một số dự báo, cảnh báo đối với phát triển xã hội ở Việt Nam trong những năm tới, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

1. Xã hội Trung Quốc trong quá trình trỗi dậy 20 năm đầu thế kỷ XXI

Trong 10 năm đầu thế kỷ XXI, sự phát triển xã hội của Trung Quốc chịu ảnh hưởng của các nhân tố như: phát triển kinh tế đã phần nào lôi kéo theo sự phát triển xã hội. Cùng với sự phát triển kinh tế trong 10 năm đầu thế kỷ XXI Đảng và Chính phủ Trung Quốc đã quan tâm, thúc đẩy phát triển xã hội, quản lý xã hội, giữ được ổn định xã hội. Trong môi trường chính trị ổn định, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc nhiều mâu thuẫn, xung đột trong xã hội được giải quyết trong đó có cả những mâu thuẫn về lợi ích giữa người dân với chính quyền, mâu thuẫn về dân tộc tôn giáo.

Đồng thời cũng trong 10 năm đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc hội nhập sâu rộng với thế giới, điều này đã có những ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển xã hội của Trung Quốc. Như hội nhập kinh tế, làm cho nền kinh tế của Trung Quốc phát triển, quan niệm của đông đảo người dân có sự thay đổi, hướng tới cởi mở, minh bạch và tuân thủ luật pháp quốc tế, tiếp thu những tinh hoa của nhân loại.

Với những ảnh hưởng tích cực nêu trên, trong 10 năm đầu thế kỷ XXI, đã làm cho kết cấu xã hội Trung Quốc cũng có những thay đổi theo chiều hướng tích cực. Kết cấu dân số của Trung Quốc bắt đầu có nét đặc trưng mang tính hiện đại, tổ chức người dân được tăng lên rõ rệt. Cơ cấu việc làm đang trong quá trình chuyển biến từ một xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp, số lượng tổ chức xã hội không ngừng tăng lên, số lượng người thuộc tầng lớp trung lưu cũng không ngừng tăng lên, kết cấu tiêu dùng của người dân có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, kết cấu phân tầng xã hội thay đổi theo chiều hướng đa nguyên hóa. Đáng chú ý là tỷ lệ đô thị hóa ở Trung Quốc không ngừng tăng lên trong 10 năm đầu thế kỷ XXI, đến thời điểm hiện nay vượt ngưỡng 50%. Cùng với đô thị hóa là tiến trình công nghiệp hóa, thông tin hóa, thị trường hóa không ngừng được phát triển v.v...

Đồng thời, trong 10 năm đầu thế kỷ XXI, vấn đề dân sinh ở Trung Quốc không ngừng được cải thiện. Trong đó có vấn đề an sinh xã hội, diện bao phủ các loại hình bảo hiểm

xã hội, y tế được mở rộng cả ở thành thị lẫn nông thôn. Đầu tư của nhà nước cho y tế, giáo dục không ngừng tăng lên, số việc làm mới được tạo ra nhiều hơn qua các năm, tình trạng khó khăn về nhà ở cũng từng bước được cải thiện, nhất là đối với những người có thu nhập thấp v.v...

Tất cả những điều này đã, đang và sẽ góp phần và tạo sự bảo đảm cho sự trỗi dậy của Trung Quốc trong những năm gần đây và 10 năm tiếp theo của thế kỷ XXI.

Tuy nhiên, đằng sau những tiến bộ về phát triển xã hội nêu trên trong 10 năm đầu thế kỷ XXI, xã hội Trung Quốc cũng gặp không ít vấn đề gây cản trở đến sự trỗi dậy của Trung Quốc. Đây cũng là những vấn đề nảy sinh trong quá trình chuyển đổi cả về mô hình phát triển kinh tế, hướng tới nền kinh tế thị trường hiện đại và tiến trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, quốc tế hóa của Trung Quốc.

Một là, phát triển kinh tế thị trường, chạy theo chủ nghĩa GDP ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội, như chênh lệch phân phối thu nhập, chênh lệch giàu nghèo, mâu thuẫn lợi ích giữa người dân với chính quyền, tội phạm kinh tế không ngừng gia tăng. Một số lĩnh vực liên quan đến vấn đề dân sinh cấp thiết của người dân bị thị trường hóa một cách quá mức, trong đó có lĩnh vực y tế và giáo dục.

Hai là, hệ thống quản lý xã hội chưa tương thích với nền kinh tế thị trường, vấn đề mâu thuẫn dân tộc, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa ly khai vẫn tồn tại và phát triển ở Trung Quốc

trong giai đoạn hiện nay. Điều này hiện đang là vấn đề nhức nhối làm đau đầu các nhà lãnh đạo Trung Quốc.

Ba là, cùng với hội nhập, mở cửa, văn hóa truyền thống của Trung Quốc cũng đã chịu nhiều ảnh hưởng từ bên ngoài, như chủ nghĩa đồng tiền, chủ nghĩa cá nhân đang trở thành phổ biến ở Trung Quốc. Chính điều này làm giảm đi những giá trị của văn hóa Trung Quốc.

Bốn là, nhìn vào kết cấu xã hội hiện nay cho thấy, cơ cấu dân số của Trung Quốc ngày càng già hóa, chính sách một con của Trung Quốc đã làm cho Trung Quốc mất dần lợi thế về dân số trẻ trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Điều này cũng đồng nghĩa với sự gia tăng về áp lực đối với hệ thống an sinh xã hội của Trung Quốc.

Năm là, chính sự phát triển không đồng đều giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền đã làm cho các nguồn lực đầu tư vào giải quyết vấn đề dân sinh không đồng đều, làm cho người dân ở khu vực kém phát triển ít được hưởng thành quả của phát triển, nhất là trong lĩnh vực y tế, giáo dục.

Trong những năm tới, nhất là giai đoạn 2011 - 2020, Trung Quốc sẽ tiếp tục hội nhập sâu với thế giới, nền kinh tế của Trung Quốc được dự đoán là tiếp tục tăng trưởng. Điều này sẽ lôi kéo sự phát triển xã hội của Trung Quốc trong những năm tới. Hiển nhiên là sẽ góp phần quan trọng vào sự lớn mạnh về sức mạnh tổng hợp và sự trỗi dậy của Trung Quốc.

Với một nhà nước mạnh gồm những tinh anh của tập thể lãnh đạo thứ năm trong Đảng Cộng sản Trung Quốc đang bắt đầu kêu gọi cải cách chính trị và từ thực tiễn 10 năm đầu thế kỷ XXI cho thấy, trong 10 năm tới xã hội Trung Quốc vẫn duy trì được ổn định, mặc dù cũng có những mâu thuẫn cục bộ. Điều này sẽ tạo điều kiện ổn định cho xã hội Trung Quốc tiếp tục phát triển.

Trên cơ sở những kinh nghiệm và thành tựu đã đạt được cùng với quá trình hoàn thiện từng bước hệ thống an sinh xã hội trong 10 năm đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc sẽ thực hiện được nhiều mục tiêu trong chiến lược xoá đói giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2020. Trung Quốc sẽ nâng cao một bước chất lượng sống của đông đảo người lao động; điều chỉnh cân bằng hơn trình độ phát triển giữa các khu vực; về tổng thể, công tác xoá đói giảm nghèo của Trung Quốc sẽ đạt được mục tiêu căn bản và bền vững.

Trong 10 năm tới, Trung Quốc đã và sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, vì mục tiêu "lấy con người làm gốc". An sinh xã hội là yếu tố quan trọng góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng sống người dân, duy trì mức sống tối thiểu cho nhóm người thuộc giai tầng yếu thế. Chính bởi lẽ đó, có thể coi an sinh là phương thức điều hoà, cân bằng lợi ích, khi cơ cấu xã hội đang diễn biến theo xu hướng phân cực rõ nét, trong điều kiện kinh tế thị trường chưa thật sự hoàn thiện ở Trung Quốc. Nói cách khác, an sinh xã hội chính là "con đường huyết mạch" xuyên suốt

quá trình hướng tới mục tiêu xây dựng xã hội hài hoà, cùng giàu có của Trung Quốc trong giai đoạn 2011-2020 và những giai đoạn tiếp theo.

Đồng thời, Trung Quốc sẽ nỗ lực thực hiện những đột phá quan trọng nhất trong lĩnh vực quản lý xã hội. Đó là nâng cao chức năng quản trị xã hội của nhà nước; khuyến khích sự tham gia quản lý xã hội của khu dân cư và các tổ chức xã hội; phát huy vai trò và chức năng của hệ thống giám sát xã hội. Mục tiêu quản lý xã hội của Trung Quốc là điều hoà lợi ích, cung ứng dịch vụ công, giải quyết các vấn đề tồn đọng trong xã hội, nâng cao chất lượng sống người dân và đảm bảo công bằng xã hội, tiến tới thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội hài hoà xã hội chủ nghĩa.

Dù còn không ít khó khăn và hạn chế, từ kinh nghiệm 10 năm đầu thế kỷ XXI, có thể dự đoán rằng, Trung Quốc sẽ đạt được những mục tiêu cơ bản đã đề ra trong giai đoạn từ nay đến năm 2020. Đời sống đông đảo người dân Trung Quốc sẽ được cải thiện và nâng cao đáng kể; tiến bộ và văn minh xã hội được thể hiện rõ nét; trật tự an toàn xã hội được đảm bảo hơn; kỷ cương, nề nếp xã hội sẽ có nhiều chuyển biến tích cực... Đó là những yếu tố cực kỳ quan trọng, đặt cơ sở vững chắc cho những bước đi tiếp theo trong công cuộc xây dựng và phát triển xã hội của Trung Quốc.

Tuy nhiên, trong 10 năm tới Trung Quốc cũng phải đối mặt với không ít những vấn đề tiêu cực, ảnh hưởng đến sự trỗi dậy của Trung Quốc. Đó là những nhân tố trong và ngoài

nước sẽ tiếp tục ảnh hưởng xấu đến sự phát triển xã hội của Trung Quốc. Trong đó phải kể đến vấn đề mâu thuẫn dân tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, những hạn chế trong hội nhập với thế giới; nhiều vấn đề gai góc về bất bình đẳng xã hội chưa thể giải quyết vào thời điểm Trung Quốc dự định hoàn thành mục tiêu xây dựng xã hội khá giả toàn diện (năm 2020). *Thứ nhất*, chênh lệch thu nhập giữa các tầng lớp cư dân vẫn là vấn đề khó tháo gỡ trong giai đoạn 2011 - 2020. *Thứ hai*, không thể giải quyết triệt để vấn đề chênh lệch vùng miền trong thời gian 10 năm hay 20 năm. *Thứ ba*, việc làm vẫn là vấn đề khó khăn trong nhiều năm tới.

2. Dự báo về xu hướng và những vấn đề đặt ra đối với phát triển xã hội Việt Nam trong những năm tới đây

Giống như công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc, sự nghiệp đổi mới hơn 25 năm qua đã giúp Việt Nam đạt được nhiều thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội. Chính trị - xã hội ổn định, kinh tế tăng trưởng nhanh, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, thể chế kinh tế thị trường tiếp tục được hoàn thiện. Cùng với tác động của các chính sách kinh tế và chính sách xã hội theo đường lối đổi mới đã làm cho các *phân hệ cơ cấu xã hội cơ bản của nước ta có những chuyển biến rõ rệt theo chiều hướng tiến bộ*, từ cơ cấu dân số, cơ cấu gia đình đến cơ cấu việc làm, cơ cấu phân phối thu nhập, cơ cấu phân tầng xã hội, cơ cấu thành thị - nông thôn... Tuy nhiên, theo nghiên cứu của các nhà khoa học, cũng giống như Trung Quốc, cho đến nay, *cơ cấu*

xã hội của Việt Nam vẫn chưa đáp ứng được những chuẩn mực của một cơ cấu xã hội hiện đại.

Về cơ cấu dân số: Việt Nam đang chạm tay vào cơ hội cơ cấu dân số vàng, điều chỉ xảy ra một lần trong lịch sử nhân khẩu học của mỗi quốc gia - dự kiến sẽ kéo dài đến năm 2040, là thời kỳ chứa đựng nhiều cơ hội cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, nếu tận dụng tốt sẽ là yếu tố quan trọng để hoàn thành mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Tuy nhiên cũng cần nhận thấy rằng, dân số lớn, một mặt tạo ra nguồn nhân lực dồi dào để tăng trưởng kinh tế, nhưng mặt khác cũng gây áp lực lớn đối với hệ thống cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục và tạo việc làm. Những nơi đông dân mức độ cạnh tranh xã hội thường rất cao, người lao động có thể dễ tìm việc và cũng rất dễ mất việc. Ngoài ra, dù có lực lượng lao động trẻ quy mô lớn nhưng không có trình độ chuyên môn kỹ thuật, không có việc làm ổn định thì cơ hội dân số vàng vẫn chỉ là cơ hội trên giấy.

Dân số Việt Nam đang có xu thế già hóa, chỉ số già hóa của Việt đã tăng từ 24,3% năm 1999 lên 35,5% năm 2009 và sẽ tiếp tục tăng nhanh trong tương lai. Chênh lệch về số lượng người già và trẻ em sẽ ngày càng lớn. Đến khoảng năm 2047, số người già sẽ tăng bằng khoảng 1,5 lần số trẻ em. Mặc dù già hoá chưa phải là vấn đề cấp bách ở thời điểm hiện tại, song hai nước Việt Nam - Trung Quốc đang đứng trước nguy cơ già hoá dân số. Việt Nam sẽ bắt đầu bước vào giai đoạn xã hội già hoá từ năm 2020, và xã hội

cao tuổi từ năm 2045. Trung Quốc sẽ bắt đầu bước vào giai đoạn sụt giảm dân số lao động trong giai đoạn từ năm 2015 - 2020, còn Việt Nam sẽ vào khoảng từ năm 2035 - 2040, tạo áp lực cho hệ thống an sinh xã hội cũng như sự phát triển xã hội.

Về cơ cấu gia đình: Các nghiên cứu về gia đình cho thấy, mặc dù có những vấn đề cần đặc biệt quan tâm và sớm có giải pháp điều chỉnh, nhưng những biến đổi của gia đình Việt Nam hiện nay vẫn trong khung cảnh tôn vinh và làm mới các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, tiếp nhận một cách chủ động các giá trị văn hóa của gia đình hiện đại.

Cùng với việc thực hiện chính sách kế hoạch hoá gia đình, xu hướng biến đổi chung của hộ gia đình Việt Nam trong thời gian qua là giảm quy mô hộ, tỷ lệ phụ thuộc trong hộ giảm. *Đó là đặc điểm phổ biến của hộ gia đình ở những trường hợp dân số đã hoàn thành quá trình quá độ.*

Có thể nói, cơ cấu gia đình của Việt Nam cũng có những biến đổi theo xu hướng phù hợp với xã hội hiện đại và mang chức năng tích cực như cơ cấu gia đình của Trung Quốc như đã nêu trên, nhưng so với Trung Quốc, quy mô hộ gia đình của Việt Nam lớn hơn (trung bình mỗi hộ là 3,17 người). Do đặc thù riêng về quy mô dân số cũng như chính sách về dân số của Việt Nam khác so với Trung Quốc, nên số con của mỗi hộ gia đình Việt Nam cũng lớn hơn của Trung Quốc. Do vậy có thể nói, *cơ cấu gia đình của Việt Nam hiện nay cũng như trong thời gian tới sẽ chưa gặp phải một*

số vấn đề mà Trung Quốc phải đối mặt như việc gánh nặng phụng dưỡng của thế hệ con cháu với ông bà bố mẹ (mô hình cơ cấu gia đình ở thành thị Trung Quốc là 4-2-1: ông bà nội ngoại, bố mẹ và con cái)... Mặt khác, vào thời điểm hiện nay, con người Việt Nam vẫn coi hôn nhân là sự kiện trọng đại, thiêng liêng và gia đình là phương thức sinh sống quan trọng nhất của hầu như tất cả mọi người. Do vậy tình trạng gia đình độc thân, gia đình tổ trống ở Việt Nam chưa phổ biến như ở Trung Quốc. Mặc dù chịu tác động nhiều chiều của cơ chế thị trường và toàn cầu hóa, nhưng hiện tại, gia đình Việt Nam vẫn là một giá trị bền vững và có sức sống mạnh mẽ trong 10 năm tới. Nó vẫn là nền tảng, là tế bào của xã hội.

Cơ cấu việc làm: Theo tính toán, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội nước ta đang giảm trung bình từ 1% - 1,5%/1 năm. Theo dự báo, đến năm 2020, tỷ lệ lao động nông nghiệp nước ta sẽ còn khoảng 30%. Có thể nói, xu hướng giảm dần số lượng, tỷ lệ lao động nông nghiệp và nông dân là hệ quả tất yếu của sự phát triển chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong cả nước và từng địa phương theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Xu hướng này là xu hướng tất yếu, phù hợp với quy luật chung đang diễn ra ở các nước đang phát triển, xuất phát từ một nền nông nghiệp như nước ta.

Cơ cấu phân phối thu nhập: Giống như Trung Quốc, sau hơn 25 năm chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung,

quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ cấu phân phối thu nhập của Việt Nam đã có những biến đổi sâu sắc. Từ một xã hội bình quân về mức sống, "chia đều sự nghèo khổ" đến một xã hội có sự phân hoá giàu nghèo, từ một chế độ phân phối thu nhập bình quân chủ nghĩa sang chế độ phân phối nhiều hình thức phân phối cùng tồn tại lấy phân phối theo lao động, hiệu quả kinh tế làm chủ đạo, thông qua phúc lợi xã hội để tái phân phối nhằm hướng tới mục tiêu thực hiện công bằng xã hội, giảm bất bình đẳng xã hội. Song cũng giống như Trung Quốc, mặc dù đã có được một số thành tựu về xoá đói giảm nghèo, nâng cao mức sống người dân, nhưng cơ cấu phân phối thu nhập hiện nay và 10 năm tới của Việt Nam vẫn có mô hình kim tự tháp, với đa số nông dân có thu nhập thấp nằm dưới đáy kim tự tháp.

So với Trung Quốc, tình trạng chênh lệch phân phối thu nhập giữa thành thị và nông thôn của Việt Nam tích cực hơn. Trong 10 năm đầu thế kỷ mới, thu nhập bình quân nhân khẩu một tháng ở cả khu vực thành thị và nông thôn Việt Nam đều tăng, khoảng cách thu nhập giữa hai khu vực này có xu hướng giảm nhẹ mỗi năm, giữ ở mức 2 lần, do đó tình trạng phân hoá giàu nghèo, chênh lệch phát triển giữa thành thị và nông thôn Việt Nam không gay gắt như Trung Quốc. Nhưng nếu không có chính sách phù hợp làm hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội thì trong những năm tới khoảng cách chênh lệch thu nhập ở Việt Nam cũng

sẽ gia tăng như ở Trung Quốc. Để tránh xảy ra những ảnh hưởng tiêu cực từ tình trạng phân hoá giàu nghèo gây ra cho sự phát triển kinh tế, ổn định xã hội như ở Trung Quốc, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh công tác xoá đói giảm nghèo, đồng thời nỗ lực thực hiện công bằng xã hội, giảm bất bình đẳng xã hội, nhằm giữ khoảng cách giàu nghèo trong giới hạn tối ưu, không để trở thành vấn đề xã hội bức xúc.

Cơ cấu tiêu dùng: Trong những năm gần đây, đời sống của các tầng lớp dân cư nước ta đều được cải thiện đáng kể. Mức chi tiêu của các hộ gia đình có xu hướng tăng lên ở tất cả các khu vực thành thị và nông thôn. Khoảng cách về chi tiêu giữa hai khu vực thành thị và nông thôn có xu hướng giảm dần trong những năm gần đây. Tuy nhiên, so sánh với Trung Quốc, do tổng lượng, trình độ phát triển kinh tế cũng như mức sống của nước ta còn thấp hơn Trung Quốc, nên trong thập niên đầu thế kỷ mới, khi cơ cấu tiêu dùng của Trung Quốc đã thực hiện bước chuyển biến sang mô hình cơ cấu tiêu dùng khá giả, giàu có, thì *cơ cấu tiêu dùng của Việt Nam cho thấy nước ta vẫn là một nước nghèo, tỷ trọng chi ăn uống trong chi tiêu đời sống vẫn còn cao.*

Cơ cấu phân tầng xã hội: Cơ cấu giai tầng xã hội ở nước ta hiện nay là một cơ cấu xã hội đa dạng, phức tạp, nhiều giai tầng mới xuất hiện như doanh nhân và các nhóm xã hội khác. Cơ cấu phân tầng xã hội sẽ có xu thế đa dạng như ở Trung Quốc. Theo phân tích kết quả khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2008, căn cứ theo địa vị kinh tế - xã hội và

tiêu chí nghề nghiệp để phân chia các giai tầng, có thể phân chia xã hội nước ta được chia thành 9 giai tầng xã hội. Chín giai tầng này có thể được nhóm gộp lại thành ba tầng lớp xã hội là *tầng lớp cao* (tầng đỉnh của tháp phân tầng), gồm giai tầng 1, 2, 3; *tầng lớp giữa* (tầng lớp trung lưu), gồm giai tầng 4, 5, 6, 7; *tầng lớp thấp* (tầng đáy của tháp phân tầng), gồm các giai tầng thứ 8, 9.

Theo dự báo, trong khoảng 10 năm tới (2011 - 2020) mô hình phân tầng xã hội ở Việt Nam có lẽ vẫn là hình dạng "kim tự tháp" với đa số nông dân ở dưới đáy. Thông qua phân tích, đối chiếu cơ cấu phân tầng xã hội của Việt Nam với Trung Quốc, có thể rút ra kết luận rằng, phân tầng xã hội, kéo theo đó là phân hoá giàu nghèo đã trở thành một hiện tượng khách quan trong xã hội Trung Quốc và Việt Nam. Đây là kết quả tất yếu nảy sinh trong quá trình chuyển đổi thể chế kinh tế từ kinh tế kế hoạch truyền thống sang kinh tế thị trường ở Trung Quốc và ở Việt Nam. Mặc dù còn có những ý kiến khác nhau, cả ở Trung Quốc và Việt Nam, nhưng có một điểm chung là phân tầng xã hội và phân hoá giàu nghèo ở một mức độ hợp lý mà các thành viên trong xã hội có thể chấp nhận được, cùng với việc ra đời và phát triển một tầng lớp trung lưu đông đảo, sẽ là động lực cho sự phát triển kinh tế và duy trì sự ổn định xã hội. Tuy nhiên, một thực tế đáng chú ý, thậm chí đáng báo động ở Trung Quốc hiện nay là, tình trạng phân hoá giàu nghèo đã đạt đường giới hạn được gọi là "vạch đỏ" (hồng tuyến), nếu vượt quá "vạch đỏ" này sẽ dẫn đến mất ổn định

xã hội. Tình trạng phân tầng xã hội, phân hoá giàu nghèo ở Việt Nam tuy đã và đang diễn ra, nhưng chưa tới mức độ báo động như Trung Quốc. Song tham khảo những kinh nghiệm của Trung Quốc trong việc điều chỉnh phân tầng xã hội cũng như phân hoá giàu nghèo là rất cần thiết cho Việt Nam.

Về cơ cấu thành thị - nông thôn: Xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội từ xã hội nông thôn - thành thị sang cơ cấu xã hội thành thị - nông thôn có thể được nhận thấy qua tốc độ đô thị hoá của nước ta. Theo báo cáo của Tổ chức Ngân hàng Thế giới (World Bank), đô thị hóa là động lực phát triển kinh tế - xã hội ở phần lớn các quốc gia và đa số các nước trên thế giới đều phải trải qua đô thị hóa với tỷ lệ ít nhất 50% trước khi đạt mức thu nhập trung bình. Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi đô thị hóa từ sơ khai sang giai đoạn cao hơn với tốc độ nhanh. Theo tính toán của Tổ chức Ngân hàng Thế giới, tỷ lệ đô thị hóa của Việt Nam là 30%, trong 10 năm qua tốc độ tăng trưởng dân cư đô thị là khoảng 3%. Dự báo khoảng 20 - 30 năm nữa, một nửa dân số Việt Nam sẽ sống ở thành thị. Đối chiếu với Trung Quốc có thể thấy, mặc dù đô thị hóa của Việt Nam diễn ra nhanh chóng trong thời gian gần đây, song so với Trung Quốc vẫn còn ở trình độ thấp hơn, khi mà tỷ lệ đô thị hoá hiện nay của Trung Quốc đã vượt qua mức 50%.

Về an sinh xã hội: Theo như mục tiêu đề ra của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, phấn đấu đến năm 2020, GDP tăng bình quân 7 - 8%, GDP bình quân đầu

người theo giá thực tế đạt khoảng 3.000 USD, gấp khoảng 3,5 lần so với năm 2010; chỉ số phát triển con người (HDI) đạt nhóm trung bình cao của thế giới; tuổi thọ trung bình đạt 75 tuổi; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 1,5 - 2%/năm. Trong 10 năm tới, nếu sự nghiệp dân sinh của Việt Nam đặt trong bối cảnh chính trị ổn định, kinh tế tiếp tục tăng trưởng, thì mức sống của người dân sẽ nâng cao, tuổi thọ của người dân sẽ tăng lên.

Tuy nhiên, hiện nay nước ta cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức của tăng trưởng và phát triển. Đó là tăng trưởng kinh tế nhanh nhưng chưa tạo ra nhiều việc làm, đời sống một bộ phận dân cư còn khó khăn, bất bình đẳng về đãi ngộ phúc lợi xã hội và dịch vụ xã hội, chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng miền, giữa thành thị và nông thôn có xu hướng mở rộng, áp lực dân số gia tăng, xu hướng già hoá dân số có khả năng diễn ra nhanh... Trên thế giới, hệ thống an sinh xã hội đã phát triển không ngừng, đặc biệt ở các nước có nền kinh tế phát triển. Bên cạnh những thuận lợi đã có, an sinh xã hội cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn, phát triển trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều biến động phức tạp. Trong bối cảnh đó, đòi hỏi nỗ lực của từng quốc gia trong đó có Việt Nam và Trung Quốc, để đảm bảo mọi người dân "đều có quyền hưởng an sinh xã hội". Theo xu thế phát triển chung của thế giới, nhằm phòng chống các loại rủi ro ngày càng đa dạng và phức tạp gây ra cho con người, Việt Nam ngay từ bây giờ cần xác định rõ chiến lược phát triển an sinh xã hội phù

hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, bao phủ tới mọi người dân, thể hiện tính chất công bằng, bình đẳng trong tiêu chí của hệ thống an sinh xã hội quốc tế, nhằm giúp người dân đối phó hiệu quả với các rủi ro, hưởng phúc lợi xã hội, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, giữ vững ổn định chính trị và an ninh xã hội.

Nhìn chung, tốc độ phát triển an sinh xã hội hiện nay ở Việt Nam ở mức trung bình so với khu vực và trên thế giới. Từ tình hình phát triển an sinh xã hội, điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay ở trong nước, những nét tương đồng trong đường lối chính sách phát triển an sinh xã hội của Việt Nam và Trung Quốc, xu thế phát triển an sinh xã hội trên thế giới, có thể dự báo trong 10 năm tới, hệ thống an sinh xã hội nói riêng và sự nghiệp dân sinh nói chung ở Việt Nam sẽ phải trải qua nhiều giai đoạn cải cách, điều chỉnh trước khi phát triển toàn diện và hiện đại, bắt kịp xu hướng phát triển trên thế giới.

Hệ thống y tế khám chữa bệnh: Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), Tổ chức Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) hệ thống y tế Việt Nam còn tồn tại nhiều vấn đề phức tạp, đặc biệt là quá trình phân bổ các nguồn lực y tế giữa các vùng miền và chênh lệch chi phí giữa các nhóm thu nhập trong xã hội. Bên cạnh những kết quả đạt được về mở rộng phát triển dịch vụ khám chữa bệnh, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại các vùng nghèo, đối với hộ nghèo ngày càng phát triển dưới nhiều hình thức như việc thiết lập các tổ, đội y tế lưu động đi

khám, chữa bệnh, thực hiện các hoạt động phòng bệnh theo định kỳ ở các thôn, bản, thì chất lượng dịch vụ y tế thực sự là vấn đề. Kết quả là, năm 2011, ở Việt Nam còn 33% dân số chưa tham gia bảo hiểm y tế, tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi còn cao, đặc biệt là trẻ em dân tộc thiểu số, mới có 46% xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, mục tiêu chăm sóc sức khoẻ toàn dân chưa hoàn thành.

Trong lĩnh vực quản trị hệ thống y tế còn nhiều vấn đề cần được đổi mới và hoàn thiện. Trước hết cần tăng cường năng lực quản lý, xây dựng hoạch định chính sách, chiến lược ngành y tế để đáp ứng tốt hơn nhu cầu đổi mới của hệ thống y tế theo hướng công bằng, hiệu quả, phát triển. Bộ Chính trị đã nhận định: *"ngành y tế còn chậm đổi mới và còn lúng túng cả về nhận thức và xây dựng cơ chế hoạt động"*. Nhiều chính sách y tế còn chậm đổi mới hoặc đổi mới chưa cơ bản, chưa đồng bộ.

Trong những năm tới, hệ thống y tế của Việt Nam phải đối mặt với nhiều vấn đề lớn. Đó là quy mô dân số và cơ cấu bệnh tật là yêu cầu cơ bản để xác định ưu tiên phát triển y tế, lựa chọn kỹ thuật y tế thích hợp đáp ứng yêu cầu về công tác y tế dự phòng và khám chữa bệnh cho nhân dân; ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội đang ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ ngày càng gia tăng; tốc độ đô thị hoá, công nghiệp hoá ngày càng cao, các thói quen có hại như hút thuốc lá, uống rượu, bia ít vận động thể chất đã làm gia tăng các bệnh không lây nhiễm; tai nạn thương tích: số vụ tai nạn, số người bị thương và tử vong do tai nạn, đặc biệt là tai nạn giao thông

ngày càng gia tăng trong vòng 10 năm qua; tình trạng an toàn vệ sinh thực phẩm, mỹ phẩm nghiêm trọng trong những năm gần đây và có xu thế gia tăng trong những năm tới.

Về giáo dục: Việt Nam tuy là quốc gia đạt được mục tiêu thiên niên kỷ về giáo dục sớm hơn so với kế hoạch mà báo cáo quốc tế đánh giá, nhưng giáo dục Việt Nam hiện nay bộc lộ quá nhiều yếu kém, chưa đáp ứng được những yêu cầu mà chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia đặt ra. Sự nghiệp giáo dục của Việt Nam cũng đã có bước phát triển mới về quy mô, đa dạng hóa về loại hình trường lớp từ mầm non, tiểu học đến cao đẳng, đại học. Tuy nhiên, những vấn đề bất cập của nền giáo dục ở nước ta đã dẫn tới chất lượng giáo dục xuống cấp, đạo đức học đường xuống cấp, nguồn nhân lực do hệ thống giáo dục cung cấp cho xã hội thiếu tính sáng tạo, khả năng nghiên cứu hạn chế nên khoa học công nghệ trì trệ, năng lực thực hành thấp.

Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 đặt ra mục tiêu: đến năm 2020, nền giáo dục nước ta được đổi mới căn bản và toàn diện theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế; chất lượng giáo dục được nâng cao một cách toàn diện. Để đạt được mục tiêu này, cần sự nỗ lực rất lớn từ phía ngành giáo dục và các ngành các cấp, từ phía giáo viên và học sinh.

Về việc làm: Cũng giống như Trung Quốc, Việt Nam là nước nông nghiệp nên phần lớn lực lượng lao động tập trung ở nông thôn. Mặc dù có sự chuyển dịch cơ cấu ngành nghề

cũng như chuyển dịch lao động nông thôn ra thành phố, lao động nông thôn đang có xu hướng giảm dần nhưng nhìn chung đến nay, lực lượng lao động nông thôn vẫn chiếm số lượng đông đảo trong tổng số lao động có việc làm cả nước. Đây cũng có thể nói là sự chuyển biến tích cực đối với một nước nông nghiệp như Việt Nam, đó là sự chuyển biến từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế chú trọng tới công nghiệp và dịch vụ hiện đại. Tuy nhiên, chuyển dịch cơ cấu lao động vẫn khá chậm chạp so với tốc độ đô thị hoá, công nghiệp hoá ở Trung Quốc. Tình hình thất nghiệp ở nước ta hiện nay, nhìn chung có xu hướng ngày một căng thẳng, áp lực việc làm gia tăng do dân số trong độ tuổi lao động gia tăng, số lượng việc làm có hạn do những điều chỉnh về phương thức phát triển kinh tế - xã hội.

Mặc dù chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế và giải quyết việc làm nhưng vẫn phải đối mặt với những thách thức về thị trường lao động cũng như đảm bảo hài hoà giữa tạo việc làm, phát triển kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô. Trong giai đoạn tới, việc làm vẫn là vấn đề bức xúc, quy mô lực lượng lao động tiếp tục tăng gây sức ép về tạo việc làm cho người lao động; chất lượng nguồn lao động còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế; phần đông lao động Việt Nam vẫn làm việc chủ yếu trong lĩnh vực nông nghiệp với năng suất thấp, do đó việc đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng phi nông nghiệp, phấn đấu đến năm 2020 cơ bản là nước công nghiệp theo hướng hiện đại (tỷ trọng lao động nông

nghiệp chiếm khoảng 30%) thực sự là một thách thức lớn; tình trạng mất cân đối cung - cầu lao động cục bộ gây lãng phí nguồn lao động và ảnh hưởng tới sản xuất kinh doanh... Bên cạnh đó, nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, những vấn đề về "việc làm xanh" vì phát triển và đảm bảo môi trường bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu, vấn đề về bình đẳng giới, cơ hội việc làm cho các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, yếu thế (lao động là người nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số, lao động là người khuyết tật,...), thúc đẩy di chuyển lao động an toàn và hiệu quả (bao gồm cả di chuyển trong nước, từ nước ngoài vào và xuất khẩu lao động)... cũng là những sức ép lớn đối với Việt Nam trong những năm tới.

Ngoài ra, cũng từ kinh nghiệm Trung Quốc cho thấy, trong những tới đây, Việt Nam cũng phải đối mặt với không ít những vấn đề trong quản lý sự phát triển xã hội. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần phải chú ý những vấn đề như: cùng với phát triển kinh tế - xã hội, cần phải coi trọng việc quản lý xã hội; tạo ra môi trường cho tổ chức xã hội phát triển một cách lành mạnh và quản lý được các tổ chức xã hội thì ngay từ bây giờ Việt Nam phải dần xây dựng cơ sở chính sách, pháp luật quản lý tổ chức xã hội; đồng thời chú ý giải quyết vấn đề dân tộc một cách ôn hòa, chú trọng đến chính sách hòa hợp dân tộc. Có như vậy, thì Việt Nam mới giữ được ổn định xã hội, tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tiếp theo của thế kỷ XXI.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tham khảo tiếng Việt

1. Hoàng Thế Anh (Chủ biên), *"Những vấn đề kinh tế – xã hội nổi bật của Trung Quốc trong 10 năm đầu thế kỷ XXI và triển vọng đến năm 2020"*, Nxb. Khoa học xã hội, năm 2012.
2. Hoàng Thế Anh, *"Vấn đề xây dựng xã hội hài hoà xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc"*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2009.
3. Hoàng Thế Anh, *"Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XVII: Xây dựng xã hội với cải thiện dân sinh là trọng điểm"*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 9 năm 2007.
4. Vũ Tuấn Anh, *"Tình hình đầu tư công trong 10 năm qua và giải pháp tái cơ cấu"*, Bài tham luận tại *"Tái cấu trúc đầu tư công và tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước"* tại Hà Nội, 3.5.2012.
5. Hoàng Chí Bảo (Chủ biên), *"Luận cứ và giải pháp phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta thời kỳ đổi mới"*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2010.
6. Nguyễn Kim Bảo (Đề tài cấp Bộ 2009), *"Những đột phá cơ bản trong tư duy phát triển của Đảng Cộng sản Trung"*

Quốc trong 60 năm xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, Hà Nội, 2009.

7. Đỗ Minh Cao, "*Ý nghĩa địa chính trị của Biển Đông*", Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 6 năm 2012.
8. Nguyễn Văn Căn, "*Quá trình cải cách giáo dục ở Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa thời kỳ 1978 - 2003*", Nxb. Khoa học xã hội, 2007.
9. Nguyễn Văn Căn (Chủ biên), "*Chiến lược hưng biên phủ dân" của Trung Quốc*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, năm 2009.
10. Nguyễn Xuân Cường, "*Quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn Trung Quốc (1978 - 2003)*", Nxb. Khoa học xã hội, 2010.
11. Võ Văn Đức, Đinh Ngọc Giang, "*Một số vấn đề kinh tế - xã hội nảy sinh trong quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá ở Việt Nam*", Nxb. Chính trị quốc gia, năm 2012.
12. Nguyễn Minh Hằng (Chủ biên), "*Một số vấn đề về hiện đại hoá nông nghiệp Trung Quốc*", Nxb. Khoa học xã hội, 2003.
13. Phùng Thị Huệ, "*Biến đổi cơ cấu giai tầng ở Trung Quốc trong thời kỳ cải cách mở cửa*", Nxb. Khoa học xã hội, 2008.
14. Phùng Thị Huệ (Chủ biên), "*Phát triển xã hội ở Trung Quốc và một số nước Đông Á*", Nxb. Từ điển bách khoa, 2010.
15. Phùng Thị Huệ, đề tài cấp Nhà nước Kx.02/06/10, "*Mô hình phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội của Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á - Kinh nghiệm và ý nghĩa đối với Việt Nam*", 2010.

16. Nguyễn Văn Lập (Chủ biên), *"Về vấn đề cải cách hệ thống chính trị của Trung Quốc (Đằng sau những phát biểu gây tranh cãi của Thủ tướng Ôn Gia Bảo)"*, Thông tấn xã Việt Nam, 2010.
17. Bế Quỳnh Nga (2012), *"Bảo hiểm y tế Việt Nam: thực trạng và vấn đề"*, Hội thảo quốc tế *"An sinh xã hội cho khu vực phi chính thức: vấn đề và triển vọng"*, Viện Khoa học xã hội Việt Nam và MISEREOR, Hà Nội.
18. Thang Văn Phúc, Nguyễn Minh Phương (đồng Chủ biên), *"Vai trò các tổ chức xã hội đối với phát triển và quản lý xã hội"*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2010.
19. Nguyễn Mai Phương, *"Hệ thống an sinh xã hội của Trung Quốc: Thực trạng, vấn đề và triển vọng phát triển"*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 6 năm 2009.
20. Nguyễn Mai Phương, *"Giải pháp cho vấn đề thất nghiệp ở Trung Quốc hiện nay"*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 4 năm 2008.
21. Vũ Văn Phúc, *"An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới 2020"*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012.
22. Lưu Thế Khánh, *"Nhìn lại 10 năm đại khai phát miền Tây: Thành tựu và thách thức"*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc, số 5 năm 2010.
23. Lê Hữu Nghĩa, Lê Ngọc Hùng, *"Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội trong điều kiện đổi mới ở Việt Nam"*, Nxb. Chính trị quốc gia, năm 2012.
24. Trịnh Tây, *"Dân tộc và tôn giáo Trung Quốc"*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2011.

25. Lê Văn Toàn, "*Phân tầng xã hội ở Việt Nam trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*", Nxb. Chính trị quốc gia, năm 2012.
26. Nguyễn Kế Tuấn, "*Kinh tế Việt Nam năm 2011: Kiểm chế lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô*", Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, 2012.
27. Đảng Cộng sản Việt Nam, "*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
28. Đảng Cộng sản Việt Nam, "*Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khoá X*", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam, "*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*", Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
30. Nhân dân cuối tuần, số 21/2012.
31. Tổng cục Thống kê, "*Niên giám thống kê năm 2009*", Nxb. Thống kê, năm 2010.
32. Tổng cục Thống kê, "*Niên giám thống kê 2010*", Nxb. Thống kê, 2011.
33. Lê Ngọc Thắng, "*Chính sách dân tộc ở Trung Quốc*", <http://www.mattran.org.vn/Home/TapChi/so%2076/nrtg.htm>.
34. Trung Quốc tăng cường "đàn áp" ở Tân Cương, http://www.bbc.co.uk/vietnamese/world/2012/07/120705_amnesty_xinjiang_repression.shtml.
35. Báo chí nói về vụ Tân Cương, http://www.bbc.co.uk/vietnamese/world/2009/07/090709_xinjiang_press.shtml.

36. Cuộc chiến đất đai ở Trung Quốc: Sóng gió Ô Khám, <http://www.thanhnien.com.vn/pages/20120206/cuoc-chien-dat-dai-o-trung-quoc-song-gio-o-kham.aspx>.
37. Quan chức Tây Tạng chuẩn bị cho một cuộc chiến mới, <http://tuoitre.vn/The-gioi/477066/Quan-chuc-Tay-Tang-chuan-bi-cho-mot-cuoc-chien.html>.
38. Phùng Thị Huệ, "*Trung Quốc trong khu vực - Vị thế và thách thức*", <http://vnics.org.vn/Default.aspx?ctl=Article&aID=179>.
39. "*Trung Quốc: Nguy cơ bất ổn xã hội từ dòng người*", Tài liệu tham khảo đặc biệt số 291, ngày 15.12.2008.
40. Khoảng cách giàu nghèo ở Trung Quốc, <http://www.tinmoi.vn/Khoang-cach-giau-ngheo-o-Trung-Quoc-049840.html>.
41. Phạm Ngọc Quang, Đinh Quang Ty, "*Góp phần nhận diện cơ cấu xã hội Việt Nam qua 20 năm đổi mới*", http://www.vientriethoc.com.vn/?cat=48&id=601&pcat=&vientriet=articles_deltails.
42. Trang web Tổng cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình, "*Cấu trúc tuổi - giới tính và tình trạng hôn nhân của dân số Việt Nam*", <http://www.gopfp.gov.vn>.
43. Nguyễn Linh Khiếu, "*Gia đình Việt Nam - Biến đổi và triển vọng*", <http://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2007/12/20/321434/>.
44. "*Cơ cấu thị trường lao động Việt Nam đang thay đổi*", <http://www.baomoi.com/Co-cau-thi-truong-lao-dong-Viet-Nam-dang-thay-doi/47/3821688.epi>.

45. *"Việt Nam có nhiều dân nghèo gần nhất khu vực"*, http://www.bbc.co.uk/vietnamese/business/2012/09/120907_vn_poverty.shtml.
46. Số liệu trích từ trang web của Cục Thống kê nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa", <http://www.stats.gov.cn/tjgb/ndtjgb/qgndtjgb>.
47. *"Tỷ lệ đô thị ở Việt Nam"*, <http://www.baomoi.com/Ty-le-do-thi-hoa-o-Viet-Nam-la-30/144/8297080.epi>.
48. *"Một phần diện mạo về tình hình phát triển của Trung Quốc hiện nay"*, Tài liệu tham khảo đặc biệt số 021, Thông tấn xã, ngày 26.1.2012.
49. Phạm Xuân Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, *"Kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong mô hình phát triển của Việt Nam ở thời kỳ đổi mới"*.
50. Trần Ngọc Thêm, *"Bốn "trọng bệnh" của nền giáo dục Việt Nam"*, <http://dantri.com.vn>.
51. *Tình hình kinh tế - xã hội năm 2010*, <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=403&idmid=2&ItemID=10835>.
52. *"Những điểm sáng nổi bật của Việt Nam năm 2010"*, <http://www.tus.com.vn/nhung-diem-sng-noi-bat-cua-viet-nam-nam-2010/>.
53. *"Việt Nam sau 5 năm gia nhập WTO"*, <http://laodong.com.vn>.
54. *Tình hình kinh tế - xã hội năm 2010*, <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=403&idmid=2&ItemID=10835>.
55. *"Tăng chi ngân sách Nhà nước cho con người, đảm bảo an sinh xã hội"*, <http://www.vinanet.com.vn/>.

TS. HOÀNG THẾ ANH (Chủ biên)

56. *"Quy bảo hiểm xã hội làm sao để lỗi nhiều"*, <http://vneconomy.vn/2010050602363148P0C9920/quy-bao-hiem-xa-hoi-lam-sao-de-loi-nhieu.htm>.

II. Tài liệu tham khảo tiếng Trung

57. *100 câu hỏi phụ đạo học tập "Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khoá XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc"*, Nxb. Học tập, 2006.
58. Ban ngành nghiên cứu giáo dục kinh tế trường Đảng Trung ương, *"9 vấn đề nóng của Quy hoạch 5 năm lần thứ XII"*, Nxb. Tân Hoa xã, Bắc Kinh, 2011.
59. Ban nghiên cứu và giảng dạy kinh tế học trường Đảng Trung ương, *"9 vấn đề cần giải quyết ra sao - những điểm nóng phải đối mặt trong kế hoạch 5 năm lần thứ XII"*, Nxb. Tân Hoa xã, 2011.
60. "Báo cáo công tác của Ủy ban kiểm tra kỷ luật Trung ương trình Đại hội XVII", ngày 21.10.2007.
61. Ôn Gia Bảo, *"Báo cáo công tác Chính phủ (Hội nghị lần thứ 5 Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá XI, ngày 5.3.2012"*, Nxb. Nhân dân, 2012.
62. Từ Trị Bân, *"Kinh nghiệm cơ bản và những vấn đề chủ yếu trong xây dựng chế độ an sinh xã hội ở Trung Quốc"*, Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 1 năm 2010.
63. Hồ An Cương, *"Con đường trời dậy của Trung Quốc"*, Nxb. Đại học Bắc Kinh, 2007.
64. Hồ An Cương, *"2020 Trung Quốc xây dựng xã hội khá giả toàn diện"*, Nxb. Đại học Thanh Hoa, 2007.

65. Hồ An Cương, Yên Nhất Long (chấp bút), *"Trung Quốc hướng tới năm 2015"*, Nxb. Nhân dân Chiết Giang, 2010.
66. Lý Học Cử, *"Xây dựng khu dân cư hài hoà đặt nền móng cho việc xây dựng xã hội hài hoà"*, Dẫn theo Học tập thời báo, số 309.
67. Đường Văn Chương, Khương Hồng Minh (Chủ biên), *"Vấn đề an ninh quốc gia Trung Quốc đương đại"*, Nxb. Khoa học xã hội Trung Quốc, năm 2010.
68. Ngô Trung Dân (Chủ biên), *"Mâu thuẫn xã hội nghiêm trọng trong tiến trình cải cách ở Trung Quốc"*, Nxb. Trường Đảng Trung ương Trung Quốc, 2011.
69. Cốc Nguyên Dương, *"Tình trạng tam nông Trung Quốc: thành tựu, vấn đề và thách thức"*, Bài viết tham dự Hội thảo quốc tế *"Vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân: kinh nghiệm của Trung Quốc và Việt Nam"* do Viện Khoa học xã hội Việt Nam phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu phát triển Quốc vụ viện tổ chức, Hà Nội, ngày 30-31.10.2007.
70. Hồ Cẩm Đào, *"Giương cao ngọn cờ vĩ đại của chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, phấn đấu giành thắng lợi mới trong công cuộc xây dựng xã hội khá giả toàn diện"*, (Tài liệu hướng dẫn học tập Báo cáo Đại hội XVII), 2007.
71. Trịnh Phong Điền, Lưu Kiệt, *"Từ ý kiến mang tính quần chúng đến sự kiện mang tính quần chúng: làm rõ một quan niệm - Điều tra ở Ông An Quý Châu, Thạch Thủ Hồ Bắc, Uy Huyện Hà Bắc"*, Quan sát nông thôn Trung Quốc, số 5 năm 2010.

TS. HOÀNG THẾ ANH (Chủ biên)

72. Chu Huân, "*Chính hiệp nhân dân Trung Quốc*", Quyền thương, Nxb. Văn Sử Trung Quốc, 1999.
73. Triệu Mãn Hoa, "*Nghiên cứu vấn đề chênh lệch thu nhập và phân hoá hai cực*", Nxb. Kinh tế Trung Quốc, 2002.
74. Lý Bồi Lâm, "*Hiện đại hóa phương Đông và kinh nghiệm Trung Quốc*" trong sách Hoàng Gia Hải, Vương Khai Ngọc (Chủ biên), "*Xã hội hài hòa dưới góc nhìn xã hội học*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh, 2006.
75. Lý Bồi Lâm, "*Mười bài nói về xã hội hài hoà*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, 2006.
76. Tống Lâm Phi, "*Thành công và tương lai của mô hình Trung Quốc*" trong sách Hoàng Gia Hải, Vương Khai Ngọc (Chủ biên), "*xã hội hài hòa dưới góc nhìn xã hội học*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh, 2006.
77. Trương Ái Quân, "*Căn nguyên và ảnh hưởng của những biến cố ở Trung Đông và Bắc Phi*", Học báo trường Đảng thị ủy thành phố Tế Nam Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, số 2 năm 2011.
78. Trần Giai Quý, "*Nghiên cứu 30 năm cải cách thể chế lao động và an sinh xã hội Trung Quốc*", Nxb. Quản lý kinh tế, Bắc Kinh, 2008.
79. Giả Cao Kiến, "*Lý luận phát triển xã hội và chiến lược phát triển xã hội*", Nxb. Trường Đảng Trung ương Trung Cộng, Bắc Kinh, 2005.
80. Lý Bồi Lâm, Trần Quang Kim, "*Trung Quốc bước vào giai đoạn tăng trưởng mới của phát triển*" trong sách:

Nhữ Tín, Lục Học Nghệ, Lý Bồi Lâm: "*Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc năm 2010*". Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh, 2009.

81. Lục Học Nghệ (Chủ biên), "*Kết cấu xã hội Trung Quốc đương đại*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, 2010.
82. Lục Học Nghệ (Chủ biên), "*Xây dựng xã hội và quản lý xã hội ở Trung Quốc: Tìm tòi, phát hiện*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, 2011.
83. Tống Hiểu Ngô, "*Cải cách thể chế xã hội Trung Quốc: 30 năm nhìn lại và triển vọng*", Nxb. Nhân dân, Bắc Kinh, 2008.
84. Trì Phúc Lâm, "*Cải cách lần thứ hai: Con đường cường quốc trong 30 năm tới của Trung Quốc*", Nxb. Kinh tế, 2010.
85. Tô Lệnh, "*Gia đình cán bộ lãnh đạo trong Công ty muối ăn Thanh Viên*", Diễn đàn Công đoàn, 27.1.2011.
86. Nhạc Kinh Luân, "*Xây dựng "Trung Quốc - xã hội": Sự phát triển và những thách thức của chính sách xã hội Trung Quốc*", Tạp chí Nghiên cứu và tranh luận, số 10 năm 2010.
87. Hà Tăng Khoa (Chủ biên), "*Ý tưởng về đường lối cải cách thể chế quản lý xã hội của Trung Quốc*", Nxb. Học viện Hành chính Quốc gia, 2009.
88. Lý Trung Kiệt, "*Lý giải tầng sâu của các vấn đề xã hội Trung Quốc đương đại*", Tạp chí Cán bộ học Đại Liên, số 7 quyển 26 năm 2010.

TS. HOÀNG THẾ ANH (Chủ biên)

89. Trần Phong Minh, "*Sự thay đổi giai tầng xã hội Trung Quốc và ảnh hưởng của nó kể từ cải cách mở cửa đến nay*", Tạp chí Đạt Châu Tân luận, số 4 năm 2008.
90. Trịnh Vĩnh Niên, "*Bảo vệ xã hội*", Tập đoàn liên hợp xuất bản Chiết Giang, Nxb. Nhân dân Chiết Giang, 2011.
91. Trịnh Vĩnh Niên, "*Tại sao phải nêu vấn đề xây dựng xã hội hài hoà*", Tin báo, 14.3.2005.
92. Tống Hiều Ngô, "*Nhìn lại 30 năm cải cách thể chế xã hội Trung Quốc và triển vọng*", Nxb. Nhân dân, 2008.
93. Trình Khải Quân, "*Tăng cường tính khép kín giữa các giai tầng: Xu thế mới trong lưu động giai tầng xã hội Trung Quốc*", Tạp chí Giao lưu học thuật, số 1 năm 2010.
94. Trần Giai Quý, "*Nghiên cứu 30 năm cải cách thể chế lao động và an sinh xã hội Trung Quốc*", Nxb. Quản lý kinh tế, Bắc Kinh, 2008.
95. Trần Giai Quý, Lý Dương (Chủ biên), "*Phân tích tiền cảnh kinh tế Trung Quốc - Báo cáo mùa xuân năm 2011*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, 2011.
96. Lý Nghênh Sinh (Chủ biên), "*Chính sách xã hội trong thời kỳ chuyển đổi: Vấn đề và lựa chọn*", Nxb. Đại học Nhân dân Trung Quốc, 2007.
97. Trịnh Hằng Sinh (Chủ biên), "*Báo cáo nghiên cứu phát triển xã hội Trung Quốc - xây dựng xã hội theo hướng quản trị hơn*", Nxb. Đại học Nhân dân Trung Quốc, 2006.
98. Dương Vân Sơn, "*Bàn về vấn đề khoa học hoá và dân chủ hoá quyết sách*", mạng Nhân dân, 21.9.2006.

99. Nhữ Tín, Lục Học Nghệ, Lý Bồi Lâm (Chủ biên), "*Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc năm 2008*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, 2008.
100. Nhữ Tín, Lục Học Nghệ, Lý Bồi Lâm (Ru Xin, Lu Xueyi, Li Peilin) (Chủ biên), "*Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc năm 2009*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh, 2008.
101. Nhữ Tín, Lục Học Nghệ, Lý Bồi Lâm, "*Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc năm 2010*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh, 2009.
102. Nhữ Tín, Lục Học Nghệ, Lý Bồi Lâm, "*Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc năm 2011*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh, 2011.
103. Nhữ Tín, Lục Học Nghệ, Lý Bồi Lâm (Chủ biên), "*Phân tích và dự báo tình hình xã hội Trung Quốc năm 2012*", Nxb. Văn hiến Khoa học xã hội, năm 2012.
104. Trịnh Công Thành, "*Cải cách và tương lai phát triển an sinh xã hội Trung Quốc*", Học báo Đại học Nhân dân Trung Quốc, số 5 năm 2010.
105. Trịnh Công Thành, "*Ba mươi năm an sinh xã hội Trung Quốc*", Nxb. Nhân dân, 2008.
106. Cao Thượng Toàn, "*Hoàn thiện hệ thống dịch vụ công, xây dựng mô hình nhà nước dịch vụ*", Nhân dân nhật báo, 7.5.2008.
107. Cổ Quang Tư, "*Phân hoá xã hội, chênh lệch giàu nghèo, rủi ro xã hội gia tăng là bối cảnh xã hội của xây dựng*

- xã hội hài hoà*", Sách chuyên đề xây dựng xã hội hài hoà, Nxb. Đại học Nhân dân Bắc Kinh Trung Quốc, Bắc Kinh, 2005.
108. Ngải Vân, *"Công chúng không tán thành nhất với loại bất công nào - điều tra ý kiến về vấn đề công bằng"*, Diễn đàn nhân dân, số 21 năm 2008.
109. *"Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa"*, Nxb. Nhân dân, Bắc Kinh, 2003.
110. *"Nghị quyết Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề quan trọng xây dựng xã hội hài hoà xã hội chủ nghĩa"*, Thông qua tại Hội nghị Trung ương 6 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc ngày 11 tháng 10 năm 2006.
111. Quảng Châu nhật báo, 29.11.2011.
112. Quảng Châu nhật báo, 15.2.2011.
113. *"Tập hợp văn kiện Hội nghị Trung ương 5 khoá XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc"*, Nxb. Nhân dân, 2010.
114. Trung tâm Nghiên cứu An ninh và Chiến lược Quốc tế Học viện Quan hệ Quốc tế, *"Báo cáo khái quát An ninh Quốc gia Trung Quốc năm 2010"*, Nxb. Sự thật, năm 2011.
115. Văn phòng thông tin Quốc Vụ viện Trung Quốc, *"Chính sách dân tộc của Trung Quốc và sự phát triển phồn vinh của các dân tộc"*, Tuần báo Bắc Kinh, số 41 ngày 15 tháng 10 năm 2009.

116. Trung tâm điều tra khoa học xã hội Trung Quốc - Đại học Bắc Kinh, "*Báo cáo dân sinh Trung Quốc 2011*", Nxb. Đại học Bắc Kinh, Bắc Kinh, 2011.
117. Văn phòng Thông tin Quốc Vụ viện Trung Quốc, "*Chính sách dân tộc của Trung Quốc và sự phát triển phồn vinh của các dân tộc*", Tuần báo Bắc Kinh, số 42, ngày 22 tháng 10 năm 2009.
118. "*Trung Quốc: người dân có được hưởng lợi nhiều từ sự phát triển kinh tế?*", Tài liệu tham khảo số 064, ngày 10.3.2011.
119. "*Năm 2011 GDP bình quân đầu người của Trung Quốc xếp thứ 89 trên thế giới*", <http://money.163.com/12/0604/17/8360KMRT00252G50.html>.
120. "*Năm 2011 chi tài chính cho vấn đề dân sinh chiếm khoảng 2/3 tổng chi ngân sách tài chính của Chính phủ Trung ương Trung Quốc*", <http://zz.jxcn.cn/show.asp?id=4896>.
121. Đến cuối năm ngoái số đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc là 82,603 triệu người, <http://news.sina.com.cn/c/2012-06-30/152224688503.shtml>.
122. *Những vấn đề nổi bật tồn tại trong việc quản lý xã hội ở Trung Quốc hiện nay, khảo nghiệm năng lực cầm quyền của chính đảng*, http://www.china.com.cn/policy/txt/2010-01/19/content_19266884.htm.
123. Trịnh Vĩnh Niên, "*Tương lai quản lý xã hội ở Trung Quốc*", http://www.zaobao.com/special/forum/pages8/forum_zp120103a.shtml.

124. Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Quốc Vụ viện Trung Quốc chuyển phát Thông tri "*Ý kiến của Ủy ban Chính trị và Pháp luật Trung ương, Ủy ban Quản lý tổng hợp trị an xã hội Trung ương về việc đi sâu triển khai xây dựng bình an*", công bố ngày 21.10.2005; người phụ trách Ủy ban Quản lý tổng hợp trị an xã hội Trung ương trả lời phóng viên về bản ý kiến đi sâu triển khai xây dựng bình an, ngày 5.12.2005, December 5, 2005, <http://www.npc.gov.cn/zgrdw/common/zw.jsp?label=WXZLK&id=343072&pdmc=010520>. Dẫn lại theo Carl Minzner.
125. Ủy ban cải cách phát triển Trung Quốc công bố tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân năm của miền Tây trong 10 năm qua tăng 11,9%, <http://news.sina.com.cn/c/2010-07-08/101520636304.shtml>.
126. *Giới thiệu tình hình đại khai phát miền Tây*, <http://big5.fmprc.gov.cn/gate/big5/my.china-embassy.org/chn/zt/xbdkf/t769592.htm>.
127. *Là tốt hay xấu? Từ góc độ lý luận thảo luận nghiên cứu ảnh hưởng của toàn cầu hoá - Giang Nhược Văn*, <http://www.alliance.org.hk/publish/hkanews/?p=568#more-568>.
128. Long Vĩnh Đồ: "*Lợi ích quan trọng hơn của gia nhập WTO đối với Trung Quốc là sự thay đổi quan niệm, ý tưởng*", http://www.chinadaily.com.cn/dfpd/jingji/2011-10/19/content_13935201.htm.
129. Michael Young, People of Wukan Challenge China Model, <http://www.theepochtimes.com/n2/opinion/people-of-wukan-challenge-china-model-177702.html>.

130. Ghi chép "Tọa đàm kinh tế vĩ mô và xu thế cải cách ở Trung Quốc", Hội Nghiên cứu cải cách thể chế kinh tế Trung Quốc, ngày 4 tháng 3 năm 2006.
131. Bộ Công an tổ chức họp báo thông báo tình hình trị an xã hội và hoả hoạn cả nước năm 2005, ngày 20 tháng 1 năm 2006, <http://www.mps.gov.cn/cenweb/brjlCenweb/jsp/common/article.jsp?infoid=ABC0000000000000001018>.
132. China's Spending on Internal Police Force in 2010 Outstrips Defense Budget, <http://www.bloomberg.com/news/2011-03-06/china-s-spending-on-internal-police-force-in-2010-outstrips-defense-budget.html>.
133. Thomas Bernstein, Unrest in Rural China: A 2003 Assessment, August 1, 2004, p. 1, <http://repositories.cdlib.org/csd/04-13>.
134. "10 năm đại khai phát miền Tây, khoảng cách chênh lệch giữa miền Đông và miền Tây lại doãng ra", http://news.usqiaobao.com/2010-02/22/content_360076.htm.
135. "Chênh lệch giữa miền Tây sau 10 năm đại khai phát với miền Đông lại càng doãng ra", http://news.usqiaobao.com/2010-02/22/content_360076.htm.
136. "Triển vọng làm thế nào để phát triển nhịp nhàng, đẩy nhanh đô thị hóa khu vực trong thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ XII", http://news.xinhuanet.com/observation/2011-03/02/c_121138730.htm.
137. Bộ Công an Trung Quốc công bố rằng tình hình trật tự trị an 10 tháng đầu năm ổn định, tội phạm kinh tế tăng mạnh, http://www.singtaonet.cn/china/t20061115_392344.html.

138. Lai Trác, "*Nghiên cứu so sánh thu phí giáo dục đại học và mức chịu đựng kinh tế của người dân giữa Trung Quốc và Mỹ*", <http://www.xzbu.com/2/view-394276.htm>.
139. "*Khó khăn và lối thoát của thể chế giáo dục ở Trung Quốc trong quá trình hiện đại hóa, thị trường hóa*", <http://www.xchen.com.cn/yxlw/scxlw/466851.html>.
140. Trịnh Vĩnh Niên, "*Tương lai quản lý xã hội của Trung Quốc*", http://www.zaobao.com/special/forum/pages8/forum_zp120103a.shtml.
141. "*Chính sách dân tộc thiểu số Trung Quốc rốt cuộc là ở đâu?*", http://www.zaobao.com/special/forum/pages7/forum_zp090721.shtml.
142. "*Vấn đề chính sách dân tộc thiểu số Trung Quốc rốt cuộc là ở đâu?*", http://www.zaobao.com/special/forum/pages7/forum_zp090721.shtml.
143. Lý Hân Hân, "*Thúc đẩy quản lý xã hội đô thị theo phương thức Trung Quốc*", <http://www.rmlt.com.cn/News/201208/201208311421573007.html>.
144. "*Ảnh hưởng của toàn cầu hóa đối với văn hóa Trung Quốc*", <http://www.lwfree.cn/Article/baogao/201004/6333.html>.
145. "*Thống kê tình hình kinh tế - xã hội Trung Quốc năm 2009*", http://www.stats.gov.cn/tjgb/ndtjgb/qgndtjgb/t20100225_402622945.htm.
146. "*Công báo số liệu điều tra chủ yếu dân số cả nước lần thứ VI năm 2010*", <http://www.stats.gov.cn/tjsj/pcsj/rkpc/6rp/html/fu03.htm>.

147. "Tình trạng phát triển giáo dục ở Trung Quốc", http://www.gov.cn/test/2011-10/31/content_29930.htm.
148. "Công báo số liệu Tổng điều tra dân số toàn quốc lần thứ 6 năm 2010", http://www.stats.gov.cn/tjgb/rkpcgb/qgrkpcgb/t20110428_402722232.htm.
149. Lục Học Nghệ, "60 năm Trung Quốc: 4 giai đoạn thay đổi xã hội trong xã hội, dần hướng tới cao cấp hóa", <http://theory.people.com.cn/GB/9874542.html>.
150. "Không thể coi thường "Một Trung Quốc khác" dưới góc độ phân hoá giàu nghèo", http://comment.yunnan.cn/html/2010-05/26/content_1195389.htm.
151. "Phân tích tình hình việc làm năm 2008 và triển vọng năm 2009", http://www.china.com.cn/economic/txt/2009-01/12/content_17094003.htm.
152. "Báo cáo thống kê phát triển kinh tế - xã hội quốc dân năm 2009", http://stats.gov.cn/tjgb/ndtjgb/qgndtjgb/t20100225_402622945.htm.
153. "Báo cáo thống kê phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc năm 2008", <http://www.chinanews.com.cn/cj/kong/news/2009/02-26/1579915.shtml>.
154. "Báo cáo công tác Chính phủ năm 2010, 2011", http://www.gov.cn/2010lh/content_1555767.htm.
155. "Báo cáo thống kê phát triển kinh tế và xã hội quốc dân năm 2010", http://stats.gov.cn/tjgb/ndtjgb/qgndtjgb/t20110228_402705692.htm.
156. "Báo cáo tại Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc", <http://cpc.people.com.cn/GB/104019/104099/6429414.html>.

157. "Điều tra lương hội: vấn đề dân sinh như việc làm, vật giá được nhiều người dân quan tâm", <http://news.eastday.com/eastday/06news/china/c/20080227/u1a3429470.html>.
158. "Báo cáo công tác Chính phủ năm 2011", http://cn.chinagate.cn/indepths/2011lh/2011-03/16/content_22155556.htm.
159. "Cương yếu quy hoạch 5 năm lần thứ XII về phát triển xã hội và kinh tế quốc dân nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa", http://news.xinhuanet.com/politics/2011-03/16/c_121193916.htm.
160. "Báo cáo tình hình 60 năm nước Trung Quốc mới: Tiến lên trong việc giải quyết vấn đề khó mang tính quốc tế", <http://www.scio.gov.cn/zggk/gqbg/2009/200909/t403324.htm>.
161. "Luật xúc tiến việc làm của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa", http://www.gov.cn/flfg/2007-08/31/content_732597.htm.
162. "Thông báo thống kê phát triển kinh tế - xã hội năm 2009 của Tổng cục thống kê nhà nước", http://www.gov.cn/gzdt/2010-02/25/content_1541240.htm.
163. "Quy hoạch 5 năm lần thứ XII về phát triển xã hội và kinh tế quốc dân", http://news.xinhuanet.com/politics/2011-03/16/c_121193916.htm.
164. "Kho tư liệu về quy định pháp luật", <http://www.people.com.cn/item/flfgk/gwyfg/1998/21941199804.html>.
165. "Báo cáo thống kê phát triển kinh tế - xã hội quốc dân năm 2011", http://stats.gov.cn/tjgb/ndtjgb/qgndtjgb/t20100225_402622945.htm.

166. "Công báo thống kê phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc năm 2008 (toàn văn), <http://www.chinanews.com.cn/cj/kong/news/2009/02-26/1579915.shtml>.
167. "9 trong 10 thành phố lớn tăng giá nhà", http://www.china.com.cn/economic/txt/2010-12/02/content_21464776.htm.
168. Trần Hồng Dương: "Cảnh sát thấy chết không cứu, lẽ nào chỉ chịu phạt lỗi lầm?", Quảng Đông nhật báo, 19.5.2012, http://news.xinhuanet.com/politics/2012lh/2012-03/05/c_111602579.htm.
169. "10 dự báo về Trung Quốc", <http://www.rmlt.com.cn/topic/20110127/zhanqian.htm>.
170. "Phân tích tình hình cải cách ở Trung Quốc: giải quyết vấn đề dân sinh trọng tâm nằm ở cải cách", http://www.china.com.cn/economic/txt/2007-03/26/content_8012566.htm.
171. "Sáu kiến nghị giải quyết vấn đề dân sinh", <http://www.bjdj.gov.cn/Article/ShowArticle.asp?ArticleID=37358>.
172. "Giải quyết vấn đề dân sinh phải hoàn thiện thể chế dịch vụ công", <http://www.chinanpo.gov.cn/web/showBulletin.do?type=next&id=26279&dictionid=1835&catid>.
173. "Giải quyết vấn đề dân sinh, xây dựng xã hội hài hòa", http://www.chinavalue.net/Article/Archive/2007/3/26/60418_2.html.
174. Michel Andrieu, "Trung Quốc, một quả bom nhân khẩu hẹn giờ", OECD Observer, số 217-218 (hè năm 1999), <http://www.oecdobserver.org/news/fullstory.php?aid=40>.

175. "*Xi nghiệp hương trấn Trung Quốc bước vào chu kỳ phát triển mới*", http://www.sxnyw.gov.cn/Article_Show22.asp?ArticleID=9809.
176. "*Về tổng thể, lương sinh viên đại học cao hơn lương nông dân công*", <http://www.77suncity.org/show.asp?id=129>.
177. "*Tỷ lệ nông dân công ký hợp đồng lao động tại các doanh nghiệp lớn của Trung Quốc đạt trên 90%*", http://www.gov.cn/jrzg/2011-03/22/content_1829466.htm.
178. "*Năm 2010 số người tham gia bảo hiểm dưỡng lão trong cả nước tăng thêm 21,57 triệu người*", http://caofeidian.china.com.cn/finance/txt/2011-08/10/content_23181536.htm.
179. "*Thực trạng an sinh xã hội 2001-2010*", <http://www.ilssa.org.vn/NewsDetail.asp?NewsId=124&CatId=32>.
180. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Trung Quốc Tôn Chính Tài, "*Năm nay Trung Quốc sẽ áp dụng 8 biện pháp thúc đẩy thu nhập nông dân tăng trưởng ổn định*", http://www.jinan.gov.cn/art/2008/9/1/art_163_149292.html.
181. "*Tình hình kinh tế - xã hội năm 2009*", <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&ItemID=9458>].
182. "*Hạn chế trong việc tăng phí bảo hiểm hưu trí - Kê sai đơn thuốc*", http://news.xinhuanet.com/comments/2012-10/22/c_113445825.htm.
183. "*Bộ Nguồn nhân lực và an sinh xã hội công bố tình hình bảo hiểm xã hội cả nước năm 2010*", http://www.gov.cn/gzdt/2011-08/10/content_1923002.htm.

III. Tài liệu tham khảo tiếng Anh

184. Carl Minzner, "*Social Instability in China: Causes Consequences, and Implications*", http://csis.org/files/media/csis/events/061205_mizner_abstract.pdf.
185. Fareed Zakaria, Paul Krugman và những người khác, "*Trung Quốc sau khủng hoảng dưới con mắt các nhà báo và các chuyên gia kinh tế quốc tế*", Nguyễn Văn Nhã tổng hợp và dịch, Nxb. Tri thức.
186. George Frederickson: "*Admnistering the Authoritarian State: A Letter from Shanghai*", PA Times, tháng 4.2006, p.9.
187. Joseph E. Stiglitz, "*Globalization and Its Discontents*", New York: W.W. Norton & Company, 2003.
188. Kanishka Jayasuriya, "*A Framework for Analysis*", in *Law, Capitalism and Power in Asia: The Rule of Law and Legal Institutions*, ed. Kanishka Jayasuriya, London: Routledge, 1999.
189. Robert Lawrence Kuhn, (2010), "*How China's Leaders Think: The Inside Story of China's Reform and What This Means for the Future*", John Wiley & Sons (Asia) Pte. Ltd.
190. Thomas Lum, "*Social Unrest in China*", Specialist in Asian Affairs Foreign Affairs, Defense, and Trade Division.
191. Thomas Lum, Patricia Moloney Figliola, Matthew C. Weed, "*China, Internet Freedom, and U.S. Policy*", www.crs.gov, R42601.

**BỘ SÁCH CHÀO MỪNG 20 NĂM THÀNH LẬP
VIỆN NGHIÊN CỨU TRUNG QUỐC (1993-2013)**

“Sự trỗi dậy của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam”

Tổng Chủ biên: GS.TS Đỗ Tiến Sâm

I. Sự trỗi dậy về kinh tế của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam; PGS.TS Nguyễn Kim Bảo (Chủ biên)

II. Sự trỗi dậy về quân sự của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam; TS. Đỗ Minh Cao (Chủ biên)

III. Sự trỗi dậy về sức mạnh mềm của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam; TS. Nguyễn Thị Thu Phương (Chủ biên)

IV. Xã hội Trung Quốc trong quá trình trỗi dậy và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam; TS. Hoàng Thế Anh (Chủ biên)

V. Chính trị Trung Quốc trong quá trình trỗi dậy và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam; GS.TS Đỗ Tiến Sâm (Chủ biên)

VI. Quan hệ “hai bờ, bốn bên” trong quá trình trỗi dậy của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam; TS. Vũ Thùy Dương (Chủ biên)

VII. Ngoại giao Trung Quốc trong quá trình trỗi dậy và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam; TS. Lê Văn Mỹ (Chủ biên)

**VIII. Quan hệ Việt – Trung trước sự trỗi dậy của Trung Quốc
TS. Nguyễn Đình Liêm (Chủ biên)**

Giá: 71.000đ